

TÔI LÀ NGƯỜI LÍNH RA-ĐA ĐẦU TIÊN

CỦA BINH CHỦNG THÂN YÊU

PHAN THÁI

Thiếu tướng - Nguyên trưởng phòng Ra-đa trinh sát

Trong cuộc chiến tranh chống Pháp, để chuẩn bị đánh đêm và đánh ngày, thậm chí chiến đấu nhiều ngày đêm liên tục, Quân đội ta phải được trang bị vũ khí phòng không. Chúng tôi từ bộ binh chuyển sang cao xạ pháo, nhận những khẩu súng 12,7 và 37 ly phòng không vào giữa năm 1953 để thành lập các tiểu đoàn cao xạ pháo đầu tiên của Quân đội ta; các tiểu đoàn này xuất quân đi chiến dịch Điện Biên Phủ đã lập chiến công xuất sắc.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, các tiểu đoàn cao xạ 37 ly được điều về phối thuộc vào các sư đoàn bộ binh; một nửa đất nước được giải phóng, đoàn pháo cao xạ 367 được chuyển thành sư đoàn phòng không bảo vệ yếu địa, được trang bị hiện đại, cao xạ cỡ lớn, bắn bằng khí tài.

Xây dựng đất nước trong hòa bình có lực lượng phòng không hiện đại đòi hỏi phải có phương tiện trinh sát trên không để quản lý không phận, Binh chủng Ra-đa trinh sát được ra đời làm nhiệm vụ phát hiện địch từ xa để thông báo cho lực lượng phòng không chiến đấu, đồng thời thông báo cho phòng không nhân dân để phòng tránh.

Trong lúc quân và dân ta đang náo nức phấn khởi về tiếp quản Thủ đô Hà Nội, Sư đoàn 367 đang học chuyển loại vũ khí mới ở Vai Cày (Thái Nguyên) thì tôi nhận được lệnh cấp tốc lên đường đi Trung Quốc để học về binh chủng mới: “Binh chủng Ra-đa trinh sát” ở Học viện Phòng không cao cấp Bắc Kinh. Như vậy tôi là anh lính đầu tiên của Quân đội ta được học về ra-đa trinh sát? Thật là vinh dự, nhưng cũng thật là khó khăn, vì gốc của tôi là anh

bộ binh chân đất, được chuyển sang cao xạ pháo đã thấy khó khăn vất vả với món xạ kích, binh khí đến nay lại phải học về ra-đa đòi hỏi phải hiểu biết sâu về điện và vô tuyến điện mới tiếp thu được, cũng may là tôi có chút vốn liếng văn hóa học hồi Pháp thuộc nên cũng đỡ vất vả.

Chỉ có điều khó là tôi phải ngồi học chung cùng lớp với “bạn”, mà tôi lại chưa kịp học tiếng Trung Quốc, nên học phải qua phiên dịch theo kiểu dịch đuổi, những bài khó thì phải có hai phiên dịch, tôi ngồi giữa hai phiên dịch ngồi hai bên thay phiên nhau dịch “đuổi”, nên ở trên lớp học tôi chỉ hiểu được khoảng 50%. Sau 5 - 6 tháng, tôi tranh thủ học tiếng Trung Quốc, nghe nhiều cũng quen, nghe trực tiếp tôi hiểu được tới 70%, hai đồng chí phiên dịch tập trung vào dịch tài liệu, kết hợp nghe giảng tại lớp và nghiên cứu tài liệu, cộng với sự nỗ lực cao độ học ngày học đêm. Theo quy định, nhà trường cứ 22 giờ trực ban bắt tất cả phải tắt đèn đi ngủ, tôi và đồng chí Tâm Trinh ngủ chung một buồng (đồng chí Tâm Trinh học chuyên về binh chủng đèn chiếu), tuy không bảo nhau mà mỗi người đều mua một chiếc đèn pin, đêm chui vào chăn học tới khuya, học chăm như vậy nên hiểu rất sâu và nhớ rất lâu, sau hai năm học, thi cuối khóa môn nào tôi và Tâm Trinh cũng đạt 5 điểm, đỗ nhất trường.

Về trang bị ra-đa lúc bấy giờ Trung Quốc cũng chỉ mới có 2 loại chủ yếu là Π8 và 513K và học qua về 406, tôi được học kỹ hai loại Π8 và 513K và học qua về 406, sau này quân đội ta cũng được trang bị hai loại đó, lúc đó nó là loại vũ khí hiện đại nhất, nhưng đến nay nó đã loại khỏi trang bị của quân đội từ lâu rồi.

Tôi học được 10 tháng thì được Tổng tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng trong chuyến đi công tác ở Bắc Kinh có ghé vào thăm chúng tôi. Đồng chí có cho biết một tin làm tôi rất phấn khởi: ở trong nước Bộ Quốc phòng đã cho tổ chức một khung trung đoàn ra-đa đầu tiên, tập trung những anh em còn trẻ và có trình độ văn hóa từ lớp 4 trở lên để ôn tập và học thêm để chuẩn bị học về ra-đa.

Tốt nghiệp ở trường Phòng không cao cấp Bắc Kinh về nước tôi được điều ngay xuống làm trung đoàn trưởng trung đoàn này (tên bí mật lúc đó gọi là tiểu đoàn 4) trung đoàn đóng quân ở gần thị xã Hà Đông bên bờ sông Nhuệ, khi tôi về nhận nhiệm vụ đã có các đồng chí: Trần Đình Cửu - Chính ủy, Hoàng Văn Thiêm - tham mưu trưởng, Hoàng Khoát - Chủ nhiệm chính trị, Nguyễn Đình Sơn v.v...

Nhiệm vụ của trung đoàn là tập trung vào học văn hóa nên được tổ chức thành các đại đội học từ lớp 4 đến lớp 7. Đó thực chất là lực lượng nòng cốt của Binh chủng Ra-đa sau này.

Để chuẩn bị chuyển binh chủng, tôi được giao nhiệm vụ mở một lớp học binh khí kỹ thuật ra-đa П8 cho các đồng chí, mà sau này sẽ là đại đội trưởng, đại đội phó kỹ thuật, trợ lý cơ quan và trạm sửa chữa, lớp học được tổ chức ở sân bay Gia Lâm, tôi và đồng chí Vương (chuyên gia Trung Quốc) chịu trách nhiệm giảng dạy cả khóa. Bài mà tôi giảng đầu tiên là bài: Tính năng kỹ chiến thuật và sơ đồ chức năng, bài tiếp là bài máy thu.

Lớp học này kết thúc thì trung đoàn chuyển sang học chuyên môn kỹ thuật do các đồng chí học lớp trước giảng dạy trực tiếp cho anh em của đơn vị mình.

Để chuẩn bị triển khai chiến đấu, cơ quan binh chủng được hình thành gồm có phòng ra-đa trinh sát và tổng trạm tình báo, tôi được quyết định làm trưởng phòng đồng thời là chủ nhiệm của binh chủng.

Những ngày đầu, năm đầu triển khai xây dựng một binh chủng mới mẻ thật

là đẹp đẽ và hào hùng, và cũng thật là đẹp trong ngày đầu của chiến thắng Điện Biên Phủ trên không (ngày 18 tháng 12 năm 1972) mạng lưới ra-đa trinh sát trên không đã phát hiện B-52 từ xa, đảm bảo trước cho tên lửa Hà Nội, thời gian 35 phút. Những chiếc B-52 bị bắn rơi trên bầu trời Hà Nội có sự đóng góp công sức rất lớn của các chiến binh ra-đa thân yêu. Khi vào thăm chỉ huy sở của bộ đội ra-đa, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã xúc động thay mặt Đảng và Chính phủ biểu dương chiến công này của bộ đội ra-đa (ngày 22 tháng 12 năm 1972).

Tôi và nhiều anh em ở Binh chủng Ra-đa này từ những ngày đầu xây dựng, đến nay tuy không còn công tác nữa, nhưng rất vinh dự và tự hào về Binh chủng Ra-đa thân yêu của mình.

THỜI KỲ CÔNG TRƯỜNG 300

LƯƠNG HỮU SẮT

Trung tướng - Nguyên Tư lệnh Binh chủng Ra-đa

Ngày 4-4-1965, suốt ngày tôi phải ở trong sở chỉ huy Trung đoàn 290. Máy bay của không quân và hải quân Mỹ mở các trận ném bom cầu Hàm Rồng. Đò Lèn trên quốc lộ 1 suốt từ Thanh Hóa đến Vĩnh Linh. Sau khi bàn giao chiến đấu xong, bỗng có điện thoại từ sở chỉ huy Quân chủng Phòng không - Không quân gọi gặp tôi để truyền đạt mệnh lệnh. Tôi vội đến nghe. Người nói đầu máy kia là anh Việt, trưởng phòng Cán bộ của Quân chủng truyền đạt mệnh lệnh điều động: “Theo lệnh của Tư lệnh Quân chủng, đồng chí Lương Hữu Sắt - trung tá trung đoàn trưởng trung đoàn 290 về Quân chủng nhận nhiệm vụ mới, bàn giao công việc lại cho trung đoàn phó Bùi Đình Cường. Ngày 6 tháng 4 năm 1965 phải có mặt tại Quân chủng”. Tôi ngạc nhiên và giật mình vì tình hình hiện nay rất căng thẳng, trên không lúc nào cũng có tình huống khẩn trương, toàn khu vực của trung đoàn phụ trách từ Vĩnh Linh đến Nghệ An địch đánh phá liên tiếp và ác liệt. Tôi vội hỏi anh Việt một cách không đúng nguyên tắc lắm: “Trong này công tác chiến đấu của trung đoàn liên tục và phức tạp không biết có việc gì mà ra gặp như vậy”.

Anh Việt cười: “Ngoài này lại càng nhiều việc hơn, ra gặp Tư lệnh Quân chủng rồi anh sẽ biết, nói chuyện trên máy điện thoại không tiện, yêu cầu anh ra đúng thời hạn quy định.

Tôi buông máy bần thần nghĩ ngợi, ra đi lúc trung đoàn rất khó khăn, nhưng đành phải chịu, mệnh lệnh là phải chấp hành. Tôi ra ngoài sở chỉ huy gặp anh Tuất, Chính ủy trung đoàn, tôi truyền đạt lại mệnh lệnh điều động của Quân chủng và nói: “Do thời gian rất gấp, vì vậy nên bàn giao công việc chiều nay cho xong. Tối nay tôi sẽ lên đường, vì đường xá cầu cống địch đều đánh phá nên chưa biết có thông suốt được không”. Anh Tuất, anh Cường, anh Hóa đều đồng ý như vậy, nên gọi các cơ quan tham mưu, hậu cần, kỹ thuật đưa sổ sách báo cáo để tổng hợp lại những vấn đề lớn. Tất cả đều rõ ràng nhất là vấn đề tài chính, hậu cần đều không có vấn đề gì thắc mắc. 19 giờ ký biên bản và ăn cơm. Trong lúc bàn giao anh Tuất đã cho anh em làm thịt một con gà tăng gia để liên hoan nhỏ giữa bốn chúng tôi, thời chiến không thể làm rùm beng. Anh Tuất, anh Cường, anh Hóa chúc tôi lên đường mạnh khỏe. Tình cảm gắn bó với nhau suốt thời kỳ đầu xây dựng trung đoàn 290 cho đến ngày nay rất mật thiết và sâu sắc.

Trước lúc tôi lên đường, ban chỉ huy đại đội 8, đơn vị phụ trách sở chỉ huy của trung đoàn lên đề nghị “Anh em chiến sĩ nghe tin thủ trưởng rời khỏi trung đoàn nên đã tập hợp để chào thủ trưởng, yêu cầu anh nói chuyện với anh em và dặn dò anh em trước lúc lên đường”. Thời gian còn lại rất ít, tuy vậy anh em đã tập hợp rồi tôi vội chào các anh Tuất, Cường, Hóa và đi theo anh em ban chỉ huy đại đội 8. Xuống dưới chân núi Quyết đã thấy cán bộ chiến sĩ, các đồng chí nuôi quân, báo vụ, tiêu đồn, ghi chép đến rất đông đủ, trừ các đồng chí đang trực ban chiến đấu. Tôi nói rõ tình hình trung đoàn, chúc anh em ở lại mạnh khỏe, chiến đấu lâu dài, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tôi cũng hứa dù đi bất cứ đâu cũng làm tốt công việc và luôn nhớ đến các đồng chí đại đội 8, nhớ đến trung đoàn 290, những người cùng xây dựng và chiến đấu trong những năm hòa bình và những năm chiến tranh vừa qua. Anh Ưu đại đội trưởng thay mặt anh em chúc “Thủ trưởng lên đường mạnh khỏe và luôn nhớ đến các anh em đại đội 8, những người cán bộ chiến sĩ đã gắn bó với thủ trưởng gần 5 năm nay, trong công tác và sinh hoạt hàng ngày của

trung đoàn”.

Tôi rời khỏi núi Quyết về lại doanh trại cũ của trung đoàn. Những ngày hòa bình tôi đã sống ở đây. Đèn điện vẫn sáng, doanh trại im lìm vắng vẻ vì bộ đội đã di chuyển lên chỗ mới. Tôi thu xếp đồ đạc còn lại, không có gì nhiều: Một ba lô quần áo và chăn màn, một ít sách. Tất cả để lên xe con. Tôi đứng tần ngần trước nhà ban chỉ huy trung đoàn, nhìn hai nhà lầu hai tầng của cơ quan trung đoàn và đại đội 8, nhìn nhà ăn, nhà xe, sở chỉ huy, nhìn sân duyệt đội ngũ. Hai hàng cây phi lao chạy suốt xung quanh sân đã cao lên đến nóc nhà, chen nhau xanh um. Đầu những năm 60 anh em đã trồng trong suốt những mùa “trồng cây”, bây giờ rất đẹp nhưng chiến tranh thì không biết có còn được như thế này nữa không.

Tôi lên xe lúc 10 giờ đêm. Xe chạy qua thành phố Vinh đến cầu Cẩm thì người gác cầu báo “Cầu bị đánh hỏng lúc 15 giờ chiều nay, không đi được nữa”. Tôi xem bản đồ xong bàn với đồng chí Anh lái xe con và đồng chí trợ lý xe đi cùng ra Hà Nội “Bây giờ quay lại phà Phương Tích, lên gần Đô Lương ra Diễn Châu lại tiếp tục đi đường 1”.

Chúng tôi quay ngược về Vinh, đến ngã ba rẽ về phà Phương Tích rồi đi Diễn Châu, theo đường 1 ra đến Hoàng Mai. Cầu Hoàng Mai lại bị địch đánh hỏng. Thật khó khăn. Tôi lại xem bản đồ rồi bàn với anh em “Bây giờ quay lại thị trấn cầu Giát, rẽ ra ngã ba Tuần, lên Nghĩa Đàn, đi đường 15 ra nông trường Sao Vàng ở Thọ Xuân rồi xuống Hàm Rồng; xe quay lại đi ngược về cầu Giát và lên Nghĩa Đàn. Đường 15 mới làm mặc dù rải bằng cấp phối nhưng bằng phẳng nên đi rất nhanh. Chúng tôi vừa đi vừa hỏi đường, nhiều lúc phải gõ cửa trong đêm, nhưng nhân dân chỉ đường rất chu đáo. Ngày 5 tháng 4 chúng tôi đến nông trường Sao Vàng lúc 7 giờ sáng, 9 giờ tới Tứ Trụ. Trên trời máy bay địch quần đảo. Đồng bào hai bên đường khoát tay ra hiệu dừng lại. Đoàn phải dừng lại nghỉ để đêm đi tiếp vì lái xe đi suốt đêm đã mệt. Chúng tôi ghé vào một nhà dân, cho xe vào một gốc nhãn, bà con lấy 2 cái nong phơi lúa che lại. Mỗi người ăn 2 cái bánh chưng nhỏ mua dọc đường.

Trước khi đi ngủ, đồng chí Hạt trợ lý đưa tiền cho gia đình nhờ mua gạo và thức ăn, nấu cho 3 suất cơm để 3 giờ chiều có thể ăn và lên đường tiếp.

Chúng tôi ngủ một mạch cho tới khi ông chủ nhà đánh thức dậy ăn cơm. Đã 3 giờ chiều rồi, cơm canh đã nấu sẵn, sau khi ăn cơm xong, chuẩn bị xe cộ chúng tôi cảm ơn và tạm biệt nhà chủ lên đường. Đi ban ngày rất nhanh, 17 giờ 30 phút chúng tôi đã đến Hàm Rồng, cầu không đổ xuống sông nhưng hư hỏng phải gia cố lại. Công nhân đang tập trung sửa chữa. Trong lúc chờ phà, xe đậu bên này sông trên đê phía Nam Ngạn, người đứng đông như hội. Đó là buổi tiễn đưa anh em lính cũ lên đường tái ngũ. Anh tiễn em, vợ tiễn chồng, cha tiễn con. Cảnh tiễn đưa này khiến tôi nhớ lại thời kỳ tháng 10 năm 1954, trên bến Bắc Cao Lãnh - Đồng Tháp Mười, bà con gia đình tiễn đưa con em ra tập kết ngoài Bắc mà tôi lúc đó là một cán bộ ở miền Nam ra tập kết. Bây giờ chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ đã lan rộng ra trên miền Bắc. Lớp động viên đầu tiên để mở rộng quân đội trước hết là những người lính cũ. Tôi lắng nghe một người lính cũ trao đổi “Sau Điện Biên, mình ở bộ đội đến năm 1958, trên cho phục viên chuyển ngành đợt 8 vạn, mình vẫn ở lại chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp, đến năm 1960 mới về quê lấy vợ, đã có 1 con, bây giờ lại lên đường chiến đấu tiếp”. Người lính ấy vẫn mặc bộ quân phục cũ thời sau Điện Biên trên vai có các đường may ghép vải. Sau này trong các đơn vị ở Quân chủng Phòng không - Không quân, các đồng chí sau khi tái ngũ đều được giao trách nhiệm cao hơn, cán bộ đại đội, cán bộ tiểu đoàn. Đó là những người lính đã được thử thách trong kháng chiến chống Pháp.

Xe chúng tôi vượt phà Hàm Rồng và Đò Lèn, đến 21 giờ mới đi qua được huyện lỵ Hà Trung, tiếp tục qua Tam Điệp nhưng đến thị xã Ninh Bình thì trời mưa rất to Trận mưa đông đầu mùa, nước láng mặt phố rất khó đi Tôi nghĩ có lẽ nên nghỉ lại đây, mai đi sớm, nếu gắng đi đêm về Hà Nội cũng không có ích gì, vì có ai làm việc hành chính vào lúc 3 - 4 giờ sáng đâu. Chúng tôi đi qua khỏi thị xã Ninh Bình một đoạn rồi rẽ vào nhà dân xin nghỉ lại. May quá gặp một người dân đi cắt vó về, đón cá trời mưa đông, anh ấy mời ngay vào nhà nghỉ lại.

5 giờ 30' ngày 6 tháng 4 năm 1965 chúng tôi lên xe về Hà Nội, 8 giờ 30' đến nơi. Sở chỉ huy và cơ quan Quân chủng nhận nhíp, khẩn trương. Vào gặp anh Việt phòng Cán bộ, tôi báo “Đã ra kịp đúng thời gian quy định, đề nghị anh báo cáo với Tư lệnh tôi xin gặp để nhận nhiệm vụ”. Anh nói “Xin đợi 10 phút để đi báo cáo”. Anh quay về bảo: “19 giờ tối nay anh vào gặp đồng chí Tư lệnh tại phòng làm việc của đồng chí ấy”.

Tôi về nhà, tắm giặt và ngủ một giấc cho tới chiều. 19 giờ tôi có mặt ở phòng làm việc của anh Phùng Thế Tài. Cùng gặp có anh Tuyền - Tham mưu phó và anh Việt Trưởng phòng Cán bộ. Tư lệnh Quân chủng nêu: “Hiện nay cần xây dựng lực lượng binh chủng mới, vì vậy cần đào tạo chuyển binh chủng cho 700 học viên các loại ra-đa và thông tin mới. Thời gian rất gấp, làm sao sau 3 tháng phải ra trường và sử dụng các trang bị mới một cách vững vàng. Vì vậy Quân chủng thành lập một trung tâm huấn luyện ra-đa và thông tin lấy tên là Công trường 300, với bên ngoài là “Công trường nghiên cứu gạch chịu lửa” để giữ bí mật. Quân chủng điều cậu về phụ trách chỉ huy công trường này. Cậu Võ Bá Ngần, phó phòng Thông tin của Quân chủng sẽ về làm phó chỉ huy công trường. Địa điểm của công trường sẽ ở Sơn Tây, trong doanh trại của trung đoàn 84 nay đã đi chiến đấu. Tại đó có 2 nhà 2 tầng và 60 gian nhà cho xe và pháo. Thời gian rất gấp, các cậu về đó chuẩn bị cho chu đáo làm sao ngày 1 tháng 5 khai giảng lớp đầu tiên được. Ngày mai các cậu làm việc với các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần của Quân chủng để nắm được các nội dung, thời gian và yêu cầu các cơ quan đó giải quyết các nhu cầu của lớp này. Một vấn đề khác nữa, ở công trường có các chuyên gia Liên Xô khá đông, cậu phải trao đổi với các đồng chí đó về chương trình, nội dung và phân chia các lớp cho phù hợp. Phải đoàn kết thật sự để lớp học đạt kết quả. Công tác đối ngoại do phòng Đối ngoại và cơ quan hậu cần doanh trại lo”. Anh nhắc lại câu cuối “ngày 1 tháng 5 phải khai giảng lớp học”.

Hôm sau tôi làm việc với phòng Cán bộ để xin cán bộ, đó là việc đầu tiên, nhưng anh Việt lại sẵn sàng hơn, đã đưa cho tôi một danh sách điều động về

công trường 300 hơn 30 cán bộ các ngành. Anh Việt còn giới thiệu trực tiếp tôi với anh Xuyên, thượng úy phụ trách tham mưu phó công trường và anh Phụng - Chủ nhiệm hậu cần. Tôi rất mừng vì đã có người cùng cộng tác. Tôi bàn với anh Phụng để anh sang Cục Hậu cần bàn trước về các tiêu chuẩn, hậu cần, tài chính, doanh trại và các doanh cụ cho 700 học viên, giáo viên, chuyên gia. Tôi và anh Xuyên sang làm việc với phòng Quân lực để biết số lượng học viên cần đào tạo. Các anh ấy đưa cho số lượng yêu cầu về trắc thủ, báo vụ tải ba và máy nổ các loại. Ngày 10 tháng 4 những học viên đầu tiên bắt đầu về công trường.

Buổi chiều tôi cùng anh Xuyên tới nhà khách Bộ Quốc phòng làm việc với chuyên gia Liên Xô về chương trình chuyển loại các trang bị mới. Các đồng chí Liên Xô đã lên chương trình cho từng loại trang bị và cho từng học viên để ta nghiên cứu và cho ý kiến. Tôi hẹn họ đến ngày 10 tháng 4 sẽ gặp nhau tại công trường Sơn Tây để bàn về các chương trình đào tạo và nhà ở cho chuyên gia.

Ngày 8 tháng 4 tôi và anh Xuyên, anh Phụng cùng một số cảnh vệ, quân y, doanh trại và một số dụng cụ bàn ghế, xoong chảo, phản nằm lên một chiếc xe tải đi Sơn Tây để tiếp quản doanh trại và ở luôn tại đấy. Cùng đi có các đồng chí trợ lý doanh trại của Cục Hậu cần lên xem xét thực tế. Chúng tôi quyết định cần phải cải tạo lại 2 nhà hai tầng và nhà ăn cho chuyên gia, cải tạo các nhà xe để làm lớp học. Anh Toàn trưởng phòng doanh trại Cục Hậu cần đã rất tích cực giải quyết cho công trường: Hàng ngàn giường nằm, mấy trăm bộ bàn học, sửa chữa lại các nhà cũ, làm thêm các nhà mới. Với khối lượng công việc lớn như thế mà anh giải quyết rất kịp thời. Mặc dù tuổi anh lúc đó cao hơn nhiều so với chúng tôi nhưng bao giờ anh cũng vui vẻ, phân công các đồng chí trợ lý làm việc rất hiệu quả.

Việc trước tiên, chúng tôi nghiên cứu khu vực đóng quân. Doanh trại có 3 khu vực riêng biệt. Khu cơ quan có 2 nhà hai tầng. Khu bộ đội có 16 nhà cấp 4, lợp ngói, có trần và cửa sạch sẽ. Khu nhà xe pháo có hơn 80 gian. Chúng

tôi quy hoạch lại doanh trại thành các khu: Khu chuyên gia, khu giảng đường và khu để khí tài có công sự, khu nhà ăn, khu nhà ở của học viên. Chúng tôi tổ chức ăn theo từng đại đội để khi cần dễ cơ động.

Ngày 10 tháng 4 các cán bộ, học viên lần lượt tập trung đầy đủ. Công việc tiếp nhận được tổ chức chu đáo. Các bộ phận cán bộ, Đảng, Đoàn, hậu cần, tài chính đều phải làm việc ngay tại chỗ để tiếp nhận anh em kịp thời.

Trong đoàn cán bộ có hơn 30 đồng chí phiên dịch. Đa số anh em đều được động viên từ các cơ quan Nhà nước, chưa quen quân ngũ, nên có rất nhiều tâm tư. Đồng chí Tấn, chuẩn úy, phụ trách phiên dịch đến báo cáo tình hình trên. Tôi phải họp với anh em nghe ý kiến trực tiếp, vừa giải thích thắc mắc, vừa giải quyết những đề nghị chính đáng cho anh em. Có 2 vấn đề lớn mà số đông anh em thắc mắc là tiền lương và nghỉ phép. Tiền lương của anh em, do coi như chuyển ngành sang bộ đội làm phiên dịch, vẫn giữ nguyên, lại còn được trợ cấp thêm về chuyên môn, nên anh em dễ thông. Còn vấn đề nghỉ phép, chỉ cho nghỉ đến ngày 20 tháng 4 phải có mặt, người nào ở gần như Sơn Tây, Hải Hưng, Thái Bình, Thanh Hóa đều được về, còn những đồng chí ở Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình thì không, vì phải đi 10 ngày trước khi lên lớp chuẩn bị tài liệu, tiếp xúc với giáo viên và học viên. Hoàn cảnh chiến tranh khẩn trương, cái gì cho phép thì giải quyết ngay, cái gì ảnh hưởng đến nhiệm vụ thì phải hiểu rõ để xác định trách nhiệm của mình. Sau cuộc trao đổi ý kiến về nhiệm vụ, giải quyết thắc mắc, anh em đã thông suốt, bắt tay ngay vào chuẩn bị đi phép. Ai không đi phép thì chuẩn bị bắt đầu làm việc.

Một đoàn cán bộ ở trường Tư Đình về công trường để tiếp tục học tiếp. Chúng tôi rất mừng vì lớp này đều là những cán bộ chỉ huy đại đội ra-đa mới về trường Tư Đình để bổ túc chuyển loại. Chúng tôi chọn những đồng chí đã đi học ở Liên Xô về chuyển làm cán bộ khung của đại đội cán bộ trung đội thì lấy học viên lên phụ trách. Trong số những đồng chí giáo viên có ba đồng chí kỹ sư: Đồng chí Kiên, đồng chí Hiền, đồng chí Quyết. Chúng tôi giao các đồng chí này phụ trách những việc trước mắt. Đồng chí Kiên lo xếp chương

trình cho các lớp toàn khóa. Trong đó sau khi xếp chương trình xong, giao cho các giáo viên lần lượt viết giáo án. Đồng chí Quyết tạm thời lo xếp các giảng đường và căn cứ vào số học viên xếp các lớp để cho cán bộ doanh trại căn cứ vào đó mà chia nhà xe làm các giảng đường và đưa bàn ghế, bảng đen vào các lớp. Đồng chí Hiền - Kỹ sư ra-đa chỉ huy các đơn vị đào công sự, mỗi lớp học và mỗi học viên phải tự đào công sự cho mình ở doanh trại, ở giảng đường và ở các khu vực có khí tài. Đó là công việc khẩn trương và rất nặng nhọc. Mỗi đại đội phải lo đủ công sự cho đơn vị mình. Khi có báo động tất cả phải xuống công sự, bất kể thời gian nào dù đang giờ lên lớp, đang thực hành hay đang nghỉ.

Tất cả đã chuẩn bị xong, anh Vũ Bá Ngần - Chỉ huy phó công trường và anh Vượng - Chính ủy công trường cũng về đủ. Ngày 20 tháng 4 từng đoàn xe khí tài từ xe lửa xuống sân bay Bạch Mai, đi thẳng đến công trường. Những bộ ra-đa П12 mới tinh, gồm cả máy nổ và xe kéo đến sớm nhất. Đó là những bộ khí tài huấn luyện nhiều nhất ở công trường vì số trắc thủ và đài trưởng cần đào tạo chiếm nhiều nhất, sau đó đến ra-đa П15, cuối cùng các đài ra-đa П30 và П35, ППБ11 cùng đến. Đó là những bộ ra-đa có nhiều xe cùng liên kết mà ở Việt Nam lúc đó chưa có, nhiều đồng chí trắc thủ đài trưởng và đại đội trưởng mới thấy lần đầu. Đây là các bộ ra-đa sóng Cm trang bị cho các đơn vị chiến đấu luôn. Công trường còn được trang bị một bộ máy T-30 có 20 bộ hiện sóng, một bộ tạo mục tiêu giả để huấn luyện trắc thủ và sĩ quan dẫn đường rất hiện đại, có thể huấn luyện một lúc rất nhiều trắc thủ. Về thông tin, có xe P-405, xe thông tin P-118 và P-102, các máy tải ba được trang bị riêng. Số lượng xe thông tin này dùng để huấn luyện báo vụ, thợ máy nổ và đài trưởng thông tin cho trung đoàn tên lửa, không quân và ra-đa. Tất cả đều đến công trường trong thời gian ngắn và đã được đưa vào các công sự ở các khu vực khí tài huấn luyện. Chúng tôi giao ngay cho các đại đội học viên quản lý, học khí tài nào thì quản lý khí tài ấy và chọn ngay những đồng chí cán bộ đã học ở Liên Xô về quản lý trực tiếp các trang thiết bị này, chọn riêng một số trắc thủ đưa lên xe cùng cán bộ và giáo viên huấn luyện riêng để làm đội mẫu, như vậy vừa quản lý được khí tài vừa làm mẫu cho số đông học viên trước khi tiếp xúc với các đài ra-đa và thông tin loại mới.

Ngày 25 tháng 4 tất cả học viên đã đến đông đủ, các lớp học đã sắp xếp xong, cả địa điểm dã ngoại. Các đại đội học viên bắt đầu sinh hoạt theo đơn vị và theo lớp, các chi bộ Đảng và chi đoàn thanh niên đã hình thành và sinh hoạt, thực hiện chức năng lãnh đạo và hành động theo nghị quyết của Đảng ủy công trường. Chúng tôi đã diễn tập lên lớp ở giảng đường, ở thao trường và ở bãi khí tài, tất cả các học viên đều quán triệt nhiệm vụ của công trường, mục đích yêu cầu của khóa học, chương trình, kế hoạch học tập của từng lớp, chỉ tiêu yêu cầu đạt được của học viên sau lớp học mà mỗi người phải phấn đấu nữa.

Ngày 1 tháng 5 năm 1965 công trường 300 khai giảng lớp học đầu tiên đúng hạn với 500 học viên ra-đa và 200 học viên thông tin các loại. Trong đó học viên ra-đa II12 chiếm đông nhất, 5 lớp học trắc thủ, 2 lớp đài trường, 1 lớp máy nổ II10.

7 giờ sáng tất cả các lớp, dẫn đầu là lớp trưởng lần lượt đến tập hợp ở sân công trường. Các giáo viên đến nhận lớp theo sự hướng dẫn của đồng chí Kiên, đồng chí Quyết, đồng chí Hiền. Sau khi nghe bài diễn văn ngắn của chỉ huy trưởng công trường, các lớp trưởng dẫn giáo viên, học viên của lớp mình về giảng đường từng lớp. Khóa học bắt đầu với sự chuẩn bị chu đáo, nghiêm túc. Các đồng chí phiên dịch đã về phép đúng hạn, đã tiếp xúc với bài giảng, với giáo viên và chuyên gia trước ngày 20 tháng 4 để chuẩn bị lên lớp trước một tuần.

10 giờ ngày 1 tháng 5 đồng chí Phùng Thế Tài - Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân cùng đồng chí Séc-ba-cốp Đại sứ Liên Xô tại Việt Nam đến thăm công trường (thăm các lớp học, khu để khí tài, nơi ăn ở của giáo viên, học viên và của chuyên gia). Sau khi Tư lệnh kiểm tra xong đã khen công trường chuẩn bị chu đáo khai giảng đúng quy định. Tư lệnh còn nhắc phải chú trọng huấn luyện cho trắc thủ ra-đa II12 sớm để khi có điều kiện có thể ra trường sớm hơn các lớp khác.

Trong khóa học này trắc thủ học nguyên lý của khí tài bằng sơ đồ ô vuông, nhưng tập trung học kỹ về thao tác và hiệu chỉnh khí tài, học thực tế trên khí tài và trên mô hình học cụ, theo nguyên tắc từ giản đơn đến phức tạp với các tình huống chiến đấu có nhiều cấp mục tiêu nhiều tầng, trong điều kiện nhiều khác nhau, có cả máy bay ta và máy bay địch. Học viên tranh thủ học ngày, học đêm. Học cả ngày nghỉ.

Đối với đài trưởng và thợ sửa chữa lại càng khẩn trương. Đài trưởng phải học nguyên lý mạch điện tử mỹ, phải biết thao tác đài thành thạo, phải biết triển khai đài khi chiến đấu và thu hồi đài khi hành quân, đặc biệt là triển khai và hạ ăng ten. Sau khi học xong phần lý thuyết còn phải thực hành, luyện tập sửa chữa các dạng hỏng hóc thông thường. Tuy nội dung học tập nhiều như vậy nhưng không ai kêu ca mà ra sức học tập. Nhờ nỗ lực cộng thêm một phần đã được học qua một số loại đài trước đó, nên kết quả học tập khá tốt. Các đồng chí chuyên gia cũng rất bất ngờ với trình độ tiếp thu các học viên Việt Nam.

Công trường đóng ở Sơn Tây được một tháng. Đến đầu tháng 6 năm 1965 máy bay địch trinh sát liên tục trên bầu trời Sơn Tây - Ba Vì. Trong khi đó doanh trại của công trường ở quá tập trung, gần 800 người trong một khu vực hẹp vì vậy Bộ tư lệnh Quân chủng cho công trường chuyển về vườn vải và trường học sinh miền Nam gần cầu Mai Lĩnh. Lại một đợt chuyển quân khẩn trương. Chỉ hơn một tuần sau chúng tôi đã bắt đầu học tập ở vị trí mới. Lúc này chuyên gia ở trường học sinh miền Nam, các đại đội học viên và cơ quan ở nhà dân quanh vườn vải, riêng các giảng đường và khí tài triển khai dưới các tán cây bên bờ sông Đáy, vừa kín đáo vừa mát mẻ. Các lớp học đều có công sự. Công trường được trang bị hơn 100 nhà bạt loại 10 và 20 người để làm lớp học.

Tháng 6 và tháng 7 là 2 tháng nóng nhất trong năm. Lúc này cũng là thời

điểm bắt đầu mùa mưa lũ. Đối với người Việt Nam nóng nực là chuyện thường, nhưng đối với chuyên gia bạn thì quá sức chịu đựng. Trời quá nóng, anh em không ăn hết tiêu chuẩn gạo, công trường phải rút bớt lượng gạo mỗi bữa cộng với tiền bồi dưỡng đem nấu chè đậu xanh loãng để bồi dưỡng vào 3 giờ chiều là lúc nóng nhất.

Cuối tháng 7 năm 1965 lớp trắc thủ và đài trưởng П12 bắt đầu thi tốt nghiệp. Những học viên xuất sắc nhất được ra trường trước. Trong đó chọn ra 4 kíp trắc thủ và đài trưởng cho 4 đài ra - đa nhìn vòng П12 của 4 tiểu đoàn hỏa lực thuộc trung đoàn tên lửa 236 lần đầu ra quân, các tiểu đội thông tin cho đài P405 cũng cho các đơn vị trên. Cuối tháng 8 năm 1965 chọn ra 4 trung đội ra-đa П12 và 4 tiểu đội thông tin đài P405 cho các tiểu đoàn hỏa lực của trung đoàn tên lửa 238. Cuối tháng 9 trung tuần tháng 10 toàn bộ 6 trung đội П12 và 10 trung đội ra-đa П15 cùng với đài trưởng, thợ sửa chữa của các đơn vị ra-đa trình sát tốt nghiệp để xây dựng các đơn vị ra-đa sóng mét và deximet. Lớp trắc thủ, đài trưởng của ra-đa П130 П35, PRV-11 ra trường cuối cùng vào trung tuần tháng 11 để thành lập 8 đại đội ra-đa dẫn đường cho các sân bay. Đó là các trung đội đông đảo nhất, bao gồm các trắc thủ, đài trưởng, thợ sửa chữa và các thợ vận hành các loại máy nổ AD30 và AD50 và các thiết bị tăng tần của trạm nguồn. Đây là lực lượng ra-đa dẫn đường đầu tiên đông đảo nhất được huấn luyện chuyển loại sử dụng các loại ra-đa sóng dài có chất lượng và đồng bộ. Các học viên thông tin cũng lần lượt ra trường, gồm các học viên đài thông tin P405, P118, tải ba, báo vụ. Đài trưởng và thợ sửa chữa đài thông tin P102 ra trường cùng với học viên ra-đa П35 và PRV11 để xây dựng các đại đội ra-đa cho không quân tiêm kích.

Các chuyên gia Liên Xô đã xong nhiệm vụ sau trung tuần tháng 10 năm 1965 đều lần lượt về nước, chỉ còn lại một số chuyên gia về đài П35 và PRV11 là ở lại cho đến khi kết thúc lớp học vào trung tuần tháng 11 năm 1965.

Cuối tháng 10 đầu tháng 11 năm 1965 sau khi số trắc thủ, thợ sửa chữa,

báo vụ và thông tin các loại ra trường, số chuyên gia cũng về nước dần, Quân chủng đã điều công trường về Hà Nội, đóng quân tại các trận địa cao xạ 100mm của sư đoàn 361 đã đi chiến đấu. Tại đây có sẵn nhà ở, giường nằm, giảng đường, có công sự để triển khai các đài ra-đa và thông tin (Nhật Tân, Hạ Quyết và một trận địa ở gần Nhà máy dệt 8-3). Trận địa 8-3 để cho học viên thông tin còn 2 trận địa kia để cho học viên ra-đa. Các cán bộ đại đội rất mừng vì có điện, có nước, có sẵn cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập, sinh hoạt lại tập trung nên rất thuận tiện.

Đầu tháng 11 năm 1965 công trường tiếp tục chuyển loại khóa 2 cho lớp trắc thủ ra - đa П12, П15, П35, PRV11 và báo vụ thông tin các loại. Số lượng ít hơn khóa 1, nhưng thợ sửa chữa lại nhiều, nên khóa 2 chủ yếu chuyển loại cho thợ sửa chữa và đài trưởng.

Tổng số còn lại 400 học viên, trong đó 100 của thông tin và 300 của ra-đa. Lúc này giáo viên là người Việt Nam, đa số là kỹ sư vô tuyến từ ngoài nhà nước và kỹ sư bách khoa mới ra trường được động viên vào quân đội sau khi tốt nghiệp lớp chuyển loại tại công trường, họ được giữ lại làm giáo viên. Do giảng dạy bằng tiếng Việt nên tiết kiệm được nhiều thời gian, dễ tiếp thu nên học viên tiến bộ nhanh.

Cuối tháng 12 năm 1965, do các trận địa pháo 100mm phải sửa chữa lại, công trường phải chuyển về Học viện Thủy Lợi và Trường Ngân hàng rồi học tập ở đó cho đến hết khóa học tháng 5 năm 1966. Đây là 2 trường đại học có cơ sở vật chất khá đầy đủ nên việc học tập rất thuận lợi.

Đến hết tháng 5 năm 1966 toàn bộ học viên đều tốt nghiệp. Lúc này tình hình rất khẩn trương. Địch tiếp tục leo thang đánh phá các vùng lân cận Hà Nội. Ta cũng chuẩn bị mọi mặt để bảo vệ Hà Nội và Hải Phòng. Vì vậy công trường sẽ về Tân Ước, Bình Đà - Thanh Oai để đào tạo tiếp khóa sau.

Ngày bế giảng khóa 2, công trường đã chuyển loại gần 100 trắc thủ ra-đa các loại, hơn 200 thợ sửa chữa và đài trưởng II12, II15, II35 và PRV11 được đào tạo với chất lượng cao, cả về lý thuyết và thực hành. Học viên ra trường đã về các đơn vị chiến đấu ngay và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong năm 1966 và 1967 máy bay địch đánh phá Hà Nội, Hải Phòng ác liệt, nhưng bộ đội ra-đa đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Tôi cho rằng, năm 1965 và 1966 là hai năm các binh chủng của Quân chủng lớn mạnh rất nhanh, trong vòng 1 năm bộ đội ra-đa đã chuyển biến mạnh về chất trên các mặt trang bị và kỹ thuật. Trang bị của ra-đa được tăng cường và bổ sung rất cơ bản, cả về chất lượng và số lượng. Số lượng tăng gấp đôi với đủ loại ra-đa mới: Sóng m, dm, cm có hiệu suất chiến đấu cao trong các điều kiện chiến đấu, thời tiết, địa hình phức tạp.

Về mặt kỹ thuật, để đón trang bị mới, Quân chủng đã thành lập công trường 300 để chuyển loại một lực lượng lớn trắc thủ, đài trưởng, cán bộ đại đội và thợ sửa chữa trong thời gian phù hợp, được huấn luyện tập trung với trang bị đầy đủ. Do đó chất lượng học viên ra trường cao, đều đảm đương trách nhiệm một cách vững vàng, mặc dù đúng vào lúc địch tập trung đánh lớn vào Hà Nội và Hải Phòng.

Chính công tác chuẩn bị con người và kỹ thuật chu đáo dự đoán được tình hình nên khi trang bị được đưa vào với quy mô lớn chúng ta đã nhanh chóng làm chủ và phát huy hiệu quả trong chiến đấu.

Cuối tháng 5 năm 1966, sau khi khóa 2 ra trường, công trường 300 kết thúc nhiệm vụ của nó. Công việc đào tạo thợ sửa chữa vẫn còn đó, nhưng đó là nhiệm vụ thường xuyên, số lượng ít hơn, nên công trường được chuyển

thành tiểu đoàn huấn luyện thợ sửa chữa ra-đa và thông tin do đồng chí Kiên phụ trách. Số lượng phiên dịch và chuyên gia đông đảo khóa 1 không còn nữa. Các đồng chí phiên dịch được giao nhiệm vụ dịch tài liệu sang tiếng Việt để các đơn vị sử dụng. Sau 6 tháng toàn bộ tài liệu đã dịch xong, các đồng chí này được điều về phòng đối ngoại và các đơn vị. Các cán bộ của công trường cũng được điều đi. Anh Vũ Bá Ngần về lại phòng Thông tin. Anh Vượng - Chính ủy được điều đi rất sớm từ sau khi kết thúc khóa 1. Anh Xuyên về Trung đoàn ra-đa dẫn đường 293 mới thành lập, làm tham mưu phó trung đoàn. Còn tôi sau khi bàn giao xong và đi thăm các lớp học viên lúc đó đã chuyển về Tân ước, Thanh Oai, được Quân chủng điều về làm Cục phó Cục Kỹ thuật Quân chủng.

Đối với tôi về công trường 300 được 1 năm, thời gian đầu cho khóa 1 rất khẩn trương, bởi số lượng học viên đông, trang bị nhiều và mới, chương trình và giáo viên chưa ổn định, địa điểm thường xuyên thay đổi. Nhưng đến khóa 2 thì thông thả vì chương trình đã có sẵn, chỉ cần điều chỉnh lại, giáo viên đã ổn định, giảng dạy đã theo nền nếp, địa điểm và cơ sở vật chất thuận lợi, nên tôi cũng có thời gian tranh thủ học thêm. Ngoài các ngày kiểm tra, nghe lên lớp thí điểm tôi đã tranh thủ ôn lại các nguyên lý mạch của các loại ra-đa từ thời tôi học ở Liên Xô. Nhưng quan trọng hơn, dưới sự hướng dẫn của các đồng chí kỹ sư Kiên, Hiền tôi đã tập trung nghiên cứu về thao tác sử dụng các mặt máy của các loại đài để hiểu sâu hơn về thực tế tính năng chiến đấu của khí tài. Đó là cơ sở tốt cho tôi khi về công tác ở Binh chủng Ra-đa từ năm 1967 đến năm 1969.

Cho đến bây giờ sau 30 năm những cán bộ chiến sĩ ra-đa đã trưởng thành. Trong những ngày truyền thống của Binh chủng, anh em gặp nhau thường ôn lại những kỷ niệm học tập say sưa, nhớ về kỷ niệm lần đầu tiếp xúc với các loại trang bị mới, chúng tôi vẫn khẳng định rằng công trường 300 là nơi đã góp một phần vào bước chuyển biến quyết định về chất đối với con người sử dụng trang bị kỹ thuật, đưa bộ đội ra-đa tiến lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong những năm 1966 - 1969.

TÌNH BÁO BINH PHÒNG KHÔNG NHỮNG NGÀY MỚI CHÀO ĐỜI NGÔ VIỆT CHÂU

Sân bay Gia Lâm, mùa hè năm 1958, những căn nhà lợp tôn dài dặc, vắng lặng, nóng như chảo rang, bỗng trở lên nhộn nhịp, thông thoáng bởi sự có mặt của những chàng trai trẻ, khỏe, sạm nắng gió, náo động suốt ngày.

Đó là số sáu bảy chục cán bộ gồm đủ Bắc, Trung, Nam được coi là có văn hóa cao vào loại nhất toàn quân lúc đó (cụ thể là từ lớp 6, 7 đến “Tú tài”, tây, ta) tập trung về đây theo chỉ thị của Bộ Tổng tham mưu để theo học khóa đào tạo về vũ khí ra-đa, gấp rút chuẩn bị cho một binh chủng mới chào đời: Binh chủng tình báo binh phòng không.

Tất cả nhanh chóng được biên chế thành 2 lớp học với quân số tương đương nhau: Một lớp kỹ thuật ra-đa và một lớp chiến thuật ra-đa.

Lớp thứ nhất do chính đồng chí Phan Thái, chủ nhiệm Ban cần vụ đối không (trực thuộc Bộ Tham mưu Phòng không) trực tiếp giảng dạy.

Lớp thứ hai do đồng chí Tâm Trinh, Phó chủ nhiệm Ban cần vụ Đối không là giảng viên chính kiêm phụ trách lớp.

Trên còn bố trí 2 cố vấn bạn thuộc Quân khu Hoa Nam là đồng chí Hoàng và một kỹ sư, trợ giúp cho lớp học.

Cả hai lớp đều được đào tạo theo phương pháp chính quy mặc dù thiếu

thốn nhiều thứ nhất là về dụng cụ học tập và sách giáo khoa. Nhưng tất cả học viên chúng tôi đều hăng say, tin tưởng. Từ 2, 3 năm trước khi Sư đoàn 367 còn đang tiến hành chuyển binh chủng từ trên đất Vai Cầy, huyện Đại Từ - Thái Nguyên, hai đồng chí Thái và Trinh được sư đoàn cử đi học ở học viện cao cấp phòng không quân giải phóng nhân dân Trung Quốc tại Bắc Kinh.

Giữa chừng khóa học đồng chí Tổng tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng một lần đi công tác Liên Xô có tạt thăm. Đồng chí căn dặn chúng tôi phải cố gắng trau dồi kiến thức và kinh nghiệm tác chiến phòng không của bạn, đặc biệt tranh thủ biên dịch tài liệu để khi về nước là có thể bắt tay ngay vào huấn luyện đào tạo cán bộ ra-đa. Hiện “ở nhà” đã thành lập đơn vị tiểu đoàn 4 đang tổ chức học thêm văn hóa để sẵn sàng trở thành trung đoàn ra-đa đầu tiên.

Trong anh em học viên, cũng có người chưa biết chút gì về ra-đa, nhưng số đông đều đã được thấy ra-đa của pháo trung cao 88, một số đã đọc trong sách báo, hiểu ra-đa (radar) là viết tắt của nhóm từ Anh ngữ: Radio de'terting and ranging có nghĩa là vũ khí thăm dò và phát hiện, xuất hiện từ cuối đại chiến thế giới thứ II. Nhưng khi nghe các giảng viên nói đến những từ “Π8”, “Π20”, “406”... thì vẫn chẳng khác gì “vịt nghe sấm”.

Ở lớp chiến thuật, giảng viên cố gắng tạo ra những dụng cụ, mô hình đơn giản, kết hợp với tranh vẽ, sa bàn giúp học viên dễ hiểu, dễ nhớ những nội dung giảng dạy, chẳng hạn nói về cánh sóng của ra-đa, tức phạm vi hiệu lực phát hiện mục tiêu của ra-đa thì cứ hình dung nó giống như cái “chày giã cua” khổng lồ, giảng về các thủ đoạn của máy bay địch đối với các trận địa ra-đa, giáo viên thường liên hệ các kinh nghiệm của các đơn vị ra-đa chỉ nguyện quân Trung Quốc trên chiến trường Triều Tiên cùng với kinh nghiệm trong chiến đấu phòng không trên chiến trường Điện Biên Phủ. Đồng thời cũng gợi mở để học viên tham gia ý kiến làm cho các buổi giảng chiến thuật thêm sinh động, phong phú.

Nhớ có mấy buổi chiều hè quá nóng, học viên đều thấm mệt, đồng chí Trinh còn để anh em mặc áo may ô trong lớp. Nhưng trực ban tuyên bố rõ là không được mặc may ô rách, ảnh hưởng “tư thế”! Hoàn cảnh khó khăn của những năm đầu hòa bình lập lại và giải phóng Thủ đô qua mấy vần “ca dao” khá phổ biến sau cũng nói lên điều đó;

Một yêu, anh có may ô

Hai yêu, anh có cá khô ăn dần

Học viên ban ngày đã phải lên lớp suốt, tối đến còn sinh hoạt tổ tam - tam, ôn luyện văn hóa như “đánh vật”, với đủ loại nội dung, công thức, quy tắc quy phạm; làm bài tập và chuẩn bị sát hạch từng môn. Ý thức sâu sắc được tầm quan trọng và tính chất khẩn trương của khóa đào tạo, hầu như không phải tổ chức buổi dã thông tư thông nào, hoặc giải quyết một vụ việc nổi cộm vi phạm quy tắc, mất đoàn kết nghiêm trọng nào, suốt từ đầu đến cuối khóa học. Cuối khóa học, đồng chí Lương Hữu Sắt, thủ trưởng mới của Binh chủng đã đến biểu dương và khích lệ tinh thần học tập của anh em. Đồng chí cũng mang đến cho lớp học nhiều thông tin quan trọng kịp thời. Nhưng còn một điều sâu xa nữa đó là việc kẻ thù Mỹ, Diệm ngày càng ra mặt phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, liên tiếp đưa vào miền Nam nước ta hàng ngàn tấn vũ khí kể cả máy bay, xe tăng, tàu chiến và ráo riết hành quân càn quét, gây bao tội ác man rợ đối với đồng bào ta. Chúng trắng trợn hò hét “Bắc tiến” và liên tiếp xâm phạm vùng trời, vùng biển, vùng phi quân sự của ta.

Diễn biến của tình hình chính trị được gắn liền trong các bài giảng làm các học viên từng giờ, từng phút tranh thủ học tập rèn luyện, mong mỗi được sớm tỏa về các trận địa ra-đa, tổng trạm chỉ huy của binh chủng. Vào dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Tám năm 1958 với kết quả sát hạch, 100% học viên đạt yêu cầu, số lớn thuộc loại khá và giỏi.

Đối với tôi cho tới giờ, nghĩa là gần nửa thế kỷ đã trôi qua, tôi vẫn chưa quên cái cảm giác đầu tiên, khi đặt chân vào căn nhà to, rộng, nửa nổi, nửa chìm và xung quanh toàn cửa kính, nằm ngay gần cổng ra vào của Bộ tư lệnh Phòng không, được gọi là Tổng trạm tình báo binh phòng không. Rất nhiều trang thiết bị lạ mắt như bàn gỗ tròn to, đặt bản đồ, có phủ tấm mi ca với rất nhiều bút màu, những bàn nhỏ hơn có micrô và tai nghe, những tấm bảng có đèn xanh, đỏ... làm tôi liên tưởng đến những trường quay của truyền hình, là nơi sau này tôi thường xuyên làm việc.

Bắt đầu ca trực, các sĩ quan chỉ huy Tổng trạm như các đồng chí Nguyễn Kim Thiệu, Đỗ Văn Năm, Nguyễn Đình Sơn, Trần Liên, Nguyễn Kiến Khang, Hứa Mạnh Tài và các sĩ quan phương hướng như chúng tôi cùng các chiến sĩ tiêu đồ viên khẩn trương vào vị trí. Tất cả răm rắp, đúng giờ giấc, đúng tác phong chính quy, vẻ mặt trang nghiêm, tư tưởng tập trung cao độ, luôn luôn sẵn sàng đón nhận tín hiệu từ các trận địa ra-đa, các vọng quan sát báo về và xử lý các tình huống theo chức năng và phương án. Cứ như vậy suốt 8 tiếng không xem báo, đọc sách, không nói chuyện, không hút thuốc, không nghỉ giữa giờ và ngày này qua ngày khác. Chỉ có khác là hôm nay trực sáng thì mai trực chiều và ngày kia trực tối. Rồi lại xoay vòng nếu không có gì đột xuất... Thực tình ban đầu rất khó chịu, thậm chí tưởng có lúc không gượng nổi nếu không mau chóng thích nghi. Nói vậy, chứ ăn, ngủ bất kỳ đâu có dễ! Nhất là chỗ ở và điều kiện phục vụ lúc đó còn rất nhiều khó khăn, riêng việc xe cộ đi lại suốt ngày và cái bể bơi quá âm ỉ bên cạnh đã làm nhiều anh em khó lòng nhắm mắt, mặc dù đang ở tuổi ăn, tuổi ngủ... Nhưng rồi tình hình cũng dần dần được cải thiện, cộng với những điều chỉnh, cải tiến, chống máy móc rập khuôn, vả lại vào thời đó, thẳng địch cũng chỉ lảng vảng ngoài xa, họa hoằn mới có 1, 2 chiếc cố tình bay vào, thăm dò hoặc thả biệt kích. Mỗi lần có tình huống như vậy là một lần thử thách trình độ của máy móc, trang thiết bị cũng như trình độ và ý chí của mỗi người trong tổng trạm. Mọi hoạt động đều kết thúc hoàn hảo, đảm bảo những mục tiêu đề ra góp phần nâng cao tay nghề và lòng tin đối với từng cán bộ, chiến sĩ. Nó chứng tỏ bước đầu, mạng lưới ra-đa đã thực sự phát huy hiệu lực, và nhất định sẽ ngày càng hoàn thiện hơn qua cọ xát với một đối thủ rất mạnh và rất xảo quyệt là

không lực Hoa Kỳ.

Theo định kỳ tổng trạm lại tổ chức những đợt đi kiểm tra và khảo sát thực tế tại các khu vực trọng điểm cùng các trận địa ra-đa, vọng quan sát một vùng duyên hải, từ Đồ Sơn qua Thái Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa, Quảng Bình, đã giúp các đơn vị tháo gỡ khó khăn, bổ sung phương án, tăng cường quan hệ với các đơn vị, cơ quan và nhân dân địa phương. Những cuộc đi như vậy để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp, bên cạnh những thu hoạch về mặt chuyên môn, nghiệp vụ đối với từng cán bộ tổng trạm kể cả các đồng chí cố vấn.

Gần nửa thế kỷ đã trôi qua, Binh chủng Ra-đa anh hùng tròn 45 tuổi, các chàng trai trẻ - học viên các lớp kỹ thuật, chiến thuật ra-đa đầu tiên tại sân bay Gia Lâm đều đã sang tuổi “Cổ lai hy” đã trở thành những ông nội, ông ngoại. Nhiều người đã ra đi vĩnh viễn trong chiến đấu và vì tuổi tác, bệnh tật. Do cuộc sống đời thường còn nhiều nỗi trăn trở chông gai, những hình ảnh của mình và bè bạn trong những buổi đầu thành lập binh chủng cũng dần dần đi vào quên lãng.

Giờ đây, nếu con cháu họ có nối nghiệp cha ông, phục vụ trong các đơn vị ra-đa, thì chắc cũng khó mà hình dung được cái quá khứ mệnh mang, xa lắc, những người sinh ra họ đã sống ra sao, đã có những gì trong tay để trụ lại được trong cuộc đối đầu không cân sức, kéo dài hàng thập kỷ với không quân và hải quân Mỹ.

Đế rồi, đến những ngày cuối tháng Chạp năm 1972, họ lại lập công đầu bằng việc phát hiện kịp thời và khẳng định từng đàn siêu pháo đài bay B-52 “ngáo ộp” hòng hủy diệt Thủ đô Hà Nội.

Với trí tuệ tuyệt vời và sự hy sinh cao cả họ đã dẫn đường cho tiêm kích MIG và bảo đảm cho rừng lúa Thăng Long “quật ngã chúng, tạo nên một trận Điện Biên Phủ trên không” vĩ đại, có một không hai trong lịch sử. Trước cái vĩ đại của dân tộc chúng ta biết mấy tự hào về sự đóng góp của Binh chủng Ra-đa anh hùng. Giờ đây, ôn lại chuyện xưa, chúng ta liên hệ đến mấy vần thơ chí lý và đầy tình người của nhà thơ lớn dân tộc bác Tố Hữu.

“Yêu biết mấy, những bước đi, dáng đứng,

Của đời ta chập chững bước đầu tiên”

(Mùa thu mới)

“Ngọt bùi nhớ lúc đang cay

Ra sông, nhớ suối, có ngày nhớ đêm...”

(Việt Bắc)

Hà Nội, mùa thu 2003

TRẬN ĐỊA VÀ BỘ ĐỘI RA-ĐA

TRẦN LIÊN

Đại tá Nguyên Phó tư lệnh Binh chủng Ra-đa

Tôi còn nhớ mãi ngày đầu triển khai (1959) ta mới chỉ có 8 đài ra-đa cùng một loại sóng mét. Kể đó từ 1960 - 1964 mới từng bước được tăng thêm về số lượng nhưng cũng vẫn loại sóng mét và một số ít sóng đề-xi-mét công suất thấp. Các loại đài này của bạn viện trợ đều là loại đã cũ công suất thấp và hầu như chưa có thiết bị hỗ trợ cần thiết. Thiết bị chống nhiễu địa vật hay chống nhiễu tích cực, tiêu cực cũng mới chỉ giản đơn là thay đổi xê dịch cánh sóng hoặc xê dịch chút ít dải tần thu phát. Từ cuối năm 1964, bước vào chiến tranh, trang bị ra-đa có được bổ sung và cải tiến hơn, công suất có lớn hơn

nhất là thêm loại đài sóng cen-ti-mét để trang bị bảo đảm dẫn đường cho không quân nhưng cũng chưa được cải tiến nhiều về kỹ thuật.

Địa hình nước ta vừa dài, hẹp lại nhiều rừng núi. Tuyến bờ biển không những dài lại bị lõm vào phía nội địa và có nhiều đảo nhỏ. Tuyến biên giới là rừng núi hiểm trở, nên đối với ra-đa đây là loại địa hình rất phức tạp.

Để có một trường ra-đa chặt chẽ nhiều tầng, nhiều hướng bao phủ diện rộng đòi hỏi phải công phu nghiên cứu bố trí đội hình, phát huy hết tính năng của từng loại đài hợp lý. Vì thế công tác trận địa được đặt thành vấn đề lớn trong cả quá trình triển khai, tìm chọn bố trí đội hình.

Từ năm 1960 Phòng Ra-đa trình sát cũng như ban chỉ huy các trung đoàn, đại đội ra-đa đã thường xuyên chăm lo nghiên cứu cả về lý luận và thực tế địa hình từng khu vực để tìm chọn trận địa nhất là ở vùng rừng núi. Đưa ra-đa lên cao để hạ thấp và vươn xa cánh sóng, hạ góc che khuất nhưng làm sao để giảm sóng về địa vật, để bắt được mục tiêu không bị đứt đoạn.

Việc bố trí đội hình một trận địa ra-đa phải ra sao để các đài ra-đa, cũng như ra-đa và máy thu phát vô tuyến thông tin không nhiễu lẫn nhau; không chiếm nhiều đất đai trồng trọt của dân, không ảnh hưởng đến sức khỏe của dân và bộ đội khi phát sóng cao tần mà vẫn phát huy được hết tính năng của khí tài bảo đảm nhiệm vụ.

Thế là các cuộc tập huấn cho cán bộ chỉ huy các cấp ngành ra-đa về tìm chọn trận địa, cách đo đạc địa hình, tính toán vùng phản xạ Fresnel ($OP = 4ha/\lambda...$) cho các đài sóng mét và đề-ci-mét, tìm chọn độ cao thích hợp cho từng loại đài sao cho cánh sóng khít nhau khỏi lọt mục tiêu ($\sin \theta = \lambda/4ha...$

$n = 2ha/\lambda \dots$) tính toán cách vẽ cánh sóng đã được gấp rút tiến hành. Bộ tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân gồm cả đồng chí Tư lệnh Phùng Thế Tài - Phó tư lệnh Lê Văn Trị chủ trì mở hội nghị chuyên đề về trận địa ra-đa có các chuyên viên ra-đa, thông tin tham dự và đi xuống thực địa trận địa ra-đa ở Vạn Điểm để kiểm nghiệm và kết luận. Năm 1961 ta đã đưa ra-đa 406 bố trí ở đỉnh cao 75m ở Đồi Sơn lấy biển làm mặt phản xạ thấy rõ cự ly phát hiện xa hơn bắt mục tiêu thấp hơn, nhiều lần phát hiện cả tàu biển nhưng sóng về địa vật lại quá nhiều. Ở cự ly từ 70 - 80km trở vào sóng về địa vật trắng xóa cả màn hiện hình cả 360° do cánh sóng đuôi và cạnh thu về. Đại đội 1 ở Cò Nòi, Sơn La bố trí có chút ít mặt phản xạ nhưng lại là thung lũng bốn bề núi non góc che khuất lớn. Tổ chức dùng Li-2 bay kiểm nghiệm ra-đa chỉ phát hiện mục tiêu ở cự ly gần 50 - 60km trên đỉnh đầu dọc thung lũng sông Đà. Một số trận địa khác như ở Điện Biên cũng bị tình trạng như vậy. Rõ ràng trường ra-đa ở hướng Tây Bắc chưa được bảo đảm. Chiến tranh ngày càng tới gần, năm 1964 ta đưa thí điểm ra-đa 406 lên Tam Đảo ở điểm cao 1300m hy vọng khống chế vùng trời hướng Đông Nam Hà Nội và khắc phục góc che khuất của dãy Tam đảo. Đại đội ra-đa 21 đã mất 30 ngày trời làm đường, tháo, kéo, khiêng, vác máy lên triển khai. Rõ ràng cự ly phát hiện ở đây xa hơn vươn tới ngoài cửa sông Ba Lạt, Thái Bình nhưng cũng như ở Đồi Sơn sóng về địa vật quá dày chiếm gần nửa màn hiện sóng. Trắc thủ Đặng Quang Đại đã phải học thuộc tới 2500 sóng về địa vật để có thể phát hiện và phân biệt mục tiêu vì ra-đa chưa có thiết bị chống nhiễu địa vật. Thật là gian khổ cho trắc thủ chưa kể đến điều kiện sinh hoạt khó khăn và nạn hay bị sét đánh mùa mưa. Hướng Tây và Tây Nam Hà Nội là hướng chính, không quân Mỹ cất cánh từ Thái Lan sang đánh phá, ta loay hoay mãi với vài trận địa ở cao nguyên Mộc Châu có mặt phản xạ nhưng lại bị dãy Pha Luông cao 1500 - 1900m che khuất hướng chính nên chỉ còn cách đặt máy sang bên kia núi, hy sinh mặt sau, tận dụng thảm rừng già thượng Lào phía trước là mặt phản xạ để vươn xa cánh sóng sang tận đất Thái và khắc phục sóng địa vật bằng cách lấy dãy núi cao làm vật chắn phía sau. Đây là một trận địa lý tưởng của vùng rừng núi và Trung đoàn Tô Hiệu đã dày công tìm được. Trạm ra-đa này đã được bố trí ở đây gần như suốt cuộc chiến tranh, được coi như là một trạm chốt, chủ lực của hướng Tây Hà Nội. Không quân địch ngay từ ngày đầu leo thang đánh phá ra ngoài vĩ tuyến 200 bắc đã đánh phá ác liệt trạm này nhưng với chiến thuật cơ động quanh chốt đó đi đôi với công tác ngụy trang và tổ chức hầm hào phòng tránh nên chúng ta trụ vững liên tục bảo đảm nhiệm vụ.

Cuối năm 1965, các đoàn quân sự Triều Tiên, Cu Ba, Ba Lan, Hungari sang ta nghiên cứu và rút kinh nghiệm chiến đấu. Tôi đã giới thiệu với họ kinh nghiệm chọn trận địa ở vùng rừng núi phía Tây này. Đoàn Triều Tiên đã nghe rồi về báo cáo với trong nước nhưng bị chất vấn và cho là khó tin!

Năm 1967 họ sang lại xin ta đi thực địa để thấy tận mắt. Họ đã đến trạm và thấy rõ mục tiêu ở cự ly 350km trên màn hiển sóng, sau đó về nghe ta phân tích thêm về lý luận mới chịu về nước. Họ khen “Bộ đội ra-đa Việt Nam xứng đáng được Tổ quốc tin cậy”.

Trong chiến tranh chúng ta đã liên tiếp tìm và triển khai nhiều trạm lên cao để khắc phục địa hình rừng núi phía Tây như ở Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An... Có trận địa đường lên quanh co gần 10km, đưa máy lên dựa vào công sức của công binh và dân quân địa phương, rồi thử ở các điểm cao 500, 700, 1000m và đã phát hiện địch ở cự ly trên 300km. Hay thời kỳ năm 1972 ta đã tận dụng triển khai các loại ra-đa đã cũ (địch không chú ý) cũng như đưa một số trạm ra-đa của Trung đoàn Sông Mã sang phía tây Trường Sơn để mở rộng trường ra-đa phát hiện B-52 trong nhiều xa hơn, sớm hơn. Có thể nói là cả quá trình chiến tranh chúng ta không ngừng củng cố đội hình tạo thế trận có chiều rộng và chiều sâu, có tuyến xa và tuyến gần thực hiện chiến thuật: “Lấy sau bù trước, hai bên sườn bổ trợ chính diện” để bao vây phát hiện địch từ nhiều phía trong đội hình nhiều dãy đặc cũng như “lấy thô sơ để khắc phục hiện đại” giành bất ngờ phát hiện địch bảo đảm cho hỏa lực tiêu diệt.

Nhờ những kinh nghiệm bố trí và sử dụng lực lượng trên mà ra-đa ra đã phát hiện B-52 ngay từ tối đầu, trận đầu của cuộc tập kích đường không chiến lược của địch vào Hà Nội đêm 18 tháng 12 năm 1972 bảo đảm cho tên lửa ta chủ động bắn rơi B-52 tại chỗ bắt sống giặc lái.

Sau này khi phải đối phó với không quân địch phía Bắc với những kinh nghiệm sẵn có chúng ta đã nhanh chóng tìm trận địa triển khai đội hình chuyển hướng trường ra-đa kịp thời bảo đảm nhiệm vụ.

Việc làm sơ đồ trận địa, khả năng phát hiện thực tế của từng đài, ở trận địa là một yêu cầu không thể thiếu được người trắc thủ, đài trưởng đến người chỉ huy đại đội tiểu đoàn, trung đoàn và binh chủng phải nắm vững khả năng thực tế của từng trạm để có thể cắt lịch trực ban hàng ngày cũng như lệnh mở máy khẩn trương khi có tình huống được sát đúng và kịp thời. Khả năng phát hiện của từng đài ở từng trận địa không chỉ làm 1 lần mà phải thường xuyên được trắc thủ và đài trưởng bổ sung qua thực tế chiến đấu.

Công tác trận địa là một nội dung rất quan trọng của công tác tham mưu ra-đa nên trong biên chế của cơ quan tham mưu từ binh chủng đến trung đoàn đều có tổ trận địa.

Quá trình triển khai ra-đa tôi cho đây là một công tác phức tạp khó khăn phải mất nhiều công sức nhất, nhưng chúng ta đã thành công và đã đúc rút ra được nhiều kinh nghiệm quý.

THỂ TRẬN BẮT THẤP CỦA ĐOÀN BA BẾ

BÙI ĐÌNH CƯỜNG

Đại tá Nguyên tư lệnh Binh chủng Ra-đa

Tháng 8 năm 1965, từ trung đoàn 290 tôi được lệnh ra nhận nhiệm vụ ở trung đoàn 291. Tạm biệt trung đoàn 290 tôi quyến luyến vô cùng. Kể từ lúc đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại đến nay, trung đoàn 290 đã thắng trận đầu và hên tục bám trụ, kiên cường phát sóng cùng quân và dân Khu 4 đánh bại mọi âm mưu và thủ đoạn đánh phá của địch. Bắt tay tạm biệt mà

chân không muốn bước, không muốn rời vùng chiến trường nóng bỏng là quê hương tôi...

Ngày 30 tháng 8 năm 1965 tôi ra đến sở chỉ huy trung đoàn 291 đóng tại Gia Lâm - Hà Nội. Thú thực, lúc ra nhận nhiệm vụ ở trung đoàn 291 tôi rất lo lắng, nhiệm vụ chiến đấu của đơn vị rất nặng nề trong khi khả năng và kinh nghiệm của bản thân còn hạn chế. Hơn nữa vùng trời Hà Nội, Hải Phòng, khu vực đồng bằng Bắc Bộ đối với tôi lúc này là một chiến trường mới, trong công tác chỉ huy nhất định sẽ có nhiều bờ ngõ khó khăn. Nhưng tôi tin rằng trung đoàn 291 sẽ hoàn thành nhiệm vụ. Đây là trung đoàn đầu tiên của lực lượng ra-đa Việt Nam có đội ngũ vững vàng về chính trị, khả năng chuyên môn tương đối khá và đã trải qua mấy tháng chống chiến tranh phá hoại nên có ít nhiều kinh nghiệm chiến đấu. Trang bị khí tài của trung đoàn cũng “dồi dào” hơn trung đoàn 290, ở đây П15 khá nhiều, một điều kiện thuận lợi cho nhiệm vụ phát hiện máy bay tầng thấp.

Từ tháng 6 trở lại địch ngày càng tăng cường các loại máy bay tầng thấp, đặc biệt là máy bay không người lái vào trinh sát khu vực đồng bằng Bắc Bộ, Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Việt Trì, các khu công nghiệp, các đầu mối giao thông quan trọng. Tiếp đó địch sử dụng chiến thuật bay thấp để tiến hành đánh phá các mục tiêu thuộc khu vực này gây cho ta không ít khó khăn và tổn thất. Muốn đánh bại được chiến thuật bay thấp của địch, trước hết mạng ra-đa phải phát hiện và thông báo được tốt để phục vụ hỏa lực tiêu diệt.

Thường vụ Đảng ủy và Bộ tư lệnh Phòng không - Không quân đã giao nhiệm vụ cho trung đoàn 291 phải đảm bảo phát hiện chắc chắn tầng thấp, đặc biệt là đối tượng máy bay không người lái, các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy Quân chủng đặc biệt quan tâm đến vấn đề này, các đồng chí thường xuyên đôn đốc động viên và cố gắng tập trung trang bị khí tài cho trung đoàn 291. Nhưng kết quả phát hiện tầng thấp vẫn chưa được đảm bảo. Dường như địch cũng hiểu được điều này nên chúng không ngừng vận dụng chiến thuật bay thấp để tiến hành trinh sát và đánh phá miền Bắc. Phát hiện máy bay tầng

thấp đang là một thử thách lớn đối với bộ đội ra-đa chúng tôi hồi đó.

Từ Nghệ An ra, trước khi về trung đoàn 291 tôi đã lên gặp đồng chí Đặng Tính, chính ủy Quân chủng Phòng không để nhận nhiệm vụ. Đồng chí thông báo tình hình phát hiện tầng thấp của trung đoàn 291 trong thời gian qua. Những khó khăn thuận lợi và nhiệm vụ sắp tới của trung đoàn. Đồng thời dặn tôi phải theo dõi nghiên cứu quy luật hoạt động của địch thật kỹ, nắm thật chắc, thật sâu sát tình hình đơn vị để xây dựng một phương án tác chiến phù hợp, đánh bại được chiến thuật bay thấp của địch. Tôi cứ nhớ mãi buổi giao nhiệm vụ hôm đó, giọng anh nhẹ nhàng ấm áp, cấp trên giao nhiệm vụ cho cấp dưới mà cứ như một cuộc thảo luận để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ. Nhưng không vì thế mà chúng tôi không quán triệt được tầm quan trọng của nhiệm vụ mà anh thay mặt thường vụ Đảng ủy và Bộ tư lệnh Quân chủng giao. Tôi hứa với anh sẽ cố gắng cùng toàn đơn vị nâng cao khả năng chiến đấu, đảm bảo phát hiện và thông báo tốt mọi đối tượng mục tiêu, đặc biệt là tầng thấp và máy bay không người lái.

Ngay sáng hôm sau, mặc dù chưa nhận bàn giao vì đồng chí trung đoàn trưởng Đào Văn Dương còn bận đi công tác vắng, tôi đề nghị họp Đảng ủy trung đoàn. Nội dung chủ yếu của cuộc họp là tiếp tục khẳng định, quán triệt nhiệm vụ bảo đảm thật tốt các mục tiêu bay thấp của trung đoàn. Tìm ra phương hướng và biện pháp khắc phục để hoàn thành nhiệm vụ. Đảng ủy đã nghiêm khắc đánh giá kết quả chiến đấu vừa qua là chưa tốt, chưa đảm bảo phục vụ hỏa lực tiêu diệt mục tiêu tầng thấp. Để tạo điều kiện hoàn thành nhiệm vụ, Đảng ủy đã chỉ ra những công tác cần thiết phải hoàn thành trong thời gian trước mắt:

- Nghiên cứu xây dựng phương án tác chiến, tổ chức đội hình mạng phát hiện máy bay tầng thấp.

- Xây dựng và cơ động sở chỉ huy trung đoàn về địa điểm mới.

- Phát động phong trào quần chúng nghiên cứu hiến kế lập công, phát hiện máy bay tàng thấp thật tốt.

Sau cuộc họp Đảng ủy trung đoàn tôi dự hội nghị cán bộ trung cao cấp của toàn Quân chủng Phòng không - Không quân. Tại hội nghị này vấn đề đảm bảo phát hiện máy bay tàng thấp được đưa ra như một vấn đề cấp thiết nhất. Các đại biểu dự hội nghị đã khẳng định kết quả phát hiện của ra-đa là điều kiện tiên quyết, là tiền đề cho các lực lượng phòng không của chúng ta đánh thắng được thủ đoạn bay thấp của địch và thắng thắn trao đổi đóng góp nhiều ý kiến vô cùng sát thực và bổ ích cho chúng tôi. Thay mặt cán bộ chiến sĩ trung đoàn 291 tôi phát biểu:

- Toàn trung đoàn tôi sẽ nỗ lực phấn đấu hơn nữa, đảm bảo sau 15 ngày sẽ tổ chức thông báo nội bộ và thông báo trên mạng B1 bằng thoại. Sẽ nghiên cứu tổ chức điều chỉnh đội hình, kỹ thuật thao tác phát hiện... đảm bảo sau 1 tháng phát hiện chặt chẽ máy bay tàng thấp, phục vụ đắc lực nhất cho các đơn vị hỏa lực tiêu diệt địch.

Các đồng chí lãnh đạo và chỉ huy Quân chủng rất tin tưởng và tỏ ý mong đợi kết quả chiến đấu của trung đoàn chúng tôi. Trên đường từ Quân chủng trở về trung đoàn trong lòng tôi ngổn ngang những suy nghĩ và những dự tính công việc mà sắp tới trung đoàn phải làm, làm thật tốt. Câu hỏi: Làm như thế nào luôn ám ảnh tôi đến nỗi khi đồng chí lái xe nhắc tôi mới biết là đã về đến trung đoàn.

Muốn đánh bại đối phương trước hết phải hiểu rõ đối phương. Từ phương

châm đó, chúng tôi tổ chức nghiên cứu thủ đoạn bay thấp của địch. Sau khi sử dụng chiến thuật bay tầng trung, tầng cao bị thất bại, địch sử dụng chiến thuật bay thấp và đã gây cho ta không ít khó khăn. Qua theo dõi chúng tôi thấy các loại máy bay trinh sát tầng thấp thường đột nhập từ hai hướng:

- Hướng thứ nhất đột nhập khu vực từ Phát Diệm đến sông Đáy bay qua Ninh Bình, Nam Định, Phủ Lý vào Hà Nội lại chia 2 đường nhỏ. Một đường từ Hà Nội dọc theo đi lên quá Hà Bắc băng qua đường 18 về khu Đông Bắc ra biển, một đường từ Hà Nội dọc theo đường 2 lên Việt Trì - Phú Thọ, vòng về Mộc Châu sang Lào.

- Hướng thứ hai đột nhập khu vực từ cửa Ba Lạt đến sông Bạch Đằng bay theo trục đường 18 hoặc giữa trục đường 18 hoặc đường 5 qua Hải Phòng - Hà Bắc lại chia thành hai đường nhỏ. Một đường từ Hà Bắc dọc về Hà Nội - Phủ Lý - Nam Định và ra biển. Một đường từ Hà Bắc - Vĩnh Phú dọc đường 2 lên Việt Trì - Phú Thọ qua Lào.

Vì vậy muốn phát hiện được loại mục tiêu này cần phải bố trí một mạng ra-đa ven biển để có thể vươn xa cự ly phát hiện về phía Đông, chủ yếu thuộc khu vực địch thường đột nhập, nói cách khác phải xây dựng một tuyến ra-đa miền duyên hải. Về phía ta, lúc bấy giờ ở khu vực này có các đại đội 23, 25, 19, 46, 24, 28 được trang bị các loại máy $\Pi 8$, $\Pi 10$, $\Pi 15$, 406. Nhưng thực tế cho thấy chất lượng phát hiện của các đại đội đều chưa tốt. Tại sao lại có tình trạng này? Có nhiều hôm tới 11 - 12 giờ đêm chúng tôi vẫn thức để trao đổi tranh luận với nhau. Cuối cùng chúng tôi thống nhất phải trực tiếp xuống nghiên cứu tại chỗ mới hòng khắc phục được tình trạng này.

Trước tiên, chúng tôi xuống đại đội 25 đang bố trí ở Tây Ninh - Tiền Hải - Thái Bình. Nghiên cứu vị trí đặt máy, mặt phản xạ chúng tôi thấy vị trí này chỉ phù hợp với phát hiện tầng trung và tầng cao, khả năng phát hiện tầng

thấp bị hạn chế. Các đồng chí trợ lý trận địa của trung đoàn cùng cán bộ đại đội 25 đã tìm được ở An Bồi, Tiền Hải một vị trí rất thuận lợi để triển khai trận địa ra-đa có khả năng bắt thấp tốt. Được sự giúp đỡ của Đảng ủy, chính quyền và nhân dân địa phương, đại đội 25 đã hoàn thành triển khai trận địa mới. Đại đội 25 đóng tại đây sẽ thành một cái chốt rất quan trọng quản lý hướng đột nhập từ cửa Ba Lạt vào nội địa của các loại máy bay tầng thấp, nhất là máy bay không người lái.

Tiếp đó chúng tôi điều chỉnh trận địa của đại đội 46 từ Ngũ Phúc - Kiến Thụy - Thái Bình về (Minh Tân - Kiến Thụy - Thái Bình) để quản lý cửa Văn Úc - Nam Triều. Đại đội 24 từ nông trường Rạng Đông về Nghĩa Thành - Nam Hà. Đại đội 19 từ Quảng Hùng (Quảng Xương - Thanh Hóa) về Quảng Đông quảng Xương - Thanh Hóa).

Nhằm tăng cường khả năng phát hiện cho tuyến ra-đa miền duyên hải, ban chỉ huy trung đoàn quyết định tổ chức 4 vọng quan sát ở cửa Đáy, Ba Lạt, Văn Úc, Cát Bà đồng thời đặt một trạm tiếp sức để tiếp nhận tình báo của 4 vọng quan sát này ở núi Gôi - Ninh Bình.

Để chuyển tiếp hệ thống ra-đa trinh sát từ tiền duyên vào đến nội địa và Hà Nội, được sự đồng ý của cấp trên, trung đoàn chúng tôi tiến hành triển khai và điều chỉnh trận địa một số đại đội. Đại đội 21 ở Thư Tân - Nguyên Lý, Nam Hà, đại đội 27 ở Thuận Thành - Hà Bắc...

Sau khi điều chỉnh lại đội hình ra-đa toàn khu vực của trung đoàn phụ trách, khả năng phát hiện, nhất là tầng thấp tăng lên một cách rõ rệt và ngày càng đảm bảo chắc chắn hơn. Tiếp đó tất cả các đại đội đều được trang bị máy Π15, một điều kiện thuận lợi cho trung đoàn hoàn thành nhiệm vụ quản lý chặt chẽ tầng thấp.

Khâu phát hiện nhìn chung tạm thời có thể vừa lòng nhưng vấn đề thông báo đang còn nhiều điểm chưa hợp lý ảnh hưởng đến toàn bộ quy trình hoạt động chiến đấu của toàn đơn vị cần được nhanh chóng cải tiến. Mục đích của sự cải tiến này là nhằm rút gọn lại thời gian thông báo từ lúc các trắc thủ phát hiện được mục tiêu đến khi tình báo này về đến sở chỉ huy và các đơn vị hỏa lực Phát hiện tốt nhưng thông báo chưa tốt, lượng thông tin được thông báo chậm thì giá trị của lượng thông tin này giảm sút, ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình hợp đồng chiến đấu giữa ra-đa - hỏa lực. Nhận thức thật sâu sắc điều này, đối chiếu thực tế của trung đoàn trong chúng tôi ai cũng thấy rằng cần phải tìm cách khắc phục khó khăn, cải tiến và nâng cao chất lượng công tác thông báo.

Được sự đồng ý của cấp trên, Đảng ủy và ban chỉ huy trung đoàn đã quyết định thử nghiệm đại đội 21 thông báo bằng tín sang thông báo bằng thoại. Quy trình thông báo bằng tín có 7 khâu tất cả nhưng chuyển sang thông báo bằng thoại chỉ còn 3 khâu. Thời gian thông báo bằng thoại từ lúc phát hiện đến tổng trạm chỉ hết 60 giây hoặc ít hơn. Bên cạnh đó chúng tôi vẫn chủ trương củng cố hệ thống thông báo tín để hoàn chỉnh phương tiện thông tin, thông báo, đảm bảo yêu cầu chiến đấu.

Thử nghiệm ở đại đội 21 thành công, chúng tôi tiến hành cải tiến đồng loạt toàn trung đoàn. Đã có kết quả tiến lên công tác này nhanh chóng được hoàn thành trong vòng chưa đầy hai tuần lễ. Tôi ngạc nhiên về kết quả này, một thực tế khó cắt nghĩa - Khối lượng công việc khá lớn, nhu cầu vật tư thiết bị rất nhiều, nhân viên kỹ thuật để lắp đặt thiết bị thiếu... và mãi đến bây giờ tôi vẫn chưa hết ngạc nhiên về “tốc độ khủng khiếp” này cho dù ngay từ đầu tôi vẫn biết đó là kết quả của những ngày lao động miệt mài, cật lực nhất của toàn thể cán bộ chiến sĩ trung đoàn 291. Khi đã ý thức được giá trị công việc mình làm thì “dời non lấp biển” là một khả năng thực tế đối với bộ đội chúng ta. Chúng tôi thường nói với nhau điều đó.

Ngay từ hôm mới về nhận nhiệm vụ ở trung đoàn 291 tôi đã nghiên cứu các nghị quyết của Đảng ủy và Thường vụ Đảng ủy trung đoàn. Trong nghị quyết quý 4 có nêu rõ: Tháng 11 phải hoàn thành cơ động cơ sở chỉ huy trung đoàn về địa điểm mới ở Công Hòa, Quốc Oai, Hà Tây.

Nhưng đã đến thời hạn trên mà sở chỉ huy vẫn chưa bắt đầu di chuyển được - Trong lúc đó địch ngày càng tăng cường leo thang đánh phá miền Bắc. Máy bay của chúng ngày càng tăng cường trinh sát khu vực Hà Nội. Trong phạm vi trung đoàn muốn đảm bảo chiến đấu trong điều kiện địch mở rộng chiến tranh, liều lĩnh đánh phá Hà Nội, nhất thiết phải triển khai sở chỉ huy ở địa điểm mới như nghị quyết trước đây của Đảng ủy trung đoàn. Thấy vậy, tôi hỏi đồng chí Lê Văn Quất - Phó chính ủy trung đoàn.

- Đề nghị anh cho biết tình hình xây dựng sở chỉ huy trung đoàn ở Quốc Oai đã tiến hành đến đâu rồi, sắp hoàn thành chưa?

Đồng chí Quất trả lời:

- Báo cáo anh đã xây hầm chỉ huy sở.

Sáng hôm sau chúng tôi đi lên Công Hòa - Quốc Oai thật sớm để kiểm tra cụ thể tình hình công việc. Lên đến nơi, chúng tôi thấy chỉ mới đào được hầm chỉ huy sở rất sơ sài chưa gia cố chống đỡ, nóc hầm lát chưa đảm bảo kỹ thuật và gay cấn nhất là chưa có nguồn điện.

Thấy tình hình như vậy, tôi rất lo. Vì thế ngay tối hôm đó sau khi về đến trung đoàn, tôi đề nghị họp thường vụ Đảng ủy, chúng tôi thảo luận vấn đề

hết sức sâu sắc và nghiêm túc. Về cuối cuộc họp tôi phát biểu:

Cơ động sở chỉ huy trung đoàn là cần thiết và đã trở nên cấp bách. Đó là công việc phải làm và làm thật khẩn trương. Khó khăn rất nhiều nhưng phải hoàn thành đúng thời gian Quân chủng quy định. Muốn vậy chúng ta phải hết sức phấn đấu đem hết khả năng của trung đoàn để làm việc và phải dựa vào sự giúp đỡ của các cơ quan nhà nước, của chính quyền và nhân dân địa phương.

Tiếp đó tôi đề nghị đồng chí Trần Doãn Tuyết đi liên hệ nhờ sở điện Hà Nội giúp đỡ kéo nguồn điện từ thị xã Sơn Tây về sở chỉ huy trung đoàn. Hàm chỉ huy sở và nhà của bộ đội sẽ liên hệ nhờ sự giúp đỡ của chính quyền và nhân dân địa phương.

Hôm sau đồng chí Tuyết đi gặp đồng chí giám đốc sở điện Hà Nội. Nghe đồng chí Tuyết trình bày nhiệm vụ và khó khăn của đơn vị, đồng chí giám đốc rất vui vẻ nhận lời triển khai xây dựng đường dây tải điện Sơn Tây - Công Hòa phục vụ trung đoàn 291 chiến đấu. Về sau tôi biết rõ hơn, mặc dù tuyến đường này khá dài (17km) và không có trong kế hoạch xây dựng của cơ quan nhưng với tinh thần tất cả vì sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, các đồng chí đã đưa ra thảo luận ở Đảng ủy của Sở và việc xây dựng đường dây này đã trở thành quyết nghị của Đảng ủy Sở điện Hà Nội. Điều kiện xây dựng trong chiến tranh hết sức khó khăn nhưng cán bộ công nhân sở điện đã tổ chức thi công hoàn chỉnh công trình này trong vòng 1 tháng vượt chỉ tiêu tiến độ thi công 15 ngày. Trung đoàn thiếu biến thể điện, các đồng chí trong ban giám đốc Sở bàn bạc thảo luận quyết định cung cấp cho trung đoàn để đảm bảo nguồn điện về sở chỉ huy đúng kế hoạch.

Cùng thời gian đó, được sự giúp đỡ của Đảng ủy, chính quyền và nhân dân xã Công Hòa, trung đoàn 291 đã hoàn thành hàm chỉ huy sở, nhà ở cho bộ

đội... Nhân dân địa phương đã tự nguyện phá ruộng đồng để chúng tôi làm nhà kho, làm bếp...

Tưởng chừng phải bó tay trước những khó khăn thiếu thốn và sự hẹp hòi của thời gian nhưng trung đoàn 291, cán bộ công nhân Sở điện Hà Nội, nhân dân xã Công Hòa đã làm được những gì mình định làm.

Tôi còn nhớ, khi thấy bác nông dân đang phá gần hết các ruộng dong chưa đến kỳ thu hoạch, tôi rất ái ngại và rất tiếc khi nhìn thấy hàng đồng khoai bỏ đi. Tôi liền ra nói chuyện với bác và tỏ ý lấy làm tiếc, vì nhiệm vụ của đơn vị chúng tôi mà phải phá bỏ mất nhiều hoa màu, làm phiền đến nhân dân địa phương. Dùng tay đào phá dong, bác nói với tôi:

- Để phục vụ bộ đội chiến đấu thì 1 ruộng dong chứ 10 ruộng dong chúng tôi cũng không tiếc. Chúng tôi phá là vì nhiệm vụ chung, vì lợi ích chung, vì lợi ích lâu dài của chúng tôi chứ có phải vì đồng chí hay đơn vị của đồng chí đâu mà đồng chí lo lắng suy nghĩ.

Nghe vậy, tôi không dám nói gì thêm. Vì lợi ích chung của dân tộc, của cách mạng, trước hy sinh mất mát, con người ta trở nên tỉnh táo hơn, cao thượng hơn và biết coi thường lợi ích cá nhân hơn bao giờ hết. Có lẽ đây là nguồn gốc sức mạnh tinh thần của hàng ngàn năm lịch sử liên tiếp chiến thắng mọi thế lực ngoại xâm của dân tộc ta.

Được sự đồng ý của Bộ tư lệnh Quân chủng, chúng tôi tổ chức cơ động sở chỉ huy trung đoàn về địa điểm mới. Cơ động được một thời gian ngắn thì địch bắt đầu leo thang đánh phá Hà Nội. Ngay trận đầu tiên, trung đoàn 291 đã phục vụ các lực lượng phòng không Hà Nội bắn rơi máy bay địch trên bầu

trời Thủ đô.

Thế trận đẹp, khí tài hiện đại, tuy chưa đủ đảm bảo cho thắng lợi của trận đánh nhưng yếu tố con người là yếu tố quyết định sự thắng bại của cuộc chiến. Đó là chân lý và là thực tiễn. Là một cán bộ chỉ huy bất cứ ở chức vụ nào cũng cần phải hiểu điều đó thật sâu sắc và phải vận dụng linh hoạt vào thực tế chiến đấu của mình, nếu không sự khắc nghiệt của chiến tranh cũng sẽ dạy cho ta điều đó với giá đắt không lường trước được.

Kết hợp với điều chỉnh đội hình, tổ chức trang bị thêm khí tài, cải tiến phương tiện thông tin... trung đoàn 291 phát động phong trào thi đua nghiên cứu phát hiện máy bay tầng thấp đặc biệt là máy bay không người lái. Phong trào thi đua diễn ra hết sức sôi nổi ở khắp các đại đội, các cơ quan toàn trung đoàn. Đại đội 25 là đơn vị đầu tiên của trung đoàn đảm bảo phát hiện tương đối khá mục tiêu tầng thấp và không người lái. Các đồng chí trắc thủ Đỗ Ngoạn, Trần Danh Tuyên đã liên tục bám máy nghiên cứu tìm ra quy trình thao tác hợp lý để phát hiện được các mục tiêu bay thấp kể cả máy bay C130 phóng máy bay không người lái. Qua thực tế chiến đấu mỗi đồng chí có những kinh nghiệm thao tác phát hiện C130 khác nhau. Sau khi xác định được các tốp ở ngoài khơi, đồng chí Đỗ Ngoạn dùng tay quay cơ khí để xác định C130 như đồng chí Trần Danh Tuyên thì vẫn dùng tay quay điện khí để xác định. Về sau các đồng chí trắc thủ này có thể xác định được chắc chắn lúc nào thì máy bay C130 phóng máy bay không người lái vào đất liền. Sau đó các đại đội tổ chức học tập rút kinh nghiệm đảm bảo phát hiện được C130 phóng máy bay không người lái. Trưởng thành từ thực tế chiến đấu ở trung đoàn 291 đã xuất hiện một đội ngũ trắc thủ phát hiện tầng thấp rất xuất sắc. Ở đại đội 46 có đồng chí Nguyễn Văn Giảng, ở đại đội 19 có đồng chí Bùi Tuấn Lý... Trong những trường hợp cần thiết, ở sở chỉ huy trung đoàn chúng tôi vẫn trực tiếp chỉ thị xuống các đại đội đề nghị các đồng chí trắc thủ xuất sắc đó vào trực ban. Gần như trung đoàn trực tiếp chỉ huy các đồng chí “con cưng” này. Để tiện chỉ huy tôi đã bàn với đồng chí Tuyết đặt số cho từng đồng chí một, phiên hiệu như số áo của các cầu thủ.

Từ chỗ 1 đại đội chỉ có một vài trắc thủ phát hiện thành thạo C130 phóng máy bay không người lái và các loại máy bay bay thấp, chúng tôi đã tổ chức phổ biến kinh nghiệm kèm cặp giúp đỡ nhau, đồng chí phát hiện giỏi giúp đỡ thêm đồng chí phát hiện chưa giỏi. Toàn trung đoàn thực sự trở thành trường học. Quá trình chiến đấu đồng thời là quá trình học tập, rèn luyện “đội tuyển” của chúng tôi ngày càng đông đảo và vững vàng hơn. Vì vậy kết quả phát hiện của chúng tôi ngày một đảm bảo hơn, phục vụ hết sức đắc lực cho các lực lượng phòng không đánh bại chiến thuật bay thấp của không quân Mỹ.

Đối phó với thủ đoạn bay thấp của không quân Mỹ thực sự là một thử thách quyết liệt đối với các lực lượng phòng không nói chung và bộ đội ra-đa nói riêng. Đó là một cuộc đấu trí căng thẳng trong cuộc đấu một mất một còn đó, trung đoàn 291 đã giành phần thắng, đã khẳng định được phẩm giá và sức mạnh của mình bằng hành động chiến đấu.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ đã đi qua, cái thời kỳ bắt thấp sôi nổi ấy đã cách đây gần 20 năm rồi mà tôi cứ ngỡ như nó mới diễn ra hôm qua... Làm sao tôi có thể quên được những gương mặt thiếu ngủ vì trực suốt 2 - 3 phiên liên tục của các đồng chí trắc thủ để cất sao nhận dạng thành thạo tín hiệu của C130, của các loại mục tiêu bay thấp trên màn hiển sóng, để tìm ra quy trình thao tác hợp lý nhất, có hiệu quả thấp. Cái dáng tất bật lấm lem dầu mỡ của các đồng chí điện công, những bàn tay chiến sĩ - nghệ sĩ của các đồng chí bảo vụ, tiêu đo... và hình ảnh anh công nhân treo mình trên cột điện kéo dây, bác nông dân tự tay phá ruộng dong do chính tay mình trồng ra... Tất cả đã trở thành ký ức không thể nào quên của tôi. Vòng quay ra-đa lặng lẽ, cuộc chiến đấu của chúng ta tưởng như âm thầm đơn điệu. Nhưng thực tế không như vậy. Đó thực sự là một mặt trận vô cùng sôi nổi ác liệt. Đó là sự đụng độ quyết liệt của cuộc chiến tranh điện tử. Giá trị của những vòng quay lặng lẽ là vô tận và cần phải hiểu rằng những vòng quay đó đã được đảm bảo bằng mồ hôi, thậm chí bằng cả sự hy sinh của những người chiến sĩ ra - đa.

45 năm đã trôi qua kể từ ngày bộ đội ra-đa phát sóng bảo vệ bầu trời Tổ

quốc. Trải qua những năm tháng chiến tranh đội ngũ bộ đội ra-đa đã trưởng thành vượt bậc, trường sóng điện từ của chúng ta đã khép kín bầu trời Tổ quốc. Không một thế lực nào có thể phá hoại được sự bình yên của bầu trời Tổ quốc - đó là điều khẳng định. Dù cho khó khăn gian khổ, thiếu thốn hơn nữa, nhưng nhất định bộ đội ra-đa chúng ta sẽ vượt qua, hoàn thành xuất sắc nhất nhiệm vụ canh trời Tổ quốc.

Nhìn lại đội ngũ hôm nay tôi vui sướng vô cùng nhưng cũng không khỏi chạnh lòng thương nhớ những đồng chí vắng mặt. Các anh đã hy sinh vì sự nghiệp chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc, vì một bầu trời bình yên và cho sự trưởng thành của đội ngũ bộ đội ra-đa ngày nay.

ĐƯA RA-ĐA LÊN ĐỈNH TAM ĐẢO

HỨA MẠNH TÀI

Đại tá Nguyễn tham mưu phó Binh chủng Ra-đa

Đó là vào khoảng 6 năm 1964. Vừa đi công tác xa về đến Hà Nội, tôi được điều động làm trung đoàn phó trung đoàn 291 ra-đa, sở chỉ huy đóng ở sân bay Gia Lâm. Một hôm tôi đang trực trong sở chỉ huy thì có điện cho tôi phải lên ngay Tam Đảo để trực tiếp nhận lệnh của Tư lệnh Quân chủng. Tôi nhanh chóng thu xếp hành trang, cũng đơn giản thôi: Hai bộ quần phục để thay đổi, một chiếc vỏ chăn bộ đội, bản đồ khu vực, sổ công tác rồi cùng 1 đồng chí trợ lý lên xe đi luôn. Sau 2 giờ xe chạy tôi đã có mặt ở “cốt 400”, khu nghỉ mát Tam Đảo Đúng lúc đó, đồng chí đại tá Phùng Thế Tài - Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân (hồi đó), vừa đi kiểm tra trận địa về, quần còn “xắn móng lợn” mồ hôi mồ kê nhễ nhại. Tôi vừa báo cáo “có mặt” xong, đồng chí đã chỉ thị ngay: “Quân chủng quyết định đưa một đài ra-đa 406 lên đỉnh Tam Đảo. Đường làm gấp để kéo xe lên cao và mặt bằng triển khai trận địa do một trung đoàn công binh cơ giới làm. Cậu có nhiệm vụ hiệp đồng với trung đoàn công binh của cậu Thước - Chính ủy và trực tiếp chỉ huy tổ chức cho đại đội 21 đưa khí tài lên triển khai. Phải bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và xe máy. Khi kéo máy lên cao phải triển khai đúng vị trí, bảo đảm

đầy đủ kỹ thuật cho ra-đa, thực hiện đúng thời gian quy định. Việc kéo khí tài nặng hàng chục tấn lên đỉnh cao 1515 m có nhiều khó khăn vất vả, nhất là điều kiện kéo máy theo đường đất làm gấp, dốc cao, đường trơn, vách đứng, vực sâu lại phải chiếm lĩnh lúc trời mưa, tai nạn dễ xảy ra cho người và xe máy. Nhưng vẫn phải dám làm và làm cho bằng được không được để xảy ra một sơ suất nhỏ nào. Đây là một quyết tâm cao của Quân chủng mà cũng là một thể nghiệm mới về chiến thuật, kỹ thuật mở ra triển vọng bố trí ra-đa để bắt các mục tiêu địch bay thấp và thật thấp của Binh chủng Ra-đa. Cậu cùng anh em đại đội 21 phải hết sức cố gắng. Quân chủng tin tưởng ở các đồng chí. Đã làm việc nhiều năm với anh Tài, tôi hiểu tính anh rất quyết đoán, dám nghĩ dám làm, không ưa “bàn chùn” nhưng rất mực thương yêu chăm lo cho cấp dưới và chiến sĩ của anh. Cộng thêm cái “máu” dám làm, dám nghiên cứu mạo hiểm sẵn có trong tôi, tôi nghiêm trang nói luôn: “Anh yên chí, tôi thay mặt anh em xin nhận lệnh của Quân chủng, chúng tôi sẽ đem hết sức mình, hết kinh nghiệm và sự hiểu biết để cùng anh em bàn bạc, tìm mọi cách tốt nhất để kéo bằng được máy ra-đa lên cao triển khai đúng ý định và đạt mọi yêu cầu của Quân chủng, đúng thời gian quy định. Chỉ đề nghị các anh chi viện mọi mặt giúp đỡ chúng tôi đỡ khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Chuyện làm thế nào để đưa được ra-đa lên ngôi chễm trệ trên đỉnh 1515 Tam Đảo theo đúng lệnh của Quân chủng Phòng không - Không quân, tôi xin kể lại tỷ mỉ vào một dịp khác. Trong bài này tôi chỉ xin kể một mẩu chuyện “nhỏ” mà lại “to” rất sâu đậm và đã thấm thía vào tâm can tôi và các anh em chiến sĩ đại đội 21, một mẩu chuyện chẳng thể nào quên được.

Tam Đảo “cốt 400”, nơi nghỉ mát “đầy hương vị Âu Tây” xưa kia của thực dân Pháp và lúc này còn hoang vu đổ nát. Đoạn đường chính rải nhựa chạy xuyên giữa khu nghỉ mát đã bị cỏ dại mọc lan kín mặt đường. Mấy ngôi nhà xây cho “Tây đầm” lên nghỉ ở cạnh lề đường giờ chỉ còn là những đồng gạch đổ nát. Bể bơi, sân banh cũng chỉ để lại dấu vết hoang tàn lẫn dưới lau sậy um tùm. Bên trên suối nước chảy róc rách ở giữa thị trấn, ta chỉ mới làm được một tòa nhà 2 tầng làm khách sạn cho khách nước ngoài và cán bộ cao cấp lên nghỉ ngơi dăm bữa nửa tháng. Trên một nhánh đường con, dưới tán lá cây cao xanh tốt là một dãy năm sáu ngôi nhà gỗ sàn thấp, mái ngói, vách

thưng, ván gỗ đánh véc ni bóng loáng. Mỗi ngôi nhà đều có vườn cây, lối vào rào ngăn và cổng gỗ thấp trông thật xinh xắn, khang trang. Tất cả “những thứ mới xây” ấy nổi bật trên khung cảnh xanh tươi rậm rạp đầy màu sắc hoang dã của Tam Đảo chưa được tái thiết. Trên dốc cao, về phía Đông Bắc, một bản người Dao với mười nếp nhà tranh lợp súp, nền đất, tường “trình” nằm rải rác trên sườn đồi cô quạnh... Lúc này đang mùa thu hoạch xuyên khung, những đồng củ rễ cây đen đen phơi đầy sân trước nhà, tỏa mùi hương đầy vị thuốc bắc, thơm lừng hết cả vùng đồi.

Các chiến sĩ công binh lên làm trận địa sớm chiều đã có xe tải đưa đón về nghỉ ở dưới thấp còn các chiến sĩ đại đội ra-đa 21 do trung úy Lê Tự Do người Nam Bộ làm đại đội trưởng phải bám trụ lại trên “cốt 400” vì lẽ xe máy đã được tập kết ở “sân banh”, anh em phải ở lại canh gác xe máy, tranh thủ thời gian bảo quản bảo dưỡng khí tài trước khi đưa lên cao, anh em còn phải lao động trên trận địa và thêm vào đó cũng không có xe để đưa đón anh em đi về. Với một đại đội ra-đa quần số cũng chẳng nhiều nhận gì, đảm chực anh em chăm sóc và sử dụng hơn 10 xe đại xa chuyên dùng và rơi móc, cùng với máy phát điện, khí tài thông tin và thiết bị sở chỉ huy. Thế là ban ngày chúng tôi thu gọn “đồ lễ” xếp vào xe như ở tư thế hành quân, còn anh em lên công trường lao động thì ăn nghỉ tại chỗ. Ban đêm, chúng tôi căng ni lông dải trên dọc đường nhựa trên mấy khoảng đất bằng đã dọn sạch cỏ, lót lau sậy ở dưới dải bạt lên và căng màn nằm núp dưới mái ni lông. Riêng trung đội chỉ huy và ban chỉ huy đại đội mới được dành cho ưu tiên vào nằm ghé ở hàng hiên mấy ngôi nhà gỗ và mấy chỗ đất bằng ở trong vườn. Ấy là đồng chí phụ trách khu nghỉ mát đã rất thông cảm với bộ đội, nhiệt tình và tin tưởng bộ đội mới dám để cho vào khu cấm đó. Còn để cho bộ đội vào hẩn trong mấy ngôi nhà ấy là một điều cấm kị nghiêm ngặt của công tác bảo vệ an toàn. “Cán bộ chiến sĩ ra-đa hoàn toàn thông suốt điều đó và thấy rằng được sắp xếp như vậy là chiếu cố lắm rồi”.

Mới vào hè, thời tiết trên Tam Đảo lúc này thì thật khắc nghiệt: Ngày nắng, đêm mưa! ngày nắng thì nắng gay nắng gắt, làm cho tiết trời vừa oi bức vừa ngọt ngào. Cái nắng cứ hun đốt khí ẩm rồi liên tục phả những làn gió nóng bỏng vào lưng vào mặt chiến sĩ, mồ hôi vã ra ướt đầm rồi phút chốc

lưng áo lại khô rang... Đêm thì mưa dầm dề, triền miên rắc từng lớp hạt nước mưa nhỏ lạnh buốt đọng dần trên các tán lá cây và cứ thế rỏ lộp bộp suốt đêm lên mái ni lông. Sương mù dày đặc, gió núi rét căm căm lùa từng cơn, từng cơn vào mọi chỗ hở, mọi khe kẽ chắn chiếu, như dội băng giá, trích những mũi kim lạnh buốt vào chân tay lưng mặt chiến sĩ. Khí ẩm đặc sệt, hơi thở ngọt ngạt còn cái rét thì cứ ngấm dần vào trong xương tủy. Có khỏe như trâu cũng khó lòng chợp được mắt...

Thế rồi buổi tối hôm ấy vào khoảng 9 giờ đêm, tôi đang cuộn tròn trong tấm chăn mỏng, cố chợp mắt để lấy sức cho ngày mai lao động. Một đồng chí chiến sĩ chạy vội đến giường tôi gọi dậy: “Thủ trưởng, dậy ngay để đón một đồng chí lãnh đạo”. Tuy còn ngờ ngàng, tôi cũng vùng ngay dậy, mặc vội chiếc áo đại cán và bước ra ngoài vụng vác. Một người nhỏ nhắn linh lợi đã tiến đến cạnh tôi, theo sau chỉ có một “vệ sĩ”, bước đi hoạt bát, nhanh nhẹn mà vẫn ung dung. Đôi mắt sáng ngời, vầng trán cao, khuôn mặt bầu bĩnh, trắng trẻo và hiền hậu làm tôi nhận ra ngay đó là đồng chí Trường Chinh, ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng. Tôi vội rút chân về đứng nghiêm và định giơ tay chào theo nghi thức quân đội thì đồng chí đã giơ tay ra trước bắt chặt tay tôi. Thật hồn nhiên, gần gũi, đồng chí hỏi luôn tôi:

- Đồng chí là chỉ huy ở đây phải không?

- Thưa đồng chí, vâng; tôi là Hứa Mạnh Tài, trung đoàn phó trung đoàn ra-đa 291 của Quân chủng Phòng không - Không quân, tôi đang chỉ huy một đại đội ra-đa làm nhiệm vụ ở đây.

- Bộ đội của đồng chí lên Tam Đảo làm gì?

- Thừa đồng chí, chúng tôi có nhiệm vụ mở đường tổ chức đưa một bộ ra-đa tầm xa lên chiếm lĩnh đỉnh núi Tam Đảo để phục vụ cho chiến đấu phòng không.

- Ra-đa nặng là thế, lại đưa lên đỉnh cao để bố trí, trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt này thì thật vất vả.

- Vâng, nhưng có lên đó ra-đa mới có tầm kiểm soát rộng, mới có thể phát hiện từ xa và bám sát các tốp máy bay địch bay thấp, lượn lách khe núi, triền sông để bất ngờ lên vào đánh phá ta.

- Bộ đội của đồng chí đang làm nhiệm vụ vất vả, nặng nhọc mà ăn ở như thế này thì làm sao giữ được sức khỏe để chiến đấu? Sao không vào trong các nhà kia mà nghỉ?

- Thừa đồng chí, bộ đội đã có đủ ni lông căng lên che mưa không bị ướt. Còn việc chống rét, như đồng chí đã thấy, từng tổ ba người, tập trung 3 chăn mỏng lại cũng thành chăn dày, cùng đắp. Anh em được nằm bên nhau, ôm lấy nhau, truyền hơi ấm cho nhau, lại có dịp thủ thủ tâm sự, thì càng ấm mà lại càng vui. Tuy nhiên có một số anh em yếu chịu rét cũng hơi khó ngủ. Còn những ngôi nhà kia, dành riêng để các đồng chí Trung ương nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng, chúng tôi hoàn toàn tự nguyện không động chạm đến.

Đôi mắt của đồng chí như ngưng đọng lại ở xa xăm, sâu thẳm và bỗng thốt lên:

- Nhà của Đảng là nhà của dân, bộ đội là con em của Đảng của dân, vì

nhân dân chiến đấu mà phải chịu đựng vất vả, rét mướt như thế này, thì trong khi nhà chưa dùng đến anh em hoàn toàn xứng đáng được sử dụng những ngôi nhà ấy để giữ sức khỏe mới phải lẽ chứ!

Xưa nay đồng chí vẫn là một con người thật điềm đạm, thận trọng. Đồng chí không nói gì thêm mà chỉ bảo tôi dẫn đi thăm từng chỗ nằm ngủ của chiến sĩ, cũng không cho tôi đánh thức anh em dậy để chào đón người lãnh tụ thân yêu. Rồi tôi đưa tiễn đồng chí về đến cửa nhà khách của Trung ương. Chia tay với tôi, đồng chí chỉ dặn dò một câu:

- Vì chiến đấu cho dân tộc, chiến sĩ của ta đã phải chịu đựng mọi gian lao vất vả, người chỉ huy phải biết yêu thương sâu sắc và hết lòng chăm lo cho anh em.

Về đến chỗ nghỉ mà tôi vẫn không hết bồi hồi xúc động. Văng vẳng bên tai tôi là lời khuyên ân cần của đồng chí... Sáng hôm sau, trong khi tôi còn đang tíu tít cùng anh em chuẩn bị để lên núi lao động, thì đồng chí phụ trách khu nghỉ mát cùng 2 nhân viên đến gặp tôi. Đồng chí hỏi han tình hình lao động và ăn ở của bộ đội rồi niềm nở nói:

- “Anh em vất vả quá, mời đồng chí cho anh em thu xếp dọn đồ đạc vào trong tất cả các ngôi nhà dành cho Trung ương để ăn nghỉ, cốt nhất là giữ gìn trật tự vệ sinh và an toàn cho tốt. Có điều kiện nghỉ ngơi tốt, bộ đội mới giữ được sức khỏe để lao động và chiến đấu tốt. Riêng nhà khách còn đang bận tiếp đón khách nước ngoài mới lên. Buổi trưa và chiều tối, căng tin nhà khách sẽ mở cửa để phục vụ tất cả anh em bộ đội. Các đồng chí có thể ăn phở, cháo, bánh mì nóng hoặc mua bánh kẹo và các loại thuốc lá... tùy thích”.

Chúng tôi vừa vui mừng vừa xúc động, vội đáp ứng ngay lời mời mọc ân cần đó. Sau đó tiếp tục lên núi lao động. Không khí làm việc của anh em lúc này khác hẳn: Vui vẻ hồ hởi, hăng say, phấn chấn như vừa mới được tiếp thêm một luồng sinh khí mới. Anh em vừa làm việc vừa suy tư. Năng suất vượt xa các ngày trước nhiều... Cũng từ hôm đó, sau một ngày lao động cực nhọc, các chiến sĩ ra-đa được trở về nghỉ ngơi trong những ngôi nhà ấm cúng ấy, được che trở đùm bọc chống sương đêm và mưa gió rét, được ngủ đầy giấc, sức khỏe của anh em tăng lên trông thấy. Con số người ốm mệt phải nghỉ lao động tụt xuống ở mức bằng số không. Việc làm đường và kiến trúc trận địa được đẩy nhanh với tốc độ cao nhất...

Sau 2 tuần lao động khẩn trương, anh em công binh đã hoàn thành khai phá xong con đường làm gấp lên đỉnh Tam Đảo và mặt bằng triển khai khí tài. Còn chúng tôi đã nghiên cứu cách “đấu kéo” lực tổng hợp đưa được khối xe máy ra-đa nặng trên 12 tấn lên chiếm lĩnh trận địa an toàn tuyệt đối vào một buổi chiều đẹp nắng quang mây. Lập tức các khí tài được triển khai nhanh chóng chính xác, đạt đủ các tham số kỹ thuật, trong sự hân hoan reo vui của cả anh em công binh và ra-đa. Trong buổi mở máy đầu tiên, toàn bộ khu đồng bằng Bắc Bộ và cả vùng bờ biển Đông đã nằm gọn trong “cánh sóng quét” của ra-đa! Cũng ngay trong phiên trực ban đó, tuy chưa có máy bay địch bay thấp vào đánh phá, nhưng ra-đa đã phát hiện 3 tàu chiến địch xâm phạm vùng biển Nghệ An - Quảng Bình, cách bờ 40km. “Tình báo” về tàu chiến địch xâm phạm hải phận lập tức được truyền về sở chỉ huy trung tâm phòng không, để thông báo cho hải quân ta và lực lượng vũ trang ven biển xử lý.

Ra quân lên chiếm lĩnh đỉnh núi cao trận đầu thắng lợi làm cán bộ chiến sĩ ra-đa chúng tôi nức lòng phấn khởi và tin tưởng.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, trở về trung đoàn, tôi đã kể lại câu chuyện thú vị này cho đồng chí trung đoàn trưởng của tôi nghe. Đó là trung tá Đào Văn Dương sau này là đại tá tư lệnh Binh chủng Ra-đa. Sau khi nghe tôi kể

xong, vốn là một con người vui tính yêu đời, mộc mạc chân thành với bạn bè, đồng chí Đào Văn Dương “tán” luôn:

- Các cậu sướng thật! Như vậy các cậu đã được là “khách quý” của Bộ Chính trị rồi đó!

- Chứ sao!

Nhìn nhau, thông cảm sâu sắc, chúng tôi cùng cất tiếng cười vang, thật sáng khoái.

Tháng 6 năm 1996

VƯỜN TỚI NHỮNG TẦM CAO

NGUYỄN KIM THIỆU

Đại tá - Nguyên trung đoàn trưởng Trung đoàn 292

Mùa thu 1964 này Tây Bắc thường có những cơn mưa rào, có lúc chỉ ào qua, có lúc âm ầm như để trút hết sự hờn giận của nó. Cạnh quốc lộ số 6, dưới một chân đồi choãi ra cách thị xã Sơn La 8 km là nơi đóng quân của Đoàn bộ Tô Hiệu. Nước trên đồi đua nhau đổ xuống, xói lở từng mảng đất màu, cuốn đi. Tôi giữ giữ chiếc áo mưa rồi bước vào phòng giao ban. Các đồng chí trong Thường vụ Đảng ủy có mặt đông đủ. Tôi hỏi anh Mỹ:

- Thế nào anh đi họp về có gì mới không?

- Nhiều lắm. Có lẽ ta bàn luôn - Anh Mỹ trả lời.

Và thế là sau chén nước chè đặc chúng tôi ngồi nghe anh Mỹ - Bí thư Đảng ủy phổ biến nghị quyết Đảng ủy Quân chủng mà anh vừa đi họp về và bàn những vấn đề cấp bách của trung đoàn giai đoạn sắp tới. Những nhiệm vụ được đề cập là:

- Bổ sung, điều chỉnh phương án tác chiến của trung đoàn tiến hành triển khai, luyện tập theo phương án để kịp thời đối phó với các tình huống phức tạp, thích ứng với tình hình nhiệm vụ.

- Khẩn trương làm công sự cho người và máy.

- Kiện toàn lực lượng, sắp xếp lại các thành phần chủ yếu. Tổ chức huấn luyện nâng cao chất lượng để đáp ứng tình hình.

- Công tác hậu cần kỹ thuật phải chuyển biến, nhất là lực lượng dự trữ để phòng chiến tranh xảy ra, giao thông bế tắc sẽ ảnh hưởng đến sức chiến đấu của bộ đội.

Như vậy, nhiệm vụ lúc này là phải chuyển hướng mạnh mẽ từ thời bình sang thời chiến. Tăng cường sức chiến đấu về mọi mặt của trung đoàn đảm bảo phát hiện xa, thông báo nhanh không để bị bất ngờ, phục vụ đặc lực cho

cao xạ và máy bay ta chiến đấu thắng lợi, trở về an toàn.

Hội nghị lần này chúng tôi gọi là một hội nghị đặc biệt. Anh em thường nói vui là một hội nghị có “tầm cỡ” của Đảng ủy trung đoàn từ trước tới nay.

Đúng vậy cho đến bây giờ ngẫm lại, tôi mới thấy nó càng có giá trị biết bao, càng thấy Đảng ta sáng suốt, nắm chặt địch từng bước để kịp thời đập tan những âm mưu thủ đoạn xảo quyệt của chúng. Riêng chúng tôi những chiến sĩ canh trời ở miền Tây Tổ quốc được cấp trên giao phó, thì nhiệm vụ của mình rồi đây phải làm thế nào để đáp ứng được yêu cầu đó.

Đó là một ngày mùa thu, những cây ban trong rừng trụi lá. Những cơn mưa rào đổ xuống để lộ một vùng trời trong xanh, cao vợi. Tất cả như nhắc chúng tôi - Một chặng đường mới bắt đầu.

Tây Bắc là một chiến trường rừng núi hiểm trở, phức tạp, cả chiều rộng và chiều sâu. Với chiều sâu gần 200km không quân địch rất có điều kiện triển khai đội hình và thực hiện các thủ đoạn chiến thuật. Cự ly tiếp cận từ biên giới tới các mục tiêu trung tâm về quân sự, chính trị, kinh tế mà trung đoàn bảo vệ rất gần. Tây Bắc còn là cái cầu nối liền giữa hậu phương lớn và chiến trường bạn Lào. Có các tuyến giao thông chính quan trọng, đặc biệt là đường số 6 mà địch sẽ “dòm ngó” trước.

Mặt khác, Tây Bắc là vùng đất có thời tiết khí hậu thay đổi thất thường, độ ẩm cao, có lúc lên tới 80 – 90%. Nhiệt độ về mùa đông có lúc xuống dưới 0°C ảnh hưởng rất lớn đến tham số kỹ thuật của khí tài. Mùa nước lũ đến, giao thông đi lại khó khăn về dự trữ cơ sở chiến đấu và đảm bảo hậu cần cũng là vấn đề mà người chỉ huy phải dự tính trước.

Chính vì Tây Bắc có điều kiện tự nhiên phức tạp như vậy nên việc bố trí ra-đa trên rừng núi khó đảm bảo yêu cầu chiến thuật. Sóng cố định nhiều, khó phát hiện mục tiêu, mặt phản xạ kém, cánh sóng khó vươn xa. Đây là sự nguy trang của tự nhiên mà địch có thể lợi dụng để đột nhập vào nội địa ta một cách an toàn.

Vì vậy cũng như nhận định của cấp trên, chúng tôi khẳng định rằng: Tây Bắc là con đường dễ đi nhất để đánh vào Hà Nội của địch. Cho nên muốn vào Hà Nội, địch phải dọn đường trước. Thực tế này, trong bốn năm chiến tranh phá hoại, tỷ lệ địch bay vào Hà Nội chiếm 70% so với các hướng càng chứng minh cho vị trí Tây Bắc là chiến trường hết sức xung yếu.

Thế mà lúc này có người cho rằng Tây Bắc chỉ là hậu phương. Không - Tây Bắc là cửa ngõ của Hà Nội.

Trong các hội nghị của thường vụ Đảng ủy những năm trước đây và đặc biệt hội nghị ngày 25 tháng 8 năm 1964 chúng tôi đưa vấn đề này ra thảo luận, làm sao thống nhất trong chỉ huy, lãnh đạo và ở đơn vị cơ sở, thấu suốt nhiệm vụ sắp tới kể cả cán bộ, chiến sĩ. Gạt bỏ những ý nghĩ chủ quan, không coi trọng công tác huấn luyện và chuẩn bị mọi mặt. Phải thấy được vị trí quan trọng mà trung đoàn đảm nhận. Là cửa ngõ của Hà Nội thì phải làm sao, bất cứ giá nào cũng không để bọn “quạ Mỹ” bay qua mà không phát hiện được. Nhiệm vụ đặt ra rất nặng nề, nhất là giải quyết khâu trận địa làm sao bố trí một cách hợp lý nhất để không có một mảng trời xanh nào mà cánh sóng của ta không vươn tới được. Mạng ra-đa phải hoàn chỉnh, có cả chiều nông và chiều sâu. Quản lý được các tầng cao, trung, thấp, bắt các mục tiêu từ xa khi chúng chưa bay vào nội địa.

Từ ngày thành lập trung đoàn đến giữa năm 1964 chúng tôi chỉ mới được trang bị 5 máy, chủ yếu là II8. Các trận địa đang còn ở các thung lũng như: Điện Biên, Cò Nòi, Nà Sản... cho nên các đài chỉ bắt được mục tiêu theo trục đường sóng và mục tiêu ở tầng cao. Tuy rằng việc bố trí mạng lưới ra-đa thời kỳ này của trung đoàn đã cố gắng vận dụng chiến kỹ thuật của bạn để bố trí, nhưng do thiếu thực tế, kinh nghiệm còn ít, còn dựa vào lý luận sách vở, quan hệ giữa mặt phản xạ với góc che khuất đòi hỏi cao nên việc tìm kiếm trận địa đưa ra-đa lên núi cao, vươn xa cánh sóng để bù lấp khu mù là một nhiệm vụ cấp thiết. Đó cũng là nghệ thuật quân sự Việt Nam trong chiến tranh kỹ thuật hiện đại.

Toàn trung đoàn dấy lên một phong trào tìm kiếm trận địa. Một mỏm núi cao của chiến sĩ tiếp phẩm mách bảo. Một chân đồi gianh thoải dài của chiến sĩ quan sát báo đều được chấm lên bản đồ như những nụ cười hoa ban đến mùa đua nở.

Tôi và các đồng chí trong thường vụ, cùng các đồng chí trợ lý trận địa có nhiều đêm thức trắng bên tấm bản đồ trải rộng. Những mái đầu chụm lại, những vết nhăn hiện hằn trên trán. Những cặp mắt sâu hoắm vì thiếu ngủ. Tất cả đều tập trung toàn tâm toàn lực vào việc xác định trận địa. Một khó khăn đến với chúng tôi là: Đối với các đài sóng mét mặt phản xạ theo yêu cầu chiến thuật âm - dương chỉ chênh nhau trong giới hạn cho phép 4 - 5° là cùng. Còn Tây Bắc thì sự chênh lệch đến hàng chục độ là chuyện thường. Những cuộc tranh luận sôi nổi nổ ra. Bàn cãi, lập luận, cuối cùng đồng chí Cao Oanh - trợ lý trận địa đưa ra một ý kiến hay “để giải quyết mặt phản xạ có yêu cầu chiến thuật nên chọn những nơi nào mà xung quanh vị trí đặt đài có các đồi bát úp với bình độ tương tự. Chọn những đồi tranh, trọc mà hướng trọng điểm cánh sóng có thể vươn xa không bị góc che khuất tương đối lớn ảnh hưởng tới hình thành cánh sóng”.

Sau ba ngày làm việc căng thẳng, đo đạc tính toán trên bản đồ, chúng tôi

quyết định đi đo đạc thực tế trận địa ở vùng này.

Tôi, anh Trần Mỹ - nay là Phó hiệu trưởng Trường sĩ quan chỉ huy kỹ thuật Tên lửa - Ra-đa; Bùi Xuân Sách, Cao Oanh - Trợ lý trận địa, cùng với một số cán bộ quân khu cơm đùm, cơm nắm lên đường.

Từ sớm khi sương mù đang còn ôm ấp những mảng rừng xanh, chúng tôi lên đường. Gió đông bắc đầu mùa thổi vù vù. Rét, cái rét làm cho chân tay ai cũng như tê dại đi, tím bầm. Hai hàm răng va vào nhau như đánh gõ. Chúng tôi qua các bản làng vào sâu núi rừng miền Tây hùng vĩ. Có nơi chưa ai đặt chân tới, nhiều cây to hai, ba người ôm hết, đầu dây vọng lại tiếng gầm của thú rừng nghe đến rợn tai. Tất cả những cái xa lạ ấy hình như không ai để ý. Trong câu chuyện dọc đường và mỗi lúc dừng lại để xác định, tôi thấy ai cũng lo lắng, ưu tư làm sao.

Ngày đi đêm nghỉ trong một bản Mèo. Bên bếp lửa hồng, ăn cùng già bản bát cơm, uống cùng chén rượu, chúng tôi thấy cái mệt như vơi đi, tình cảm và sự giúp đỡ của nhân dân làm cho đôi chân càng dẻo dai để vượt mọi khó khăn lên tới các “cổng trời” cao vút.

Vào một buổi sáng, mà đến nay tôi còn nhớ mãi, in hình trong tâm trí không phai mờ được. Chúng tôi quyết định leo dốc lên đỉnh P có độ cao trên 1300m. Mặt trời đang dưới mình lên phía đông mà sương mù đang quây lấy mỗi bước chân chúng tôi. Một đồng chí cán bộ quân khu trong đoàn lên cơm sốt, kéo từng bước vất vả, nặng nề. Chúng tôi khuyên đồng chí nên nghỉ lại ở bản nhỏ dừng chân đêm trước, nhưng đồng chí không chịu cứ khăng khăng tiếp tục hành quân, uống thêm mấy viên thuốc cắt sốt đồng chí nói:

- Công việc này là của mỗi người, có tìm được trận địa đưa máy lên cao chúng tôi mới có thời gian chuẩn bị chiến đấu tốt.

Với tinh thần ấy, từ ngọn nguồn cội rễ sâu xa của tấm lòng yêu nước vì sự nghiệp bảo vệ đất nước, với ý chí quyết tâm vượt bằng mọi khó khăn gian khổ, đến gần trưa chúng tôi lên tới đỉnh 406 và “thiên nhiên hùng vĩ” miền Tây Bắc đã không phụ lòng chúng tôi. Đứng trên đỉnh đồi phóng con mắt nhìn về bốn phía, mọi người đều lặng im, cái lặng im để nén lại cái sung sướng vô ngần đang trào lên. Như không cưỡng lại được tất cả reo ầm lên:

- Đây rồi, trời ơi đẹp chưa?

Tôi chạy lại anh Mỹ, anh Sách, anh Cao Oanh và các anh trong đoàn ôm chầm lấy nhau. Trên khuôn mặt, bàn tay còn rớm máu vì gai cào. Chúng tôi xiết chặt vai nhau trong hơi thở gấp gáp.

- Như thế này thì chả cần đo đạc gì nữa - Tôi nói: Các đồng chí có thấy không, quanh đây đều là những đồi bát úp chạy dài và dốc dần về phía xa. Như vậy, không chỉ mặt phản xạ tương đối rộng mà nó còn làm cho các tia phản xạ có khả năng trượt xa trên độ dốc đó, làm cho cánh sóng còn vươn xa hơn, cao hơn con số mà chúng ta dự định tính toán.

Đồng chí Cao Oanh tiếp lời:

- Ta có thể lợi dụng các ngọn đồi xung quanh để làm trận địa dự bị, thảng Mỹ xảo quyệt lắm. Nó phát hiện ra sẽ không để cho mình yên. Khi ấy ta có thể cơ động dài và đặt dây trời giả chỗ này để thu hút địch kiểu cơ động “đền

cù” ấy mà.

Một ý kiến hay, sáng tạo chứng tỏ rằng học thuật quân sự Việt Nam rất phong phú, không chỉ những gì thu lượm được qua thực tế chiến đấu mà còn qua thực thể của nhiên nhiên tái tạo ưu việt mà con người cảm nhận bắt nó vào quỹ đạo của mình. Qua 4 năm chiến tranh phá hoại sau này cũng chứng tỏ rằng thắng Mỹ hiện đại nhưng “chậm nghĩ, chậm phán đoán”. Chúng đã trút hàng tấn bom đạn xuống trận địa dây trời giả đồi 406 được gọi là “túi bom” ở miền Tây Bắc này.

Tìm được trận địa rồi, cái khó tiếp theo là làm sao đưa máy lên đến “cổng trời” một cách an toàn và bí mật. Tuy rằng trong lần đi xác định trận địa chúng tôi đã đánh dấu con đường cơ bản, nhưng khí tài nặng, xe không thể kéo lên được. Thế là phải dùng đôi vai của mình. Quên sao được những ngày gian khổ và tràn đầy quyết tâm ấy. Với đôi vai của mình, các khối được đánh dấu rồi tháo rời ra theo đôi chân vượt dốc. Nhớ lại những năm kháng chiến chống Pháp, bộ đội ta cũng vác vai hành quân qua đèo Pha đin tiến sâu vào Điện Biên Phủ. Có cái gì giống nhau ở 2 cuộc chiến tranh này. Đó là “chân đồng vai sắt” với ý chí quyết tâm để làm nên thắng lợi huy hoàng.

Còn nhiều khó khăn tiếp theo đó là cuộc sống người chiến sĩ khi đã đứng trên “cổng trời”, là nỗi day dứt khi cánh sóng vươn xa, sóng thu về chưa xa chưa rõ. Nhưng tất cả những khó khăn ấy đều lùi lại đằng sau nhường chỗ cho những kết quả bước đầu trườn lên chiếm lĩnh.

Với khẩu hiệu hành động “vượt Sầm Nưa bám đường số 7”, đại đội 37 cùng với cán bộ, chiến sĩ toàn trung đoàn dấy lên phong trào thi đua quyết tâm đưa cánh sóng vươn xa trên bầu trời Tây Bắc. Cán bộ chiến sĩ quên ăn, quên ngủ - nằm trên máy để chỉnh lý, thao tác kiểm tra các khối, các đường dây, mạch điện để tăng công suất, ổn định điện áp... Khẩu hiệu “lấn từng cây

số trên không” của các chiến sĩ trắc thủ làm cho khí thế càng sôi động. Trên đồi 406, xung quanh là núi rừng trùng điệp, màu xanh trải rộng ngút ngàn, trước đây là chốn của thú rừng, bây giờ thay vào đó là tiếng cười, nói, tiếng hát của hơn hai mươi chiến sĩ cứ vang xa, bay xa...

Đến tháng 10 năm ấy, máy bắt được một tốp mục tiêu ở cự ly 400km liên tục. Từ thực tế của đại đội 37, hành động của trung đoàn lúc đó lại được thay đổi cho sát với nhiệm vụ chính trị là: “Vượt đường số 7 bám sông Mê Công”.

Đến cuối năm 1965 sang đầu năm 1966, địch ngày càng trắng trợn leo thang đánh phá miền Bắc. Chúng ra sức phá hoại các mục tiêu then chốt, giao thông, công nghiệp, điện lực, cơ sở quân sự, kho nhiên liệu và hệ thống phòng không.

Phía Tây Hà Nội càng trở nên quan trọng vì phần lớn lực lượng máy bay không quân chiến thuật đều xuất phát từ Thái Lan qua Tây Bắc vào đánh yếu địa. Để phục vụ chiến đấu, ở hướng Tây trung đoàn được Quân chủng trang bị thêm khí tài, từ số lượng 5 máy lên 10 máy rồi 15 máy. Chấp hành chỉ thị của Đảng ủy Quân chủng, để khép kín mạng ra-đa ở Tây Bắc, các đại đội phải đưa máy lên điểm cao.

Đại đội 35 chiếm lĩnh trận địa Phù Tĩn.

Đại đội 39 chiếm lĩnh trận địa Chiềng Sang và đồi Tân Cương.

Các đại đội 34, 38, 36 cũng được điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu tác chiến.

Đưa máy lên đồi cao là nhiệm vụ rất khó khăn, nhưng chúng tôi đã có kinh nghiệm của đại đội 37, do đó tuy có gặp khó khăn nhưng kết quả đưa khí tài lên đồi cao đều an toàn và kịp thời.

Ngoài đại đội 37 chốt ở đỉnh 406 còn đại đội 35 chiếm đỉnh Phù Tĩn cũng là điểm chốt quan trọng. Bố trí đại đội 35 ở đây rất lợi hại, có thể vươn xa cánh sóng về phía Thái Lan để bắt mục tiêu địch khi chúng vừa cất cánh ở sân bay.

Đồng chí Nguyễn Tiến Đạt - Nay là phó hiệu trưởng Trường Hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật Ra-đa, được bổ nhiệm đại đội trưởng 35 và cấp tốc về Quân chủng nhận máy hành quân lên. Sau khi xác định trận địa Phù Tĩn xong, chúng tôi được trên điều về một đại đội công binh làm đường để xe lên. Khi đưa máy lên đồi cao có một quãng đường độ 15 - 20m tương đối dốc mà xe khó có thể bò lên được. Đồng chí Đạt nảy ra sáng kiến, vừa dùng sức người vừa dùng sức máy, ý kiến đưa ra được tán thành. Hai dây song to bằng bắp tay buộc 2 đầu móc xe. Cả bộ đội ra-đa, bộ đội công binh và nhân dân địa phương đứng thành 2 hàng. Khi máy rú ga thì lập tức những bắp tay săn cứng lại, những bắp chân căng ra kéo xe, người đẩy với tiếng hô “Dô ta nào” vang động cả một vùng. Xe nhích từng tí một, một nhọc bò qua đoạn dốc. Tôi lại liên tưởng đến những ngày đánh Pháp ở Điện Biên. Tiếng hò kéo pháo xưa kia để làm nên chiến thắng huy hoàng thì nay tiếng hò kéo máy của chúng tôi nơi đây để làm nên chiến thắng sau này của người chiến sĩ ra-đa trên trận tuyến thầm lặng canh trời.

Có thể nói rằng, mạng lưới ra-đa ở giai đoạn này chuyển biến căn bản về công tác trận địa vùng rừng núi. Hầu hết các đại đội đã lên núi cao. Mạng ra-đa trung đoàn vẫn hình thành một tuyến nhưng đưa ra-đa lên núi đã bù lấp được khu mù cho nhau giữa các đại đội ở tuyến ngoài từ biên giới trở ra. Một số đại đội 39, 36, 37 đã bắt được mục tiêu từ khu vực Sầm Nưa vào đường 2.

Điểm nổi bật của trung đoàn mà tôi muốn nhắc lại là đã chốt được ở đại đội 37, 35 ở 2 vị trí rất lợi hại. Hai đại đội này trở thành đơn vị chủ công của trung đoàn về phát hiện xa đồng thời máy 513K đưa lên đồi Tân Cương cũng là máy phát hiện khá tốt.

Đưa ra-đa lên núi cao, vươn hết tầm xa của cánh sóng, phát hiện địch từ xa là một thành công lớn trong thế trận đánh Mỹ của bộ đội ra-đa. Thành công đó không những chứng minh cho nghệ thuật quân sự Việt Nam phong phú, sáng tạo mà còn có tiếng vang lớn trên thế giới. Tôi còn nhớ mãi lời nói của đồng chí trưởng phái đoàn quân sự của một nước anh em sau khi trao đổi kinh nghiệm và tham quan phiên trực ban chiến đấu của trung đoàn và đại đội 37: "...Bộ đội ra - đa Việt Nam xứng đáng được Tổ quốc tin cậy, làm chủ trận địa, làm chủ màn hiện sóng. Tầm nhìn của trắc thủ ra-đa Việt Nam đã vượt xa giới hạn trên sách vở của nhiều nước tiên tiến. Việt Nam đã chiến thắng và nhất định sẽ chiến thắng hoàn toàn đế quốc Mỹ xâm lược. Vì các đồng chí có Đảng Lao động Việt Nam, có Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, có nhân dân Việt Nam rất dũng cảm, thông minh, sáng tạo".

Ngoài việc bố trí đội hình chiến đấu, các mặt hoạt động khác cũng được trung đoàn xúc tiến song song. Phong trào học tập để nâng cao trình độ phát hiện mục tiêu "vạch nhiều tìm thù" và phương châm "học đâu nắm chắc đấy" được anh em áp dụng triệt để, nhất là phong trào học thuộc sóng về địa vật. Không những anh em học thuộc từng sóng mà còn hiểu kỹ bản chất của nó. Khi thời tiết thay đổi để phân rõ, không bị nhầm lẫn khi mục tiêu bay vào. Do nghiêm túc trong học tập với sự tìm tòi nhiệt tình, đội ngũ trắc thủ còn có thể sửa chữa hỏng hóc nhỏ, khắc phục phần nào khi thợ trung đoàn chưa đến kịp, bảo đảm máy chiến đấu liên tục.

Giải quyết hậu cần tại chỗ cũng được nêu rõ trong các nghị quyết Đảng ủy trung đoàn. Do giao thông đi lại khó khăn nhất là mùa lũ nên đảm bảo cơ sở

về xăng, dầu, về lương thực, thực phẩm cho bộ đội từ 3 đến 6 tháng luôn được coi trọng và kiểm tra thường xuyên. Đồng thời các đơn vị còn tích cực tham gia để cải thiện đời sống cho cán bộ, chiến sĩ. Mỗi đại đội thường có từ 3 đến 5 con bò, trên dưới 10 con lợn. Một mẫu chuyện nhỏ dưới đây sẽ làm nổi bật lên phong trào tăng gia đó.

Một lần có đồng chí chuyên gia Liên Xô đi cùng các đồng chí cán bộ Quân chủng xuống kiểm tra tình hình sẵn sàng chiến đấu của trung đoàn. Giờ giải lao, đồng chí công vụ đem đến cho mỗi người một cốc nước đậu xanh. Bữa ăn trưa, chúng tôi lại đưa “cây nhà lá vườn” ra thết đãi một đĩa giò lụa. Đồng chí chuyên gia sững sờ hỏi:

- Ở vùng rừng núi xa xôi này các đồng chí kiếm đâu ra những thứ quý đó?

Đồng chí chủ nhiệm hậu cần nói vui:

- Chúng tôi phải đánh xe về tận Kim Liên mua đấy!

Chưa hết ngạc nhiên vì giữa rừng núi nay lại có giò ăn, nước mát đậu xanh, đồng chí chuyên gia không tin nhìn tôi. Biết vậy, tôi chỉ vào chiếc cối đá trả lời:

- Báo cáo đồng chí, công thức làm giò của chúng tôi là cối đá cộng đậu tương thôi ạ. Còn thịt thì chúng tôi có cả một “trại chăn nuôi tổng hợp”.

Đồng chí chuyên gia cười vỗ vai, nhìn theo tay tôi chỉ phía bìa rừng. Ở đấy thỉnh thoảng lại vang lên tiếng ụt ịt, tiếng chạy đi chạy lại của đàn lợn, đàn bò. Hiểu ý, đồng chí xiết chặt tay tôi, lắc mạnh thay cho lời khen ngợi và cảm phục.

Thế là sau hơn một năm kể từ hội nghị Đảng ủy trung đoàn ngày 26 tháng 8 năm 1964, những nhiệm vụ cấp bách đề ra đã được triển khai và hoàn thành. Thế trận trên cao của Đoàn Tô Hiệu đã mở ra một hướng chiến thuật mới, đáp ứng với tình hình mới mà Quân chủng giao phó. Tất cả đã chuẩn bị sẵn sàng. Bầu trời miền Tây được khép kín bằng cánh sóng ra-đa, giăng lưới đón lũ cướp trời vào xâm phạm.

Chính vì có sự chuẩn bị sẵn sàng nên khi địch đánh vào Tây Bắc chúng tôi không bị bất ngờ, không những thế mà còn cung cấp cho cấp trên nhiều tình báo có ý nghĩa chiến lược. Trong 4 năm chiến tranh phá hoại, trung đoàn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cấp trên giao cho - đó là: Không để Hà Nội bị bất ngờ.

Chiến tranh - Một điều ai cũng nhận ra rằng đó là sự đối đầu giữa hai lực lượng. Và để chuẩn bị cho cuộc chiến tranh đó, hai bên đều có tính toán mưu lợi riêng để giành phần thắng cho mình. Đế quốc Mỹ đã thực hiện chương trình đó với những âm mưu thâm độc kể cả chiến thuật, kỹ thuật và tất cả những gì có được trong hai thế kỷ của nước Mỹ cả thực tế và lý luận, dồn sức cho chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam.

Nhưng chúng đã lầm, chúng tưởng rằng khoa học hiện đại như Mỹ, tiềm lực kinh tế như Mỹ sẽ đè bẹp được bất cứ nước nào. Mọi tính toán của chúng đều còn phụ thuộc vào khả năng của ta. Bằng ý chí quyết tâm, óc thông minh sáng tạo, biết vận dụng lý luận quân sự của Đảng, đón trước được những mưu đồ đen tối của chúng, chúng ta đã làm cho đế quốc Mỹ phải chuốc lấy thất

bại và thất bại hoàn toàn.

Ở chiến trường Tây Bắc cũng vậy, sau những bước thăm dò, thám thính, đến giữa 1965 chúng bắt đầu thực hiện chương trình dọn đường đến “khách sạn Hin Tôn” ở Hà Nội.

Ngày 14 tháng 6 năm 1965, không quân Mỹ đánh phá vào Mộc Châu. Mở màn cho chiến dịch leo thang lên Tây Bắc. Mục tiêu đánh phá đầu tiên là doanh trại Đoàn 315 ở khu vực thảo nguyên Mộc Châu. Chúng dùng từ 12 đến 24 lần chiếc với các loại F105, F100, F4, F102 điên loạn gầm rú, gào thét cả vùng trời. Địch đi theo 3 hướng, dọc đường số 43 vào, đường số 6 tới và đường 13. Với thủ đoạn đi nhiều hướng đan chéo nhau, lợi dụng địa hình hiểm trở, luồn lách qua các mỏm núi cao hòng thoát khỏi sự phát hiện của radar. Nhưng các đại đội 37, 38, 39 của trung đoàn đã phát hiện tốt, theo dõi từng đường bay của địch, thông báo liên tục, kịp thời, phục vụ cho quân và dân Mộc Châu trận đầu bắn rơi 2 máy bay Mỹ.

Mới dọn đường đã bị “đòn đau”, địch cay cú như “chó cắn càn”. Ngày 18 tháng 6, mới 6 giờ sáng khi sương mù bắt đầu lan tỏa đi, cánh sóng đại đội 36 vươn xa để gìn giữ một buổi sáng bình yên ấm cúng của các ngôi nhà đang lên lửa. Tự nhiên màn hiện sóng của đại đội 36 không thấy gì nữa. Nghe đại đội 36 báo cáo về bị nhiễu nặng, tôi chưa kịp hỏi gì thêm thì đại đội 39 báo cáo tiếp phát hiện 4 tốp máy bay địch bay thẳng từ Thái Lan vào thị xã Sơn La. Bọn địch bắt đầu dùng phương tiện kỹ thuật hiện đại che mắt mình đây. Tôi ra lệnh cho đại đội 36 phải chống nhiễu kịp thời. 7 phút sau đại đội 36 báo về đã thấy bọn “quạ đen”. Tình báo của 2 đại đội sáng hôm ấy, anh em nói vui là “luyện mắt buổi sáng” đã được thông báo kịp thời cho quân khu và các đơn vị hỏa lực. Cả quân và dân thị xã Sơn La sẵn sàng chờ địch.

9 giờ 46 phút, 18 máy bay Mỹ cũng gồm F100, F102, F105, F4 bay thành

từng tốp 2 đến 4 chiếc ở độ cao 3 đến 6 km đột nhập nhiều hướng vào đánh phá Quân khu bộ và sở chỉ huy trung đoàn chúng tôi. Đến 10 giờ 32 phút địch gây nhiễu toàn mạng. Các đại đội 38, 39 tích cực chống nhiễu, bám sát địch. Các đơn vị hỏa lực nổ súng giòn giã. 3 máy bay địch bị bắn rơi tại chỗ, bắt giặc lái. Trong trận này địch đánh phá gần sở chỉ huy trung đoàn, nhưng các chiến sĩ thông tin đại đội chỉ huy vẫn bình tĩnh dũng cảm làm nhiệm vụ. Đường bay trên bảng mi ca vẫn được kéo dài, hên tục theo thông báo từ chiến sĩ trắc thủ trở về. Những ngón tay dẻo dai vẫn gõ nhịp đều đều liên tục phát đi.

Trận chiến đấu kết thúc. Kết quả địch thí mạng 4 máy bay Mỹ, trong đó có 1 chiếc AD6 bị rơi dưới tầm súng của đoàn bộ. Tôi và đồng chí phó chủ nhiệm Quân khu tới thăm đại đội 36, cán bộ chiến sĩ rất vui mừng, phấn khởi vì trận đánh đã giành thắng lợi. Trên khuôn mặt mọi người bụi đất bám đầy, mồ hôi chảy dài trên má. Họ ngồi bên cửa máy rút kinh nghiệm, trao đổi với nhau và ghi vào sổ những gì thu lượm được qua trận đánh làm tài liệu học tập sau này.

Địch bắt đầu “ngủi thây” ra-đa ở miền Tây Bắc. Ngày 20 tháng 6 năm 1965 địch chính thức đánh vào mạng lưới “điện tử” đối phương. Có thể nói trận oanh tạc vào đại đội 36 là một tọa độ lửa. 15 giờ 30 phút, 2 tốp 8 chiếc F105 thi nhau dội bom. Trận địa đại đội 36 ngút trời đất đá và khói bom. Đạn địch bắn trúng kho xăng, lửa bốc ngang trời, nóng rực. Các tay súng đánh trả quyết liệt. Khẩu 14 ly 5 vì bắn nhiều quá nóng đỏ lên. Để tiếp tục chiến đấu, chiến sĩ điện công Phạm Nhất Thanh đội mưa đạn của địch để thay nòng súng. Rốc két làm đứt dây néo dây trời ra-đa. Phan Thanh Đạm và 3 chiến sĩ đang ở trung đội bắn máy bay kịp thời lao lên cùng 5 dân quân ghìm giữ dây néo để ra-đa tiếp tục làm việc. Lái xe Trần Văn Ngoan bình tĩnh, dũng cảm lái xe băng qua bom đạn địch tới vị trí an toàn.

Gần một giờ đồng hồ địch oanh tạc ác liệt nhưng đại đội 36 vẫn bám trụ vững vàng, cánh sóng vẫn vươn xa, màn huỳnh quang vẫn thu về mục tiêu

địch. Những con số thông báo vẫn vang lên to, gọn trong tiếng bom đạn nổ. Tiếng tích tà, tích tà vẫn đều đều phát đi.

Càng thua đau địch càng dở chứng và liều lĩnh. Chúng tung các loại máy bay, kỹ thuật điện tử để thăm dò, tìm kiếm các trạm ra-đa ở Tây Bắc. Chiến dịch chuẩn bị đánh vào ra-đa được mở rộng về quy mô và lực lượng. Chúng phát hiện được đại đội 37 ở đồi 406. Chúng coi đây là hàng rào điện tử rất lợi hại, nguy hiểm ở cửa ngõ Tây Bắc này. Ở Lầu Năm góc, sau mấy ngày trăn trở, Giôn-xơn đập bàn đập ghế và ra lệnh bất cứ giá nào cũng phải hủy diệt cho bằng được trạm ra-đa đồi P và quyết định “cắt khẩu phần cơm” cho bọn không chiến.

Theo chỉ thị của Bộ tư lệnh Quân chủng, Đảng ủy trung đoàn họp đề ra kế hoạch bố phòng, bảo vệ an toàn cho đại đội 37. Đảng ủy trung đoàn quyết tâm không những bảo vệ được đại đội 37 mà còn bắt giặc Mỹ phải đền tội tại “cổng trời” này.

Sau trận đánh ngày 16 tháng 8 năm 1965 của địch vào đại đội 37, chúng tôi quyết định cơ động ngay trong đêm đó để giữ gìn bí mật. Lần này các máy đều phải kéo ra đồi thông cách đó hàng chục ki-lô-mét chứ không cơ động theo kiểu “đèn cù” nữa, vì tất cả các mỏm đồi xung quanh đều bị bom đạn địch cày tung. Theo kế hoạch để nghi binh địch, một dàn dây trời giả được dựng lên trên đồi 406 trong đêm ấy. Trung đội 14ly5 có nhiệm vụ ở lại cùng với đại đội 37ly của Quân khu chi viện hỏi tội bọn không quân Mỹ.

Mọi việc đã xong, chúng tôi chờ đón địch trong tư thế chủ động với niềm tin tất thắng.

Chiến dịch đánh vào đồi 406 của không quân địch diễn ra quyết liệt suốt 21 ngày đêm liên tục, kể từ ngày 26 tháng 8 năm 1965. 21 ngày đêm liên tục công kích chúng đã trút xuống đây hàng trăm tấn bom đạn. Bầu trời Pa Háng bị xé tươm từng mảnh, không lúc nào ngớt tiếng gào thét điên loạn của kẻ thù. Hết lũ ném bom oanh tạc lại đến lũ trình sát nhòm ngó. Nhưng bộ dây trời giả trên đồi 406 vẫn đứng vững hiên ngang thách thức và thu hút địch. Đánh đi đánh lại, quần nát cả một vùng đất, vùng trời. Cứ qua mỗi lần như vậy chúng lại phải thí mạng ít nhất 2 chiếc. Thế mà trạm “Điện tử lớn nhất Bắc Việt” như có phù phép linh thiêng vẫn đứng vững trên “cổng trời” miền Tây hùng vĩ. Đồi 406 được mệnh danh là “túi bom” ở miền Tây Bắc, cũng là “túi bom” lớn nhất trong chiến dịch hủy diệt mạng ra-đa trình sát trên không của địch đồi với ta từ trước tới nay, kể cả sau này.

Để đối phó kịp thời, với mỗi trận đánh ác liệt, với âm mưu thủ đoạn của địch trên đồi 406 đều có sự chỉ đạo của Đảng ủy trung đoàn. Chúng tôi luôn luôn túc trực bên máy để theo sát từng giờ từng phút, chỉ đạo tác chiến và kịp thời báo cáo tình hình diễn biến về Bộ tư lệnh Quân chủng. Có thể nói, đồi 406 Pa Háng lúc này là điểm nóng của Quân chủng. Mọi người đều hướng về 406, dõi theo từng nhịp thở của 406...

Trận đánh ngày 27 tháng 9 năm 1965 là trận quyết liệt nhất. 16 máy bay địch gồm F4, F105 lao tới xả bom xuống Pa Háng. Ngay từ loạt đạn đầu, khẩu đội 141y5 của Đoàn Công Trục bắn rơi 1 F105. Địch hoảng sợ chạy tán loạn, trút bom và bắn rốc két xuống trận địa. 6 khẩu 14 ly 5 của đại đội 37 và đại đội pháo 37 ly nổ súng mãnh liệt vào kẻ thù. Trong trận chiến đấu này các xạ thủ 14 ly 5 và pháo 37 ly đã chiến đấu ngoan cường, dũng cảm. Nguyễn Văn Toán 2 lần bị thương vẫn không rời trận địa. Binh nhất Đoàn Công Trục và Đoàn Văn Mơ bị thương lần thứ nhất vẫn nhìn thẳng vào quân thù, nghiêng răng biến cái đau thành lòng căm thù giặc, chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. Đồng đội hy sinh, Đoàn Thế Kỷ tiếp tục vào vị trí chiến đấu nổ súng mãnh liệt vào lũ cướp trời.

Núi rừng Tây Bắc quên sao được chiến công của các chiến sĩ đại đội 37 đã vĩnh viễn nằm lại vùng đất này để cánh sóng vươn xa, đan lấy nhau ôm chặt lấy khoảng trời. Hoa ban nở rộ, thăm lừng chiến công của các chiến sĩ Bọn địch có thể san bằng đồi 406 nhưng không thể làm nhụt ý chí quyết đánh, quyết thắng của các chiến sĩ đại đội 37 và đại đội pháo 37 ly của Quân khu.

Nói đến những ngày ác liệt ấy, gian nan ấy, tôi không thể không nhắc tới tình cảm của các đơn vị, cơ quan và nhân dân các dân tộc Tây Bắc. Một lá thư bay tới động viên, cổ vũ tinh thần của các đoàn thể. Một gói quà nhỏ của những bà mẹ đều sâu nặng tình nghĩa quân dân, chan chứa lòng yêu thương đối với con em mình trên tuyến đầu chống Mỹ. Nhân dân Tây Bắc vô cùng tự hào với những chiến công oanh liệt của các chiến sĩ ra-đa trên đồi 406 trận địa Pa Háng xứng đáng với cái tên “Cồn Cỏ của miền Tây Tổ quốc” mà nhân dân đặt cho.

Là một cán bộ quân đội đang chiến đấu ở miền Nam, những vùng đất tận cùng của Tổ quốc, tôi được về sống và chiến đấu cùng biết bao bạn bè, anh em ngày đêm phát sóng canh trời và mảnh đất ấy - mảnh đất Tây Bắc thân yêu đã gắn với tôi biết bao kỷ niệm. Hôm nay, nghĩ về hôm qua. Một quá khứ vô cùng oanh liệt và nóng bỏng. Có những gian nan vất vả ấy mới có chiến công huy hoàng, đội ngũ ta mới trưởng thành, trưởng thành vượt bậc trên những tầm cao mà chúng ta đang vươn tới, tầm cao của các chiến sĩ ra-đa Tây Bắc, là tầm cao thời đại mà Đảng và Bác Hồ đã vun đắp. Đội ngũ chúng ta hôm nay còn phải vươn lên hơn nữa, xứng đáng được mang tên “Đoàn Tô Hiệu” - Người chiến sĩ cộng sản xưa kia đã góp phần xương thịt mình nơi đây làm rạng rỡ truyền thống anh hùng dân tộc để cho hoa ban, hoa đào mùa tiếp mùa thêm đẹp mãi...

Tháng 2 năm 1984

VƯỢT ĐỈNH TRƯỜNG SƠN VƯỜN DÀI CÁNH SÓNG

ĐÀO VĂN KHÁNH

Đại tá - Nguyên Phó tư lệnh binh chủng

Đầu năm 1969, ở Mỹ Níchxơn lên thay Giônxơn, học thuyết mang chính tên hãn được triển khai trên cả hai miền Nam, Bắc nước ta.

Bước vào mùa khô năm 1970, 1971 trên tuyến đường Trường Sơn địch đã dùng mọi kiểu loại máy bay kể cả B-52 hàng ngày trút hàng trăm tấn bom đạn xuống dọc con đường này. Đồng thời máy bay Mỹ còn đánh phá ác liệt vào các tuyến đường giao thông, kho tàng, các trận địa tên lửa, cao xạ, sân bay... trên địa bàn Quân khu 4 hòng ngăn chặn tận gốc sự chi viện của ta cho miền Nam.

Trước tình hình trên Bộ tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân đã chỉ thị cho Bộ tư lệnh Ra-đa khẩn trương mở rộng trường ra-đa sang phía Tây, trực tiếp phục vụ cho giao thông vận chuyển.

Hai đại đội ra-đa 12, 20, thuộc trung đoàn 290, đang triển khai chiến đấu trên đất Quảng Bình được lệnh chuẩn bị đi chiến trường.

Sau khi được Bộ Ngoại giao của Lào nhất trí, đồng chí Hứa Mạnh Tài hồi đó là tham mưu phó binh chủng, cùng các đồng chí Trần Đình Hợi - Trung đoàn phó, Trần Hữu Đảm, Nguyễn Văn Chính, đại đội trưởng đại đội 12, 20 được lệnh đi khảo sát trận địa.

Do tình hình khẩn trương, đoàn lên đường vào đúng mùa mưa, lại bao gao

trên vai, với chiếc gậy Trường Sơn, vật lộn với núi cao, suối sâu, có lúc phải vượt qua những con nước lũ của hai con sông lớn là Bằng Hiêng và Bằng Phai, bằng phao, bằng bè mảng tự tạo tưởng chừng không qua nổi.

Nhưng với bản lĩnh của người chỉ huy đã được tôi luyện nhiều năm trong chiến tranh, cùng với những tri thức quân sự sẵn có, đoàn trưởng Hứa Mạnh Tài cùng anh em trong đoàn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Các trận địa ra-đa mà các anh chọn hồi đó đã đi vào lịch sử truyền thống của bộ đội ra-đa. Sau này có dịp đưa 2 đại đội sang chiến đấu trên các trận địa này mới thấy hết sự đóng góp của các anh trong thể trận phòng không bảo vệ giao thông vận chuyển trong giai đoạn đó là rất to lớn.

Đầu năm 1971 đồng chí Trần Đình Hợi được bổ nhiệm làm trung đoàn trưởng thay thế đồng chí Phan Văn Hóa về Học viện Quân sự cấp cao. Tôi từ trung đoàn 291 được điều động vào trung đoàn 290 làm trung đoàn phó.

Sau một thời gian tìm hiểu đơn vị. Tháng 10 năm 1971 tôi được phân công chuẩn bị đưa các đại đội ra-đa 12, 20 vượt Trường Sơn đi bảo đảm ra-đa cho giao thông vận chuyển. Công việc đầu tiên của tôi là vào Bộ tư lệnh Đoàn 559 hiệp đồng chiến đấu.

Ngày 8 tháng 11 năm 1971 đoàn chúng tôi lên đường, sau một ngày khá vất vả chúng tôi đã đến nơi an toàn. Đồng chí trực ban hướng dẫn chúng tôi vào gặp đồng chí Nguyễn Quang Bích - Phó tư lệnh Đoàn 559 nguyên là Phó tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân. Được gặp lại người thủ trưởng cũ tôi rất yên tâm.

Tôi đã báo cáo ngắn gọn đầy đủ nhiệm vụ của 2 đại đội ra-đa, rồi đề xuất với anh một số yêu cầu để anh giúp đỡ.

Với giọng nói thân mật, khúc triết, mạch lạc của người chỉ huy đã từng Nam tiến từ thời kỳ đầu kháng chiến chống Pháp và đã từng làm tham mưu trưởng Đoàn pháo cao xạ 367 trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm xưa, anh căn dặn, hướng dẫn tôi rất cụ thể đôi lúc pha những câu nói dí dỏm, tế nhị. Anh bảo tôi: “Những quả bóng tạt sườn bao giờ cũng rất lợi hại, phải cố gắng khai thác hết khả năng của hai tiền đạo biên này, sẽ có lúc chọc thủng lưới đối phương...”. Qua lời anh tôi biết anh là một cầu thủ bóng đá nhưng mãi sau này tôi mới thấy hết ý nghĩa câu nói của anh.

Anh nói tiếp: “Mình sẽ chỉ thị trực tiếp cho binh trạm 12, 20 cử một cán bộ theo dõi giúp đỡ các cậu”. Nhận một số giấy tờ từ đồng chí văn thư, ký xong anh trao cho tôi rồi xiết chặt tay chúng tôi một lần nữa.

Trên đường trở về trung đoàn theo kế hoạch, đoàn chúng tôi vào kiểm tra công tác chuẩn bị của đại đội 12, 20. Khi thấy đoàn chúng tôi tới đơn vị tất cả cán bộ chiến sĩ đều reo hò phấn khởi thể hiện sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ nặng nề mà trung đoàn giao cho. Hai bộ ra-đa П12, П15 của Liên Xô cũ chế tạo cùng các khí tài thông tin, máy nổ nguồn điện đều được đội ngũ kỹ thuật của trung đoàn xuống tận nơi kiểm tra, hiệu chỉnh, thay thế.

Tôi trở về trung đoàn báo cáo với các anh trong thường vụ và Ban chỉ huy trung đoàn kết quả chuyến đi vừa rồi, sau đó tôi và đồng chí Vũ Ngọc Diệp - Phó chủ nhiệm chính trị trung đoàn, được phân công đưa đại đội 20 vượt cổng trời đi theo đường 12 sang chiến đấu tại trận địa Na Tăng Chay thuộc trung Lào. Đồng chí Nguyễn Đình Táo - Trung đoàn phó, tham mưu trưởng, đồng chí Trần Quang Sáng và đồng chí Lê Khuyển - phó chủ nhiệm chính trị

trung đoàn, được phân công giúp đỡ đại đội 12 hành quân theo đường 20 sang chiến đấu tại trận địa Phu Then Kham cũng thuộc vùng trung Lào.

Ngày 12-11-1971 đại đội 20 được lệnh hành quân lên vị trí tập kết cách cổng trời (Cửa khẩu 12) chừng 10 ki-lô-mét cây số. Đến đây đơn vị được chia làm 2 bộ phận bộ phận đi bộ gồm 25 người do đại đội trưởng Chính (đã đi khảo sát trận địa) và đồng chí Diệp chỉ huy đi trước bộ phận khí tài 4 ngày vừa để gọn nhẹ cho đoàn khí tài khi qua các trọng điểm, vừa để chuẩn bị trước trận địa đặt máy chỗ ăn, chỗ ở cho bộ đội.

Trong khi bộ phận khí tài tập kết ở nơi quy định, tôi lên sở chỉ huy Binh trạm 12 làm việc. Đồng chí Thành - binh trạm trưởng Binh trạm 12 tiếp tôi tại sở chỉ huy được bố trí trong một hang đá khá rộng nằm sát phía bên này dốc cổng trời. Trong sở chỉ huy cũng có bảng tiêu đề thu mạng tình báo trên không của quốc gia, gọi là mạng B1, đèn điện sáng trưng thuận tiện cho chỉ huy chiến đấu và điều hành vận chuyển.

Tôi dành trọn 2 đêm 1 ngày ngồi trong sở chỉ huy binh trạm theo dõi quy luật đánh phá, trinh sát của máy bay địch để quyết định thời điểm nào vượt cổng trời là an toàn nhất, đồng thời cũng là để chờ đại đội trưởng Chính quay trở về dẫn đường. Nhưng hết ngày thứ 4 vẫn chưa thấy đồng chí Chính đâu cả. Tôi quyết định vẫn hành quân theo đúng kế hoạch.

Sáng ngày 19 tháng 11 năm 1971, tôi đến chào và tạm biệt binh trạm trưởng 12. Biết được tâm tư của tôi và nhiệm vụ quan trọng của đơn vị, đồng chí binh trạm trưởng đã chủ động điều cho tôi một người dẫn đường. Anh bảo tôi chờ 30 phút sau người dẫn đường sẽ có mặt nhưng chưa đến 20 phút thì đã có một chiến sĩ trẻ, vóc người to lớn nhanh nhẹn có đôi mắt rất sáng đến gặp tôi. Anh chủ động hỏi tôi với giọng nói lơ lớ xứ Thanh: “Thủ trưởng có phải là Khánh không ạ?”. Tôi trả lời: “Đúng rồi tôi là Khánh đây!”. Anh tự

giới thiệu “Em là Minh, quê Thanh Hóa, là lính lái xe Trường Sơn được lệnh đi dẫn đường cho đơn vị của thủ trưởng”. Tôi mừng rỡ nắm chặt tay anh rồi chúng tôi cùng ra xe về khu vực tập kết.

Khoảng 18 giờ ngày hôm ấy (19 tháng 11 năm 1971) bộ phận khí tài gồm 8 xe, đi đầu là xe xích dẫn đường, tiếp theo đó là bốn xe ra-đa và các xe thông tin, hậu cần, xăng dầu đã sẵn sàng bên này dốc cổng trời chờ lệnh xuất phát.

Đúng quy luật hoạt động của địch, khoảng 20 giờ một tốp 3 chiếc máy bay cường kích đến ném bom âm âm xuống một số trọng điểm dọc con đường 12 mà chúng tôi sắp sửa đi qua. Tiếng bom truyền lan vang vọng vào các quả núi nghe mãi không dứt. Phải chờ máy bay địch đi khỏi, chờ lực lượng công binh và thanh niên xung phong san lấp các hố bom, giải phóng xong mặt đường mới có lệnh hành quân. Ngồi chờ trên ca bin xe xích tôi có dịp hỏi chuyện người dẫn đường vui tính này. Tôi sờ vào chiếc áo cộc tay dày cộp của anh. Biết tôi định hỏi gì, Minh kể cho tôi nghe về cái áo chống bom bi của mình rồi anh cởi ra định đưa cho tôi mặc thử. Minh nói: “Thủ trưởng cứ mặc thử xem tuy nó nặng đây nhưng bom bi cứ phải gọi nó bằng cụ, em được phát đã hơn 6 tháng nay, có hôm vội đi nhận hàng em bỏ quên nó ở doanh trại, có hôm em đưa cho đồng chí sĩ quan đi áp tải hàng mặc, em nghĩ rằng chết là do số phận cả! Ra trận mặc đạn nó tránh mình chứ mình khó tránh được đạn, có đúng không thủ trưởng?”. Tôi chưa kịp trả lời thì Minh nói tiếp: “Có người còn nói rằng ra mặt trận những anh nhút nhát thường dễ bị hy sinh, em cho câu nói đó có phần đúng vì có lần đoàn xe chúng em lọt vào khu vực đánh phá của máy bay địch, em liều mạng cho xe tăng tốc độ vượt qua trọng điểm an toàn. Bạn em đi sau sợ quá cho xe nép vào vách đá bên vệ đường thì bị thương vong”. Minh kể chuyện rất có duyên và hấp dẫn khiến tôi và các đồng chí ngồi bên cạnh càng mẩn phục. Tôi nghĩ bụng mới chớm vào cửa ngõ Trường Sơn mà đã gặp một người lính dũng cảm, mưu trí như thế này thì chắc chắn rằng trên dọc tuyến đường Trường Sơn này có hàng ngàn, hàng vạn chiến sĩ như Minh, bom đạn Mỹ không thể nào khuất phục được họ bởi vì họ có trái tim của người lính trên tuyến đường mang tên Bác.

Chúng tôi quay sang bàn nhiệm vụ của xe dẫn đường và hộ tống. Khoảng 22 giờ, 3 phát pháo hiệu từ bên kia dốc cổng trời vút lên báo thông đường, đồng thời cũng là lệnh xuất phát của bộ phận khí tài chúng tôi.

“Cổng trời” nơi đây từ thời Pháp thuộc, chúng đã lắp đặt “Không trung thiết lộ”, nơi đây còn có cái tên “Cửa tử” hoặc “Tọa độ lửa”. Không hiểu cái tên này ai đặt cho nó nhưng quả là không sai. Nó vừa cao vừa hiểm, máy bay địch khổng chế cái đầu nút giao thông này hầu như suốt ngày đêm. Qua dốc cổng trời sang địa phận đất Lào gió Tây thổi rất mạnh. Cả một quãng đường dài đến 2 - 3km cây cối hai bên còn đang cháy dở đỏ rực lửa phát ra những tiếng nổ rất to do bom đạn của máy bay địch đánh phá trong ngày còn để lại. Đoàn anh em đi bộ kế với chúng tôi đêm hôm vượt khẩu, anh em đều phải đi giật lùi để tránh gió tạt và tránh tàn lửa bắn vào mặt.

Tôi ngồi trên xe xích đi đầu tiên, bên cạnh là chiến sĩ dẫn đường mặc áo giáp và 2 sĩ quan, theo sau là đoàn khí tài. Đi được khoảng trên 3km thì gặp cua tay áo khá gấp, là một trong 3 trọng điểm đánh phá của máy bay địch trên tuyến đường này. Tôi cho xe xích dừng lại xuống kiểm tra rồi cầm một đồng chí sĩ quan xuống đây để nhắc nhở từng người chỉ huy xe và từng lái xe khi qua cua này phải xuống kiểm tra rồi dẫn xe qua an toàn.

Nhưng sự việc chẳng đơn giản như vậy. Đồng chí Giai - Chính trị viên đại đội 20 chỉ huy xe thứ 4 thấy các xe trước đã đi chót lọt nên anh không xuống kiểm tra và cũng không chỉ huy xe để cho lái xe Nguyễn Đức Vinh mở cua hơi rộng, thế là xe chở máy nổ của ra-đa II10 bị dẽ.

Tôi đang nghiên cứu ở một trọng điểm thứ hai cách cua tay áo chừng 300m thì nghe được ba phát súng nổ phía sau, đó là tín hiệu cấp cứu. Biết là có sự

cố, tôi cho xe xích quay trở lại thì thấy xe của Vinh bị dẽ rất nặng. Tôi nhanh chóng cho bộ đội mở rộng đường để các xe còn lại vượt lên. Trong khi đó, máy bay OV-10 vẫn bay lượn trên không dọc tuyến đường 12, thỉnh thoảng lại bắn một loạt đạn chiếu sáng nhưng sự quấy nhiễu của nó không những không cản trở được mà trái lại các chiến sĩ ta còn lợi dụng pháo sáng địch để kiểm tra công việc còn lại.

Trong khi mở đường cứu máy, đài trưởng Π12 Nguyễn Viết Tạo đã ứng khẩu thành những câu hò động viên bộ đội rất kịp thời. Tôi còn nhớ một đoạn hò của anh:

Chúng ta chẳng sợ hiểm nguy

Mở đường cứu máy ta đi kịp thời.

Pháo sáng mày bắn trên trời

Cũng không dọa nổi những người ra-đa.

Dứt mỗi câu hò các chiến sĩ ta lại hò lơ hò lờ theo làm cho anh em quên cả mệt nhọc. Cùng lúc ấy đoàn pháo cao xạ của bạn Lào hành quân phía sau đã bị máy bay địch đánh trúng đội hình, lửa cháy đỏ rực và có tiếng nổ khá to. Tôi tưởng xe chở xăng dầu đi sau cùng đội hình bị cháy, vội vàng cùng đồng chí Duệ trợ lý kỹ thuật quay lại kiểm tra, đi được một đoạn thấy xe chở xăng dầu vẫn nguy trang kín đáo nằm sát thành núi, chúng tôi thở phào nhẹ nhõm.

Mở xong đường, các xe còn lại đã vượt lên khỏi cua tay áo, đến lượt xe xích quay đầu chuẩn bị kéo xe bị dẽ thì một tình huống khá phức tạp xảy ra mà bản thân người lái xe xích Nguyễn Văn Y cũng chưa gặp lần nào trong đời lái xe của mình. Đó là do mặt đường bị bom đạn cày xới nhiều lần, được các chiến sĩ công binh dùng máy ủi gạt bằng, nhưng thực chất lòng đường lại hoàn toàn là đất mượn, nên khi xe xích quay đầu thì xích của xe đã chệch khỏi bánh răng. Thế là lại phải dùng sức lực của bộ đội gạt hết đất ở gầm xe và hai bên ra ngoài, để xe xích nổ máy tự xê dịch tại chỗ đưa bánh xe răng trở về với xích. Phải làm đi làm lại 2 lần như vậy, cứ mỗi lần điều chỉnh như thế thì lửa lại tóe sáng rực thành những tia dài do bánh răng cọ vào xích. Cuối cùng xe xích trở lại được trạng thái bình thường. Đến khi móc được dây cáp từ đầu xe xích vào đầu xe máy nổ, bắt đầu kéo thì xe máy nổ tụt xuống sườn vực. Nhờ có một gốc cây khá to và sức nặng của xe xích, mà xe máy nổ nằm lại cách mặt đường chừng 5 - 6m, sợi dây cáp móc giữa xe xích với xe máy nổ lúc này rất căng. Làm thế nào đây? Tôi hội ý chớp nhoáng với các cán bộ có mặt ở đó. Để đảm bảo an toàn cho cả đoàn khí tài, tuy tiếc đứt ruột nhưng không còn cách nào khác, chúng tôi đành phải bỏ lại hai chiếc máy nổ trên xe. Tôi hạ lệnh chặt cáp để giải phóng xe xích.

Lái xe Nguyễn Đức Vinh ân hận đứng cạnh tôi khóc nức nở. Tôi an ủi Vinh: “Lỗi này không phải chỉ riêng một mình đồng chí mà cả chúng tôi cũng có trách nhiệm”. Tôi bảo Vinh ngày mai quay về Binh trạm 12 báo cáo với đồng chí Thành để binh trạm có kế hoạch trực lên giúp, rồi tìm cách kéo về khu vực an toàn.

Tôi vừa hạ lệnh chặt xích xong, đài trưởng Nguyễn Viết Tạo đã vác từ trên máy của mình xuống một cái búa tạ. Các trắc thủ đã thay nhau dùng búa đập đứt từng sợi, từng sợi của chiếc dây cáp và thế là xe xích lại vượt lên đầu đội hình tiếp tục hành quân. Khi xe xích vượt lên gần hết đội hình thì chính trị viên Giai chạy ra trước đầu xe xích ra hiệu cho xe dừng lại, sợ tôi không nghe được anh báo cáo rất to: “Còn thiếu đài trưởng Tạo và lái xe ra-đa II12”. Tôi rất ngạc nhiên và phân vân vì cách đây ít phút Tạo còn quai búa chặt cáp cùng anh em sao lại thiếu được! Tôi cho xe xích tắt máy rồi đi bộ trở lại chỗ chiếc xe bị dẽ. Tôi gọi Tạo rất to đồng thời dọi đèn pin xuống chỗ chiếc xe bị

dê. Chiếc đèn pin “chiến trường” của tôi chỉ phát ra một tia sáng rất hẹp, tôi nghe thấy có tiếng người thưa ở dưới chiếc xe rồi thấy 2 bóng người đang loay hoay đưa một vật gì đó từ trong xe ra, chờ một lát tôi nắm tay từng người kéo họ lên đường. Tạo vừa thở hỗn hển vừa báo cáo: “Em tiếc cái bình điện này quá, nó còn rất mới nên cố gắng lấy nó để làm dự phòng”. Lúc này sự bức bối của tôi đã dịu đi, nhường chỗ cho sự cảm phục Tạo và người lái xe của anh. Trong thời điểm giữa cái sống và cái chết chỉ cách nhau gang tấc, ai cũng muốn nhanh chóng vượt qua trọng điểm ác liệt này. Vậy mà vẫn có những con người không sợ hiểm nguy lo lắng đến lực lượng dự trữ cho chiến đấu lâu dài sau này, nhất là khi xa trung đoàn. Lòng tôi lâng lâng tự hào và giục anh em khẩn trương lên để hành quân tiếp vì đường còn dài lắm. Cũng may lúc đó tôi chưa thốt ra những lời khiển trách nặng nề với Tạo, đỡ cho sự ân hận của tôi sau này mỗi khi gặp lại anh.

Đoàn xe tiếp tục hành quân, rút kinh nghiệm khi qua cửa tay áo, đến các trọng điểm sau chúng tôi chỉ huy từng xe đi qua xong rồi mới hành quân tiếp.

Sau khi qua được trọng điểm cuối cùng là ngã ba Lăng Khăng, tưởng rằng mọi trắc trở đã hết, không ngờ xe xích đi đầu do ánh sáng của đèn gầm bị hạn chế nên chút nữa thì đâm phải một tảng đá lớn nằm chắn ngang giữa đường. Chúng tôi lại phải làm việc hết 15 phút để làn hòn đá này sang một bên. Lúc này tôi mới thấy hết tác dụng của chiếc xe xích hộ tống, nhờ có nó và mấy sợi dây cáp dự phòng, mấy chiếc xà beng mà chúng tôi đã kéo nó ra vệ đường nhanh chóng.

Giải quyết xong các khó khăn trên suốt tuyến đường 12, đoàn khí tài mới vượt được gần 20km. Lúc này trời đã rạng sáng, đồng chí dẫn đường báo cáo: “Đến đây là hết các trọng điểm đánh phá của máy bay địch rồi, thủ trưởng có thể cho anh em dừng lại nghỉ tại đây, đợi tối nay hành quân tiếp”.

Tôi hội ý chớp nhoáng trong cán bộ rồi ra lệnh cho sơ tán, ngay trang kín đáo. Tôi còn đang đứng trên thùng xe xích để quan sát khu vực định sơ tán thì trước mặt tôi chừng 20m, xuất hiện một chiến sĩ đầu đội mũ sắt tay cầm ca và khăn mặt đang đi về phía suối, rồi 2, 3, 4 chiến sĩ nữa xuất hiện. Tôi nhanh chóng đến gặp họ thì mới biết đó là các chiến sĩ pháo cao xạ phòng không 37 ly của Binh trạm 12 bố trí trận địa ở đây. Tôi qua trong lúc chờ đợi vượt cổng trời, tôi đã chứng kiến họ nổ súng bắn vào máy bay địch. Họ đánh rất hay, tuy không tiêu diệt được chiếc máy bay nào nhưng cũng đã cảnh cáo chung và chính nhờ có những loạt đạn pháo 37 ly ấy mà các tốp máy bay trinh sát OV-10 phải bay khá cao không phát hiện được đoàn khí tài chúng tôi, và các đợt đánh phá đường 12 của máy bay cường kích cũng giảm đi so với qui luật đánh phá trước đó mà tôi đã nắm được.

Tôi cảm ơn họ và bắt tay từng chiến sĩ, đồng thời nhắc anh em sáng nay phải ngay trang sơ tán thật tốt. Tôi lập tức thay đổi kế hoạch, bằng giá nào cũng phải rời ngay khỏi vị trí này, nếu chậm đến sáng máy bay địch sẽ đánh phá phản ứng vào đơn vị bạn, ta sẽ bị thương vong lớn. Tôi hạ lệnh tiếp tục hành quân.

Trời sáng rõ dần, nhưng cũng may là có sương mù và từng đám mây trắng vẫn còn lác đác bao phủ ngang sườn núi trên dọc đường mà đoàn xe chúng tôi đi qua 2 chiếc OV-10 bay dọc từ đường 128 sang đường 12, độ cao khoảng 3km, nối đuôi cách nhau khoảng 2km đã xuất hiện phía trước, bên trái đoàn xe chúng tôi. Trời càng sáng rõ tôi đứng ra ngoài cửa ca bin xe xích nhìn đoàn xe nối đuôi nhau lăn bánh phía sau lòng tràn đầy tự hào tin tưởng vào ý chí, quyết tâm của những cán bộ chiến sĩ bộ đội ra-đa anh hùng và nhớ lại câu châm biếm của chiến sĩ ta: “OV-10 chính là OV mù” quả thật không sai. Đoàn khí tài chúng tôi tiến sâu vào khu vực an toàn chừng 5 - 6km thì dừng lại sơ tán nghỉ ngơi.

Đúng như dự đoán khoảng từ 8 giờ sáng trở đi, nhiều tốp máy bay địch đến đánh bom vào trận địa đơn vị pháo cao xạ đã nổ súng đêm hôm trước, chúng

lượn vòng ngay trên đỉnh đầu khu vực mà đoàn chúng tôi đang sơ tán.

Sau một ngày nghỉ ngơi, 18 giờ ngày 20 tháng 11 năm 1971 đoàn chúng tôi tiếp tục hành quân. Sáng sớm hôm sau chúng tôi đã đến trận địa giữa tiếng hoan hô reo hò của các chiến sĩ hai bộ phận gặp lại nhau. Chiều hôm đó cấp ủy đại đội 20 họp đánh giá kết quả đợt hành quân cơ động và bàn công tác lãnh đạo triển khai chiến đấu.

Ngày 23 tháng 11 năm 1971 cả 2 đài ra-đa П10, П12 đều được triển khai xong, các tham số kỹ thuật đều bảo đảm tốt. Tôi điện báo cáo về sở chỉ huy trung đoàn. Ngày 25 tháng 11 năm 1971 hai đài đã có lịch mở máy trực ban chiến đấu.

Sau khi triển khai chiến đấu xong, tôi và đồng chí Diệp còn ở lại đại đội 20 thêm 3 tuần nữa để tìm thêm trận địa dự bị và theo dõi khả năng phát hiện máy bay địch ở trận địa này.

Ngay phiên mở máy đầu tiên, tôi cũng có mặt bên máy ra-đa П12. Tôi đã chứng kiến kíp trắc thủ của Tạo phát hiện được một tốp 3 chiếc pháo đài bay B-52 ở độ cao 9000m, từ cự ly 270km bay vào phía Tây Quảng Trị. Khi mới phát hiện được chúng, trên các màn hiển sóng của trắc thủ đều không có nhiều, bay đến cự ly 160km trở vào mới có nhiều nhẹ. Kíp trắc thủ của Tạo vẫn thông báo liên tục tốp B-52 này về sở chỉ huy các cấp. Tôi rất mừng và thầm nghĩ rằng nếu giờ này đồng chí Quang Bích - Phó tư lệnh Đoàn 559 đang có mặt trong sở chỉ huy của mình, chắc chắn anh sẽ nhận ra đây là công lao của những “tiền đạo biên” mà anh đã trao nhiệm vụ cách đây không lâu. Đến lượt đài ra-đa П10 mở máy trực ban cũng phát hiện được một tốp B-52 ở cự ly tương tự.

Sáng sớm hôm sau sở chỉ huy trung đoàn điện biểu dương đại đội 20 phát hiện và thông báo chính xác máy bay B-52 vào đánh khu vực đường 9 Nam Lào.

Qua thông báo của trung đoàn, đại đội 12 đã hành quân an toàn và các đài ra-đa cũng phát hiện được B-52 khá tốt. Nhìn trên tấm bản đồ mang theo tôi rất phấn khởi vì các tổ pháo đài bay B-52 đã bị những con mắt thần của bộ đội ra-đa tóm gọn ngay khi chúng vừa rời khỏi hang ổ trên đất Thái Lan ít phút.

Ngoài phát hiện pháo đài bay B-52 chính xác, 2 đơn vị này còn phát hiện được các loại máy bay khác, trong đó có loại C130 mà các chiến sĩ lái xe Trường Sơn đã đặt cho nó cái tên gọi là máy bay “Xin thùng, xin thùng”. Loại máy bay này vốn là loại vận tải quân sự được Mỹ cải tiến lắp đặt các máy móc trinh sát điện tử hiện đại, hai bên cánh lắp hỏa tiễn hoặc pháo 40mm, đêm đêm thường bay ở độ cao rất thấp trinh sát dọc tuyến đường vận chuyển của ta. Khi phát hiện được các đoàn xe chở hàng, nó nã pháo và hỏa tiễn. Loại máy bay này lúc mới xuất hiện đã có không ít xe chở hàng của ta bị bắn trúng thùng, nên các chiến sĩ lái xe đặt cho nó cái tên như vậy.

Nhưng vỏ quít dày đã có móng tay nhọn. Chỉ sau một thời gian ngắn, các chiến sĩ ra-đa của ta đã phát hiện được loại máy bay này và đã thông báo kịp thời, chính xác cho các chiến sĩ phòng không Đoàn 2075 tiêu diệt chúng. Hai chiếc AC130 đã bị bắn rơi tại chỗ, 1 chiếc rơi tại Cam Tha Mé, 1 chiếc khác rơi ở Sa Vắn. Các loại máy bay khác như Thần Sấm, Con Ma, Giặc nhà trời... cũng chịu chung số phận với AC-130, cùng bỏ xác trên núi rừng Trường Sơn hùng vĩ.

Sau khi máy bay AC-130 và các loại máy bay khác bị bắn rơi tại chỗ, hoạt động của không quân địch trên tuyến đường 559 đã giảm hẳn.

Ngày 11 tháng 12 năm 1971 chúng tôi có điện gọi về trung đoàn. Được tin này cán bộ, chiến sĩ trong đại đội đã truyền cho nhau rất nhanh. Người thì mang đến tặng chúng tôi cái lược, người tặng cái ca làm bằng thép không gỉ từ ống pháo sáng của địch. Có đồng chí còn tặng tôi một cái dù pháo sáng mà anh em nhặt được xung quanh trận địa. Tôi từ chối thế nào cũng không được. Riêng đài trưởng Tào tặng tôi một khóm phong lan rất đẹp. Chúng tôi cảm động ôm chặt lấy nhau, chúc nhau mạnh khỏe và thắng lợi.

Cho đến bây giờ tôi vẫn giữ chiếc dù pháo sáng làm kỷ niệm. Mỗi khi dùng đến nó tôi lại có dịp nhớ lại những tình cảm tốt đẹp của cán bộ chiến sĩ đại đội 20 đã dành cho tôi trong những năm tháng chiến đấu ác liệt trên đất bạn Lào, thời kỳ chiến tranh chống Mỹ cứu nước vĩ đại. Riêng khóm phong lan tôi đã tặng lại đồng chí Đào Văn Dương - Phó tư lệnh Binh chủng Ra-đa khi vào kiểm tra chiến đấu trung đoàn. Sau này mỗi khi đến thăm đồng chí Dương, tôi vẫn được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của khóm hoa phong lan này treo trên giàn hoa trước nhà anh.

Chúng tôi trở về trung đoàn theo đường 12 (con đường mà chúng tôi đã hành quân). Chúng tôi đã chứng kiến từng đoàn xe nối đuôi nhau vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm, có cả đơn vị pháo cao xạ, tăng thiết giáp, bộ binh cơ giới cùng hành quân chi viện cho miền Nam. Đúng là một chiến dịch vận chuyển lớn. Chúng tôi đi nhờ đoàn xe của binh trạm 12 về nước ngay giữa ban ngày. Mãi sau này khi đọc tập hồi ký “Chặng đường mười ngàn ngày” của Thượng tướng Hoàng Cầm, hồi đó anh là đại tá, Ủy viên Quân ủy miền, giữ chức Phó tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Miền, tôi hiểu rõ thêm: Chính mùa khô năm 1971 - 1972 ta đã vận chuyển được hàng trăm ngàn tấn hàng và đã cơ động một số đơn vị chủ lực chi viện cho mặt trận miền Nam, tạo nên những thắng lợi to lớn làm cho địch phải kinh hoàng như chiến thắng Sa Mát - Đường 22 - miền Đông Nam Bộ; Cần Tiên, Dốc Miếu ở mặt trận Trị - Thiên; Đắc Tô, Tân Canh ở mặt trận Công Tum và sau đó là chiến thắng Lộc Ninh - Nơi đặt tổng hành dinh của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Suy nghĩ và nhớ lại, tôi càng tự hào về truyền thống của bộ đội ra-đa, chiến đấu gian khổ, ác liệt, thầm lặng nhưng rất anh hùng, càng thấy chủ trương của trên mở rộng trường ra-đa sang phía Tây Trường Sơn phục vụ giao thông vận chuyển trong thời điểm ấy là rất sáng suốt.

Hà Nội, tháng 4 năm 1997

ANH CÁN BỘ TAY CHỐNG GẬY HÈO!

NGUYỄN ĐÌNH SƠN

Đại tá Nguyên Tư lệnh Binh chủng Ra-đa

Nếu nói đến bộ đội ra-đa thì từ chiến sĩ đến cán bộ không ai là không tâm đắc đối với bài hát “Anh cán bộ đi tìm trận địa”... Có anh cán bộ tay chống gậy hèo! Có thể thì từ các trận địa núi cao, đảo xa, đèo heo hút gió như Pa-háng - Pha Đin - Phia Uắc - Tam Đảo - Sìn Hồ - đỉnh Sài Hồ điểm cao 501 Mường Hung - Nậm Ích - Ba Rền - Côn Sơn - Phú Quốc - Thanh Lân - Bạch Long Vĩ - Trường Sa... Đôi chân anh cán bộ đã đi lên, đi xuống không biết bao nhiêu lần để đo đạc, xác định đặt máy, đưa khí tài và cùng anh em lên trụ tại đây để làm nhiệm vụ ít ra cũng phải là từ 3 đến 5, 7 năm. Phải chăng đây cũng là một tiêu chuẩn để xác định đúng là anh cán bộ ra-đa! Đó cũng là một đặc thù của một binh chủng kỹ thuật mà nhiệm vụ là ngày đêm canh giữ bầu trời không để Tổ quốc bị bất ngờ... Khác hẳn với các binh, quân chủng khác, vì nhiệm vụ thiêng liêng của đất nước mà Tổ quốc giao phó.

Thật vậy, việc tìm kiếm trận địa, đặt trận địa từ cán bộ binh chủng đến cơ sở đại đội không một ai từ chối, nản lòng trước khó khăn, gian khổ vất vả đó. Chúng tôi, với sức trai, còn trẻ hơn, vượt cái gian khó đó cũng không mấy khó khăn nhưng mỗi lần cứ nghe hát đến bài “Có anh bộ đội đi tìm trận địa...” là đều lâng lâng tự hào và nhớ lại đến anh Bùi Đình Cường một cán bộ lớn tuổi nhất của binh chủng, từ một cán bộ thuộc Binh chủng Cao xạ được chuyển sang. Anh vốn là một nông dân chất phác, mộc mạc, giản dị. Anh sống rất chan hòa, bình dị với anh em, nhưng việc làm thì rất tử mỹ, cần cù, trách nhiệm, dứt khoát nói là làm nên anh em trong binh chủng ai cũng quý mến, gần gũi. Bữa ăn của anh rất giản dị đạm bạc, thế nào cũng ngon miệng, nhưng sau bữa ăn là cứ phải có dấm bát nước chè xanh đậm, miếng trầu thuốc và điếu thuốc lào ngon. Thế là anh lại lên đường tìm trận địa suốt ngày được, quên mệt, luồn rừng lội suối, leo đèo, có hôm mãi tối mịt anh về lại doanh trại vì phải cố xác định cho xong một trận địa, trợ lý đi theo anh ai cũng mệt nhoài, mồ hôi mồ kê thấm đẫm... Anh được nghỉ hưu từ năm 1973, nhân dịp năm 1982 anh được Quân chủng Phòng không mời về dự kỷ

niệm mười năm đánh thắng B-52 (1972 - 1982). Binh chủng Ra-đa đón và mời các cụ về thăm lại binh chủng, cũng chỉ với bát nước chè xanh, miếng trầu tươi và điệu thuốc lào Tiên Lãng và anh em mừng đón các cụ bằng vài tiết mục văn nghệ của binh chủng. Khi anh em hát bài “Anh cán bộ đi tìm trận địa” - Có anh cán bộ tay chống gậy hèo!... dốc núi tai mèo ta cứ đi... bỗng nhiên anh Bùi Đình Cường đứng dậy khoát khoát tay... nước mắt dàn dụa...

- Thôi!... Thôi!... cảm ơn, cảm ơn các đồng chí.

Trên sân khấu, tiếng hát của chiến sĩ ra-đa vẫn ngân vang đến hết bài, các cụ trong đoàn ai cũng mũi lòng xúc động. Anh Bùi Đình Cường ôm hôn các chiến sĩ văn nghệ vỗ nhẹ vào vai tỏ lòng cảm ơn. Thật là cảm động một cuộc đón tiếp nhẹ nhàng nhưng đầm ấm...

Về đời thường ở vùng quê Trường Sơn - Thạch Hà - Hà Tĩnh bà con rất quý mến thường cứ gọi anh là “Cố đại tá 4 sao...”. Thật vậy anh thường ra đoạn sông gần nhà để bắt thêm con tôm, con tép về cải thiện cuộc đời dân dã... nên bà con đều gọi anh với cái tên trù mến đó. Năm 1995, một chiều cuối thu anh đã ra đi vĩnh biệt bà con xóm làng, đồng chí, đồng đội... ở tuổi 73. Anh đã có một cuộc sống anh dũng, thủy chung, thanh thản!... ai ai cũng mến tiếc... và cứ mỗi lần bài hát “Anh cán bộ đi tìm trận địa”... của Binh chủng Ra-đa lại nhớ đến anh một người cán bộ của một binh chủng mà ít được mọi người biết đến!!!...

Tháng 3 tháng 1997

RA ĐẢO

LÊ VĂN HIỀN

Trước thắng lợi to lớn trong chiến dịch Tăng tiến công của quân và dân miền Nam dịp tết Mậu Thân - 1968, địch thất bại nặng nề trên toàn chiến trường miền Nam. Trước phong trào đấu tranh của nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới ủng hộ công cuộc đấu tranh của nhân dân ta, phản đối Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phi nghĩa ở Việt Nam. Tổng thống Mỹ Giôn-xơn đã phải ra lệnh ngừng ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra, nhưng lại tập trung lực lượng không quân đánh phá ác liệt từ Khu 4 trở vào để ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam.

Bản chất xâm lược của Mỹ không thay đổi, từ Thanh Hóa trở ra, chúng tăng cường mở chiến dịch trinh sát để chuẩn bị thực hiện âm mưu đánh phá trở lại miền Bắc. Ngoài thủ đoạn sử dụng máy bay trinh sát tầm cao U2 hoặc SR.71; không người lái BQM.34A, địch còn áp dụng thủ đoạn mới: Từ biển dùng máy bay vận tải loại lớn DC.130A phóng máy bay không người lái 147.J, 147.SE trinh sát tầng thấp. Mục tiêu trinh sát là khu vực đồng bằng Bắc Bộ mà trọng tâm cụm mục tiêu yếu địa là Hà Nội, Hải Phòng.

Chấp hành mệnh lệnh chiến đấu của Bộ tư lệnh Binh chủng Ra-đa, đầu năm 1969, trung đoàn 293 quyết định điều chỉnh đội hình bổ sung lực lượng chiến đấu trên hướng chiến dịch (Đông và Đông Bắc - Hà Nội), nhằm phát hiện sớm, xa và nhanh nhất triệu chứng và thủ đoạn hoạt động C.130 phóng không người lái trinh sát tầng thấp của địch. Cơ quan tham mưu đã nghiên cứu lập kế hoạch, báo cáo và được phê chuẩn của thường vụ Đảng ủy và chỉ huy trung đoàn: Cơ động đại đội ra-đa 23 ra đảo Đông Kho (Lợn Lòi) thuộc tỉnh Quảng Ninh. Khó khăn mới lại nảy sinh là việc đưa đại đội ra-đa lên núi cao, trung đoàn đã ít nhiều có kinh nghiệm, nhưng cơ động ra-đa vượt biển ra đảo xa là lần đầu tiên, mọi việc còn mới mẻ, bỡ ngỡ. Về mặt lý luận đưa ra-đa ra đảo sẽ tận dụng được mặt phản xạ lý tưởng là biển, góc che khuất bằng không, khả năng phát hiện tầng thấp rất tốt, bảo đảm thời gian cần và đủ kịp thời chuyển cấp cho tiêm kích và các lực lượng hỏa lực phòng không để tiêu diệt máy bay không người lái của địch. Nhưng thực hành tổ chức chỉ huy thực hiện nhiệm vụ hành quân cơ động và công tác đảm bảo lại là vấn đề cần

được xem xét khẩn trương nhưng thận trọng, kỹ lưỡng để đại đội 23 hành quân cơ động an toàn, triển khai chiến đấu tốt bám trụ lâu dài trên đảo.

Phương tiện vận chuyển một phần được sự tham gia hiệp đồng của đơn vị bạn còn chủ yếu dựa vào dân với những chiếc thuyền thô sơ làm sao đưa được hàng trăm tấn vũ khí, khí tài điện tử, lương thực, thực phẩm, lượng dự trữ tác chiến và gần 100 cán bộ chiến sĩ ra đảo sống, chiến đấu và sinh hoạt... Rồi công tác giáo dục chính trị lãnh đạo tư tưởng để cán bộ chiến sĩ giữ được bí mật, kỷ luật, yên tâm bám đảo chiến đấu lâu dài, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao. Cả cơ quan trung đoàn bộ sôi động hẳn lên, cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật có nhiều cuộc họp mở rộng dân chủ quân sự, chính trị (ngày nay gọi là hội thảo) phát huy trí tuệ tập thể và dân chủ đã được tập trung thể hiện ở kế hoạch và thực hiện ở từng cơ quan.

Cơ quan chính trị cử cán bộ xuống đại đội 23 trực tiếp phổ biến quán triệt nghị quyết của Thường vụ Đảng ủy trung đoàn và nhiệm vụ chính trị của đại đội. Theo dõi phát hiện chỉ đạo ổn định tư tưởng của cán bộ chiến sĩ, xây dựng quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ hành quân cơ động, triển khai chiến đấu đúng thời gian quy định và an toàn tuyệt đối.

Cơ quan kỹ thuật lập kế hoạch thực hành chỉ đạo tháo dỡ các ăng ten, giá đỡ, khối máy, phụ tùng linh kiện điện tử, trạm nguồn điện ra-đa, thông tin, vũ khí, đạn dược đóng thành từng linh kiện. Các kiện hàng đều được bao bọc bằng những tấm ni-lông chống thấm nước biển, đặc biệt các kiện hàng điện tử còn được đệm lót bằng giẻ bao quanh và cả quần áo cũ của cán bộ, chiến sĩ để hạn chế thấp nhất hư hỏng do va chạm trong quá trình bốc xếp ở các bến bãi, vận chuyển trên biển và khuân vác lên các điểm cao trên đảo. Nhìn cán bộ, chiến sĩ ta quần áo phong phanh vì họ đã dùng phần lớn số quần áo vào việc bảo quản khí tài mà cảm phục tinh thần quyết tâm thực hiện nhiệm vụ, góp phần đánh mọi âm mưu thủ đoạn dã man của kẻ thù, quyết tâm bảo vệ Hà Nội, bảo vệ trái tim của Tổ quốc. Những chuyến tàu thuyền chở vũ khí, khí tài cuối cùng đã hướng ra đảo, để lại trên bến Cửa ông (nơi tập kết cuối

cùng chặng đường hành quân đường bộ) chỉ là những chiếc xe đặc chủng rỗng không.

Khi ra đến đảo cán bộ, chiến sĩ lại tiếp tục khuôn vác các kiện hàng đến từng vị trí triển khai, nặng nhọc nhất là hai đài ra-đa được đưa lên chiếm lĩnh hai đỉnh cao cách mặt biển hơn 150 mét với đường rừng và dốc dựng đứng. Một bộ phận khác vào rừng tìm những cây gỗ lớn xẻ thành ván đưa về đóng thành thùng ca bin đúng kích cỡ như thiết kế trên xe rồi mới lắp giá đỡ, lắp các khối máy, các thiết bị khác và dựng ăng ten sao cho khi lên máy đài trưởng và trắc thủ vẫn có cảm giác như lên xe ra-đa, không có một chi tiết nào sai lệch lớn ảnh hưởng đến chỉ huy và thao tác chiến đấu. Các nhân viên kỹ thuật được trung đoàn cử ở lại đại đội để kiểm tra, hiệu chỉnh bảo quản sao cho các tham số kỹ thuật ở trong trạng thái tốt nhất. Cơ quan hậu cần đã liên hệ với đơn vị bạn và nhân dân địa phương giúp đỡ chuyên chở hàng trăm tấn nhiên liệu, lương thực, thực phẩm, quân trang, quân y, doanh trại ra đảo để đảm bảo chiến đấu và phục vụ đời sống sinh hoạt tối thiểu cho cán bộ chiến sĩ, bảo đảm lượng dự trữ tác chiến thường xuyên 3 tháng. Riêng đối với quân y phải cử y sĩ, y tá có tay nghề cao giải quyết được những ca sơ cấp cứu, kể cả những phẫu thuật đơn giản như đau ruột thừa. Vì từ đảo vào đất liền có thuyền ngay, thuận buồm xuôi gió cũng phải mất 1 ngày, nếu gặp ngày biển động sóng lớn thì không thể tính trước được. Cơ quan hậu cần đã giúp đại đội mua một chiếc thuyền, đại đội đã lập đội vận tải trên biển đưa đón cán bộ chiến sĩ thường xuyên đi công tác và chuyên chở hàng hóa tiếp phẩm cho đơn vị.

Trên đảo, bữa ăn của bộ đội hàng ngày thường đạm bạc, nhưng họ không sợ thiếu thịt, thiếu mỡ bằng thiếu rau xanh. Anh em tiếp phẩm đội vận tải mỗi chuyến thuyền vào đất liền lại lùng mua cho được nhiều rau, nhiều lần rau mang tới đảo đã héo vàng, tro cọng, nhưng dù sao có rau cũng đã quý lắm rồi.

Ngay từ khi có ý định của chỉ huy trung đoàn, để chuẩn bị văn kiện:

Phương án tác chiến, các kế hoạch bảo đảm... báo cáo lãnh đạo và chỉ huy trung đoàn. Đồng chí tham mưu trưởng Hồ Văn Chính đã sớm chỉ thị cho tiểu ban tác chiến có kế hoạch chuẩn bị trước và đã cử trợ lý trận địa Nguyễn Ngọc Thấu sau đó là đồng chí Phạm Khắc Phương ra đảo đo đạc, khảo sát những tham số cơ bản để tìm chỗ lập trận địa, nhất là vị trí đặt 2 đài ra-đa cảnh giới tầng thấp. Kết hợp số liệu đo được địa hình và tính toán trên bản đồ, nếu triển khai xong hai đại đội 28 và 23 thì khả năng phát hiện thấp của trung đoàn vươn ra phía biển Đông sẽ “bắt” thêm được mục tiêu xa từ 50 đến 70km ở độ cao 500m đến 1000m, xác suất phát hiện trên 0,85 như vậy độ tin cậy được bảo đảm. Đồng chí trung đoàn trưởng Tạ Văn Hoan sau khi thông qua phương án tác chiến (ngày đó chưa gọi là kế hoạch chiến đấu như bây giờ) đã nói: “Chúng ta phải quyết tâm thực hiện kế hoạch đưa đại đội 28 lên núi và đại đội 23 ra đảo mới đáp ứng được yêu cầu của lãnh đạo chỉ huy binh chủng, mới hoàn thành được nhiệm vụ bảo đảm ra-đa chuyển cấp cho tiêm kích ta đánh chặn và hỏa lực phòng không ta tiêu diệt không người lái của địch ở tầng thấp”.

Sau khi dựng đài xong, cơ quan tham mưu giao nhiệm vụ cho đồng chí Lê Hồng Kém và đồng chí Lê Văn Miên tiếp tục theo dõi chỉ đạo phần còn lại trong kế hoạch chỉ đạo của cơ quan. Đồng chí Lê Hồng Kém chỉ đạo và trực tiếp cùng trung đội thông tin tổ chức mạng thông tin chỉ huy thông báo, mạng vu hồi và mạng thu tình báo xa luôn luôn thông suốt trong mọi tình huống. Đồng chí Lê Văn Miên cùng đại đội trưởng Hà Văn Rau, đại đội phó Nguyễn Ngọc Tân và các đồng chí đài trưởng trực thủ hai đài ra-đa theo dõi tổng kết bước đầu kết quả phát hiện và xây dựng được quy trình thao tác, phương án phát hiện máy bay C130 và không người lái tầng thấp. Tổ chức kíp trực thủ, kíp trực ban sở chỉ huy huấn luyện theo quy trình và phương án đã được xây dựng. Tiếp đó đồng chí Lê Văn Miên cùng đồng chí Nguyễn Ngọc Tân liên hệ hiệp đồng cùng đơn vị bạn xây dựng phương án đánh địch bảo vệ trận địa, tổ chức cho bộ đội thực hành huấn luyện theo phương án kiên quyết trụ vững trận địa trên đảo kể cả trong tình huống xấu nhất.

Hoàn thành nhiệm vụ hành quân cơ động đại đội 23 ra đảo đã góp phần hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu của trung đoàn trên hướng chiến dịch Đông

và Đông Bắc Hà Nội, góp phần giúp cho sở chỉ huy và cơ quan chiến dịch binh chủng, quân chủng nghiên cứu, chỉ đạo kịp thời sử dụng lực lượng đánh thắng địch bảo vệ cụm mục tiêu địa Hà Nội - Hải Phòng và các tỉnh Đông Bắc. Ra đảo đã thể hiện ý chí quyết tâm, tinh thần đoàn kết một lòng, phát huy trí tuệ tập thể khắc phục khó khăn của lãnh đạo, chỉ huy, cơ quan, đơn vị của cán bộ chiến sĩ chiến đấu vì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Một ngày đẹp trời năm 1969, cánh sóng trên đảo Đông Kho của đại đội 23 đã chính thức hòa vào mạng lưới ra-đa cảnh giới toàn quốc, chính nó đã tạo cho trung đoàn 293 chủ động chiến đấu và chiến thắng nói riêng, toàn quân và dân ta nói chung, đã không để Tổ quốc bị bất ngờ.

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2001

CUỘC HÀNH TRÌNH TÌM TRẬN ĐỊA RA-ĐA TRÊN ĐẤT BẠN LÀO TRẦN CHÂU TỰ

Dãy núi Trường Sơn chạy dài dọc phía Tây Trung Bộ đã che chắn và hạn chế khả năng phát hiện của ra-đa trên hướng Tây - Tây Nam. Để khắc phục tình trạng này, Quân chủng Phòng không - Không quân ra lệnh cho trung đoàn đi tìm trận địa ở Lào để bố trí.

Trung đoàn 291 tổ chức một đoàn đi tìm trận địa ở Lào gồm có 8 người - 4 chiến sĩ và 4 cán bộ: Hồ Văn Chính, Tham mưu phó trung đoàn, làm trưởng đoàn; Trần Châu Tự, Phan Văn Trưng, Nguyễn Đình Lãng. Tôi là cán bộ của Quân chủng phái xuống đi theo đoàn.

Thời gian rất khẩn trương, không quân địch tập trung đánh phá ác liệt ở

Khu 4 và các đường phía Nam. Đi tìm trận địa có rất nhiều khó khăn, phức tạp nhất là ở các vùng núi cao, rừng rậm, đường xá khó khăn, chỉ có thể lợi dụng các thung lũng bằng phẳng có mặt phản xạ tối thiểu để đặt máy; mặt khác còn thiếu kinh nghiệm như giữa ra-đa và trận địa có mối quan hệ chặt chẽ, máy tốt mà trận địa xấu hay ngược lại đều không đạt được yêu cầu máy đặt trên cao, sóng về địa vật nhiều dày đặc không phát hiện được máy bay địch. Ngoài ra trận địa phải có đường vào ra thuận lợi hoặc có khó khăn mà khắc phục được để đảm bảo ăn ở và tiếp tế vận chuyển máy móc phương tiện, khí tài máy nổ.

Tôi vào Vinh đầu tháng 6 năm 1965, phải chờ đồng chí Chính đang cơ động sở chỉ huy, cùng đồng chí đi Bộ tư lệnh Quân khu 4 xin giấy tờ và tổ chức đoàn đi. Các giấy tờ và vật chất như quân tư trang, súng AK, súng trường, quần áo bộ đội Pa-thét Lào, muối gạo, thức ăn khô, thuốc men cấp cứu.

Chúng tôi bắt đầu hành quân lúc 9 giờ ngày 6 tháng 7 từ Đô Lương qua Nam Đàn về Vinh. Thị xã Vinh lúc này bị đánh phá ác liệt, đều sơ tán vắng vẻ, khu vực Quân khu bộ 4 và Bến Thủy bị đánh hỏng nhiều. Do cầu phà bị ách tắc, 3 ngày sau chúng tôi mới đến đại đội 10 cách Hương Khê 7km gặp đồng chí Trưng đi tiền trạm trước ở đó. Nghỉ 1 ngày để chuẩn bị, ngụy trang xe cộ kỹ lưỡng, dân biết tin đoàn sắp đi rất thân tình tiễn đưa chúng tôi quyến luyến như người nhà. Ra đi chúng tôi lo lắng nhất là lái xe mới, đường rừng chật hẹp quanh co nhiều dốc nhiều cầu nhưng cùng đồng viên nhau để quyết tâm vượt qua. Ra đi trăng sáng nên thuận lợi, đến 4 giờ sáng thì xe bị hỏng, may nhờ có xe sau, nhờ lái xe bạn sửa hộ, một lúc sau mới đi tiếp đến được Tân Ấp thì trời sáng rõ. Tiếp theo qua đường Thanh Lạng - Khe Ve - Bãi Dinh khó khăn vất vả hơn, mưa lại nhiều, địch lại đánh liên tục, phải mất 3 ngày đoàn mới vượt qua được an toàn. Đến gần Cha Lo suối ngập nước phải nghỉ lại. Sáng hôm sau, đoàn trưởng và tôi đến công an biên phòng làm việc, báo cáo công tác; đang làm việc thì 4 chiếc F105 bay đến thả 2 loạt bom vào đồn tiền tiêu thị trấn Cha Lo, một khối đá to làm gãy xà nhà, hỏng máy điện thoại, may mà người đã vào kịp công sự nên an toàn. Có 2 thanh niên trúng mảnh bom bị thương nặng. Trưa và chiều cùng ngày, tôi và đồng chí Lăng đi tìm

gặp ban phụ trách quân sự kinh tế ở biên giới đề nghị giúp đỡ khi cần thiết. Ở đây dịch tự do hoạt động mạnh ngày và đêm. Chúng tôi nhanh chóng sửa soạn hành trang để cho xe ô tô quay trở lại về nước và chúng tôi bắt đầu đi bộ sang đất bạn. Theo đường 12 cũ ít lầy lội hơn đường 12 mới, nhưng rất dốc, gần Ba-na-phào có đoạn dài 4 đến 5km, trống trải, bị bom phá hỏng nặng nên chỉ còn vệt đường mòn, vừa dốc vừa trơn, may mà có ánh trăng chúng tôi đi đỡ vất vả hơn. Chúng tôi lội qua nhiều suối, phải tránh nhiều tảng đá chắn đường, vừa đi vừa kể chuyện vui; mãi mê nghe chuyện nhau nên đã tách thành tốp nhỏ bỏ xa nhau, có lúc tưởng là lạc phải chờ đợi nhau rất lâu. Đến 4 giờ sáng cả đoàn rất mệt, mỗi nhữ, phải nghỉ 1 giờ để lấy lại sức. Sáng sớm tôi và một chiến sĩ cùng với đồng chí Liễu, cán bộ kinh tế của ta ở Lào đi đến Bản Phồn nghỉ lại nấu ăn cạnh một con suối sau đó tiếp tục đi. Ngày 18 tháng 7 đoàn nghỉ lại chờ đồng chí đoàn trưởng và 1 chiến sĩ đi trước tìm gặp Tỉnh ủy và ủy ban tỉnh Khăm Muộn. Tại đây có cửa hàng mậu dịch ở trong bản. Cửa hàng có 4 nhân viên nữ làm việc thay nhau lương mỗi tháng được 270 kíp để tiêu vật còn cơm ăn thì do Nhà nước đài thọ, nếu có con nhỏ thì mẹ được thêm 10 kíp.

Đoạn đường đi sắp tới đầy nguy hiểm nên sáng ngày 20 tháng 7, chúng tôi hành quân trong tư thế sẵn sàng đánh phi, mang rất gọn nhẹ, lần theo bản đồ, gặp EB66, RF101 bay trinh sát. Đến bản Hẹ, đoạn đường nghỉ có phi, gặp 4 F105 lượn vòng bắn phá rìa đường bằng rốc két, súng 20: ly, chỉ cách chúng tôi vài trăm mét. Nghỉ trưa xong 15 giờ đi tiếp vừa đi vừa hái măng rừng để chuẩn bị cho bữa ăn tối. Tối đến vào bản Hay liên hệ để ở. Lần đầu tiên ở nhà dân Lào chúng tôi nhắc nhau phải hết sức giữ và làm tốt công tác dân vận. Dân đối xử rất tốt, chúng tôi nói chuyện với nhau bằng cách ra hiệu và làm dấu, nói với nhau đôi tiếng Lào mới học. Ngày hôm sau đi Nhom ma rát, đồng chí Trưng bị đau chân đi rất chậm, phải chờ nhau. Tôi và đồng chí Lãng vượt lên đi trước để đổi muối lấy gà, cải thiện bữa ăn; không ngờ đến cơ quan của tỉnh Khăm Muộn, dân rất nhiều gà nhưng không đổi, họ mời vào nấu cơm cho ăn rất vui vẻ. Buổi tối đồng chí tỉnh trưởng vừa mới ở Việt Nam về. Đồng chí là người thuộc phái trung lập tiến bộ, vợ làm y sĩ và cả 3 con đang theo học ở Việt Nam. Chúng tôi nghỉ ở cạnh hang của tỉnh, hang rất rộng, xuyên núi dài, đi bộ phải mất 25 phút. Chúng tôi được Tỉnh trưởng mời gặp và nói chuyện. Nhắc đến tình hữu nghị Việt - Lào đồng chí đọc hai câu thơ

của Bác Hồ:

“Việt - Lào hai nước chúng ta,

Tình sâu hơn nước Hồng Hà - Cửu Long”

Tối đến chúng tôi được Tỉnh trưởng chiêu đãi đoàn bữa cơm thịnh soạn, chuyện trò cởi mở. Các bạn cũng có phong trào tăng gia sản xuất, từ Tỉnh trưởng đến chiến sĩ đều phải lao động sản xuất. Chúng tôi nhờ bạn ô tô đi Nhom ma rát. Đường lách qua rừng, lái xe của bạn rất thạo nên mặc dù có máy bay địch, chúng tôi vẫn đi an toàn. Đến nơi không gặp cơ quan tỉnh vì đã di chuyển đi nơi khác. Chúng tôi phải nhờ mấy dân quân dẫn đến gặp Do được bên nhà và Quân khu 4 điện trước giới thiệu đoàn với bạn nên chúng tôi gặp cơ quan Tỉnh ủy dễ dàng.

Hôm sau 4 dân quân Tày người dẫn chúng tôi đi Na Kay. Trời mưa to, vượt suối sâu, nước chảy xiết chúng tôi dò đi từng bước qua đến Pa Hố. Trèo lên đến đỉnh nhìn rõ thấy Nhom ma rát, ở đây trước kia đã đặt trận địa pháo 105 đánh bọn phản động Phumi. Đến 4 giờ chiều chúng tôi đến bản Na Kay, liên hệ với đại đội độc lập của tỉnh và vào ở 2 nhà dân. Đêm đến cơm nước xong, bạn mời uống 2 chai nước nóng gọi là nước đoàn kết - “Samakhi”.

Ngày hôm sau trời mưa rất to, 4 người dẫn đường thì 2 sợ máy bay địch bỏ về còn 2 người đi cùng đoàn. Chúng tôi theo bản đồ lên đỉnh núi 741 mét. Mặc dù thời gian có hạn chúng tôi quyết tâm trèo lên, quần áo ướt sũng, vất nhiều như trấu, nhiều đoạn phải chạy nhanh tránh vất bám vào. Đến được đỉnh núi, trời mù quá xem xét địa điểm không đạt yêu cầu, chúng tôi xuống núi, vào ở nhờ nhà dân. Dân bản cho biết ở đây còn nguy binh Phumi, thổ

phỉ, có đêm chúng về bắn phá nên phải tổ chức canh gác cẩn thận.

Ngày 27 tháng 7 chúng tôi lên đỉnh núi 699 mét, người dẫn đường rất tích cực, đường lên không dốc lắm nên chúng tôi đến đỉnh núi khảo sát xác định được trận địa, nhưng vì trời mưa to không quan sát được xung quanh.

Hôm sau chúng tôi lên đỉnh núi Phu xết cao 399 mét. Tuy độ cao trung bình nhưng không có đường lên nên không bố trí được. Lúc trở về chúng tôi bị lạc một đoạn rừng, người dẫn đường phát hiện có dấu chân thổ phỉ đi trước, chúng tôi vội vàng lên đạn sẵn sàng chiến đấu nhưng không gặp phỉ.

Tối đến đơn vị bạn tổ chức ca múa, thổi khèn, hát Lăm tươi, có hai cô gái Lào xinh đẹp cùng dự làm cho không khí thêm náo nhiệt.

Ngày 29 tháng 7 đoàn đi sân bay Nakay cùng với 4 đồng chí Pa-thét Lào. Trời tốt nhưng gạo đã sắp hết. Chúng tôi hy vọng sân bay sẽ có mặt bằng tốt nên rất phấn khởi. Đường to cây cao vừa, hai bên đường cây cối lúp xúp um tùm, ngụy trang kín đáo. Máy bay qua lại nhiều, bạn rất sợ nhưng thấy chúng tôi bình tĩnh rồi bạn cũng quen dần. Trong rừng cây cà boong, trâu của dân bản đã biến thành trâu rừng gặp người chạy tứ tung, biến mất vào rừng. Vượt qua rừng thông dài đến sân bay Nakay. Đây là một sân bay nhỏ, đã chiến, lát ghi sắt rộng khoảng 800 mét, dài 1.200 mét, có suối nhỏ chạy qua một đầu sân bay, ba phía góc che khuất nhỏ có thể bố trí được một đại đội ra-đa. Chúng tôi muốn đi sâu vào trong sân bay nhưng bạn sợ vương mìn, sợ thổ phỉ mặc dầu chúng tôi động viên sẽ đi trước nhưng họ cũng không chịu nghe. Đang chuẩn bị vẽ lại địa hình thì 2 chiếc F105 bay ở độ cao 400 mét vòng qua, chúng tôi chuẩn bị sẵn sàng để bắn nhưng chúng đã bay xa. Về lại bản, tôi và đồng chí Lãng mua 2 con gà bằng 140 kíp ăn liên hoan lấy lại sức. Gặp gỡ dân bản chúng tôi thấy dân còn nghèo lắm nhưng hết sức giúp đỡ đoàn. Hôm sau chúng tôi lại định lên điểm cao 741 mét để khảo sát nhưng mưa lại

rất to trời mây mù không quan sát được nên thôi. Chúng tôi gặp đại đội trưởng đại đội độc lập 96. Đồng chí Đút và đồng chí Hội - Cố vấn Việt Nam, đồng chí quản lý Việt kiều cảm ơn sự giúp đỡ của bạn trước khi chia tay. Nhân dân cũng đến quyên luyến và xúc động tiễn đưa chúng tôi.

Trên đường đi Bung Bao, đoàn nghỉ dưới chân núi Phắc, qua đèo xuống hết dốc là đến Nhom ma rát. Đồng chí Pa-thét dẫn đường đi qua gần nhà đề nghị chúng tôi vào nghỉ chân thăm gia đình. Đồng chí hái quả me để ăn. Về chiều đến Bung Bao chúng tôi nghỉ lại ở đây cơ sở rất tốt.

Ngày 31 tháng 7, chuẩn bị thêm lương thực, gạo, muối để lên đường, đoàn đến gặp các cố vấn Việt Nam và một số cán bộ Lào chuyện trò trao đổi công tác và nhờ các đồng chí hên lặc xe tô đi Lăng Khăng.

Đến bản Phồn gần Lăng Khăng trời mưa to đồng chí Lăng đi hên hệ tìm người dẫn đường lên núi Phu Vuốt 1116 mét. Mãi cả đêm hôm sau mới đến ngã ba Lăng Khăng, ở đây gặp được đồng chí Xiêng Tang đại đội trưởng dân quân của tỉnh đội.

Chúng tôi nhờ đồng chí giúp đỡ và anh nhận lời. Hôm sau chúng tôi leo lên núi, đến giữa chừng bị một tảng đá khổng lồ chắn ngang, chúng tôi phải đi men theo sườn núi đá, vì trời mưa đất lở tảng đá lăn xuống, may mà tránh được không việc gì. Riêng tôi bị ngã sượt cả mông, đau cả xương đùi. Người dẫn đường sợ máy bay quá không dám đi ra đường cái sớm. Chúng tôi vừa đi về vừa tìm người dẫn đường khác để đi lại.

Sau bữa cơm chiều, đồng chí Lăng và Xiêng Tang đi tìm “tài xếng” (trưởng thôn) để xin người dẫn đường mới. Cả đêm và hết sáng hôm sau mới

mượn được 2 người. Theo đường khác từ hướng Ba Na Phào lên, để 2 dân quân ở lại lán bảo vệ còn chúng tôi tiếp tục đi lên khảo sát.

Khoảng gần 6 giờ tối chúng tôi cố gắng đến xóm làng Ba Na Phào, ở đây dân ít nhà chật chúng tôi tạm thu xếp để nghỉ. Trời đã khuya trường thôn đã tìm giúp người dẫn đường nhưng họ không đi vì đường trống trải sợ máy bay. Chúng tôi đành phải quyết tâm đi tiếp, nhưng vì mưa to liên tục chúng tôi quay trở lại Lũng Khăng và chuyển đi theo hướng khác.

Ngày 9 tháng 8 chúng tôi lên đỉnh Phu vĩ, trời nắng phần khởi quá, trước khi đi anh bạn dẫn đường Xiêng Tang bàn một phát súng hành quân. Theo lối đi cũ của Pháp trước đây chúng tôi đi dần nhưng càng lên cao càng khó đi. Người dẫn đường rất thuộc đường nên đi nhanh vừa đi vừa hát. Chúng tôi cũng được động viên và hăng hái đi. Đến giữa dốc, qua con suối lớn, có mấy tảng đá, đứng lên đó nhìn xuống xung quanh, cảnh vật thiên nhiên rất đẹp; ở đây chúng tôi nhìn rõ được Lũng Khăng, sân bay Nà Chẽ. Càng đi dốc càng cao có đoạn phải bò. Cuối cùng chúng tôi cũng lên đến đỉnh cao 1405 mét. Mặt đỉnh rộng 12m x 20m, có cây cao 4 đến 5 mét, kín đáo. Trèo lên cây to quan sát được 4 phía: Pù Chường, Ba Na Phào, Na Tù, Na Chẽ. Đường kéo lên rộng khoảng hơn 1 mét. Chúng tôi thấy khu vực này đạt được các yêu cầu của trận địa bố trí.

Quá trưa chúng tôi xuống núi, trời lại u ám mưa. Tuy đã xuống rất nhanh nhưng vẫn không kịp phải nghỉ lại giữa rừng nấu cơm, uống nước sâm đất. Chúng tôi ngủ lán, Xiêng Tang ngủ võng. Vì leo dốc quá mệt nên ai cũng đánh một giấc ngủ ngon cho đến sáng, quên cả trời đất, cả thú rừng đang rình rập.

Chúng tôi chia tay Xiêng Tang, người bạn Lào đã giúp chúng tôi khảo sát được các đỉnh núi, tuy gian khổ nhưng đã tìm được một số trận địa để bố trí

ra-đa. Cuộc gặp đã để lại nhiều kỷ niệm đẹp, mãi không thể quên.

Trên đường về, chúng tôi ghé qua bản Phồn, Lăng Khăng thăm và cảm ơn các cố vấn. Về đến Cha Lo chúng tôi báo qua kết quả chuyến đi và cảm ơn các đồng chí công an biên phòng. Chúng tôi nhờ các đồng chí liên hệ đi xe tô qua từng chặng đường và về đến đơn vị vào trung tuần tháng 8 năm 1965. Đồng chí đoàn trưởng cùng chúng tôi hoàn chỉnh hồ sơ trận địa và báo cáo tình hình kết quả với trung đoàn và Quân chủng.

Chuyến đi tìm trận địa dài ngày ở nước bạn Lào gần 1 tháng rưỡi, đầy khó khăn gian khổ và nguy hiểm nhưng đã bảo đảm được an toàn và đã tìm được các trận địa ở trên núi, hướng Tây - Tây Nam của đội hình. Chuyến đi đã góp phần tôi luyện chúng tôi trong chiến đấu; chúng tôi đã rút ra được nhiều kinh nghiệm quý báu. Hy vọng kể lại đây để cùng nhau tìm ra được nhiều điều hữu ích trong công tác trận địa của bộ đội ra-đa.

KHÔNG ĐỂ TỔ QUỐC BỊ BẤT NGỜ

HỒ SỸ HƯU

Đại tá - Nguyên Tham mưu phó Quân chủng Phòng không - Không quân

Ngày 7 tháng 2 năm 1965, lúc 2 giờ sáng quân dân ta ở Tây Nguyên và đồng bằng Trung Bộ cùng một lúc tiến công sân bay Cù Hanh, trại lính Mỹ Hô-lơ-uê ở Plâycu và cứ điểm Dương Liễu ở Bình Định gây cho địch thiệt hại nặng, quân dân ta thắng lớn. Sáng sớm ngày 7 tháng 2 năm 1965, Bân-đi - cố vấn đặc biệt của Tổng thống Mỹ - vừa đến Sài Gòn, Oét-mo-len - Tổng tư lệnh quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam - và Nguyễn Khánh - Quốc trưởng bù nhìn - hồi hả lên Plâycu thị sát nhưng họ chỉ còn được chứng kiến cảnh hoang tàn của chiến địa đang nghi ngút bốc khói, xác quân Mỹ ngổn ngang và buông ra nhiều lời lẽ chê trách bộ hạ của họ.

Sân bay Cù Hanh là sân bay lớn và quan trọng nhất của Mỹ - ngụy ở địa bàn chiến lược Tây Nguyên. Trại Hô-lơ-uê nằm giữa sân bay và sở chỉ huy quân đoàn 2 ngụy, trong trại có hàng trăm cố vấn Mỹ. Hệ thống canh gác cẩn mật thể mà lại bị tấn công bất ngờ, chịu thiệt hại nặng. Tin thất trận chắc chắn đã đến Lầu năm góc.

Thắng lợi lớn của quân dân miền Nam vang dội trên hai miền Nam, Bắc. Phần khởi, vui mừng trước thắng lợi, nhưng những người lính canh giữ bầu trời Tổ quốc ở phía Bắc nghĩ gì về những diễn biến sắp tới?

“Mỹ sẽ trả đũa”, đó là câu trả lời khá chắc chắn.

Tôi vừa mới rời khỏi ghế Học viện Phòng không quốc gia Liên Xô trở về nước mấy tháng, được nhận nhiệm vụ làm đại đội trưởng đại đội 12 thuộc trung đoàn ra-đa 290 đang triển khai chiến đấu trên tuyến đầu vùng giáp ranh giới tuyến tạm thời. Ngày vác ba lô lên Quân chủng nhận nhiệm vụ, mới bước ra khỏi phòng họp, Cao Xuân Việt còn nói thêm với tôi rằng “Quân chủng đưa anh đi vào nơi đầu sóng ngọn gió đấy, cố gắng lên”. Lúc đó tưởng chừng như một câu nói dí dỏm của anh - người đã từng ngồi chơi uống nước trà, hút thuốc lòn với tôi, cùng dân Nghệ Tĩnh. Nhưng rồi trong thực tế của cuộc chiến đấu của tôi, lời nói đó đã thực sự là lời động viên chân tình của một người phụ trách công tác cán bộ của Quân chủng.

Về đến căn cứ Trung đoàn 290 ở ngoại thành Vinh, trung đoàn trưởng Lương Hữu Sắt - Người đã có thời gian cùng học ở Học viện Phòng không quốc gia với tôi, hiểu biết khá nhiều về tôi, đã ân cần dặn dò chân tình, cởi mở biểu thị niềm tin khá rõ đối với một cán bộ mới bước vào cuộc chiến đấu ra-đa, dưới sự chỉ huy của mình.

Tôi tranh thủ lên xe vào trận địa ở Đồng Hới với lòng tin sắt son vào thắng lợi của cách mạng nước nhà, với lòng tin vào tâm hồn cách mạng trong sáng của chính mình mà đã bao nhiêu năm được Đảng và Bác giáo dục, đã trở thành một đảng viên cộng sản từ ngày đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Và rồi khung cảnh mới đã đến - Tất cả đều được kiểm nghiệm qua thực tiễn cuộc sống chiến đấu - Tất cả những gì các anh dặn dò đã trở thành sự thực.

Trận địa đại đội ra-đa 12 nằm trong hệ thống ra-đa tiền tiêu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đặt trên gò cát đỉnh dốc Lộc Đại, cạnh sân bay, cách thị xã Đồng Hới theo đường chim bay khoảng 2km, làm nhiệm vụ chủ yếu phát hiện, thông báo về kết quả địch xâm nhập từ hướng biển.

Quân số đại đội lúc đó chỉ có 52 người, trừ các đồng chí đi công tác, bệnh viện chỉ còn có mặt hơn 50 đồng chí, trang bị có 2 đài ra-đa (Π8 + Π10) 2 khẩu súng máy 14,5 ly 2 nòng để bảo vệ trận địa và một số phương tiện chiến đấu bổ trợ khác. Quỹ tài chính của đại đội đồng chí Nghiêm Đào (đại đội trưởng cũ) bàn giao cho tôi chỉ có 250 đồng. Lúc đó thế cũng là nhiều vì mọi thứ đều được cung cấp.

Một tuần sau tôi đảm nhận thêm nhiệm vụ bí thư chi bộ. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trước đây, tuy mới làm chỉ huy đơn vị nhỏ, nhưng đã nhiều lần nhận nhiệm vụ chiến đấu phân tán, tin ở mình có khả năng xử trí nhiều tình huống chiến đấu một cách độc lập, nhưng sao bây giờ cảm thấy mệnh mông, rộng lớn quá mà cũng chỉ là một đại đội thôi. Tâm mắt của đại đội không phải chỉ đến thị xã Đồng Hới, đến những cồn cát sông Nhật Lệ mà

trên màn hiện sóng đến tận sân bay Đà Nẵng, ra xa tí ngoài biển Đông đến hàng vài trăm dặm - Ngày ngồi trên ghế Học viện, tôi đâu có học chỉ huy mấy đài ra-đa, đâu có học thao tác mấy loại đài, có ít nhiều thì cũng chỉ là một mớ lý thuyết.

Bản khoản có nhiều, nhưng nỗi lo âu trăn trở nhất của tôi và cũng là của anh em toàn đại đội là phát hiện mục tiêu bay ở độ cao thấp trên biển. Để Tổ quốc bị bất ngờ là tội lỗi to lớn của một đại đội ra-đa tiền tiêu. Trước mặt chúng tôi không có một đại đội ra-đa nào khác, chỉ có ở phía Tây (Vĩnh Chấp) có đại đội ra-đa 11, ngoài xa có đại đội ra-đa 13 ở Rú Nài, Hà Tĩnh, mỗi đơn vị phụ trách một hướng. Tính năng kỹ chiến thuật của các loại đài được trang bị, và điều kiện trận địa khó đáp ứng yêu cầu bắt mục tiêu bay thấp, nhất là cực thấp. Trong chiến tranh thế giới thứ II các chiến hạm Mỹ ở Trân Châu Cảng bị tập kích bất ngờ, chính vì Nhật khéo nghi binh, khéo kết hợp nhiều thủ đoạn trong đó có thủ đoạn bay thấp đột nhập mục tiêu bất ngờ của không quân Nhật. Đó là bài học không thể quên.

Suy nghĩ và lo âu thế nào rồi cũng phải bằng mọi cách hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu. Một nửa đất nước, bom đạn Mỹ đang ngày đêm gieo cho nhân dân miền Nam ta biết bao đau thương, tang tóc. Số mệnh chiến đấu nặng nề này trước hết phải giải quyết bằng mỗi tình cảm sâu đậm chia sẻ máu thịt với miền Nam, bằng sự lao động cần cù rèn luyện tri thức, khả năng chiến đấu, bằng sự hy sinh dũng cảm của người lính cầm súng bảo vệ Tổ quốc... Chúng tôi tin rằng có một tập thể đoàn kết nhất trí, có sự lãnh đạo chỉ huy chặt chẽ, với hơn 50 bộ óc đầy nhiệt tình cách mạng nhất định sẽ làm nên tất cả, đem lại chiến thắng cho đại đội.

Đúng như dự đoán, ngày 7 tháng 2 năm 1965 đế quốc Mỹ cho không quân ra đánh phá khu vực Đồng Hới. Sau trận ngày 5 tháng 8 năm 1964 đây là ngày đầu địch phát động cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta (Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thắng lợi và bài học, nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Lưu hành nội bộ - Hà Nội 1996, tr. 54).

12 giờ trưa, đại đội vào cấp 1 theo lịch phiên ban, khác với những ngày khác, từ sáng sớm đến giờ đại đội đã nhận được liên tiếp nhiều chỉ thị về sẵn sàng chiến đấu và động viên của trung đoàn trưởng Lương Hữu Sắt và chính ủy Nguyễn Đăng Tuất. Trên trận địa đại đội và trong các buồng máy ra-đa không khí chiến đấu khẩn trương hơn bao giờ hết - Cả đại đội sẵn sàng chiến đấu.

Đài ra-đa П10 mở máy. Đã hơn 1 giờ trực ban, áo quần kíp chiến đấu đã thấm đẫm mồ hôi nhưng các cặp mắt của trắc thủ vẫn không rời màn hiện sóng.

Tuy là một ngày chủ nhật, không khí nhưng ngày tết âm lịch chưa qua, nhưng hầu như tất cả mọi suy tư về ngày tết, về gia đình, vợ con, bè bạn, những cảnh vui chơi của những chàng trai cô gái trong ngày hội xuân giờ này đều ra ngoài lề trận địa. Có ai đó chưa quen chiến đấu lúc này vào trận địa chỉ nghe tiếng rền vang của máy nổ, bóng dây trời quay ẩn hiện sau những làn cây phi lao của cồn cát nóng bỏng, xa hơn một ít các pháo thủ im lặng ngồi bên pháo. Chắc hẳn không tránh khỏi có những cảm giác băng khuâng, sờ sợ. Trước giờ chiến đấu là như vậy đấy, nói đúng hơn là trước lúc máy bay địch đến.

13 giờ 48 phút trên biển, hướng Đông Nam bỗng xuất hiện một điểm sáng rồi mất trên màn hiện sóng. Ở tọa độ này không có sóng về địa vật, cũng chưa bao giờ có sóng về một chiếc tàu biển. Câu hỏi đặt ra là có phải máy bay địch bay thấp không? Trên máy mới chỉ có một điểm sáng, chưa đủ căn cứ để nói là địch. Nhưng nếu thật quả là máy bay địch mà phân vân mãi thì lỡ thời cơ. Trong buồng máy vẫn trật tự im lặng nhưng mỗi người đều có những suy nghĩ, có lo lắng. Nếu đúng là máy bay địch, không thông báo được là có tội, nhưng thông báo mà không đúng là địch thì phạm tội hoang báo. Nhưng rồi do bản lĩnh chiến đấu mọi suy nghĩ đều tập trung về một quyết định

“Thông báo ngay tình báo đầu về địch”. Trên thực tế của trận đánh, đó là một quyết định hoàn toàn chính xác. 4 phút sau tín hiệu lại tiếp tục xuất hiện liên tục, mọi công việc thông báo đều hoàn thành tốt đẹp.

Chỉ mấy phút sau nữa, từng đàn máy bay địch vượt các cồn cát sông Nhật Lệ vào đánh các mục tiêu ở Đồng Hới, trong đó có trận địa súng máy của đại đội. Súng máy 14,5 ly của đại đội kịp thời nổ giòn giã.

Trận đánh của quân dân Đồng Hới - Quảng Bình đánh trả máy bay địch diễn ra chủ động, đỉnh đạc.

Nhờ được ra-đa thông báo sớm, tỉnh đội Quảng Bình đã báo động kịp thời, nhân dân kịp thời xuống hầm, các lực lượng vũ trang trong khu vực; các đại đội tiểu đoàn pháo của Sư đoàn 325 của hải quân trên sông Nhật Lệ, dân quân tự vệ đều chủ động chiến đấu. Trong trận này nhân dân Đồng Hới, Quảng Bình đã bắn rơi 3 máy bay Mỹ, trong đó Đại đội 12 được công nhận bắn rơi 1 chiếc.

Đại đội ra-đa 12 đã thành công trong trận đánh này trên nhiều mặt, đặc biệt là trong quyết đoán xử trí tình huống. Chỉ mới phát hiện một điểm, tin tưởng vào khả năng thông thạo sóng về địa vật, nắm vững địa bàn hoạt động của trắc thủ cũng chỉ mới giải quyết được một phần chưa đủ yếu tố để quyết tâm, nhưng đã nhanh chóng tập hợp nhiều yếu tố tổng hợp khác: Địch thất bại ở Plâycu, ta dự đoán chúng sẽ tiến công trả đũa. Căn cứ vào những dự đoán và chỉ thị của trên, khả năng dao động đường bay của địch trên biển v.v... để có thêm căn cứ hạ quyết tâm. Tuy vậy vẫn có điều cần đánh giá là trong trận đánh này kíp chiến đấu còn có sự mạo hiểm rất thích đáng. Trong chiến đấu không có may rủi, thực tế chiến đấu lượng thông tin thu về ít khi có đủ 100% để hạ quyết tâm, vì vậy cần có một tỷ lệ mạo hiểm nhất định của người cầm súng chiến đấu, không phải là phiêu lưu mạo hiểm mà là một thứ mạo hiểm

thích đáng trong tình huống cụ thể thích hợp. Mạo hiểm đưa lại thành công được sản sinh ra từ một khả năng trực giác tích lũy được từ kiến thức, từ kinh nghiệm thực tế chiến đấu - Đó cũng là sự kết hợp cách mạng và khoa học không có gì là phiêu lưu, không có căn cứ. Đại đội 12 được một bài học quý báu.

Sau trận đánh này, trong những ngày tiếp sau ngày 8, 11 tháng 2 - Đại đội 12 lại cùng tiếp tục chiến đấu với quân dân Quảng Bình thu thêm nhiều thành tích. Khi cơ động sang trận địa Chánh Hòa, được sự chỉ đạo của Quân chủng và trung đoàn, đại đội đã để lại trận địa cũ một bộ ra-đa giả tự sáng chế làm mồi nhử địch cho các đơn vị pháo phục kích đánh địch những ngày sau - tạo nên sự khởi thảo của một cách đánh hay.

Với chiến công trong đợt đánh này đại đội ra-đa 12 được thưởng một Huân chương Quân công hạng Ba.

Phát huy chiến thắng và những bài học thu nhận được, trên chặng đường nhiều năm chiến đấu không nghỉ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ Đại đội 12 liên tiếp lập được nhiều chiến công.

Ngày 22 tháng 12 năm 1969, đại đội được Đảng và Nhà nước tuyên dương Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, là một đại đội được phong danh hiệu sớm nhất trong số tám đại đội được phong danh hiệu cao quý của Binh chủng Ra-đa.

Phát huy truyền thống chiến đấu vẻ vang ngày nay Đại đội 12 vẫn vững vàng đứng trên cao nguyên hùng vĩ, tinh táo canh giữ bầu trời Tổ quốc thân yêu.

NHỮNG NĂM THÁNG Ở TRUNG ĐOÀN RA-ĐA 290

THỜI KỲ ĐẦU CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

LƯƠNG HỮU SẮT

Về lại Trung đoàn 290.

Hạ tuần tháng 9 năm 1964, tôi nhận quyết định của Bộ Quốc phòng về trung đoàn ra-đa 290 đơn vị trước đây của tôi để làm trung đoàn trưởng, sau 2 năm đi học ra-đa ở Liên Xô.

Gặp lại anh em ở cơ quan trung đoàn rất vui vẻ phấn khởi; doanh trại của đơn vị đã sạch đẹp, cây cối trồng từ năm 60 - 61 nay đã xanh tốt, tỏa bóng mát trên các đường đi. Gặp lại các anh trong ban chỉ huy trung đoàn vẫn như cũ: Anh Nguyễn Đăng Tuất - chính ủy, anh Bùi Đình Cường - trung đoàn phó, anh Phan Văn Hóa - tham mưu trưởng, anh Nghĩa - chủ nhiệm hậu cần; riêng cơ quan chính trị đã thay đổi hai lần chủ nhiệm, anh Thanh Bình thay anh Đồng Lang, và bây giờ anh Hồ Quang Huy làm chủ nhiệm chính trị, anh Bình là phó chính ủy trung đoàn.

Về lại trung đoàn cũ trong hoàn cảnh tình hình rất khẩn trương ở Khu 4 - vùng sát giới tuyến quân sự tạm thời; máy bay địch bay luyện tập, trinh sát ở vùng biển suốt ngày, trên biển lúc nào cũng có tình báo máy bay địch liên tục cách bờ biển 20 - 30km, chỉ cần 1 - 2 phút là có thể ngoặt vào bờ được. Ngày 5 tháng 8 tháng 1964 trận tập kích của máy bay Mỹ vào thành phố Vinh, trung đoàn 290 không thông báo được cho trung đoàn cao xạ 280 bảo vệ thành phố, nên trận đánh lần thứ nhất pháo phòng không bị bất ngờ, không nổ súng ngay khi máy bay Mỹ đánh thành phố và kho xăng; đến trận tập kích buổi chiều mới chủ động được.

Nguyên nhân do đại đội 13 ra-đa của trung đoàn 290 ở Hà Tĩnh đang mở máy trực ban, phát hiện máy bay địch bay vào đất liền, đã thông báo đường bay của địch lên sở chỉ huy trung đoàn 290, nhưng máy phát thông tin của đại đội 13 bị hỏng, mà báo vụ và điều phối của đơn vị không biết nên các tình báo của đại đội 13 không đến được trung đoàn 290 và Trung đoàn cao xạ 280 coi như bị bất ngờ.

Sau tổng kết trận đánh ngày 5 tháng 8 năm 1964, Quân chủng Phòng không - Không quân nhận xét trung đoàn 290 không hoàn thành nhiệm vụ trong trận tập kích lần đầu. Anh em cán bộ chiến sĩ trung đoàn rất buồn vì khuyết điểm trên, nhất là cơ quan của trung đoàn.

Trong buổi tối đầu tiên về trung đoàn, anh Tuất - chính ủy đã trò chuyện với tôi về tình hình trung đoàn, về trận 5-8 như trên.

Về các đại đội, anh Tuất cũng cho biết tất cả đều đã được trang bị 2 máy ra-đa, lúc tôi rời trung đoàn đi học mỗi đại đội chỉ được trang bị một máy mà thôi, từ cuối năm 1963 trên đã tăng cường thêm máy cho các đại đội, mỗi đại đội có một máy P8 và một P10 hoặc 513K. Riêng đại đội 14 ở Cửa Hội được trang bị 3 máy, hai máy sóng mét P8 và P10, vì làm nhiệm vụ bảo đảm dẫn đường cho sân bay Vinh nên được trang bị thêm một máy ra-đa đo cao 843 của Trung Quốc. Đại đội 13 ở Hà Tĩnh chỉ có một máy 406 vẫn như cũ.

Về đội hình của trung đoàn cũng thay đổi so với trước; tháng 6 năm 1963 các đại đội 15, 18 ở Thanh Hóa (Sầm Sơn, Thọ Xuân, Điền Lữ) đều được chuyển thuộc cho trung đoàn 291, các đại đội 15 đổi thành đại đội 19, đại đội 18 vẫn giữ nguyên tên gọi, đại đội 16 được điều đi nơi khác giao về trung đoàn 290.

Trung đoàn 290 được thành lập thêm 3 đại đội mới 15, 16, 17 bố trí ở Diên Châu, Đô Lương, Hương Khê.

Như vậy đội hình của trung đoàn 290 vẫn có 7 đại đội ra-đa, trong đó 4 đại đội bảo vệ thành phố Vinh, còn đại đội 11 ở Vinh Lĩnh và đại đội 12 ở Đồng Hới làm nhiệm vụ bảo vệ vùng giới tuyến quân sự tạm thời ở Vĩnh Linh và Quảng Bình. Ngoài nhiệm vụ thông báo trực tiếp cho trung đoàn 280 cao xạ bảo vệ thành phố Vinh và Sư đoàn 341 bảo vệ giới tuyến quân sự tạm thời; thông báo phòng không nhân dân cho các thị xã, thành phố của Khu 4, trung đoàn 290 còn có nhiệm vụ rất chủ yếu, phải thông báo các số liệu máy bay địch trên biển Đông và trên không ở Lào cho Quân chủng Phòng không - Không quân về sở chỉ huy tổng trạm ra-đa để bảo vệ Hà Nội, Hải Phòng và đồng bằng Bắc Bộ khi có đánh lớn.

Anh Tuất còn cho biết thêm: “Sau trận 5-8 đợt đầu không thông báo được cho trung đoàn 280 để bị bất ngờ, Quân chủng nhận xét trung đoàn không hoàn thành nhiệm vụ, anh em rất buồn và quyết lập công sau này, ngày đêm học tập chuẩn bị chiến đấu tốt, nghe tin ông trở về lại trung đoàn, anh em cán bộ chiến sĩ các đại đội đều mừng và cũng (anh nói vui thêm) nhắc nhau: Cẩn thận đấy, ông Sắt trở lại trung đoàn rồi, những chuyện như thế này sẽ được nhận xét đích đáng đấy”. Tôi rất cảm động vì tình nghĩa gắn bó của anh em trong những năm công tác với trung đoàn, năm 60 - 62, những năm hoạt động sôi nổi nhất của thời kỳ hòa bình.

Đó là buổi tối nói chuyện đầu tiên về lại trung đoàn sau 2 năm xa cách, cũng vẫn cái nhà cũ, phòng cũ và đơn vị cũ quen biết, như người con đi xa về, trong tình hình khẩn trương, chiến tranh ngập ngề sát bờ biển và biên giới.

Đi kiểm tra và tìm hiểu tình hình.

Đến ra một số ngày đi thăm chỗ ăn ở, sở chỉ huy trung đoàn, chỗ làm việc của cơ quan và đại đội 8 - đại đội chỉ huy của trung đoàn, nghe cơ quan tác chiến, thông tin, hậu cần báo cáo lại tình hình tác chiến huấn luyện và đời sống của đơn vị; nghe anh Phan Văn Hóa - tham mưu trưởng trung đoàn báo cáo lại những vấn đề chiến đấu ngày 5-8 vừa qua, những đường bay trinh sát của máy bay U-2 và máy bay không người lái BQM-34A bay trinh sát chụp ảnh ở tầng cao trên bầu trời miền Bắc, các đường bay các loại máy bay RF-101 của Mỹ bay ở tầng thấp chụp ảnh dọc theo đường quốc lộ số 1; những quan hệ giữa trung đoàn ra-đa 290 với trung đoàn 280 cao xạ với Quân khu 4 từ khi có tình hình khẩn trương trong vấn đề thông báo máy bay Mỹ xâm phạm vùng trời quân khu và thành phố Vinh.

Đặc biệt nghe các đồng chí ở cơ quan tác chiến báo cáo lại toàn bộ hồ sơ trận địa của các đại đội (bao gồm sơ đồ cánh sóng, mặt phản xạ, góc che khuất v.v...) đối chiếu lại với các đường bay của Mỹ bay luyện tập; trinh sát và bay chiến đấu ngày 5 tháng 8 vừa qua. Thấy rõ thực tế hiệu quả của công tác di chuyển, xê dịch các trận địa trong các năm hòa bình, đến bây giờ đã có được một trường ra-đa của trung đoàn tương đối hoàn chỉnh ở tầng cao, tầng trung bình ở các hướng và tầng thấp ở mặt biển khi tác chiến. Các chế độ trực ban chiến đấu vẫn như trước chưa có gì thay đổi so với các năm 60 - 62 khi tôi còn ở trung đoàn.

Riêng đối với các kíp trắc thủ ra-đa của các đại đội đã khá lên rất nhiều, mỗi đài ra-đa có hai kíp trắc thủ giỏi và một kíp trắc thủ trung bình; từ khi có lệnh của Nhà nước ngừng các chế độ phục viên, giữ các chiến sĩ hết hạn nghĩa vụ ở lại tham gia chiến đấu, được giáo dục động viên nên anh em tự nguyện ở lại sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Các đồng chí trợ lý chính trị cũng báo cáo cho biết tình hình tư tưởng của đơn vị sau khi được lệnh của trên chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu sau trận 5-8; được giáo dục kỹ về tình hình nhiệm vụ, tình hình miền Nam, của Quân khu 4 ở địa đầu miền Bắc, âm mưu thủ đoạn của địch, trách nhiệm của lực lượng vũ trang trong tình hình mới, anh em cán bộ chiến sĩ đã xác định tốt nhiệm vụ của đơn vị và của mình, không khí chuẩn bị chiến đấu huấn luyện rất sôi nổi.

Được xây dựng và rèn luyện trong thời bình, được giáo dục và đào tạo cơ bản, có hệ thống; bản lĩnh chiến đấu được bồi dưỡng vững vàng nhiều năm, cán bộ chiến sĩ trung đoàn 290 sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu dài ngày đầy thử thách gian khổ ác liệt nhưng sẽ là thắng lợi vẻ vang đối với một kẻ địch hung ác, xảo quyệt và có tiềm lực quân sự mạnh nhất thế giới.

Về cán bộ đại đội trưởng cũng có những thay đổi: Đại đội 11 ở Vĩnh Linh anh Hồ Văn Chính đại đội trưởng về làm tham mưu phó trung đoàn, anh Lan thay làm đại đội trưởng. Đại đội 12 ở Đồng Hới anh Hồ Sĩ Hưu học ở Liên Xô mới về làm đại đội trưởng; đại đội 13 anh Hồ Anh Luật đi học Liên Xô và tôi mới về làm đại đội trưởng; đại đội 14 anh Bá vẫn đảm nhiệm chức vụ cũ; đại đội 15 anh Kim Quy về làm đại đội trưởng từ khi thành lập đại đội, triển khai chiến đấu ở Diễn Châu; đại đội 16 triển khai ở Đô Lương do anh Du làm đại đội trưởng, đại đội 17 có một đồng chí đại đội phó phụ trách.

Như vậy tất cả đều là cán bộ cũ ở đơn vị đã lâu, trừ anh Hồ Sĩ Hưu ở đại đội 12 Đồng Hới là mới.

Tranh thủ thời gian tôi đi thăm đại đội 16 và đại đội 15 ở Đô Lương và Diễn Châu (Nghệ An) mỗi đại đội ở một ngày xem lại khả năng phát hiện của đài ra-đa ở trận địa và trên mặt nổi hình của máy; do có mặt phản xạ tốt cánh động rộng phẳng, góc che khuất ở hướng Đông và Đông Nam rất nhỏ, có thể

không chế địch ở hướng biển và đường 1 đều khá tốt. Mặt khác cũng kiểm tra lại các chế độ qui định chiến đấu của đơn vị trong thời chiến có gì thay đổi không?

Tình hình vẫn là như thời kỳ trước. Sau đó tôi đến đại đội 14 ở Cửa Hội có ba máy ra-đa trong đó có ra-đa đo cao 843 của Trung Quốc, đại đội 14 ngoài thông báo trực tiếp cho trung đoàn 290 còn có nhiệm vụ dẫn đường cho sân bay Vinh khi cần thiết.

Cơ quan làm kế hoạch.

Sau khi nghe báo cáo của cơ quan và đi kiểm tra các đại đội tôi bắt đầu nghĩ đến nhiệm vụ của trung đoàn trong giai đoạn khẩn trương này.

Địa hình của Quân khu 4 ba mặt đều giáp với địch, phía Nam sát giới tuyến khu phi quân sự tạm thời, phía Tây giáp Lào và Thái Lan, phía Đông giáp biển, máy bay Mỹ từ các sân bay Thái Lan, trên các tàu sân bay Mỹ ở biển Đông bay luyện tập hằng ngày trên biển, trên không, trên đất liền liên tục khi cần thiết có thể hạ thấp độ cao, bay vào đất liền tập kích bất ngờ các mục tiêu bảo vệ gây khó khăn cho lực lượng phòng không ba thứ quân.

Các thành phố và thị trấn của Quân khu 4 như Vinh, Bến thủy, Hà Tĩnh, Đồng Hới, Hồ Xá, Vĩnh Linh đều rải thành một tuyến dài theo ven biển cùng với quốc lộ 1. Các trận địa ra-đa của trung đoàn cũng chiếm lĩnh đơn độc thành một tuyến dài không có chiều sâu, khi trực ban bình thường sẽ bị đứt đoạn tạo kẽ hở lớn đối với trường ra-đa của trung đoàn dễ bị bất ngờ.

Các chế độ trực ban chiến đấu của bộ đội phải khẩn trương nhanh gấp nhiều lần so với thời bình, so với các đơn vị ra-đa của đồng bằng Bắc Bộ. Trong lúc đó trung đoàn chưa thay đổi nếp sinh hoạt trực ban thời chiến, nhất là đối với đài quan sát mắt và các trận địa súng máy phòng không của đơn vị.

Các trận địa của các đại đội ra-đa của trung đoàn 290 đã triển khai trực ban chiến đấu từ năm 1960 đến nay đã 5 năm liền trong thời bình; chỉ ở vị trí ban đầu, máy bay trinh sát tầng thấp tầng cao của Mỹ đã bay trinh sát chụp ảnh trên miền Bắc; dưới đất thì ủy ban kiểm soát đình chiến quốc tế theo hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 đi lại hàng ngày từ Vinh, Vĩnh Linh, Cửa Tùng

không thể giữ bí mật được, phải có trận địa dự bị để trong thời chiến khi cần có thể di chuyển để tiếp tục chiến đấu lâu dài.

Vì vậy muốn thực hiện các vấn đề này phải bàn bạc với các đồng chí trong ban chỉ huy trung đoàn, các cán bộ chỉ huy của các cơ quan trung đoàn chuẩn bị thành văn bản, thông qua thường vụ Đảng ủy trung đoàn, sau đó quán triệt với tất cả cán bộ đại đội ra-đa thống nhất ý chí và hành động. Phải có thời gian cho bộ đội học tập, tổ chức lại chế độ trực ban huấn luyện diễn tập liên tục thành thạo mới giành được thắng lợi ngay từ trận đầu.

Buổi giao ban cuối tuần có các cơ quan và các đồng chí thủ trưởng trung đoàn, sau khi kết thúc tôi mời các anh trong thủ trưởng trung đoàn: Anh Tuất - Chính ủy, anh Thanh Bình - Phó chính ủy, anh Bùi Đình Cường - Trung đoàn phó, anh Phan Văn Hóa - Tham mưu trưởng, anh Hồ Quang Huy - Chủ nhiệm chính trị, anh Nghĩ - Chủ nhiệm hậu cần kỹ thuật của trung đoàn cùng một số đồng chí trợ lý tác chiến để bàn công việc sắp tới.

Trên tấm bản đồ tỷ lệ 1/1.000.000 vẽ khả năng phát hiện của trường ra-đa trung đoàn, tôi trình bày với các anh những nội dung đã suy nghĩ như trên, bao gồm: Định, địa hình và tình hình chế độ trực ban chiến đấu của bộ đội, trình độ kỹ chiến thuật cũng như các trận địa đã trực ban lâu nay, chỗ mạnh chỗ yếu của ta, âm mưu thủ đoạn sắp tới của địch trong khu vực của trung đoàn phụ trách. Những vấn đề cần giải quyết ngay trước mắt để tránh khỏi bị bất ngờ.

- Chấn chỉnh lại các chế độ trực ban tác chiến của các đơn vị, bao gồm trực ban vọng quan sát mắt, trận địa 12 ly 7, 14 ly 5, chế độ thay phiên của trắc thủ, báo vụ máy nổ và nhân viên trong sở chỉ huy đại đội, vấn đề bố trí chỗ ở cho các phiên ban, bảo đảm địch đến là nổ súng ngay, có báo động là lên máy ngay; không phải từ chỗ ở chạy đến máy, đến súng khá xa mất thời cơ chiến

đấu. Ngoài ra các đơn vị phải tự mình đào đắp công sự chiến đấu hào giao thông để có điểm tựa đánh trả địch khi chúng tập kích vào trận địa của ta.

Các đơn vị phải liên hệ với địa phương đóng quân để hiệp đồng chiến đấu, phối hợp với các trận địa của dân quân và bộ đội trong vùng gần trận địa của mình để tạo thành các lưới lửa phòng không bắn máy bay địch, hỗ trợ cho nhau trong chiến đấu, ngoài ra còn hợp đồng công tác tải thương cứu chữa và cứu sập.

- Mỗi đại đội phải tìm 2 cho đến 3 trận địa dự bị, bảo đảm phải có đủ hồ sơ trận địa như ở các trận địa cơ bản. Các đơn vị cử người đi tìm trận địa ngay, trong khu vực của mình, cách trận địa cơ bản không quá 3 đến 5km, báo cáo về trung đoàn.

- Cơ quan tham mưu tác chiến phải viết lại các chế độ trực ban, sau khi đã trao đổi với chính trị và hậu cần kỹ thuật để ngày 10 tháng 10 thông qua tập thể thủ trưởng trung đoàn, thông qua Thường vụ Đảng ủy trung đoàn. Ngày 15 tháng 10 triệu tập các đại đội trưởng và các chính trị viên đại đội về họp để phổ biến. Hết tháng 10 tất cả các đại đội phải tổ chức và huấn luyện bộ đội, có diễn tập nhiều lần và đầu tháng 11 phải trực ban theo chế độ mới.

Các anh trong thủ trưởng trung đoàn đều có ý kiến trao đổi nhất trí với các chủ trương trên, bổ sung thêm các vấn đề tổ chức huấn luyện xây dựng công sự nhất trí hoàn toàn với thời gian cần làm ngay. Trong đó cơ quan tác chiến và hậu cần kỹ thuật phải giải quyết nhiều vấn đề: Vật liệu làm chỗ ở cho các kíp trực ban tại máy tại trận địa để có thể học tập huấn luyện tại chỗ khi chưa tham gia mở máy và chưa có địch; cấp cuốc xẻng cho các đại đội đào đắp công sự chiến đấu và giao thông hào quanh trận địa; bảo đảm khi máy bay địch đến có thể từ nhà ra giao thông hào vào công sự dùng súng bắn máy bay tầm thấp được ngay.

Gần một tuần sau các văn bản qui định chế độ sẵn sàng chiến đấu của trung đoàn đã xong. Mỗi lần viết xong từng phần, tôi đã cùng với anh Hóa - Tham mưu trưởng thông qua và sửa chữa bổ sung dần đến khi toàn bộ đã viết xong, đọc lại và hoàn chỉnh cuối cùng.

Để một buổi các anh thủ trưởng trung đoàn góp ý kiến cùng với các anh thủ trưởng cơ quan, tất cả đều đọc tài liệu nghe cơ quan tác chiến trình bày và trao đổi bổ sung một số ý kiến, tất cả đều đồng ý và thông qua.

Sau đó thường vụ Đảng ủy trung đoàn bàn lãnh đạo các công việc sắp tới để tất cả các cấp ủy Đảng và các đơn vị trong trung đoàn chuyển biến tình hình thực hiện cho được vấn đề sẵn sàng chiến đấu tốt trong tình hình hiện nay.

Cuộc họp các đại đội ra-đa của trung đoàn 290.

Ngày 15 tháng 10 năm 1964 các đại đội trưởng và chính trị viên đại đội về cơ quan trung đoàn ở Vinh họp đông đủ. Sau ngày 5 tháng 8 đây là lần đầu tiên các cán bộ đại đội gặp mặt và bàn bạc với trung đoàn về nội dung chuẩn bị chiến đấu cho thời gian sắp tới.

Đầu tiên tôi trình bày với các cán bộ đại đội về phần địa hình Quân khu 4, về trường ra-đa của trung đoàn, âm mưu thủ đoạn của địch, các chế độ sẵn sàng chiến đấu của trung đoàn trong thời gian vừa qua cần phải chấn chỉnh lại, trách nhiệm của trung đoàn trong thời gian tới với khu vực Quân khu 4, không được để bất ngờ như ngày 5 tháng 8 đợt tập kích đầu tiên. Với tình hình chiến thắng của chiến trường miền Nam như hiện nay nhất định máy

bay Mỹ sẽ đánh lại miền Bắc, đặc biệt ở địa bàn Quân khu 4. Ta phải tranh thủ thời gian gấp rút chấn chỉnh lại sinh hoạt trực ban chiến đấu của bộ đội sẵn sàng đánh địch, phát hiện ngay máy bay Mỹ vào đánh miền Bắc, không được để bất ngờ.

Anh Tuất còn dặn thêm một số vấn đề về giáo dục tình hình hiện nay cho anh em, hiểu rõ âm mưu của địch, lãnh đạo các cấp cơ sở Đảng với nội dung sẵn sàng chiến đấu cao nhất hiện nay; tổ chức tốt kết hợp với các ngày lễ 22 tháng 12, ngày tết dương và âm lịch, bảo đảm đời sống tinh thần và vật chất tốt cho bộ đội nhưng phải hoàn thành nhiệm vụ tốt không được mất cảnh giác.

Phần còn lại, anh Phan Văn Hóa trình bày toàn bộ qui định chế độ trực ban chiến đấu của trung đoàn và cơ bản phần đại đội. Trong phần này quan trọng nhất là phần tổ chức trực ban chiến đấu của vọng quan sát mắt, của các khẩu đội 12 ly 7 và 14 ly 5, khi trực ban chiến đấu pháo thủ phải ngồi ngay trên súng, kéo nấc cò thứ nhất, hướng vào hướng chủ yếu (vùng biển), hết hai giờ thay phiên khác, không được ngồi trong lán khi có báo động mới chạy ra trận địa. Mỗi trung đội súng máy phòng không phải trực ban thường xuyên một khẩu, mỗi khẩu đội 14 ly 5 hai nòng chỉ trực ban một nòng mà không cần cả hai pháo thủ, khi thấy mục tiêu pháo thủ sẽ kéo tiếp nấc cò thứ hai và bắn luôn không phải thao tác nhiều lần.

Đối với tất cả các phiên ban trắc thủ, máy nổ, điều phối và nhân viên sở chỉ huy khi công bố danh sách trực ban trong ngày, theo hai giờ một, phải đến tại chỗ, giờ mở máy phải lên máy trực ban, giờ không mở máy cũng phải đến tại dưới máy học tập huấn luyện, khi có kệnh báo động phải lên máy ngay, không phải chạy từ nhà ra, mất thời gian sẵn sàng chiến đấu. Riêng trung đội súng máy phòng không phải làm lán ở ngay sát trận địa vừa trực học tập vừa trực ban trên súng, khi có báo động 100% quân số có mặt ngay để chiến đấu.

Các đơn vị phải tự lực đào giao thông hào từ nhà ra công sự chiến đấu, liên tục bao quanh khu vực trận địa. Các tổ bắn máy bay ba người có chỉ huy thống nhất, công sự gần nhau để cùng bắn khi có lệnh của tổ trưởng. Thiết bị xây dựng cả hầm cứu thương, hầm dự trữ đạn v v Trừ những đồng chí trực ban trên máy, sở chỉ huy, trận địa súng máy phòng không, còn lại những cán bộ chiến sĩ khác đều theo giao thông hào ra trận địa bắn máy bay bay thấp hoặc bổ nhào theo khu vực đã qui định.

Thực hiện các vấn đề này, trung đoàn sẽ cấp đủ cuốc chim, xẻng cá nhân, xẻng pháo binh cho các đơn vị và kinh phí tác chiến để mua vật tư tranh tre nứa lá làm lán che chắn chỗ ở của các phiên ban tại máy, tại trận địa.

Tất cả các nội dung trên phải được phổ biến huấn luyện cho tất cả các cán bộ chiến sĩ trong đơn vị học tập và kiểm tra chặt chẽ; tiến hành diễn tập nhiều lần, chấn chỉnh thường xuyên trong quá trình thực hiện, làm cho tất cả mọi người hiểu rõ và thực hành thành thạo. Thời gian hoàn thành ngày 5 tháng 11 năm 1964 báo cáo về trung đoàn, sẽ tổ chức các đoàn đi kiểm tra đơn vị, kiểm tra việc chấp hành các qui định và kiểm tra sự hiểu biết đến từng chiến sĩ.

Về trận địa dự bị của các đại đội, mỗi đơn vị phải cử ngay một tổ do đồng chí đại đội phó phụ trách, đi trong khu vực gần trận địa cự ly khoảng cách 3 đến 5km cách trận địa cũ theo bản đồ tỷ lệ 1/100.000, tìm hai đến ba trận địa dự bị, đo đạc các số liệu của nó, lập hồ sơ gửi về trung đoàn, xác định vị trí trên bản đồ để trung đoàn đánh dấu chính thức vào bản đồ ô vuông 99 của sở chỉ huy trung đoàn khi cần di chuyển đã có số liệu chính thức. Thời gian cũng hoàn thành đúng thời hạn trên.

Tiếp theo, các cán bộ đại đội thảo luận sôi nổi, góp ý kiến bổ sung làm cho bản tài liệu phong phú thêm, tăng thêm không khí khẩn trương sẵn sàng chiến

đầu cao của đơn vị.

Cuối ngày tôi kết luận cuộc họp và nhắc các đơn vị khẩn trương trở về ngay, trung đoàn sẽ cho xe chở cán bộ và vật tư tài liệu trở về đơn vị. Tối hôm đó tôi và anh Tuất tranh thủ làm việc thêm với các anh Hồ Sĩ Hữu, đại đội trưởng đại đội 12 ở Đồng Hới, anh Lan đại đội trưởng đại đội 11 ở Vĩnh Linh về tình hình nhiệm vụ của khu vực giới tuyến quân sự tạm thời này, nó chính là tuyến đầu khi địch đánh trở lại miền Bắc bằng máy bay không quân và hải quân của đế quốc Mỹ.

Sáng hôm sau rất sớm, 2 xe vận tải của trung đoàn chở cán bộ và cuốc xẻng để các đơn vị trở về nhanh chóng, an toàn (một chiếc xe chở cuốc xẻng và cán bộ cho các đại đội 13, đại đội 12, đại đội 11 chạy về phía Nam, một chiếc chở cho các đại đội 14, 15, 16 chạy về phía Bắc, riêng đại đội 17 đi xe khách).

Cuộc họp này đánh dấu sự chuyển biến không khí thời chiến của các đơn vị một cách sâu sắc, tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần cho bộ đội sẵn sàng đánh trả địch những ngày đầu năm 65 khi chúng đánh lại miền Bắc XHCN mà Quảng Bình, Vĩnh Linh là trận đầu tiên.

Quân và dân cùng xây dựng trận địa.

Tháng 11 năm 1964 cũng là tháng tiếp theo địch tập trung hoạt động bắn phá ném bom các trục đường miền Tây Quân khu 4 giáp các cửa khẩu biên giới Việt, Lào như trục đường 7, đường 8, đường 12 v.v... để ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc vào chiến trường miền Nam, máy bay địch hoạt động đa số là loại F101, F105 riêng máy bay U2, BQM-34A bay trinh sát miền Bắc

ở độ cao 18km bay liên tục hàng tuần chụp ảnh trên không phận (các đường giao thông các thành phố lớn và các cảng biển) của miền Bắc XHCN.

Ngày 18 tháng 11 năm 1964 tiểu đoàn cao xạ pháo 37 của Quân khu 4 chiến đấu ở đường 12 miền Tây Quảng Bình, vùng biên giới Việt Lào đã bắn rơi chiếc máy bay F101 của Mỹ ngay từ loạt đạn đầu, sau đó địch tập trung công kích ném bom bắn rốc két vào trận địa, tiểu đoàn 14 đã liên tiếp bắn rơi thêm 2 máy bay Mỹ nữa; chiến công vang dội của pháo cao xạ 37 ly bắn rơi máy bay phản lực siêu âm của Mỹ làm phẫn chấn dư luận, làm tăng thêm lòng tin tưởng của lực lượng vũ trang ba thứ quân của quân khu. Chính trị viên tiểu đoàn cao xạ Nguyễn Viết Xuân đã chiến đấu cùng với chiến sĩ bằng mệnh lệnh: “Nhắm thẳng quân thù mà bắn”. Chính mệnh lệnh đó thành khẩu hiệu thiêng liêng của những chiến sĩ cao xạ tầm thấp trong chống toàn quân sau này trong chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc.

Quân khu 4 đã triệu tập trung đoàn 290, 280 và các đơn vị trực thuộc của quân khu đóng quân quanh thành phố Vinh về cơ quan quân khu phổ biến kinh nghiệm trận đánh thắng lợi của tiểu đoàn 14 ở cửa khẩu đường 12 miền Tây Quảng Bình, rút ra những bài học chiến đấu và chuẩn bị chiến đấu của đơn vị bạn.

Trong tháng 11 năm 1964 các thủ trưởng trung đoàn phân công nhau cùng cơ quan đến kiểm tra chiến đấu ở các đại đội về việc thực hiện các qui định chế độ “trực ban sẵn sàng chiến đấu cao trong tình hình mới” của trung đoàn đã ban hành vào ngày 15-10 vừa qua.

Tôi và một số anh em cơ quan tham mưu, chính trí, hậu cần đi kiểm tra các đại đội phía Nam đại đội 11, đại đội 12, đại đội 13 ở Vĩnh Linh, Đồng Hới và Hà Tĩnh. Anh Phan Văn Hóa tham mưu trưởng trung đoàn đi kiểm tra đại đội 16 ở Đô Lương, đại đội 15 ở Diễn Châu; anh Bùi Đình Cường - trung đoàn

phó đi kiểm tra đại đội 14 và sau đó là đại đội 17.

Mới hơn một tháng, sau cuộc họp ở trung đoàn, các đại đội đã tiến hành thực hiện các qui định, chế độ trực ban thời chiến nghiêm túc chặt chẽ khẩn trương, hệ thống các chỗ ở của các phiên ban đã xây dựng kín đáo ở trận địa, ở các đài ra-đa, ẩm cúng và hợp lý. Kiểm tra các phiên ban ở cạnh máy, trận địa 12 ly 7 đều có danh sách hàng ngày và đều thực sự có mặt tại vị trí, kể cả khi không mở máy; pháo thủ trực ban sẵn sàng trên súng quay về hướng chính, kéo nấc cò số một, sẵn sàng chiến đấu. Các vọng quan sát mắt đã được khôi phục, được trang bị ống nhòm và hệ thống điện thoại về sở chỉ huy đại đội.

Công sự và hệ thống hào giao thông bao quanh trận địa đã được đào đắp, nguy trang cẩn thận, hầm hào của các tổ bắn máy bay bằng súng bộ binh đã được kiến trúc chu đáo, có trồng cỏ nguy trang đã lên xanh.

Cả hai đại đội 11, 12 ở Vĩnh Linh và Đồng Hới chiếm lĩnh trên các ngọn đồi đất đỏ và các ngọn đồi đất cát pha, nên hệ thống công sự và hào giao thông được đào đắp bao quanh thuận lợi. Các đoàn kiểm tra tổ chức báo động chiến đấu, bộ đội đã thực hiện triển khai khẩn trương và tương đối thành thạo. Ngoài ra còn tổ chức kiểm tra miệng và giấy đối với cán bộ, chiến sĩ để có kiến thức, hiểu các chế độ qui định chiến đấu tốt hay không? Đặc biệt đối với trắc thủ, đài trưởng ra-đa và pháo thủ 12 ly 7 và 14 ly 5.

Riêng ở các đại đội 11, 12 này sau khi kiểm tra xong, tôi đã bàn với các anh Hồ Sĩ Hưu đại đội trưởng đại đội 12 và anh Lan đại đội trưởng đại đội 11 về một số nội dung tôi đang băn khoăn: “Cái gì đã họp ở trung đoàn về, các đại đội đều chấp hành tốt nghiêm chỉnh, đã chuyển biến được không khí sẵn sàng chiến đấu ở đơn vị; tuy vậy người và vũ khí đều ở trong công sự khi chiến đấu nhưng đài ra-đa, máy nổ, sở chỉ huy đại đội vẫn ở trên mặt đất

chưa có công sự, chơ vơ giữa trời, nếu địch đánh vào trận địa thì không thể duy trì được sức chiến đấu ngay từ loạt đạn đầu”.

Các anh đều đồng ý với tôi như thế, mặc dù trong qui định của trung đoàn không nói đến việc đào đắp công sự cho đài ra-đa, máy nổ, sở chỉ huy.

Bây giờ qua kiểm tra thực tế cần phải bổ sung; công sức phải đổ ra nhiều, vất vả nhưng trách nhiệm phải làm của đơn vị và liên hệ với địa phương để xin chi viện nhân lực thêm, thực hiện cho được vấn đề này.

Riêng sở chỉ huy đại đội phải dời từ trong nhà ra công sự, dây điện thoại mắc từ đài ra-đa, vọng quan sát mắt, trận địa 14 ly 5, máy phát điều phối đến sở chỉ huy đại đội phải chôn ngầm theo giao thông hào bảo đảm an toàn hơn khi địch đánh vào trận địa.

Các anh Hưu đại đội 12 và anh Lan - Đại đội 11 đều vui vẻ thấy cần thiết phải làm ngay. Tôi cũng hứa với các anh, về lại trung đoàn sẽ bàn với cơ quan bổ sung vào qui định những điều còn thiếu và vào liên hệ với địa phương để xin chi viện về nhân lực cho các đại đội đào đắp công sự.

Tôi còn nhớ lại, lúc kiểm tra ở đại đội 11 Vĩnh Linh, đi xem trận địa dự bị của đại đội đã chọn ở phía Tây Vĩnh Linh, gần sân bay cũ của Pháp ở Ba Đình, đối chiếu với hồ sơ trận địa đã đo đạc, các yêu cầu về mặt chiến thuật đều đạt so với trận địa cũ của đại đội 11 ở Vĩnh Chấp. Tôi rất mừng vì các đại đội ở phía Nam này đã lo xa, chuẩn bị trận địa chu đáo khi thời chiến xảy ra, tuy vậy không khí hòa bình vẫn còn lộ rõ; các anh ấy vẫn đặt đài ra-đa chơ vơ giữa đồi trọc không có cây cối để ngụy trang. Tôi đã góp ý kiến cần phải điều chỉnh lại các trận địa dự bị, đạt yêu cầu chiến kỹ thuật của ra-đa nhưng phải

kín đáo không phải như thời bình, phải có dây cối che kín xe cộ, người, vũ khí khi triển khai chiến đấu mới duy trì trực ban lâu dài được.

Trời đã về chiều, trên đường về lại đại đội 11 ở Vĩnh Chấp, xe chúng tôi đã bị sa vào rãnh nước xói mòn trên đường đi sâu hoắm, đầu tôi bị đập va vào kính chắn gió của xe, kính trước vỡ tan một bên, các mảnh vỡ xóc vào trán của tôi chảy máu, may mắn không có mảnh nào vào mắt; anh em băng lại trán cho tôi và đào kích xe lên, về đến nhà trời vừa tối, y tá kiểm tra sát trùng dán lại băng dính, không có vấn đề gì chỉ rách da chảy máu mà thôi.

Sáng hôm sau từ đại đội 11 ở Vĩnh Linh chúng tôi trở về trung đoàn. Trên đường đi đến Đồng Hới xe chạy không có kính chắn gió một bên, đồng chí Anh lái xe đã cắt một miếng gỗ dán che lại “Để thủ trưởng khỏi bị gió lùa” vừa làm vừa nói như trên.

Đến Đồng Hới gần 10 giờ, phải nghỉ lại nhà bà dì - em ruột của mẹ tôi, ở thị xã để lái xe đưa xe đi cắt kính lắp lại kính chắn gió; chúng tôi chia nhau nghỉ đêm lại ở đây chiều tối kính xe đã lắp xong; bàn với nhau sáng mai sẽ đi sớm.

Tối ở lại nhà dì tôi có hai, ba phụ nữ đến mời bà đi liên hoan, tôi hỏi bà sau khi đi về, mới biết các chị này là gia đình các cán bộ của Sư đoàn 325 đóng ở Đồng Hới, gia đình các đồng chí này công tác ở các cơ quan kinh tế của Quảng Bình, nay được lệnh trên, Sư đoàn 325 đi B, vào chiến đấu ở chiến trường Trị Thiên nên các gia đình tổ chức liên hoan tiễn chồng con lên đường.

Đây là cuộc lên đường lần thứ hai sau 10 năm hòa bình xây dựng lực lượng

vũ trang ở miền Bắc. Không khí tiến đưa không phải như những năm 1945 các đoàn xe lửa chở bộ đội Nam tiến, có cờ hoa kèn trống, có mít tinh mà bây giờ các cuộc tiến đưa ở các gia đình, bạn bè xóm làng, tuy không rầm rộ nhưng sâu sắc quyết tâm và có kinh nghiệm nhiều hơn sau 9 năm kháng chiến và 10 năm hòa bình; được trang bị tri thức quân sự và vũ khí hiện đại hơn rất nhiều so với thời kỳ Nam tiến sau cách mạng tháng Tám. Kẻ thù lúc này cũng độc ác hơn, mạnh hơn rất nhiều so với trước; một cuộc đụng đầu lịch sử, mà chiến thắng sẽ thuộc về phía những người chiến đấu cho chính nghĩa, cho giải phóng đất nước.

Các đoàn kiểm tra chiến đấu đã về lại trung đoàn, cuộc họp báo cáo phản ánh lại tình hình chuẩn bị chiến đấu của các đơn vị báo cáo lại hệ thống trận địa dự bị để đánh dấu lên bản đồ.

Các thủ trưởng trung đoàn, cơ quan đều nghe lại kỹ tình hình, đơn vị đã chấp hành tốt các qui định chiến đấu của trung đoàn sau cuộc họp ngày 15 tháng 10 vừa qua, đặc biệt đại đội 16 và đại đội 15 ở trực tiếp trên cánh đồng lúa nên công sự phải đào và đắp nổi vì nước ngập; anh em tốn rất nhiều công nhưng cũng hoàn thành tốt đẹp đối với hệ thống giao thông hào chiến đấu, các hàng cây trồng quanh nhà và xung quanh khu vực tự tạo che kín đáo các trận địa này.

Tôi cũng báo cáo lại với các anh về công sự của xe ra-đa và máy nổ, công sự của sở chỉ huy chưa có mà trong qui định cũng chưa nói rõ; các đại đội 11, đại đội 12, đại đội 13 tôi đã trực tiếp bàn với các anh thủ trưởng đại đội cho tiến hành ngay nhưng phải bổ sung vào qui định của trung đoàn; các đại đội này ở trên đồi cao nên đào đắp sẽ dễ hơn, còn các đại đội phía Bắc 14, 15, 16 đều ở trên ruộng vì vậy công sức rất lớn; cần phải báo cáo với Tỉnh ủy Nghệ An để địa phương chi viện thêm lực lượng dân công tại chỗ lấy đất đắp công sự.

Nhân cuộc họp này anh Tuất, anh Hồ Quang Huy báo cáo lại: Tỉnh ủy Nghệ An cho người vào hỏi, có cần dân công để đào đắp công sự không? cho biết ở khu vực nào? Để Tỉnh ủy và ủy ban giao nhiệm vụ cho các địa phương huy động dân công vùng đó chi viện cho các đơn vị nhưng chỉ làm ban đêm từ 7 giờ tối đến 10 giờ đêm còn ban ngày để sản xuất, công việc chia ra làm nhiều đêm.

Đúng như hạn gặp mưa đông, trung đoàn cử đồng chí Hồ Quang Huy ra Tỉnh ủy Nghệ An báo cáo xin chi viện dân công cho đại đội 16 ở Đô Lương, đại đội 15 ở Diễn Châu, đại đội 14 ở Nghĩa Lộc; huy động đắp đều tất cả các công sự của xe ra-đa, máy nổ, trạm phát và sở chỉ huy đại đội. Trung đoàn còn cử một đoàn cán bộ tác chiến và công binh xuống đại đội 14 ở Cửa Hội đo đạc, cắm cọc chiều rộng chiều cao của các công sự đã nói, ở trên trận địa, vẽ thành bản thiết kế gửi cho các đại đội để đào đắp thống nhất.

Sau khi làm thí điểm ở đại đội 14, các đoàn cán bộ của trung đoàn đến các đơn vị 15, 16 phổ biến và liên hệ với địa phương tổ chức đón tiếp dân công đến giúp bộ đội.

Đối với các đại đội 11, 12, 13 trung đoàn cũng cho người vào mang bản vẽ công sự, cùng với các đơn vị đến liên hệ với cơ quan của Tỉnh ủy, Ủy ban tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, đặc khu Vĩnh Linh để xin dân công.

Suốt nửa tháng 11 đầu tháng 12 năm 1964 cứ 7 giờ tối đến 10 giờ đêm, các đại đội cho máy nổ chạy, căng dây đèn đến các công sự, cung cấp ánh sáng cho bà con quanh vùng đến đắp trận địa, phụ nữ, đàn ông, người già em thiếu niên đều đến giúp bộ đội; họ mang cuốc xẻng, quang sọt đến nhận các vị trí và cùng với bộ đội đắp hàng đêm cho đến khi hoàn chỉnh phủ cỏ ngụy trang mới thôi.

Tuy đông đảo như thế, nhưng đồng bào được các xã tổ chức chặt chẽ; mỗi xã có một cán bộ phụ trách, các thôn có cán bộ dẫn bà con đến, lên danh sách từng người, có kiểm tra ghi chép để cấp gạo bồi dưỡng cho bà con đến, phân công trách nhiệm từng khu vực cho hợp với số lượng dân công làm từ đầu cho đến kết thúc các công sự.

Bộ đội ngoài sổ trực ban theo phiên, còn tất cả đều ra hiện trường đào đắp với bà con, số lượng không đông nhưng chia đều đến các vị trí, lên các mặt công sự, căn cứ theo dây đã căng, chỉ cho đồng bào đổ đất, bộ đội san ra và dậm chặt lại, cứ lần lượt từ dưới lên trên, đắp đến đâu hình thành đến đó.

Hàng đêm bộ đội nấu nước chè xanh mời đồng bào đến giúp, uống nước để chống khát hồi sức.

Nhờ kinh nghiệm tổ chức dân công đi chiến trường của 9 năm chống Pháp, lúc đó Nghệ An, Hà Tĩnh là hậu phương của chiến trường Bình Trị Thiên và Trung Lào nên ngày nay tổ chức dân công của các xã đều có quy củ, quản lý tốt, động viên bà con, không khí rất vui vẻ phấn khởi, không có cãi và to tiếng với nhau, bộ đội rất biết ơn và khâm phục công tác tổ chức và quản lý dân công của địa phương.

Thấm thoát trong vòng hai tuần, tất cả các đại đội trong trung đoàn từ Quảng Bình, Vĩnh Linh đến Hà Tĩnh, Nghệ An, nhờ sức dân và cố gắng nỗ lực của mình đã xây dựng công sự và đào đắp ụ chiến đấu xong hoàn toàn, có ngụy trang chu đáo. Những công sự xe ra-đa, máy nổ cao hơn 3m dài 7m đều được đắp và trồng cỏ hoàn chỉnh.

Tất cả các đơn vị đã sinh hoạt trực ban trong tư thế sẵn sàng chiến đấu cao của thời chiến.

Tuy vậy chúng tôi cũng nghĩ rằng đó là đối phó với trận chiến đấu đầu tiên mà thôi, chứ không phải cố thủ phòng ngự cố định trong công sự để chiến đấu lâu dài được mà phải luôn cơ động, bí mật bất ngờ mới duy trì được hệ thống ra-đa hoàn chỉnh trong cuộc chiến đấu đất đối không lâu dài, trong vùng gần sát địch này.

Ngày 7-2-1965 đế quốc Mỹ ném bom miền Bắc bắt đầu từ Quảng Bình, Vĩnh Linh.

Trong những tháng cuối năm 1964, tình hình miền Nam có những hoạt động quân sự to lớn của ta ở miền Trung (Quân khu 5), miền Đông Nam Bộ giành chiến thắng vang dội ở các thành phố, thị xã và ở các vùng nông thôn; tiêu diệt sinh lực địch nhất là bọn cố vấn Mỹ, các tiểu đoàn chủ lực Mỹ - ngụy, phá banh các ấp chiến lược, giải phóng đồng bào về quê cũ làm ăn.

Đêm 31 tháng 10 năm 1964 lực lượng pháo binh miền Đông Nam Bộ pháo kích sân bay Biên Hòa, căn cứ chiến lược không quân Mỹ - ngụy vào loại lớn nhất miền Nam; vừa là căn cứ cất cánh của các loại máy bay đánh phá miền Bắc, miền Nam, Lào và Cam-pu-chia; nơi đào tạo giặc lái của ngụy; nơi tập trung nhiều nhất phi công Mỹ và các lực lượng yểm trợ của Mỹ, cũng như kho tàng bom đạn, xăng dầu, đặc biệt các loại máy bay chiến đấu mới được chở tới từ Mỹ để lắp ráp bay thử ở đây.

Chỉ trong một đêm trong trận pháo kích này, anh em pháo binh miền Đông chỉ bắn 136 viên đạn pháo 122 ly vào các mục tiêu trong căn cứ một

cách chính xác và rút lui an toàn; diệt và làm bị thương nhiều giặc lái và nhân viên kỹ thuật Mỹ, phá hủy 59 máy bay (trong đó có 21 chiếc máy bay B-57) ném bom, được đưa từ Mỹ sang chưa kịp sử dụng.

Chúng tôi được lệnh sẵn sàng chiến đấu ngay sau trận pháo kích sân bay Biên Hòa đồng thời Quân khu 4 mấy ngày sau triệu tập phổ biến ngay chiến thắng và nhắc nhở sẵn sàng đề phòng địch đánh trả. Trung đoàn 290 và 280 được thông báo tình hình từ 2 phía: Quân khu 4 phổ biến thông tin cụ thể nhắc nhở chiến đấu khẩn trương cho các đơn vị đóng quân ở Quân khu, Bộ tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân nhắc nhở bằng điện cơ yếu, điện thoại và ra mệnh lệnh chuẩn bị chiến đấu trực tiếp.

Trung đoàn 290 cũng thông báo tình hình chiến trường miền Nam sau khi được phổ biến ở Quân khu 4 cho các đại đội ra-đa và cơ quan trung đoàn.

Ngày 2 tháng 12 năm 1964 chiến dịch Bình Giã ở miền Đông Nam Bộ, khu vực Bà Rịa bắt đầu nổ súng. Đây là chiến dịch tiến công của quân dân miền Đông trong đó lực lượng chủ lực của Miền làm nòng cốt, kéo dài đến ngày 3 tháng giêng năm 1965.

Trong thời gian này chúng tôi được phổ biến liên tục tin chiến thắng ở chiến trường hàng ngày, hàng tuần ở Bộ Tư lệnh Quân khu 4, được nhắc nhở cảnh giác sẵn sàng chiến đấu cao. Ngày 24 tháng 12 năm 1964 lực lượng biệt động Sài Gòn dùng 200kg thuốc nổ để trên xe tô áp sát tầng 1 khách sạn Mỹ Brinxơ ở trung tâm Sài Gòn, khối bộc phá nổ làm sập tòa nhà cao tầng, diệt và làm bị thương trên 100 tên Mỹ, tất cả đều là sĩ quan và quân nhân.

Sở chỉ huy trung đoàn nhận được lệnh của Quân chủng Phòng không -

Không quân sẵn sàng chiến đấu khi có lệnh.

Năm nay tết âm lịch đến, ngày âm lịch và dương lịch trùng nhau nhưng khác tháng, ngày mừng 1 tết âm lịch cũng đúng ngày 1 tháng 2 năm 1965. Trung đoàn tổ chức cho anh em ăn tết, có lẽ là tết cuối cùng trong những năm hòa bình, vì vậy công tác chuẩn bị khá chu đáo ao cá và trại tăng gia của trung đoàn ở núi Hồng Lĩnh đã đưa thực phẩm chăn nuôi được đến các đơn vị quanh thành phố Vinh và gửi tiền tăng gia, tiêu chuẩn tết của quân đội đến các đơn vị ở xa.

Tuy vậy công tác chuẩn bị chiến đấu vẫn được duy trì và kiểm tra chặt chẽ; ngày 30 tết tôi trực tiếp đến kiểm tra chiến đấu đại đội 13 ở Hà Tĩnh, tại Rú Nài, ra-đa ở trong công sự đã được đào đắp cẩn thận. Các phân đội súng máy phòng không 12 ly 7 các chiến đấu viên trực chiến đã ngồi sẵn sàng chiến đấu kéo nấc cò số một.

Ngay trước và trong những ngày tết, chúng tôi cũng được thông báo tình hình chiến trường miền Nam, tối 29 tháng giêng năm 1965 tức là tối 29 tết, Quân khu 4 thông báo biệt động Sài Gòn đã đánh trụ sở chỉ huy của phái đoàn MAAG của Mỹ ở trung tâm Sài Gòn, 55 tên Mỹ trong đó có hai tên cấp tướng bị thương và chết. Chúng tôi cũng điện nhắc các đơn vị không được vì tết mà lơ là chiến đấu.

Sáng ngày 7 tháng 2 năm 1965 Trung đoàn 290 được thông báo trực tiếp của Quân khu 4 và của Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân đêm 6 tháng 2 năm 1965 bộ đội ta ở Quân khu 5 tiến công sân bay Cù Hanh, trại Hô-lô-uê ở Plâycu đã phá hủy 42 máy bay trực thăng giết và làm bị thương nhiều tên Mỹ - nguy, cũng trong đêm đó ta đánh khách sạn Việt Cường ở Qui Nhơn diệt nhiều cố vấn Mỹ đồng thời bộ đội ta tiêu diệt cứ điểm Dương Liễu - Gia Hựu cắt đứt đường quốc lộ 1 từ Phú Mỹ đi Bồng Sơn ở Bình Định - Khu 5 v.v...

Với tình hình khẩn trương như trên, 8 giờ sáng ngày 7 tháng 2 năm 1965 trung đoàn 290 được lệnh của Quân chủng Phòng không - Không quân sẵn sàng chiến đấu; Quân chủng còn thông báo tiếp các chiến thắng trên, trung đoàn đã ra lệnh báo động chiến đấu cho các đơn vị và thông báo bằng điện cơ yếu cho các đại đội.

Sở chỉ huy của trung đoàn lúc này là anh Phan Văn Hóa - tham mưu trưởng trực ban, tôi cũng hội ý với anh Hóa về ý đồ sẵn sàng chiến đấu của trung đoàn, phát lệnh cho các đại đội chuẩn bị chiến đấu; ngày 7 tháng 2 là ngày chủ nhật lệnh cho các đơn vị không cho bộ đội ra ngoài, 100% quân số phải có mặt tại vị trí; riêng các chiến sĩ báo vụ thu tin của sở chỉ huy trung đoàn trực tiếp với các đại đội được nhắc nhở thường xuyên, gọi và liên lạc chặt chẽ với các đơn vị không được để gián đoạn thông tin; các trực ban tác chiến được lệnh thông báo cho tất cả các chiến sĩ báo vụ biết mệnh lệnh sẵn sàng chiến đấu cao, không được lơ là để mất liên lạc.

Lúc này đã 9 giờ sáng ngày 7 tháng 2 là ngày chủ nhật, trên biển Đông yên tĩnh, không thấy các đường bay của máy bay Mỹ bay tập trên không, mà mọi ngày không lúc nào vắng. Đó là triệu chứng chuẩn bị của địch, vì vậy tôi bàn với anh Hóa - tham mưu trưởng trung đoàn: “Hiện tượng này thế nào địch cũng đánh trở lại đúng trưa nay, vì vậy cần nhắc các đơn vị ngay, chuẩn bị chiến đấu nhất là đối với các kíp trực ban”.

13 giờ 48 phút trên không đang yên tĩnh bỗng keng keng báo động cấp một ở sở chỉ huy trung đoàn. Tôi đang nghỉ trưa, vội vã đến sở chỉ huy, anh Hóa thủ trưởng trực ban báo cáo tình hình trên không ở bàn đánh dấu, đại đội 12 đang trực ban thông báo một đường bay liên tục từ biển Đông vào đất liền vòng vào trên thị xã Đồng Hới với liên tiếp nhiều tốp bay vào kể cả hướng Vít Thù Lù, chứng tỏ địch đang tập kích đánh vào Đồng Hới và miền Tây Lệ Thủy, Vĩnh Linh.

Đại đội 12 đang trực ban báo cáo bằng mật ngữ: “Địch đang ném bom Đồng Hới”. Tất cả tình báo diễn biến ở vùng này, sở chỉ huy trung đoàn 290 đã thông báo về sở chỉ huy Quân chủng Phòng không - Không quân ở Hà Nội, sở chỉ huy Quân khu 4 cũng như trung đoàn cao xạ 280 ở Vinh.

Anh Hóa đã cho đại đội 11 ở Vĩnh Linh chuyển cấp mở máy tăng cường, tôi chỉ thị cho mở máy chuyển cấp tiếp cho đại đội 13 và chỉ thị mục tiêu cho nó.

14 giờ kết thúc trận đánh, đại đội 12 không phát hiện đường bay nữa, trên không vùng Đồng Hới, Quảng Bình, Vĩnh Linh yên tĩnh.

Tất cả các đại đội mở máy tăng cường đều cho tắt máy nghỉ, trừ các đại đội mở máy trực ban theo phiên; sở chỉ huy trung đoàn yêu cầu đại đội 12 ở Đồng Hới báo cáo trận đánh.

Chiều nay buổi giao ban cuối ngày, được phân tích theo bản đường bay lưu của đại đội 12 trong trận chiến đấu nhận định ngày mai thế nào địch cũng đánh lại Quảng Bình, Vĩnh Linh, đồng thời trung đoàn cũng nhận được lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân nhắc trung đoàn sẵn sàng chiến đấu cao vì địch còn tiếp tục đánh phá khu vực phía Nam Quân khu 4.

Tất cả các anh trong thủ trưởng trung đoàn và cơ quan đều đến dự giao ban tác chiến; chúng tôi hội ý với nhau “Đại đội 12 chỉ mới thông báo đường bay trên bản đồ đánh dấu và mật ngữ: “Địch đánh Đồng Hới” còn tình hình chưa nắm được, phải đợi đến tối mới có điện cơ yếu báo cáo, tuy vậy chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đã xảy ra trên miền Bắc; vì vậy tối nay phải cử một

đoàn cán bộ của trung đoàn vào đại đội 12 và đại đội 11 để nắm tình hình, anh Cường - Trung đoàn phó phụ trách đoàn này, đi ngay trong đêm nay vì thế nào ngày mai địch cũng còn đánh phá Đồng Hới nữa”.

Sau khi đoàn của trung đoàn đã lên đường, 19 giờ đại đội 12 báo cáo bằng điện cơ yếu, nội dung báo cáo với thời gian như trên, 13 giờ 48 phút, địch bay vào đánh Đồng Hới chia ra nhiều tốp, theo cửa sông Nhật Lệ, theo Lộc Đại - Phú Xá, hai tốp bay vào cùng đánh Đồng Hới, đánh doanh trại của Sư đoàn 325. Các lực lượng phòng không của địa phương, của Sư đoàn 325, của tàu hải quân trên sông Nhật Lệ đã nổ súng kịp thời bắn rơi 3 máy bay Mỹ trong đó có một chiếc của trung đội 14 ly 5 đại đội 12. Binh nhất Nguyễn Khắc Được trực ban ngồi trên súng quay hướng về biển khi nghe keng báo động, còi phòng không Đồng Hới nổi lên, anh đã thấy chiếc máy bay Mỹ bay rất thấp từ làng Phú Hội ở bờ biển bay vào to như chiếc thuyền, lập tức anh quay súng đưa vào vòng ngắm bắn ngay một loạt, chiếc máy bay bốc cháy rơi vào bờ biển làng Nhân Trạch, phía Bắc sân bay Đồng Hới. Tình báo của đại đội 12 đã thông báo cho dân quân Quảng Bình rất sớm, ở cự ly 80km, còi báo động phòng không sẵn sàng chiến đấu cho lực lượng phòng không ở vùng thị xã chuyển cấp kịp thời, nên rất chủ động đánh địch.

Tối đến đài phát thanh tiếng nói Việt Nam, phát thanh thông báo chính thức ngày 7 tháng 2 năm 1965 quân và dân thị xã Đồng Hới bắn rơi 3 máy bay Mỹ. Quân chủng Phòng không - Không quân thông báo cho trung đoàn 290 biết trong ngày 7 tháng 2 Mỹ đã dùng 4 máy bay gồm các loại A4-D, F8-U, A3-D cất cánh từ hai tàu sân bay Cô-ran-xi và Hen-cốc đánh phá Đồng Hới. Địch cũng sử dụng 34 máy bay của tàu sân bay Ren-giơ đánh vào Vít Thù Lù, Hướng Lập, đánh vào cụm kho của Quân khu 4 đang triển khai ở đó, Quân chủng còn nhắc ngày mai 8-2 địch còn đánh phá Quảng Bình, Vĩnh Linh, lệnh cho trung đoàn 290 tiếp tục sẵn sàng chiến đấu.

Trung đoàn cũng gửi điện thông báo cho các đơn vị nhất là đại đội 11, đại đội 12 sẵn sàng chuẩn bị cho ngày hôm sau.

Ngày 8 tháng 2 năm 1965 đến 12 giờ lịch trực ban mở máy lúc này là đại đội 11 phát hiện ba tốp máy bay liên tục xuất hiện ở Đông Đà Nẵng, sau đó 8 phút, phát hiện ba tốp này ở cách mũi Lay, Vĩnh Linh 80km, tất cả đường bay đã thể hiện lên sở chỉ huy trung đoàn. Dự kiến với tình huống này địch sẽ đánh Vĩnh Linh, Đồng Hới, trung đoàn đã ra lệnh cho đại đội 12 vào cấp một mở máy chiến đấu. Tất cả tình báo đường bay của đại đội 11, đại đội 12 đều đã thông báo trực tiếp cho lực lượng vũ trang Quảng Bình, Vĩnh Linh chuyển cấp sẵn sàng đánh địch, còi báo động phòng không ở hai thị xã và thị trấn Đồng Hới báo cho nhân dân sơ tán xuống hầm.

Hai đại đội 11, đại đội 12 đã mở máy theo phiên và mở máy tăng cường kịp thời, nên phát hiện sớm các tốp máy bay của hải quân Mỹ vào đánh Đồng Hới, thị trấn Hồ Xá, doanh trại của Sư đoàn 341. Địch lợi dụng mặt biển bay thấp để đánh bất ngờ, nhưng bị ra-đa phát hiện rất sớm khi chúng cất cánh từ tàu sân bay, địch bay thấp để giành bất ngờ nên bị lưới lửa phòng không tầm thấp của ba thứ quân đều phát huy hiệu quả, kể cả pháo cao xạ 37 và pháo của tàu hải quân trên hạm đều bắn rất chính xác.

Trong đợt tập kích ngày 8 tháng 2 này, lực lượng phòng không của Quảng Bình - Vĩnh Linh đã bắn rơi 7 máy bay Mỹ, trong đó có cả máy bay AD-6 của ngụy quyền Sài Gòn, tên Nguyễn Cao Kỳ bị chết hụt, máy bay của hắn bị thương phải thả bom bừa bãi rồi tháo chạy.

Trong thời gian này các đoàn kiểm tra của Quân chủng Phòng không - Không quân đã có mặt ở Đồng Hới và Vĩnh Linh, do chính ủy Quân chủng Đặng Tính dẫn đầu đã đến kiểm tra trực tiếp đại đội 12 ra-đa: “Sau hai ngày chiến đấu đã hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc, phát hiện sớm máy bay địch, thông báo kịp thời cho lực lượng phòng không Quảng Bình bắn trúng, bắn rơi máy bay địch, các đồng chí cần rút kinh nghiệm những bài học để tiếp tục chiến đấu. Đó là lời nhận xét thiết thực động viên của chính ủy Quân chủng

với đơn vị cơ sở; sau đó đồng chí ra lệnh cho đại đội 12 di chuyển về trận địa dự bị đã chuẩn bị sẵn ở Chánh Hòa - Bồ Trạch, cách trận địa cũ 5km để chiến đấu.

Chính ở trận địa này, đại đội 12 đã phát hiện máy bay địch vào đánh Đồng Hới ngày 11 tháng 2 năm 1965, khả năng phát hiện của trận địa này cũng đạt yêu cầu tốt như trận địa cũ. Ngày 24 tháng 3 năm 1965 địch dùng 24 máy bay hải quân đánh vào trận địa cũ của đại đội 12 ở Lộc Đại nhưng nhờ di chuyển sớm nên đại đội 12 an toàn, ngược lại địch bị bắn rơi hai chiếc do hỏa lực phòng không của ta đã bố trí sẵn để đánh địch.

Đêm 8 tháng 2 năm 1965 trung đoàn 290 được lệnh của Quân chủng cho ô tô ra sân bay Vinh đón hai chiếc máy bay vận tải chở 4 khẩu 14 ly 5 hai nòng để tăng cường cho đại đội 11, đại đội 12 ở Quảng Bình, Vĩnh Linh, sau đó chở tiếp 4 khẩu 14 ly 5 và cử trợ lý súng máy phòng không đi áp tải đưa 4 khẩu súng này đi ngay trong đêm đến Đồng Hới, Vĩnh Linh giao cho đại đội 11, đại đội 12, trực tiếp huấn luyện ngay cho pháo thủ của hai đại đội trên biết sử dụng thành thạo để chuẩn bị cho các trận chiến đấu tiếp theo; hỏa lực tầm thấp để bảo vệ trận địa ra-đa đã được tăng cường.

Ngày 11 tháng 2 năm 1965 máy bay Mỹ lại tiếp tục đánh phá Đồng Hới; do được Quân chủng Phòng không - Không quân báo trước, các đại đội 11, đại đội 11 mở máy tăng cường nên chủ động phát hiện sớm máy bay địch vào đánh Đồng Hới. Đúng 12 giờ 50 phút các tốp máy bay của các tàu sân bay Mỹ ở biển Đông tiếp tục bay vào đánh Đồng Hới. Ra-đa phát hiện rất sớm cách bờ biển về phía Đông Đà Nẵng 80km; báo cho lực lượng phòng không và hỏa lực tầm thấp của địa phương cũng như đồng bào thị xã sẵn sàng đánh địch và phòng tránh.

Sau ngày 7 và 8 tháng 2 năm 1965 nhận định địch sẽ đánh lại Quảng Bình,

Vĩnh Linh nên cấp trên đã điều các lực lượng phòng không vào chi viện cho địa phương này. Quân chủng Phòng không - Không quân đã điều một tiểu đoàn cao xạ từ Vinh vào Đồng Hới và điều hai tiểu đoàn học viên pháo cao xạ của Trường Sĩ quan Phòng không đang học thực hành chiến đấu dã ngoại vào Quảng Bình - Vĩnh Linh chiến đấu thực tập tại chiến trường, tại chỗ đã có tiểu đoàn pháo cao xạ 37 của Sư đoàn 325 đóng quân từ trước.

Được báo động sớm, lực lượng phòng không đã được tăng cường từ trước, bố trí chủ động. Từ 12 giờ 50 phút đến 14 giờ 15 phút ngày 11 tháng 2 năm 1965 nhiều tốp máy bay của hải quân Mỹ vào đánh Đồng Hới, các lực lượng phòng không ba thứ quân của Quảng Bình đã bắn rơi 6 máy bay Mỹ, bắt giặc lái, tên thiếu tá Su-mếch-cơ nhảy dù bị dân quân xã Lý Ninh, thị xã Đồng Hới bắt sống.

“Kết thúc ba ngày chiến đấu quân dân Quảng Bình - Vĩnh Linh đã bắn rơi 14 máy bay Mỹ, kế hoạch “Mũi lao lửa” của địch bị thất bại... Đồng bào cả nước vô cùng phấn khởi trước chiến thắng vẻ vang của quân dân Quảng Bình, Vĩnh Linh. Các đại đội ra-đa 11, 12 của trung đoàn 290 Quân chủng Phòng không - Không quân được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba”. Không riêng hai đại đội 11, 12 được khen thưởng mà đại đội 8C chỉ huy của trung đoàn 290 cũng được thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba.

Trong đợt hoạt động chiến đấu này, vì hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc, trung đoàn 290 được Nhà nước thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất.

Sau ngày 11 tháng 2 năm 1965 địch chuyển sang hoạt động nhỏ lẻ trên các đầu mối giao thông phía Tây Quân khu 4. Nhưng từ ngày 14 tháng 3 đến 17 tháng 3 năm 1965 địch đã sử dụng 160 lần chiếc máy bay đánh ra vĩ tuyến 19 từ Cầu Bùng trở về phía Nam thường xuyên có máy bay hoạt động. Các lực

lượng vũ trang luôn sẵn sàng chiến đấu đánh trả máy bay Mỹ, quyết liệt nhất là các lực lượng súng phòng không tầm thấp. Đại đội 14, đại đội 15 ở Cửa Hội và Diễn Châu, mỗi đại đội bắn rơi một máy bay Mỹ đều được thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba.

Cuộc chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ đã lan rộng dài dất từ Vĩnh Linh đến Nghệ An. Địch đánh phá liên tục, các cơ quan của Nhà nước, kho tàng, đều bắt đầu sơ tán; các trường học của các cháu đã chuyển vào các làng mạc học tập, phân tán có hầm hào che chắn. Các chuyến xe vận tải, xe hành khách chuyển sang chạy ban đêm bằng đèn gầm, các bến phà đều ngăn xe từ xa, lần lượt xuống bến đủ số xe của chuyến phà, đề phòng địch đánh, liên tục chờ xe suốt đêm. Ngoài quốc lộ 1, đường 15 kháng chiến đã bắt đầu hoạt động, chuẩn bị cho cuộc chiến đấu chi viện miền Nam bảo vệ miền Bắc lâu dài.

Trung đoàn 290 và 280 được lệnh di chuyển sở chỉ huy chính về sở chỉ huy dự bị sau ngày 17 tháng 3 năm 1965 ở núi Quyết.

Sau ngày 11 tháng 2 năm 1965 đoàn cán bộ do anh Bùi Đình Cường - Trung đoàn phó làm trưởng đoàn đi kiểm tra đại đội 11, đại đội 12 về lại trung đoàn. Anh Tuất, anh Hóa, anh Thanh Bình và tôi cùng các thủ trưởng cơ quan nghe lại tình hình chiến đấu của các đại đội trên (lúc này trung đoàn chưa di chuyển vẫn ở doanh trại cũ).

Anh Cường báo cáo lại các nội dung:

- Các đơn vị đại đội 11, đại đội 12 đã hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc trong phát hiện máy bay địch từ xa, thông báo chính xác chủ động cho các cơ quan,

lực lượng vũ trang và nhân dân Quảng Bình - Vĩnh Linh sẵn sàng chiến đấu, đánh trả kịp thời máy bay Mỹ.

- Ngoài nhiệm vụ phát hiện và thông báo máy bay Mỹ cho các lực lượng trên, các đại đội này còn tham gia trực tiếp chiến đấu, bắn máy bay Mỹ cùng hỏa lực phòng không địa phương, riêng đại đội 12 đã bắn rơi chiếc máy bay Mỹ đầu tiên khi bay thấp vào làng Phú Hội qua trận địa của trung đội 14 ly 5 mà pháo thủ đang trực chiến.

- Bộ đội chiến đấu trên máy ra-đa, trong sở chỉ huy đại đội trên súng máy phòng không, ở các tổ bắn máy bay của đơn vị đều ở trong công sự được chuẩn bị từ trước nên rất vững vàng. Cùng với hệ thống công sự và lưới lửa súng bộ binh bắn máy bay của dân quân các xã bao quanh trận địa tạo thành sự phối hợp chiến đấu gắn bó giữa các lực lượng vũ trang ba thứ quân nhịp nhàng trong trận độ sức với máy bay Mỹ vừa qua.

Cuối cùng anh Cường cũng nêu ra mối lo lắng của mình: Đây là trận đầu tiên chiến đấu trong công sự ở trận địa chính của mình, đã qua nhiều năm; nếu các lần sau địch đánh trở lại mà cứ ở cố định mãi một chỗ như vậy thì sẽ bị địch phát hiện đánh vào trận địa của mình, khó lòng duy trì được sức chiến đấu của ra-đa lâu dài.

Đó là mối lo nghĩ chung của tất cả anh em cán bộ của trung đoàn 290; cần phải di chuyển từ trận địa chính về trận địa dự bị mới trụ vững được tuyến đầu của miền Bắc này, chiến đấu lâu dài, chống lại địch ở cả trên không, và pháo bờ biển; như đại đội 12 đã được đồng chí Đặng Tính - Chính ủy Quân chủng PK-KQ cho di chuyển sau ngày 11 tháng 2 năm 1965.

Đó là hai quan điểm khác nhau trong thời kỳ đầu đánh Mỹ ở miền Bắc, cuộc chiến đấu đất đối không lâu dài trên 10 năm này. Một bên giữ ý kiến trụ lại đánh trả máy bay địch và phát hiện mục tiêu trên không. Một bên ý kiến cần phải di chuyển về trận địa dự bị chiến đấu liên tục, giữ bí mật trận địa để phát hiện máy bay địch, chiến đấu ngoan cường nhưng phải giữ được bí mật bất ngờ, mưu trí linh hoạt.

Hai quan điểm này vẫn liên tục trao đổi ý kiến. Đó là những ngày đầu tiên trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ ở miền Bắc; vấn đề cách đánh của bộ đội ra-đa còn đang hình thành trong thời kỳ đầu cuộc chiến tranh, những vấn đề nảy sinh trong chiến đấu cần nghiên cứu trao đổi để khẳng định. Trong năm 1965 địch đánh vào các trận địa ra-đa của trung đoàn 290 ở Quân khu 4 đại đội 11, 12, 13) sau đó đánh vào trận địa ra-đa của Đại đội 19 ở trên đồi Sầm Sơn, tiếp đó đến tháng 6, tháng 8, tháng 9 năm 1965 địch đánh vào trận địa ra-đa của đại đội 36 trung đoàn 292 ở Nà Sản, Tây Bắc, trận địa của đại đội 37 ở biên giới Việt - Lào.

Đó là những trận địa ra-đa bố trí ở các điểm đột xuất lộ rõ trên các địa hình, chiến đấu trong thời bình, địch trinh sát chụp ảnh được nên đánh phá hệ thống này, đã gây trở ngại đầu tiên cho địch khi vào đánh miền Bắc.

Từ sau đó 1966 trở đi cho đến khi kết thúc cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ lần thứ nhất (1965 - 1968), trong các năm 1966 - 1967 địch đánh vào Hà Nội, Hải Phòng liên tục nhưng rút kinh nghiệm các lần trước, Quân chủng đã cho phép các trung đoàn ra-đa được quyền di chuyển trận địa các đại đội của mình khi cần thiết, miễn là bảo đảm trực ban chặt chẽ liên tục thay phiên, không làm ảnh hưởng đến trường ra-đa chung cả nước; mà không cần xin phép Quân chủng; chỉ cần báo cáo cho biết ngày hôm trước về tổng trạm ra-đa để cắt lịch trực ban ngày hôm sau không trùng vào đại đội di chuyển. Ngược lại các đại đội ra-đa chỉ được quyền đề nghị di chuyển trận địa, phải được lệnh của trung đoàn để bảo đảm có được

đại đội khác thay thế.

Với sự phân công quyền hạn như trên, suốt từ năm 1965 đến năm 1975, với cách đánh cơ động di chuyển trận địa bí mật bất ngờ, trường ra-đa cảnh giới phòng không của Quân chủng Phòng không - Không quân vừa tác chiến phát hiện địch, các loại mục tiêu của địch, vào đánh miền Bắc ở trên không, bảo đảm cho các lực lượng phòng không ba thứ quân sẵn sàng chiến đấu và phòng không nhân dân phòng tránh. Ngược lại các trận địa ra-đa ít bị địch phát hiện đánh vào trận địa của mình như những thời gian đầu của năm 1965.

Địch mở chiến dịch “Sấm rền” bắt đầu đánh vào hệ thống ra-đa miền Bắc, ngày 23-3-1965 máy bay Mỹ đánh vào trận địa đại đội 11, trung đoàn 290 tại đồi 32 Chấp Lễ, Vĩnh Linh.

Sau ngày 7 tháng 8 năm 11 tháng 2 năm 1965 và đợt hoạt động của máy bay Mỹ từ vĩ tuyến 19 trở vào, máy bay bị bắn rơi ngày càng nhiều, giặc lái bị bắt sống, không gây được bất ngờ trong các trận chiến đấu đối với lực lượng phòng không ba thứ quân của ta. Trận nào địch đến đều bị đánh quyết liệt ngay từ phút đầu, bị thiệt hại lớn.

“Tổng thống Mỹ Giôn-xơn buộc phải ra lệnh ngừng đánh phá, họp hội đồng an ninh quốc gia để đánh giá lại tình hình phòng không miền Bắc Việt Nam và tìm cách đối phó” (Dẫn theo: Lịch sử quân chủng Phòng không, sdd, tr.23) Giới cầm quyền Mỹ cho rằng trở ngại chính cho các phi vụ, trước hết là hệ thống ra-đa của miền Bắc, nên quyết định mở chiến dịch đánh phá các trận địa ra-đa ở nam Quân khu 4 nhằm “đập tan hệ thống thần kinh điện tử của Bắc Việt Nam”.

Đó là sau này chúng tôi mới biết, sau các trận đánh của máy bay địch vào các đại đội 11, đại đội 12 đã xảy ra.

Cũng trong thời gian cuối tháng 2 đầu tháng 3 năm 1965, với âm mưu trên, địch tăng cường trinh sát chụp ảnh liên tục các trận địa ra-đa từ Vĩnh Linh, Quảng Bình, Hà Tĩnh bằng máy bay RF-101, máy bay U-2, bay ở tầng thật thấp và tầng rất cao.

Đại đội 11 ở Vĩnh Linh được trang bị 4 khẩu 14 ly 5 hai nòng từ trước đã có hai khẩu, sau ngày 7-2 lại được trang bị thêm hai khẩu nữa vì địch đã đánh Quảng Bình - Vĩnh Linh, Quân chủng đã tăng cường hỏa lực để bảo vệ cho đại đội 11 và đại đội 12. Nhưng sau ngày 17-3 Quân khu 4 trực tiếp điều hai khẩu 14 ly 5 của đại đội 11 đưa xuống tàu chở ra đảo Cồn Cỏ ngay lập tức bổ sung cho đảo, tất cả súng và pháo thủ đều điều đi.

Mở đầu chiến dịch “Sấm Rền” sau một thời gian trinh sát bằng các loại máy bay có người lái và không người lái, chụp ảnh và quan sát trực tiếp; địch bắt đầu đánh vào đảo Cồn Cỏ, tưởng rằng ở đó có trạm ra-đa hải quân. Trong một số ngày liên tục, hỏa lực phòng không ở đó bắn trả quyết liệt, hai khẩu đội 14 ly 5 của đại đội 11 vừa ra đã tham gia trực tiếp chiến đấu với anh em đảo Cồn Cỏ.

Buổi sáng ngày 23 tháng 3 năm 1965, một máy bay trinh sát RF-101 bay qua trận địa đại đội 11, đại đội đã báo cáo bằng mật ngữ lên sở chỉ huy trung đoàn.

Giao ban buổi sáng dự kiến địch sẽ đánh vào trận địa đại đội 11 nên đã điện bằng mật ngữ và cơ yếu hai đường chỉ thị cho đại đội 11 chiến đấu trực tiếp sẵn sàng đánh địch, trực ban mở máy không được gián đoạn.

Đúng phiên ban của đại đội 11 là 12 giờ, đến 13 giờ 39 phút đại đội 11 phát hiện tình báo các đường bay địch từ Cửa Việt lên sở chỉ huy trung đoàn và liên tục sau năm phút đường bay vòng lên tiếp trên khu vực Vĩnh Linh và trên đầu đại đội 11; sở chỉ huy trung đoàn nhận được mật ngữ phát nhanh của đơn vị báo cáo: “Địch oanh tạc vào trận địa” và “nhà ở bị cháy”, “bom nổ vào trận địa”, mặt khác trên bàn đánh dấu của trung đoàn, các đường bay của đại đội 11 vẫn phát liên tục vì vậy cũng yên tâm đại đội 11 vẫn chiến đấu vừa trên không vừa ở mặt đất.

Những tình báo máy bay địch và các tình huống địch ném bom vào trận địa đại đội 11 được phát liên tục về sở chỉ huy Quân chủng. Liên tiếp nhiều tốp máy bay địch bay vào đánh đại đội 11 và thị trấn Hồ Xá.

Sau một giờ kết thúc trận đánh, đại đội 11 báo cáo bằng mật ngữ về sở chỉ huy trung đoàn 290 “Hai chiến sĩ hy sinh, đại đội phó bị thương, ra-đa 513K bị hỏng nặng không chiến đấu được nữa”. Trung đoàn cũng phát lại bằng mật ngữ yêu cầu báo cáo về trung đoàn bằng điện cơ yếu ngay, chuẩn bị chiến đấu cho những ngày tiếp theo.

Buổi giao ban chiều của trung đoàn, các thủ trưởng trung đoàn và cơ quan

cũng không cần phải đợi điện cơ yếu của đại đội 11 mà bàn ngay các vấn đề phải giải quyết:

- Cử một đoàn cán bộ cơ quan vào giúp đại đội 11 giải quyết hậu quả về thương binh liệt sĩ, về quân y, về thông tin cũng như sửa chữa ra-đa để chiến đấu hoặc kéo về đưa đi xưởng sửa chữa lớn.

- Giáo dục động viên đại đội 11 củng cố lại lực lượng, duy trì chiến đấu liên tục trong tình hình mới.

- Rút kinh nghiệm trận đánh tại chỗ, thống kê lại các tình huống cũng như bom đạn địch các hướng đánh vào trận địa, phương pháp chỉ huy và tổ chức chiến đấu, cấp cứu thương binh liệt sĩ, phối hợp chiến đấu với các lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương; tất cả các nội dung này phải được tổng kết bằng văn bản để phổ biến cho các đơn vị của trung đoàn.

- Nắm lại tình hình hư hỏng ra-đa P10 của đại đội 11 để có thợ sửa chữa đi theo đoàn cùng với đại đội 11 sửa chữa bộ phận vận hành, gia cố lại để có thể hành quân về xưởng sửa chữa của Cục Quân giới. Đề nghị Quân chủng bổ sung cho đại đội 11 máy ra-đa P10 khác, nếu không có thì đề nghị lấy máy ra-đa P10 của đại đội 17 dự bị hiện nay ở Hương Khê thay thế cho đại đội 11.

- Điện cho đại đội 12 ở Đồng Hới biết tình hình địch đánh đại đội 11, nhắc đại đội 12 phải ngưng trang kìn pháo trận địa hiện đang chiến đấu; tất cả những gì còn lại ở trận địa Lộc Đại cũ, phải rút đi hết; thế nào ngày tiếp theo địch sẽ đánh tiếp đại đội 12, phải chuẩn bị chiến đấu với máy bay địch và trực ban trên không nghiêm mật.

Thực tế sau này, điện báo cáo cơ yếu của đại đội 11 về trung đoàn, máy ra-đa P10 bị hỏng nặng sập mất ca bin của ra-đa không thể chiến đấu được. Quân chủng Phòng không - Không quân đồng ý với trung đoàn 290 cho phép lấy ra-đa P10 của đại đội 17 đưa vào thay thế cho đại đội 11.

Ngay tối hôm sau 24 tháng 3 năm 1965 cơ quan tham mưu cử trợ lý chỉ huy đài trưởng và trắc thủ của Đại đội 17 hành quân vào Đại đội 11 để bổ sung ra-đa chuẩn bị chiến đấu.

Các ngày sau, đoàn kiểm tra của trung đoàn trở về sau khi tổng kết rút kinh nghiệm với Đại đội 11, đã thấy các vấn đề chuẩn bị chiến đấu từ trước rất quan trọng, nhờ có hầm hào chuẩn bị sẵn trong các tháng cuối năm 1964 nên khi bị địch đánh vào trận địa khốc liệt như trên, trong một diện tích chiều ngang hơn 100m chiều dài 200m đối với doanh trại đại đội 11 rất tập trung, mật độ bom đạn dày đặc 50 quả bom phá, 1000 quả rốc két đánh vào trận địa, bộ đội vừa trực ban trên không vừa bắn trả máy bay địch; trong chiến đấu chỉ hy sinh hai đồng chí (một ở trên đài quan sát và một xạ thủ súng 14 ly 5) hai đồng chí bị thương nhẹ vào phần mềm, một máy ra-đa bị hỏng, còn tất cả đều an toàn, mặc dù công sự đã chiến, tất cả đắp đất và để hở không có nắp.

Bộ đội được huấn luyện trong những năm hòa bình, được rèn luyện giáo dục chu đáo kỹ năng chiến đấu khá tốt những ngày tháng huấn luyện diễn tập theo phương án tác chiến khi địch đánh vào trận địa nhiều lần với hệ thống công sự đã nêu ở trên; khi địch đánh vào trận địa, tất cả cán bộ, chiến sĩ đều về các vị trí chiến đấu trực tiếp với địch một cách trật tự, không bị rối loạn bất ngờ.

Được động viên giáo dục chính trị từ trước thường xuyên, ý thức đánh Mỹ cứu nước được thấm sâu trong tiềm thức của mọi người, trong trận chiến đấu

ác liệt như trên, cán bộ chiến sĩ đại đội 11 đều biểu lộ tinh thần quyết chiến, nhiều gương tốt xuất hiện trong trận đánh: Chiến sĩ Phan Sĩ Yêng đứng quan sát địch trên vọng quan sát, bị thương lần thứ nhất không rời vị trí, bị thương lần thứ hai ngã xuống mới chịu để anh em đưa về phía sau cho đến khi hy sinh. Trung đội 14 ly trực chiến trên súng, khi địch bổ nhào vào trận địa đã bắn ngay loạt đạn đầu vào chiếc máy bay đi đầu bốc cháy, rơi ngay xuống biển Đông. Mặc dù bị điều hai khẩu 14 ly 5 cho Cồn Cỏ, còn lại hai khẩu, trung đội này vẫn chiến đấu liên tục đánh trả máy bay địch cùng với lực lượng súng trường của đơn vị trên các giao thông hào, cùng với hỏa lực phòng không của dân quân xã Vĩnh Chấp bắn chi viện cho trận địa đại đội 11.

Giữa trận chiến đấu, súng 14 ly 5 bị đồ nòng, các pháo thủ cởi áo chập lại tháo nòng cũ thay nòng mới, áo bị cháy tất cả pháo thủ đều cởi trần đánh địch. Khi chiến sĩ Mạnh Trọng Hào bị thương nặng, y tá đến băng bó đưa về phía sau, các chiến sĩ pháo thủ xin bông y tế nhét vào tai để hạn chế tiếng bom nổ và rốc két, nhìn theo cờ hiệu của trung đội trưởng mà nổ súng. Sau này kết thúc chiến đấu, kiểm tra lại trận địa, ngoài các hố bom địch đã nổ trên mặt đất còn lại hai quả bom của Mỹ, bị lật nghiêng nằm ngang trên mặt đất, trên thân bom còn có viên đạn 14 ly 5 dính vào vỏ bom, chứng tỏ hai quả bom này bị trung đội 14 ly 5 bắn trúng, lật nghiêng rơi ngang xuống đất không nổ.

Trên máy ra-đa 513K mặc dầu bom nổ xung quanh nhưng kíp trắc thủ trực ban vẫn đo báo các thông báo máy bay địch về sở chỉ huy, các chiến sĩ báo vụ và tiêu đề hầm bị sập chèn lên bàn công tác vẫn liên tục gõ maníp phát thông tin máy bay địch về trung đoàn.

Các cán bộ chỉ huy đều có mặt tại vị trí với chiến sĩ; đại đội trưởng Lan ở trong sở chỉ huy đại đội, đại đội phó Nị ở đài ra-đa với trắc thủ, bị thương ở phần mềm băng bó xong vẫn ở lại chiến đấu; chính trị viên phó Diệp ở với tất cả chiến sĩ đang đánh trả máy bay địch trên giao thông hào.

Đại đội 11 không chiến đấu đơn độc, bên cạnh đó lưới lửa phòng không của dân quân và nhân dân xã Vĩnh Chấp, các xã bên cạnh dùng đại liên, trung liên và súng trường K44 bắn chi viện trực tiếp khi địch bổ nhào vào trận địa đại đội 11; “Trong trận chiến đấu này, đại đội 11 đã hoàn thành nhiệm vụ, vừa phát hiện thông báo vừa kiên cường chiến đấu tiêu diệt địch bảo vệ trận địa, góp phần cùng quân dân Vĩnh Linh bắn rơi 7 máy bay Mỹ” (25 năm chiến đấu của bộ đội ra-đa trinh sát trên không trang 49...).

Sau khi kết thúc trận đánh, dân quân và nhân dân xã Vĩnh Chấp do đồng chí bí thư, chủ tịch và xã đội trưởng vào đại đội 11 giúp dập tắt các đám cháy, cứu chữa thương binh, thu dọn doanh trại; xe cứu thương của bệnh viện Vĩnh Linh đến ngay trận địa cùng với đại đội 11 đưa các đồng chí thương binh về bệnh viện huyện cứu chữa Buối tối đại đội 11 và Đảng bộ cùng nhân dân xã Vĩnh Chấp truy điệu, tiễn đưa các liệt sĩ Phan Sĩ Yên, Mạnh Trọng Hào về nơi an nghỉ cuối cùng. Liên tiếp nhiều ngày sau, dân quân và thanh niên nam nữ của địa phương còn vào giúp đại đội 11 cùng với cán bộ chiến sĩ đơn vị sửa chữa lại công sự hầm hào, nguy trang lại trận địa, san lấp các hố bom đạn, che chắn lại nhà cửa bị đột nát hư hỏng cháy sập để đơn vị chuẩn bị chiến đấu tiếp.

Ngày hôm sau, đoàn của trung đoàn kịp đến giúp đại đội 11 giải quyết chính sách thương binh liệt sĩ, giải quyết quân trang và tài chính, chi viện thêm cơ sở thuốc cứu chữa thương binh; thợ sửa chữa xe và ra-đa, sửa chữa và kéo xe ra-đa hỏng về xưởng sửa chữa, đưa xe ra-đa P10 của đại đội 17 vào trực ban thay thế.

Trận chiến đấu của đại đội 11 chỉ mới bước đầu, liên tiếp các ngày sau địch tập trung đánh vào các đại đội 12, 13 ở Đồng Hới và Hà Tĩnh của trung đoàn 290.

Ngày 24 tháng 3 năm 1965 máy bay Mỹ đánh vào trận địa ra-đa của đại đội 12 ở Lộc Đại, Đồng Hới.

Sau trận chiến đấu của đại đội 11 diễn ra ngày 23-3-1965, ngay chiều hôm đó trung đoàn đã điện cho đại đội 12 biết địch sẽ đánh tiếp vào đại đội 12 ở Lộc Đại với hai yêu cầu:

- Tất cả những gì còn lại ở trận địa cũ phải rút hết, không được để bị địch đánh hỏng.

- Đối với trận địa mới hiện đang chiếm lĩnh ở Chánh Hòa phải nguy trang cẩn thận hằm hào, phải được củng cố bố trí hỏa lực bắn máy bay địch sẵn sàng đánh trả; hiệp đồng với dân quân địa phương để chiến đấu và bảo đảm chiến đấu, thông báo tình báo máy bay địch vào đánh Lộc Đại và Đồng Hới liên tục cho các đơn vị hỏa lực và tinh đội Quảng Bình không được để bất ngờ.

Sáng ngày 24 tháng 3 năm 1965, trung đoàn 290 nhận được điện cơ yếu của đại đội 12 báo cáo đã rút hết tất cả những gì có ở trận địa cũ, ở trận địa mới Chánh Hòa đã đào công sự cho ra-đa máy nổ, cho người, sẵn sàng chiến đấu.

Đúng như dự kiến sương mù buổi sáng đến 9 giờ, trời tắt dần lên, 11 giờ đại đội 12 trực ban phát hiện nhiều tốp máy bay Mỹ từ Bắc Huế trên biển bay liên tiếp ra miền Bắc; lực lượng phòng không Đồng Hới đã sẵn sàng, các đại đội 13 và đại đội 11 được lệnh mở máy tăng cường phát hiện tiếp các đường bay địch trên biển. Đúng 11 giờ 20 phút đại đội 12 báo cáo về trung đoàn,

địch đánh vào trận địa Lộc Đại cũ và đánh vào thị xã Đồng Hới.

Các lực lượng phòng không ba thứ quân của Quảng Bình, Đồng Hới chiến đấu nổ súng quyết liệt, sau 45 phút chiến đấu bắn rơi 2 máy bay Mỹ. Ở Đồng Hới vẫn có đủ lực lượng chiến đấu của ngày 11 tháng 2 năm 1965, tiểu đoàn 8 học viên pháo cao xạ, các hạm tàu hải quân ở trên sông Nhật Lệ, tiểu đoàn pháo phòng không của Sư đoàn 325. Cùng với lực lượng bắn máy bay tầm thấp của thị xã Đồng Hới tạo thành lưới lửa phòng không bắn máy bay địch rất hiệu quả.

Thực tế sau này đại đội 12 báo cáo bằng điện cơ yếu và đoàn cán bộ của trung đoàn từ đại đội 11 ra có ghé vào đại đội 12 để nắm tình hình chiến đấu, về lại trung đoàn báo cáo. Trận chiến đấu ngày 24 tháng 3 năm 1965 ở Lộc Đại diễn biến gọn mà thôi. Trong 45 phút chiến đấu, địch huy động 24 máy bay của hải quân Mỹ vào đánh đại đội 12, chia làm nhiều tốp, nhưng khi tốp đi đầu ném bom (12 quả vào đại đội 11 ở trận địa Lộc Đại và bắn rốc két vào doanh trại) địch thấy không có hỏa lực bắn trả, không có người vì vậy các tốp sau không ném bom vào đó nữa mà quay ra đánh vào thị xã Đồng Hới.

Đại đội 12 ở trận địa mới Chánh Hòa hơn một tháng nay vẫn trực ban liên tục, địch trinh sát nhiều lần, vẫn không thấy, tưởng vẫn ở vị trí cũ nên cứ tiếp tục đánh đại đội 12 sau khi đánh đại đội 11; chứng tỏ nếu cơ động ngay trang tốt trong khu vực địch trinh sát nhiều lần vẫn giữ được bí mật, mặc dù ăng ten của ra-đa vẫn quay liên tục khi trực ban chiến đấu.

Dự đoán ngày hôm sau địch cũng đánh vào đại đội 13 ở Hà Tĩnh và thực tế ngày 26 tháng 3 năm 1965 máy bay của không quân và hải quân Mỹ đã đánh vào trận địa Rú Nài. 3 giờ sáng ngày 25 tháng 3 năm 1965 đại đội 13 đã được lệnh di chuyển về trận địa dự bị ở Thạch Hà, để lại trên đỉnh Rú Nài một ăng ten bằng gỗ để nghi binh; các lực lượng phòng không gồm có đại đội pháo 37

cao xạ của tỉnh Hà Tĩnh, Tiểu đoàn 8 pháo 37 của học viên trường sĩ quan Phòng không cùng lực lượng súng bộ binh của dân quân địa phương quanh thị xã Hà Tĩnh đã đánh một trận phục kích thắng lợi giòn giã, 5 máy bay Mỹ bị bắn rơi. Trong trận này nhiều đơn vị được khen thưởng trong đó có đại đội 13 được thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất.

Tôi rời khỏi trung đoàn 290 ngày 4 tháng 4 năm 1965 để về Công trường 300. Đã 38 năm trôi qua. Nay tuy tuổi đã cao, nhưng những kỷ niệm sâu sắc trong thời kỳ đầu chống Mỹ cứu nước, những bộ mặt thân quen của cán bộ chiến sĩ trung đoàn trong thời kỳ đó làm sống lại ký ức những ngày đầu chuyển từ thời bình sang thời chiến của đất nước và vẫn luôn đọng mãi trong tôi.

Ngày 7 tháng 8 năm 2003

TRUNG ĐOÀN RA-ĐA 292 XÂY DỰNG, TRƯỞNG THÀNH,
CHIẾN ĐẤU GIAN KHỔ, THẮNG LỢI VẺ VANG (1962 - 1975)
PHAN ĐĂNG HOÀN

Đại tá, Nguyên trung đoàn trưởng Trung đoàn 292

Trung đoàn ra-đa 292 tức “Đoàn Tô Hiệu” được thành lập ngày 8 tháng 7 năm 1961 tại sân bay Bạch Mai - Hà Nội. Ngày 15 tháng 7 năm 1961, chúng tôi cùng trung đoàn bộ, hành quân lên Tây Bắc đóng quân ở Nà Sản. Sau gần một năm chuẩn bị cơ sở vật chất, kỹ thuật cho chiến đấu, phục vụ chiến đấu và sinh hoạt, 00 giờ 00 ngày 24 tháng 6 năm 1962, trung đoàn phát sóng canh giữ vùng trời phía Tây Hà Nội. Trung đoàn được biên chế 3 đại đội ra-đa 36, 37, 38 và một đại đội quan sát 39, vừa chiến đấu xây dựng, vừa làm kinh tế cải thiện đời sống. Từ tháng 8 năm 1962 đến tháng 8 năm 1963, trung đoàn đã khẩn trương triển khai nhiều đợt huấn luyện liên tiếp để nhanh chóng khắc

phục điểm yếu nâng cao chất lượng chiến đấu, bảo đảm ra-đa trên địa bàn rừng núi.

Những đợt huấn luyện này đã nâng cao chất lượng chiến đấu của các thành phần chủ yếu như: Trắc thủ, báo vụ, tiêu đồn, quan sát v.v... lên một bước cơ bản, sai sót lọt chậm được giảm đi rõ rệt. Nhưng khả năng phát hiện thông báo tầng thấp, tầng trung vẫn không liên tục, cự ly phát hiện không xa. Chất lượng tình báo kém chuẩn xác, không đầy đủ, thu thập tin tức tình báo chậm, thường bị bất ngờ lọt mục tiêu. Trung đoàn tổ chức nghiên cứu, chọn trận địa, điều chỉnh vị trí đặt ra-đa, đài thu phát, xây dựng thêm một số trận địa chính và dự bị. Sau một thời gian điều chỉnh đội hình chiến đấu phạm vi phát hiện được mở rộng cả về cự ly và độ cao, phát hiện liên tục hơn, chính xác hơn. Trung đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu tốt hơn, nhiều trận đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Trước tình hình sinh hoạt, bộ đội đang gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, để duy trì sức chiến đấu, nhiệm vụ làm kinh tế, cải thiện bữa ăn cho bộ đội rất cấp thiết và bức xúc. Trung đoàn đã phát động đợt thi đua tăng gia sản xuất. Chỉ trong thời gian ngắn, các đại đội đã tổ chức chăn nuôi lợn, gà, bò, dê... tự túc được rau xanh. Bữa ăn được cải thiện rõ rệt. Trung đoàn bộ đã có đàn bò hơn 50 con. Sở chỉ huy, các vị trí chiến đấu, nhà ở được làm thêm, củng cố, sửa chữa khang trang hơn. Bộ đội đã yên tâm chiến đấu, công tác, học tập.

Tháng 7 năm 1968, sau khi trung đoàn tiếp nhận đại đội 35, 54, 55, 56 trung đoàn đã có 8 đại đội: 35, 36, 37, 38, 39, 44, 55, 56 và 1 đại đội chỉ huy, có đủ 3 kíp trực ban sở chỉ huy, mỗi đài ra-đa có đủ 2 kíp trắc thủ chính thức và 1 kíp dự bị. một số vọng quan sát mắt phát hiện được máy bay bay thấp của địch, lợi dụng tử giác và góc che khuất để đột nhập vào đánh Hà Nội như F111... Đây là thời kỳ mà trung đoàn 292 có một mạng lưới ra-đa cảnh giới dẫn đường hoàn chỉnh nhất trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại của không quân đế quốc Mỹ.

Công tác chiến đấu, xây dựng, sinh hoạt đã đi vào nề nếp, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu mới ngày càng nặng nề. Trung đoàn đã có điều kiện tổ chức các đợt huấn luyện quy mô và chính quy hơn. Các lớp huấn luyện tập trung trung đoàn như bồi dưỡng cán bộ chính trị, quân sự, tham mưu, hậu cần, kỹ thuật, đài trưởng ra-đa, thông tin, bồi dưỡng giáo viên được tổ chức liên tục. Cán bộ chiến sĩ luân lượt thay nhau đi học. Các lớp đào tạo, bổ túc trắc thủ, báo vụ được huấn luyện cơ bản.

Các văn bản kế hoạch huấn luyện được xây dựng một cách toàn diện, phù hợp với tình hình chiến đấu, đáp ứng yêu cầu chiến đấu. Các bản vẽ sóng vì cố định ở các tỷ lệ cự ly phát hiện của các đài ra-đa П8, П10, П30, П35, 406, 843... trên các trận địa ra đời. Các đợt thi đua huấn luyện ở các đại đội, trung đội được phát động sâu rộng trong toàn trung đoàn.

Đây là lần đầu tiên trung đoàn huấn luyện chính quy, tập trung. Các lớp huấn luyện có các nội dung như: Công tác tổ chức chỉ huy, hành quân cơ động trận địa trên địa hình rừng núi, công tác đảm bảo kỹ thuật, hậu cần, công tác tham mưu chính trị cho cán bộ đại đội.

- Các lớp đài trưởng, trắc thủ ra-đa.
- Các lớp thu phát báo, sử dụng máy vô tuyến.
- Lớp tiêu đồ bảng đứng v.v...

Đã xuất hiện một số trắc thủ có trí nhớ đặc biệt như trắc thủ Vũ Ngọc Đại ở trung đoàn 291. Họ học thuộc hàng ngàn slogan về cố định. Mỗi slogan về cố định đòi hỏi trắc thủ phải thuộc lòng 4 nhóm số phương vị, cự ly với 12 con số khác nhau. Nhờ vậy họ nhanh chóng phân biệt được slogan về mục tiêu với slogan về cố định, thông báo được liên tục, kịp thời, chuẩn xác các hoạt động của máy bay địch, máy bay ta về sở chỉ huy đại đội, trung đoàn và các đơn vị hiệp đồng, không để bị bất ngờ, giảm được sai, sót, lộn, chậm.

Lần đầu tiên báo vụ được huấn luyện tập trung, lớp này đến lớp khác. Nhân viên sở chỉ huy được học tập ngay trong sở chỉ huy vừa chiến đấu vừa huấn luyện.

Sau đợt huấn luyện đợt kích này, trình độ chiến đấu được nâng lên một bước cơ bản, có thể đáp ứng được nhiệm vụ chiến đấu trên địa hình rừng núi trong tình huống thông thường, khẩn cấp, nhiều tổ mục tiêu, nhiều độ cao khác nhau.

Nhiều đợt hội thao ở trung đoàn, nhiều tập thể đại đội đài ra-đa, sở chỉ huy đại đội lập thành tích xuất sắc. Từ đó chất lượng chiến đấu ngày càng tiến bộ nhanh chóng hơn, có thể đáp ứng được những tình huống phức tạp hơn.

Một công việc hết sức cơ bản, cấp bách và quan trọng nhằm tăng cường khả năng phát hiện ra-đa, thông tin, đảm bảo nhanh, xa, đúng, đủ, liên tục ở các độ cao, hướng chủ yếu mục tiêu chủ yếu... Nó còn là yếu tố cơ bản để khắc phục sai, sót, lộn, chậm. Đó là công tác trận địa. Phải tiến hành đo, vẽ, lập hồ sơ từng trận địa đang chiến đấu, xác định cho được phạm vi phát hiện thực tế mà đánh giá được khả năng phát hiện lý thuyết và thực tế trên từng hướng nhất là hướng chính. Ngoài hệ thống trận địa chính, phải có các trận địa dự bị, phục vụ cho sự phát triển của trung đoàn và bảo đảm liên tục chiến đấu trong mọi tình huống.

Chúng tôi lại cùng một số trợ lý tác huấn, trợ lý thông tin, hậu cần kỹ thuật cõm đùm cõm nã lên đường, len lỏi trong rừng sâu, leo trèo lên các đỉnh núi cao xác định vị trí đặt đài, đo đạc mặt phản xạ, vẽ sơ đồ trận địa, xác định khả năng phát hiện, thông tin thông báo, hậu cần kỹ thuật, đường cơ động v.v...

Đặc điểm địa hình rừng núi, nhiều tử giác, nhiều góc che khuất lớn, nên phát hiện thông báo không liên tục khó phát hiện mục tiêu tầng thấp.

Muốn vươn xa cánh sóng, phát hiện tầng thấp phải đưa máy lên cao. Chúng tôi đã thí điểm đưa đài П15, đài cõng kênh như П30, П35, ПPB 11 để phát hiện tầng thấp và dẫn đường cho máy bay ta chiến đấu. Đưa ra-đa lên trận địa trên núi cao là công việc rất khó khăn phức tạp tốn nhiều công sức. Chúng tôi lại phải trèo đèo lội suối lên tận các đỉnh cao. Những đỉnh núi có độ cao từ 2900m trở xuống đều có bàn chân của đội công tác tìm trận địa của chúng tôi như đỉnh Long Cú, Păngxipăng con, Pù kéo Phó ở Tây Nam v.v...

Cứ như vậy chúng tôi rong ruổi hàng tháng trời hết đỉnh núi này đến đỉnh núi khác, huyện này sang bản khác. Những chỗ trống trên sơ đồ phát hiện lý thuyết dần dần được bổ sung, công tác xây dựng trận địa lại càng gian khổ, có hãm làm hàng tháng với sự hiệp đồng của hàng trăm bộ đội và dân quân địa phương liên tục giúp đỡ không quản mưa rét thiếu thốn.

Sau khi được Bộ Tư lệnh Quân chủng phê duyệt, chúng tôi lại lập kế hoạch xây dựng trận địa khó khăn phức tạp nhất là làm đường kéo máy lên trận địa. Có trận địa phải làm 5 đến 6km đường mới như Quảng Bạ, Pù kéo Phó... Đường dã chiến nhưng phải đủ rộng, có độ dốc và độ ngoặt cho phép đảm bảo an toàn cho xe máy khi lên xuống dốc. Sau khi xác định đội hình bố trí

lại phải san bằng mặt đồi đặt sở chỉ huy, ra-đa và các khí tài khác, làm công sự giao thông hào cũng là một công việc khá gian nan vất vả. Chúng tôi phải huy động hàng trăm bộ đội, dân quân và nhân dân địa phương làm hàng năm trời mới xong một trận địa. Cứ thế tháng này qua tháng khác, năm này qua năm khác, xong trận địa này đến trận địa khác, chúng tôi lăn lộn ngày đêm, chẳng quản nắng mưa, rét buốt cùng với xe máy, xẻng, cuốc đất đá dốc sức thi đua hoàn thành đúng tiến độ thi công.

Việc kéo máy lên trận địa trên cao thì thật là nguy hiểm vì đường dã chiến, mặt đường đất đá lởm chởm, độ rộng chỉ đủ cho bánh xe lăn, một bên vách núi, một bên vực sâu độ dốc lớn, độ ngoặt gấp khúc. Xe máy phải nhích từng bước, mỗi bước nhích lên là một bước phải chèn bánh xe. Cứ thế nhích dần cho đến mặt bằng trận địa. Có trận địa phải leo đến 2 - 3 ngày mới tới vị trí đặt đài như trận địa Pù kéo Phó, Quảng Bạ... Cán bộ, chiến sĩ quên cả ăn uống, chẳng quản nắng mưa, ngày đêm. Chỉ lo làm sao an toàn cho người và khí tài trang thiết bị.

Việc kéo máy lên cao đã gian nan vất vả thì việc rút khỏi trận địa lại càng nguy hiểm không kém. Việc bảo đảm hậu cần, xăng dầu, gạo nước, thực phẩm cũng không kém phần vất vả. Mỗi đại đội phải biên chế một tiểu đội vận tải để hàng ngày lên xuống gửi xăng dầu, gạo, nước, thực phẩm với hàng ngàn bậc thang dốc đứng.

Năm tháng chiến đấu cùng trận địa qua đi hết mùa mưa này đến mùa mưa khác kéo dài liên tục hàng tháng. Nước từ các sườn núi trút xuống làm đường lên trận địa bị xói mòn, sạt lở. Những trường hợp rút khẩn cấp khỏi trận địa, không kịp sửa đường hoặc sửa vội. Những lúc như thế cán bộ, chiến sĩ ăn không ngon, ngủ không yên. Suốt đêm ngày lo chuẩn bị kiểm tra đảm bảo an toàn, kịp thời gian, đảm bảo chấp hành nghiêm mệnh lệnh chiến đấu. Máy cồng kềnh, nặng nề, cao lênh khênh như П30, ПPB 11, 843 phải có máy kéo, xe tự hành như П12, П10, П15 khi xuống dốc máy kéo vừa kéo vừa ghìm. Máy kéo ghìm sau bằng dây cáp sắt. Có lúc phải dùng dây cáp mềm ghìm

vào các gốc cây to bên lề đường và cứ thế máy từ từ tuột xuống dốc từng gang tấc. Những lúc ban đêm, đèn xe, đuốc lấp loáng, sẫm một chút máy có thể lặn xuống vực sâu. Cứ như thế mà tuột hết dốc này qua dốc khác, núi này qua núi khác, hết máy này đến máy khác lần lượt xuống dốc. Đến đường bằng mọi người mới thở phào như đã qua một tai nạn hiểm nghèo.

Biết bao gian nan vất vả đến với cán bộ chiến sĩ ra-đa trung đoàn 292 chiến đấu trên địa hình rừng núi, trên đỉnh núi cao.

Những thử thách gian truân này tạo cho trung đoàn 292 những yếu tố quyết định thắng lợi trong chiến đấu.

Năm 1964, đế quốc đưa chiến tranh phá hoại ra miền Bắc, tháng 8 năm 1965 chúng đánh phá Tây Bắc. Nhờ công tác nguy trang tốt, nhiều lần địch trinh sát trận địa cũng khó phát hiện nổi. Một số trận địa giả được dựng lên thu hút được sự chú ý của máy bay địch. Nhờ vậy chúng ta đã bảo toàn được các trận địa ra-đa. Trận địa C37 ở Pa Háng làm nhiệm vụ phát hiện máy bay địch từ xa ở hướng Tây Nam, Tây Bắc Hà Nội, dù trường hợp nào cũng phải bám trụ chiến đấu với máy bay địch. Ngoài trung đội 12,7 ly được biên chế, đại đội còn được tăng cường một đại đội pháo cao xạ 37 ly bảo vệ. Địch dùng máy bay U2, SR 71, F111 trinh sát trước liên tục hàng tuần lễ và đã phát hiện được vị trí đại đội. Ngày 16 tháng 8 năm 1965 chúng bắt đầu đánh phá vào trận địa, trung đội 12,7 đã cùng đại đội 37 ly của Quân khu 2 đánh trả quyết liệt và đã bắn rơi một F105 bắt giặc lái trong khi nó lao xuống đánh phá trận địa Đại đội 37. Nhiều lần ra-đa 406 bị đánh trúng, bom chặt đứt xích quay anten. Cán bộ, chiến sĩ đã không quản bom đạn, nhảy khỏi công sự dùng sức người quay anten. Các tình báo máy bay địch vẫn được ra-đa 406 phát hiện và thông báo đi liên tục kịp thời về sở chỉ huy đại đội, trung đoàn, Bộ Tư lệnh Quân chủng và các đơn vị hiệp đồng. Nhiều gương chiến đấu dũng cảm xuất hiện. Xạ thủ 12,7 ly Đào Công Trực, Đoàn Văn Mơ của đại đội 37 đã anh dũng hy sinh trên trận địa 37 ở đất Pa Háng kiên cường này.

Vừa chiến đấu, vừa xây dựng, trung đoàn 292 đã không ngừng lớn mạnh về mọi mặt cả về số lượng đơn vị trang thiết bị, chất lượng chiến đấu, khả năng phát hiện và thông báo. Cánh sóng ra-đa của trung đoàn 292 đã vươn xa hơn, vượt sông Mê Kông qua Thái Lan, phát hiện địch từ Thái Lan bay vào Tây Bắc, Hòa Bình đánh vào Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Quân khu 4 ở cự ly xa từ 220km đến 380km, từ độ cao 18km đến 4 - 5km. Đài П15 và vọng quan sát mắt cũng đã phát hiện được ở độ cao 3 đến 5km. Tất cả các loại đài ra-đa có trận địa tốt hơn đều đã tăng khả năng phát hiện ở các cự ly và độ cao như П30, П10, П12, ППБ 11, 406, 843.

Trên hướng Bắc, cánh sóng ra-đa của trung đoàn đã trùm lên biên giới Việt - Trung đến quá Mông Tự, Quảng Tây, Trung Quốc. Các máy bay như U2, SR 71, F105, F111 xâm nhập không phận trung đoàn phụ trách đều không thoát khỏi mắt thần của trung đoàn 292.

Từ đây Bộ tư lệnh Quân chủng yên tâm có một trung đoàn ra-đa 292 canh giới và dẫn đường canh giữ vững chắc bầu trời. Tây Nam, Tây, Tây Bắc, Bắc và Đông Đông Bắc Hà Nội.

Biết bao gian nan vất vả đến với cán bộ, chiến sĩ trung đoàn 292. Những thử thách đầy gian truân này đã mang lại những chiến công vẻ vang cho trung đoàn và Quân chủng.

Một thời kỳ xây dựng trưởng thành nhanh chóng, chiến đấu gian khổ, nhưng chiến thắng vẻ vang đã góp phần xứng đáng cùng quân dân cả nước đánh thắng không lực Hoa Kỳ, thống nhất Tổ quốc.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, trung đoàn đã phát hiện hàng chục vạn tốp mục tiêu, thông báo chính xác kịp thời phục vụ cho lực lượng Phòng không - Không quân và Phòng không nhân dân tiêu diệt máy bay địch và phòng tránh. Trong chiến dịch 12 ngày đêm (tháng 12 năm 1972) trung đoàn đã phát hiện chính xác B-52 từ hướng Tây đánh vào Hà Nội, góp phần làm nên chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không”.

Bằng súng máy cao xạ 14,5 ly và 12,7 ly trung đoàn đã chiến đấu bắn rơi 15 máy bay Mỹ, bắt giặc lái. Với những thành tích trên, trung đoàn đã xứng đáng được tặng thưởng 1 huân chương Quân công hạng Ba, 1 huân chương chiến công hạng Nhất, 1 huân chương Chiến công hạng Nhì, 14 huân chương Chiến công hạng Ba. Trung đoàn 292 và đại đội ra-đa 37 được tuyên dương Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang.

Sau khi đất nước hoàn toàn thống nhất, trung đoàn vẫn phát huy được truyền thống xây dựng, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu cao cùng với các đơn vị trong binh chủng góp phần xứng đáng phát huy truyền thống vẻ vang của Binh chủng Ra-đa anh hùng.

Tháng 3 năm 2003

NHỮNG NGÀY ĐÊM SÔI ĐỘNG CỦA TRUNG ĐOÀN 291

BINH CHỦNG RA-ĐA

ĐỖ VĂN NĂM

Đại tá, Nguyên trung đoàn trưởng Trung đoàn ra-đa 291

Trung đoàn ra-đa 291 được thành lập từ tháng 6 năm 1960 với mật danh “Đoàn Ba Bê”, đơn vị truyền thống số 1 - Trung đoàn anh cả của bộ đội ra-đa

Việt Nam.

Chúng tôi là cán bộ, chiến sĩ của trung đoàn, vinh dự, tự hào được Đảng ủy Quân chủng Phòng không - Không quân và Binh chủng Ra-đa lãnh đạo, giáo dục, xây dựng, trưởng thành, lớn mạnh về mọi mặt, vượt khó khăn, hoàn thành mọi nhiệm vụ cấp trên giao cho. Đoàn kết, hiệp đồng phục vụ cho các lực lượng không quân, tên lửa, cao xạ, phòng không nhân dân. Phòng tránh, đánh địch kịp thời trong chiến dịch phòng không 12 ngày đêm ở Hà Nội, Hải Phòng “Điện Biên Phủ trên không”.

Đối tượng tác chiến của Binh chủng Ra-đa và Trung đoàn 291 là lực lượng không quân đế quốc Mỹ, được trang bị vũ khí phương tiện hiện đại, được cải tiến nhanh chóng, sát với chiến trường như trinh sát tầng cao BQM34, SR71 tốc độ cao bay nhanh trên 10 km/h, máy bay ném bom chiến thuật F4, F111, ném bom chiến lược B-52 cải tiến hệ thống gây nhiễu nặng, một chiếc B-52 trang bị 15 máy gây nhiễu. Chúng còn dùng nhiều loại tên lửa chống ra-đa như tên lửa Sơ rai.

Ngoài phương tiện kỹ thuật hiện đại, không quân Mỹ còn có những thủ đoạn chiến tranh hết sức nham hiểm, xảo quyệt, trong đó gây nhiễu điện tử chống ra-đa là thủ đoạn vô cùng lợi hại đã gây cho ta không ít khó khăn.

Đứng trước đối tượng tác chiến như vậy và theo yêu cầu nhiệm vụ trên đề ra cho trung đoàn là “vạch nhiễu tìm thù” phát hiện nhiễu tìm B-52 xa, nhanh, chính xác phục vụ cho các lực lượng phòng không và dẫn đường cho không quân đánh không quân địch. Trung đoàn đã nhiều năm chiến đấu có kinh nghiệm thực tế, cán bộ, chiến sĩ tác chiến cũng nâng lên một bước, nhưng với những yêu cầu chiến đấu tới còn phải chuẩn bị mọi mặt, cao hơn.

Đảng ủy, Ban chỉ huy trung đoàn chủ trương hai nhiệm vụ tác chiến huấn luyện kết hợp chặt chẽ, thực tế trong tác chiến rút ra để huấn luyện, tranh thủ thời gian huấn luyện. Trọng tâm huấn luyện là vạch nhiều tìm B-52, trong học tập trắc thủ kíp ra-đa, học thuộc hàng ngàn sóng về cố định, địa hình, hàng chục loại nhiễu của B-52, RB66, F4, nhiễu của các phương tiện mặt đất và nhiễu của tàu biển, trong nhiễu như vậy tìm ra B-52 ở đâu, sóng về B-52 như thế nào?

Nói thì dễ nhưng xác định đúng thì ít, tuân thủ hoàn chỉnh, học được đầy đủ. Còn cán bộ thì xử trí sao cho chính xác, chỉ huy hợp đồng thành thạo, các thành phần trong sở chỉ huy như báo vụ, tiêu đồ cũng thành thạo, thao tác chính xác, hiệp đồng trên dưới, các thành phần phục vụ đều cố gắng nỗ lực để hoàn thành tốt.

Đến tháng 12 năm 1972, tình hình chiến đấu hết sức khẩn trương, địch chủ trương đánh từ vĩ tuyến 20 trở vào Nam, Quân khu 4, trung đoàn nằm trong trung tâm đánh phá của địch. Đại đội 45 chủ lực của trung đoàn cũng bị địch ném bom B-52 sát trận địa và địch dùng tên lửa Sơ rai đánh anten và ống dẫn sóng PRV11 bị hỏng.

Trong lúc này cấp trên thông báo cho biết Bộ chỉ huy không quân chiến lược Mỹ tiến hành tổ chức lực lượng đặc biệt gồm các phi đội máy bay rút trong 3 tập đoàn không quân số 7, 8 và 13. Chúng cấp tốc thành lập lâm thời số 57 để chỉ huy 3 liên đội máy bay B-52 gồm 193 chiếc và 250 tổ lái ở Giam và U-ta-pao. Chúng còn điều thêm 50 máy bay KC-135 từ Mỹ sang Phi-lip-pin để tiếp dầu cho B-52, điều thêm 2 tàu sân bay In-tơ- prai-dơ, Sa-ra-to-ga từ Hồng Kông, Su Bích về Vịnh Bắc Bộ, nâng tổng số máy bay ở đây lên 5 chiếc.

Từ ngày 11 tháng 12 năm 1972 chúng liên tục cho máy bay trinh sát tăng

thấp 147J, tầng cao BQM, SR71, tầng trung và tầng thấp F111 và F4 vào vùng trời Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh Bắc - Tây Bắc, Đông, Nam Hà Nội.

Trong khi đó thì tổng thống Mỹ Ních-xơn cùng phái “Điều hâu” ở Nhà trắng đang khẩn trương thực hiện âm mưu đen tối của chúng. Ngày 14 tháng 12 năm 1972 Ních-xơn chính thức thông qua kế hoạch tập kích đường không chiến lược bằng máy bay B-52 vào Hà Nội, Hải Phòng mang tên “Lai-nơ-bếch-cơ 2”, kế hoạch sẽ bắt đầu từ ngày 17 tháng 12 năm 1972 theo giờ Hà Nội ngày 18 tháng 12 năm 1972.

Lực lượng chủ yếu thực hiện kế hoạch này là 193 máy bay B-52 của không quân chiến lược Mỹ ở Guam, U-ta-pao và hơn 1.000 máy bay chiến thuật ở Đông Nam Á. Mục tiêu chiến dịch “Lai-nơ-bếch-cơ 2” là tàn phá nặng nề một số khu dân cư ở Hà Nội, Hải Phòng, gây sức ép mạnh nhất về chính trị, tâm lý và quân sự, buộc Chính phủ ta phải nối lại cuộc đàm phán ở Pa-n và chấp thuận các điều kiện có lợi cho Mỹ, phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng, ngăn chặn từ gốc nguồn tiếp tế của ta cho chiến trường miền Nam và răn đe các nước trên thế giới đang nổi dậy đấu tranh chống lại Mỹ, Nhà Trắng và Lầu Năm Góc. Với hy vọng rằng cuộc tập kích đường không chiến lược từ 3 đến 5 ngày với khối lượng bom khổng lồ trút xuống sẽ đưa Hà Nội, Hải Phòng trở lại “thời kỳ đồ đá” và chúng sẽ đạt được những mục tiêu đề ra.

Ngày 15 tháng 12 năm 1972 trung đoàn nhận được lệnh Quân chủng Phòng không - không quân và Binh chủng Ra-đa, trung đoàn vào trạng thái chiến đấu cấp 1 sẵn sàng phát hiện máy bay B-52 giúp Quân chủng chỉ đạo kịp thời đánh bại kế hoạch chiến lược của chúng ngay từ đầu.

Ngày 18 tháng 12 năm 1972 bắt đầu với sự yên tĩnh lạ thường, các phiên ban trực đều không phát nhiều cũng như mục tiêu máy bay địch. 12 giờ trưa có tốp máy bay trinh sát KNL từ biển bay vào Hải Phòng. Cùng lúc đó đại

đội 3 trinh sát điện tử ta phát hiện các tín hiệu thông tin giữa các sở chỉ huy địch tăng lên một cách bất ngờ. Đến 16 giờ giao Quân chủng, Tư lệnh Quân chủng có nhận định hiện tượng bất thường hôm nay của địch. Toàn Quân chủng phải sẵn sàng đêm nay địch có thể sẽ đánh, Tư lệnh Quân chủng nhắc lại: Ra-đa cần hết sức tập trung phát hiện B-52 từ hướng tây vào. 18 giờ 15 phút trung đoàn 290 báo về tổng trạm các đội ra-đa đang mở máy đều bị nhiễu tích cực và cường độ nhiễu tăng nhanh. Sở chỉ huy tổng trạm cho các trung đoàn tăng cường trắc thủ giỏi, phiên ban giỏi. Các sở chỉ huy sẵn sàng chiến đấu.

Tại sở chỉ huy trung đoàn 291, trung đoàn trưởng Đỗ Văn Năm trực tiếp chỉ thị cho đại đội 16 ở Diễn Châu là đơn vị mở máy theo phiên ban trực từ 18 giờ đến 20 giờ tập trung phát hiện từ phương vị 220 đến phương vị 300 độ, chú ý phát hiện B-52.

Lúc này, trên các màn hiển sóng ra-đa của đại đội 16 xuất hiện một số dải nhiễu mới. Do đã có kinh nghiệm chiến đấu trên địa bàn Quân khu 4, đại đội trưởng Trần Văn An và chính trị viên Trịnh Đình Nham đã thống nhất nhận định tình hình địch và ra lệnh cho các đài ra-đa chống nhiễu phát hiện B-52. Chỉ trong giây lát, trắc thủ đài 843 Tô Trọng Huy và trắc thủ đài 514 Phạm Quốc Hùng khẳng định ngay đó là nhiễu B-52.

Tình báo nhiễu B-52 của đại đội 16 được nữ chiến sĩ thông tin Thúy Nga ở sở chỉ huy trung đoàn thể hiện lên bảng đánh dấu đường bay. Sẵn ý định trong phương án tác chiến, trung đoàn trưởng ra lệnh mở tăng cường đài ra-đa II35 đại đội 45. Trong khi đó, thấy đài ra-đa II12 của đơn vị đang mở máy trực ban báo cáo có nhiễu B-52, đại đội trưởng đại đội 45 Đinh Hữu Thuận cũng đã ra lệnh mở máy ra-đa II35 và báo cáo lên sở chỉ huy trung đoàn.

Vốn có kinh nghiệm phát hiện B-52 hoạt động ở phía Nam Quân khu 4 từ

năm 1969, đã từng tham gia dẫn đường cho máy bay ta bắn trúng B-52 trong trận ngày 20 tháng 12 năm 1971, trực tiếp bảo đảm ra-đa cho trung đoàn tên lửa 263 bắn rơi B-52 trong trận ngày 22 tháng 11 năm 1972 và kinh nghiệm chống nhiễu phát hiện B-52 đánh khu vực Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng trong thời gian trước đó, đài trưởng Nghiêm Đình Tích cùng các trắc thủ Phạm Hoàng Cầu và Nguyễn Văn Xích đã xác định ngay những dải nhiễu B-52. Sau mệnh lệnh của đài trưởng, cả phiên ban đã thao tác quy trình chống nhiễu B-52. Chỉ trong khoảnh khắc trắc thủ số 1 Phạm Hoàng Cầu đã thông báo tình báo B-52 vào sở chỉ huy đại đội.

Những tình báo B-52 được tiểu đội trưởng tiêu đồ Nguyễn Trường Kỳ thể hiện trong bảng đánh dấu đường bay rồi được các chiến sĩ phát thanh, ghi chép, báo vụ truyền lên sở chỉ huy trung đoàn.

Ban đầu tất cả cán bộ, chiến sĩ làm tường B-52 lại tiếp tục vào đánh khu vực Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng vì đường bay này gần như trùng khít đường bay địch đã vào đánh phá khu vực này trong thời gian trước đó. Những lần ấy các tốp B-52 thường bay đến phương vị 290 độ thì vòng lại. Nhưng lần này chúng đã bay tới phương vị 300 độ và vẫn bay thẳng về phía Tây Bắc nước ta.

Do vừa mới sinh hoạt chính trị, quán triệt sâu sắc tình hình nhiệm vụ, khả năng B-52 ra đánh miền Bắc lại thấy những triệu chứng khác lạ, sau khi thống nhất với các trắc thủ, đài trưởng báo cáo với đại đội trưởng: Có khả năng B-52 vào đánh miền Bắc.

Nhận được tình báo B-52 của trung đoàn 291 giữa lúc tất cả các đài ra-đa đang mở máy của 2 trung đoàn 292, 293 bị nhiễu nặng, không có tình báo B-52. Tham mưu phó binh chủng vốn là người cẩn thận liên sử dụng đường dây hữu tuyến của ngành bưu điện trực tiếp chỉ thị cho trung đoàn trưởng trung

đoàn ra-đa 291 và đại đội trưởng đại đội 45: Có đúng là B-52 không? Có đúng B-52 bay vào miền Bắc? Chỉ thị đó được truyền ngay đến đại đội 45.

Nhìn rõ tín hiệu trên màn hiện sóng, từng tốp 3 chiếc trên dải nhiễu, lại vừa phát hiện thấy các tốp máy bay của không quân chiến thuật bắt đầu phóng nhiều tiêu cực ở phía Tây Bắc Hà Nội, đài trưởng đài ra-đa II35 báo cáo dứt khoát: Đúng là B-52. Mục tiêu đang bay vào miền Bắc. Báo cáo đó được đại đội trưởng báo cáo lên sở chỉ huy trung đoàn và truyền thẳng về tổng trạm.

Cùng lúc đó, các đài ra-đa ven biển cũng phát hiện được một tốp mục tiêu loại lớn ở độ cao 10km, đại đội 19 phát hiện 3 tốp F.4 đang bay vào Hải Phòng. Nhận được lệnh của trung đoàn 293, các đại đội 19, 24, 18 đều khẳng định đó là 3 tốp F4 làm nhiệm vụ nghi binh, thu hút ở hướng Đông.

Đường bay của 7 tốp 21 chiếc B-52 của đại đội 45 ngày càng dài thêm về phía Bắc. Đồng chí Nguyễn Quang Bích, Phó tư lệnh Quân chủng đang trực chỉ huy ở sở chỉ huy Quân chủng điện sang tổng trạm: Ra-đa có đảm bảo chắc chắn có B-52 vượt qua vĩ tuyến 20 không?

Nhằm lẫn lúc này là gây nên hậu quả lớn, là có tội với Đảng, Nhà nước và nhân dân. Do nắm chắc trình độ phát hiện mục tiêu của các đơn vị, nhất là ở đài II35 đại đội 45 nên đồng chí tham mưu phó binh chủng báo cáo dứt khoát: Đúng là B-52 đang vượt vĩ tuyến 20. Có khả năng B-52 vào đánh Hà Nội. Lập tức Tư lệnh Quân chủng ra lệnh cho các lực lượng phòng không - không quân chuẩn bị đánh B-52 để bảo vệ Thủ đô Hà Nội, trái tim thiêng liêng của cả nước.

Cũng trong giây phút đó, Thủ đô Hà Nội và các tỉnh miền Bắc được lệnh báo động phòng không để nhân dân kịp thời xuống hầm trú ẩn.

19 giờ 20 phút, 2 chiếc MIG-21 từ sân bay Hòa Lạc cất cánh nhưng bị máy bay tiêm kích của địch khống chế nên không đánh được B-52. Tuy nhiên, sự xuất hiện của máy bay ta làm cho đội hình máy bay địch rối loạn, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ đội phòng không diệt địch.

19 giờ 34 phút, được sự yểm trợ của 20 chiếc F.4, các tốp B-52 lần lượt vào đánh sân bay Nội Bài, Hòa Lạc, Kép, khu Đông Anh. Đồng thời 19 lần chiếc máy bay không quân chiến thuật vào đánh đài phát tín hiệu ở Đại Mỗ, xí nghiệp ca nô Hồng Hà, Yên Viên, Phà Đen... Các lực lượng phòng không ở khu vực Hà Nội tập trung hỏa lực đánh địch quyết liệt.

19 giờ 44 phút, tiểu đoàn 78 trung đoàn tên lửa 257 đã phóng quả đạn đầu tiên vào tốp B-52 có ký hiệu 556.

20 giờ 13 phút, tiểu đoàn 59 trung đoàn tên lửa 261 đã phóng 2 quả đạn vào tốp B-52 có ký hiệu 671 đang bay từ Tam Đảo vào đánh Đông Anh, bắn rơi tại chỗ 1 chiếc B-52 ở Phú Lỗ, huyện Kim Anh. Đây là chiếc máy bay B-52 bị bắn rơi tại chỗ đầu tiên ở Hà Nội trong trận đầu tiên của chiến dịch phòng không tháng 12 năm 1972.

Trên đường B-52 bay ra, đại đội 47 phát hiện được một chiếc loại lớn, độ cao 11km từ Thọ Xuân bay thẳng xuống Nghĩa Đàn qua Đô Lương. Nhận được tình báo, sở chỉ huy tiền phương của Quân chủng ra lệnh cho trung đoàn tên lửa 263 tiêu diệt tốp mục tiêu này. 20 giờ 16 phút, tiểu đoàn 51 trung đoàn tên lửa 263 ở Nghệ An đã phóng 2 quả đạn, bắn rơi tại chỗ 1 chiếc

B-52 ở phía Nam Khe Bố.

23 giờ, đại đội 16 và đại đội 45 lại tiếp tục phát hiện, khẳng định tình báo các tốp B-52 do đại đội trinh sát nhiều và đại đội 11 trung đoàn 290 phát hiện. Trong trận thứ hai này bộ đội ra-đa đã kịp thời báo động cho các lực lượng phòng không ở Hà Nội chuyển cấp chiến đấu sớm 40 phút. Đó là trận tập kích đường không thứ hai trong đêm của 21 lần chiếc máy bay B-52 và 32 lần chiếc máy bay chiến thuật vào Hà Nội. Một số tiểu đoàn tên lửa được lệnh đánh B-52 nhưng không kết quả.

Vào lúc đó từ tổng trạm, tham mưu phó binh chủng Hứa Mạnh Tài gọi điện cho trung đoàn trưởng Đỗ Văn Năm: Bộ đội tên lửa đã bắn rơi tại chỗ 1 chiếc B-52G ở Phủ Lỗ. Được tin tất cả cán bộ, chiến sĩ trong sở chỉ huy trung đoàn và đại đội 45, đại đội 16 vô cùng phấn khởi vì nỗi băn khoăn liệu có đúng B-52 không, bây giờ mới được giải đáp. Đó còn là niềm vui, niềm tự hào của những chiến sĩ ra-đa ở tuyến ngoài đã hoàn thành nhiệm vụ cảnh giới xa cho các lực lượng phòng không đánh địch, bảo vệ trái tim thiêng liêng của cả nước.

Đó cũng là lúc ban chỉ huy trung đoàn 291 họp, báo cáo với Thường vụ Đảng ủy: Trung đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ mà phó chính ủy Nguyễn Xuân Mậu thay mặt Đảng ủy, Bộ tư lệnh Quân chủng và chính ủy Hoàng Văn Ngũ thay mặt cho Đảng ủy và Bộ tư lệnh binh chủng giao cho trung đoàn 10 ngày trước đó. Sau khi nhận định “Địch còn tiếp tục sử dụng B-52 đánh phá ác liệt Hà Nội, Hải Phòng...”, các đồng chí lãnh đạo chỉ huy trung đoàn thống nhất biện pháp, phân công, phân nhiệm cho từng đồng chí chỉ huy, kiểm tra chỉ đạo đơn vị khẩn trương rút kinh nghiệm chuẩn bị chiến đấu và làm tốt nhiệm vụ phát hiện, thông báo mục tiêu B-52.

4 giờ 16 phút, bộ đội ra-đa trong đó đại đội 45 làm nòng cốt đã phát hiện

và khẳng định 30 lần chiếc B-52 và 20 lần chiếc máy bay chiến thuật vào đánh Hà Nội. Những tình báo của đại đội 45 được chiến sĩ báo vụ kiêm đánh dấu đường bay Đặng Thị Tám ở sở chỉ huy trung đoàn thể hiện trên bảng tiêu đồ rồi được phiên ban truyền lên tổng trạm. Do được báo động B-52 sớm, các lực lượng phòng không - không quân ở khu vực Hà Nội đã chuyển cấp chiến đấu kịp thời, tập trung hỏa lực đánh địch quyết liệt. 4 giờ 39 phút, tiểu đoàn 77 trung đoàn tên lửa 257 bắn rơi tại chỗ 1 chiếc B-52 ở Thanh Oai (Hà Tây).

Như vậy là ngay trong trận đầu tiên, đêm đầu tiên của chiến dịch phòng không, bộ đội ra-đa trong đó Trung đoàn 291 làm nòng cốt đã không để Tổ quốc bị bất ngờ trước chiến dịch tập kích đường không chiến lược chủ yếu bằng máy bay B-52 của Mỹ vào Hà Nội, chủ động phát hiện triệu chứng tập kích đường không chiến lược của địch, xác định và phát hiện B-52 từ xa. Những tình báo đó đã đảm bảo cho Bộ tư lệnh Quân chủng nắm chắc địch, hạ quyết tâm sử dụng lực lượng chính xác và bảo đảm cho các lực lượng phòng không ba thứ quân chuyển cấp chiến đấu sớm từ 30 phút đến 40 phút. Trong ngày đầu tiên, bộ đội Phòng không - Không quân đã bắn rơi 8 máy bay địch, có 3 chiếc B-52, trong đó có 2 chiếc rơi tại chỗ ở khu vực Hà Nội.

Chiến công xuất sắc của bộ đội ra-đa đã góp phần cùng các lực lượng phòng không đánh thắng trận đầu, lập nên kỳ tích đầu tiên trong chiến dịch phòng không là bắn rơi tại chỗ máy bay B-52. Chiến công xuất sắc trong đêm 18 tháng 12 năm 1972 của bộ đội ra-đa đánh dấu bước phát triển mới trong nghệ thuật bảo đảm ra-đa cho chiến dịch phòng không của quân đội ta.

Trong buổi giao ban sáng ngày 19 tháng 12, Tư lệnh Quân chủng vui vẻ nói: “Đêm qua các đồng chí ra-đa, phát hiện sớm và xác định đúng máy bay B-52 đã giúp trên hạ quyết tâm sử dụng hỏa lực và tạo điều kiện cho bộ đội tên lửa bắn rơi B-52 ngay từ trận đầu. Đó là thuận lợi rất tốt cho những trận đánh tiếp theo”.

Cuộc họp bất thường trưa ngày 19 của Thường vụ Đảng ủy binh chủng đã chỉ rõ: Trước mắt phải kịp thời rút kinh nghiệm và củng cố mọi mặt để phát hiện, thông báo B-52 xa, liên tục, chuẩn xác, kịp thời phục vụ vô điều kiện các đơn vị bắn rơi nhiều B-52 và các loại máy bay khác, bắt giặc lái, bảo vệ Hà Nội, Hải Phòng và các khu vực quan trọng khác ở Bắc Bộ, góp phần tích cực cùng Quân chủng và toàn quân, toàn dân đập tan chiến dịch tập kích đường không của địch. Từ đó đến hết ngày 29 tháng 12 năm 1972, trung đoàn 291 vẫn phát hiện B-52, hên tực hoàn thành thắng lợi chiến dịch.

Trong chiến dịch phòng không cuối tháng 12 năm 1972, được sự chỉ đạo của cấp trên, Đảng ủy và Bộ tư lệnh Binh chủng Ra-đa chủ động lãnh đạo, tổ chức bộ đội quán triệt sâu sắc tình hình nhiệm vụ, tập trung chuẩn bị chiến đấu và đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Điều nổi bật nhất trong quá trình chuẩn bị chiến dịch là binh chủng đã đề nghị lên cấp trên kịp thời điều chỉnh đội hình chiến đấu. Tháng 11 năm 1971 trung đoàn 291 được điều từ Hải Phòng vào Quân khu 4 với những đơn vị ra-đa chốt mạnh vừa thực hiện chủ trương “hướng ra chiến trường” vừa thực hiện ý định chống nhiều chiến thuật để phát hiện 2 đường bay cơ bản của B-52 theo hướng Tây Nam và Đông Nam vào đánh Hà Nội, Hải Phòng. Tiếp đó, do xác định rõ đối tượng tác chiến chủ yếu nên Bộ tư lệnh binh chủng đã tập trung tổ chức bộ đội tập trung nghiên cứu tính năng, thủ đoạn hoạt động của B-52, bổ sung hoàn chỉnh quy trình xử trí, thao tác chống nhiều phát hiện B-52, máy bay tầng thấp và chống tên lửa Sơ-rai. Việc tổ chức rút kinh nghiệm ở các đơn vị, nhất là hội nghị chống nhiều phát hiện B-52 của binh chủng ở đại đội 18 đã giúp cho bộ đội nêu cao quyết tâm phát hiện bằng được B-52, thống nhất tư tưởng chỉ đạo tác chiến và quy trình xử trí thao tác để phát hiện được B-52 trong mọi tình huống. Đó là những nguyên nhân chính tạo điều kiện cho trung đoàn 291 của binh chủng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong chiến dịch phòng không tháng 12 năm 1972.

Do đó, trong chiến dịch phòng không 12 ngày đêm cuối tháng 12 năm

1972, trung đoàn 291 bộ đội ra - đa đã chủ động phát hiện và xác định B-52 ngay từ trận đầu, đêm đầu của chiến dịch tập kích đường không chiến lược của địch. Trong tổng số 165 lần tốp B-52 của toàn binh chủng, trung đoàn 291 đã phát hiện được 151 lần tốp đạt 91,6%. Trong tổng số 17 trận tập kích đường không bằng máy bay B-52, trung đoàn 291 đều chủ động phát hiện từ xa, báo động cho các lực lượng phòng không ở Hà Nội, Hải Phòng chuyển cấp chiến đấu sớm từ 30 .đến 60 phút. Trong số các tốp mục tiêu B-52 phát hiện từ xa có 10 tốp cách Hà Nội trên 900km, 56 tốp cách Hà Nội từ 500km đến 700km. Kết quả phát hiện của trung đoàn 291 trên hướng Tây Nam là 107 trong tổng số 119 tốp B-52, đạt tỷ lệ 90%, trên hướng Đông Nam là 44 trên tổng số 46 tốp B-52, đạt tỷ lệ 96%¹ (Trích tổng kết “Bộ đội ra-đa phục vụ chiến dịch phòng không chống tập kích đường không chiến lược của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc Việt Nam từ ngày 18 đến ngày 29 tháng 12 năm 1972” của Binh chủng Ra-đa).

Các đại đội phát hiện B-52 xuất sắc là đại đội 45 đạt tỷ lệ 85%, đại đội 16 đạt tỷ lệ 77,1%, đại đội 18 đạt tỷ lệ 55%² (Trong khi đó đại đội 37 là đơn vị phát hiện B-52 khá nhất của trung đoàn ra-đa 292 đạt tỷ lệ 55%, đại đội 11 là đơn vị phát hiện B-52 khá nhất của trung đoàn ra-đa 290 đạt 51%).

Như vậy là trong chiến dịch phòng không 12 ngày đêm cuối tháng 12 năm 1972, trung đoàn 291 đã chủ động phát hiện B-52 từ xa, bảo đảm cho Tổ quốc không bị bất ngờ trước chiến dịch tập kích đường không chiến lược chủ yếu bằng máy bay B-52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng. Vì vậy các lực lượng phòng không ở khu vực Hà Nội đã chuyển cấp chiến đấu sớm, bắn rơi tại chỗ máy bay B-52 ngay từ trận đầu, đêm đầu của chiến dịch.

Trong suốt quá trình chiến dịch, trung đoàn 291 là lực lượng nòng cốt phát hiện B-52 từ xa, xác định chính xác bám sát và thông báo liên tục các tốp B-52 kể cả khi chúng bay vào và bay ra. Sự bảo đảm ra-đa kịp thời, hiệu quả của trung đoàn đã tạo điều kiện cho các lực lượng phòng không - không quân thực hành xuất sắc chiến dịch phòng không, giành thắng lợi vô cùng to lớn, bắn rơi 81 máy bay địch, có 34 máy bay B-52, trong đó có 16 chiếc rơi tại chỗ... làm nên “Điện Biên Phủ trên không” lịch sử.

Chiến dịch oanh liệt đó đã làm thất bại hoàn toàn âm mưu chiến lược của Mỹ là làm cho “Hà Nội, Hải phòng trở lại thời kỳ đồ đá”, hòng gây sức ép tối đa buộc ta phải chấp nhận các điều khoản giải quyết chiến tranh có lợi cho chúng.

Chiến dịch vĩ đại đó thể hiện nghệ thuật tiến hành chiến dịch phòng không của các lực lượng phòng không ba thứ quân trong đó việc tác chiến hiệp đồng các binh chủng mà trước hết là việc bảo đảm ra-đa cho các lực lượng phòng không - không quân chủ động đánh rơi tại chỗ nhiều máy bay B-52 trong điều kiện chiến tranh điện tử phát triển là thành công xuất sắc với trình độ kỹ thuật và chiến thuật cao của bộ đội ra-đa.

Nổi bật trong chiến công của trung đoàn 291 là đại đội ra-đa 45. Đó là một tập thể cán bộ, chiến sĩ có bản lĩnh, được tôi luyện, trưởng thành và đã lập nhiều chiến công xuất sắc trong cuộc chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất. Bản lĩnh và truyền thống tốt đẹp đó được phát huy cao độ trong việc bảo đảm ra-đa cho chiến dịch phòng không cuối năm 1972. Ngay từ trận đầu, đêm đầu và trong suốt quá trình chiến dịch, đại đội 45 đã thực sự và luôn là đơn vị nòng cốt trong mạng tình báo của trung đoàn 291 và toàn binh chủng, thường xuyên phát hiện, xác định chính xác B-52 từ xa. Những tình báo đó đã giúp cho các sở chỉ huy cấp chiến dịch, chiến lược nắm chắc địch, báo động sớm cho bộ đội và hạ quyết tâm sử dụng lực lượng phòng không kịp thời, chính xác. Những tình báo đó còn giúp cho các lực lượng phòng không ba thứ quân

ở khu vực Hà Nội, Hải Phòng chủ động chuyển cấp chiến đấu, tạo điều kiện thuận lợi trong việc bắn rơi máy bay địch và bảo đảm bảo động cho hệ thống phòng không nhân dân trên miền Bắc.

Đó là đại đội ra-đa cảnh giới 16, với máy móc tương đối hiện đại, cán bộ chiến sĩ có nhiều kinh nghiệm chiến đấu trên chiến trường Quân khu 4, đã tích cực nghiên cứu địch tìm ra cách chống nhiễu hiệu quả. Trong trận đầu tiên của chiến dịch tập kích đường không chiến lược của địch, khi đang làm nhiệm vụ cảnh giới theo phiên đã kịp thời phát hiện đúng nhiễu B-52, giúp cho chỉ huy trung đoàn tăng cường lực lượng đúng thời cơ, tăng chất lượng tình báo ra-đa bảo đảm cho các lực lượng phòng không đánh địch. Suốt quá trình chiến dịch, đại đội đã không kể ngày đêm, tích cực hỗ trợ, bổ sung tình báo B-52 thêm hoàn chỉnh, đồng thời hoàn thành tốt nhiệm vụ trực ban cảnh giới phát hiện các tốp mục tiêu khác.

Trong trung đoàn 291 có rất nhiều cán bộ, chiến sĩ đã nêu cao trách nhiệm chính trị, nắm chắc kỹ thuật quân sự hiện đại, tích cực nghiên cứu địch, dày công rèn luyện bản lĩnh chiến đấu, thực hành chiến đấu dũng cảm, mưu trí, sáng tạo và góp phần lập công xuất sắc. Đó là trung đoàn trưởng Đỗ Văn Năm, trung đoàn phó Trần Liên, đại đội trưởng đại đội 45 Đinh Hữu Thuần, đại đội trưởng đại đội 16 Trần An và các trắc thủ Phạm Hoàng Cầu, Nguyễn Văn Xích của đại đội 45... Đặc biệt, do có thành tích chiến đấu, đại đội trưởng ra-đa II35 đại đội 45 Nghiêm Đình Tích và đại đội trưởng ra-đa 843 đại đội 16 Tô Trọng Huy đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhì, đại đội trưởng đại đội 45 Đinh Hữu Thuần và tiểu đội trưởng trắc thủ đại đội ra-đa 514 đại đội 16 được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba. Đó là các chiến sĩ gái Nguyễn Thị Sâm, Nguyễn Thị Khoa, Đặng Thị Tám đại đội chỉ huy đã không kể ngày đêm, bền bỉ liên tục phát tình báo kịp thời lên tổng trạm bảo đảm cho các lực lượng phòng không đánh thắng.

Do có bề dày thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đặc biệt là đã lập công xuất sắc trong chiến dịch phòng không tháng 12 năm

1972, đại đội 45, trung đoàn ra-đa 291 và Binh chủng Ra-đa đã được Đảng, Nhà nước tuyên dương công trạng và trao tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Những chiến công xuất sắc của bộ đội ra-đa mà nổi bật là trung đoàn 291 trong chiến dịch phòng không tháng 12 năm 1972 là đỉnh cao trong quá trình lịch sử bảo đảm cho tác chiến phòng không của Binh chủng Ra-đa. Những chiến công xuất sắc đó đã tích cực góp phần vào thắng lợi to lớn trong chiến dịch phòng không của ta đánh bại chiến dịch tập kích đường không chiến lược chủ yếu bằng máy bay B-52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng tháng 12 năm 1972, lập nên kỳ tích “Điện Biên Phủ trên không” chấn động địa cầu. Thắng lợi to lớn đó buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pa-ri về Việt Nam, ngừng ném bom hoàn toàn, vô điều kiện trên miền Bắc nước ta, rút quân Mỹ về nước và tạo điều kiện cho quân và dân ta giải phóng miền Nam sau này.

Những chiến công xuất sắc của bộ đội ra-đa trong chiến dịch phòng không tháng 12 năm 1972 là biểu hiện sinh động những bài học kinh nghiệm quý báu về chuyển trạng thái chiến đấu, chuẩn bị và thực hành bảo đảm chiến dịch phòng không để đánh thắng chiến dịch tập kích đường không của địch trong điều kiện chiến tranh điện tử phát triển. Những chiến công xuất sắc đó là những trang sáng ngời trong lịch sử xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của bộ đội ra-đa Việt Nam.

RAĐA DẪN ĐƯỜNG TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

NGUYỄN VĂN CHUYÊN

Đại tá - Nguyên Phó tham mưu trưởng Quân chủng Không quân

Vị trí, vai trò của ra da dẫn đường:

Ra đa dẫn đường là lực lượng bảo đảm chiến đấu quan trọng không thể thiếu được đối với bộ đội không quân tiêm kích trong tác chiến phòng không, chiến đấu bảo vệ các mục tiêu mặt đất, mặt nước và chủ quyền không phận quốc gia. Quan hệ giữa ra đa dẫn đường và không quân tiêm kích là quan hệ bảo đảm chiến đấu trực tiếp là một trong những yếu tố có ý nghĩa quyết định đến thành bại của một trận đánh, không phải quan hệ hiệp đồng như giữa không quân tiêm kích với bộ đội tên lửa và pháo phòng không. Có thể nói ra đa dẫn đường là con “Mắt thần” của không quân tiêm kích, nếu thiếu nó thì không quân tiêm kích khó có thể hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu được giao.

Một số đặc điểm về quá trình xây dựng, chiến đấu, trưởng thành của ra đa dẫn đường trong chống chiến tranh phá hoại:

Trong chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ những năm 1965 - 1972 do chưa có kinh nghiệm về tổ chức lực lượng và nhiều lý do khách quan khác cho nên việc xây dựng lực lượng ra đa dẫn đường còn chậm so với xây dựng lực lượng không quân tiêm kích của quân đội ta. Cuối năm 1962, ta mới tổ chức 1 đoàn đi học tập ở Trung Quốc về sở chỉ huy của không quân tiêm kích trong đó có một bộ phận học tập ra đa dẫn đường do đồng chí Sáng làm tổ trưởng. Sau sự kiện “Vịnh Bắc Bộ” ngày 5-8-1964 được Trung Quốc giúp đỡ, ta đã cải tiến ra đa 402 loại dùng để phát hiện mục tiêu trên biển của Hải quân và máy đo cao 843 thành ra đa làm nhiệm vụ bảo đảm dẫn đường đầu tiên cho không quân tiêm kích. Ra đa 402 tuy còn nhiều hạn chế về tính năng kỹ chiến thuật trong bảo đảm dẫn đường cho không quân tiêm kích, nhưng với phương châm có gì đánh nấy, phát huy trí tuệ của con người Việt Nam và được sự giúp đỡ ban đầu rất tận tình của chuyên gia Trung Quốc ta đã nhanh chóng tiếp thu và tự đảm nhiệm sử dụng trong chiến đấu từ trận đầu (khác với cuộc chiến tranh 1950 - 1953 ở Triều Tiên là Liên Xô bảo đảm dẫn đường chính còn Trung Quốc và Bắc Triều Tiên chỉ theo dõi học tập).

Phiên hiệu đơn vị ra đa dẫn đường đầu tiên là đại đội 29 bố trí ở đầu nam sân bay Bạch Mai. Chiến công đầu tiên của ra đa dẫn đường là đã sử dụng

Π402 và máy đo cao 843 để dẫn đường cho máy bay T28 (963) bắn rơi chiếc máy bay thả biệt kích C123 của Mỹ vào một đêm trăng cuối năm 1964 ở vùng trời Mộc Châu (Việt Nam) - Sầm Nưa (Lào) của phi công bay đêm Nguyễn Văn Ba (lái chính) và Phước (lái phụ) và cũng là chiến công đầu tiên đánh trả không quân Mỹ khi chúng tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại đã leo thang ra đến Hàm Rồng. Ngày 3 và 4-4-1965, ta đã sử dụng không quân tiêm kích lần đầu tiên bắn rơi tại chỗ F8U và F105 của biên đội Phạm Ngọc Lan và Trần Hanh, ghi dấu son vào bảng vàng truyền thống của Không quân nhân dân Việt Nam anh hùng (đội ra đa 29 làm nhiệm vụ dẫn đường).

Cuối năm 1965, Liên Xô viện trợ mới trang bị cho ta ra đa dẫn đường Π35 và ΠPB11 cùng với máy bay tiêm kích phòng không Mig 21. Do điều kiện thực tế như trên nên việc bảo đảm chiến đấu của ra đa dẫn đường trong thời gian đầu chống chiến tranh phá hoại còn nhiều bất cập. Do chưa được chuẩn bị trước trong thời bình lại phải trực tiếp chiến đấu ngay với lực lượng không quân hiện đại vào bậc nhất thế giới lúc bấy giờ của Mỹ, cho nên đã gặp không ít khó khăn trong quá trình bảo đảm chiến đấu.

- Về bố trí trận địa ra đa dẫn đường, để thuận tiện trong chỉ huy chiến đấu và bảo đảm cho ra đa dẫn đường phát hiện được mục tiêu từ xa, liên tục kể cả ở độ cao thấp theo tính năng kỹ thuật cho phép thì phải bố trí trận địa ra đa dẫn đường ở vị trí cao (cao hơn tất cả chướng ngại vật xung quanh) góc che khuất nhỏ và gần sở chỉ huy không quân tiêm kích để đưa vi cô từ đài vào sở chỉ huy (thường từ 300m đến 500m cách sở chỉ huy). Nhưng trong chiến tranh phá hoại nếu ta bố trí như vậy thì dễ bị máy bay trinh sát của địch phát hiện và tổ chức đánh phá dễ bị tổn thất cho cả ra đa và sở chỉ huy. Để bảo toàn lực lượng chiến đấu lâu dài, đánh thắng địch cần phải lợi dụng yếu tố địa hình, cây cối tự nhiên hoặc vật liệu nhân tạo ngụy trang, nghi binh bảo đảm bí mật nên không tránh khỏi bị ảnh hưởng bởi vật che khuất, điều đó phần nào hạn chế đến khả năng phát hiện theo dõi mục tiêu.

- Trình độ của cán bộ chỉ huy, chuyên môn kỹ thuật thời gian đầu do chưa

có kinh nghiệm nên còn nhiều hạn chế, chưa tinh thông nghiệp vụ. Phụ tùng linh kiện thay thế phụ thuộc vào sự viện trợ thường không kịp thời vì ta chưa sản xuất được cũng tác động nhiều đến khả năng hoàn thành nhiệm vụ.

- Chiến đấu trong điều kiện tác chiến điện tử mạnh. Nhằm bảo vệ đội hình khi bay vào đánh phá, không quân Mỹ đã thực hiện tác chiến điện tử mạnh, gây nhiều tiêu cực, tích cực trong, ngoài đội hình cường độ mạnh, trên dải tần rộng hòng làm “mù, điếc” hệ thống ra đa nói chung, ra đa dẫn đường trong bảo đảm chiến đấu của không quân tiêm kích.

Tuy gặp nhiều khó khăn phức tạp nhưng với sự nỗ lực vượt bậc của bộ đội ra đa nói chung, cán bộ, chiến sĩ, nhân viên chuyên môn nghiệp vụ ra đa dẫn đường nói riêng đã vượt lên mọi hy sinh, trở ngại, vừa chiến đấu, vừa xây dựng, ra sức học tập nâng cao trình độ chuyên môn, rút kinh nghiệm chiến đấu kịp thời, nâng cao hiệu quả phục vụ chiến đấu, chiến thắng, từng bước trưởng thành vững chắc. Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo đảm dẫn đường cho không quân tiêm kích non trẻ của ta đánh thắng không quân nhà nghề của Mỹ, tiêu diệt hơn 320 máy bay các loại (19 kiểu loại) kể cả siêu pháo đài bay B52 của không quân Mỹ. Trong chiến công chung đó có sự đóng góp không nhỏ của ra đa dẫn đường, tích lũy nhiều bài học quý góp phần xây dựng phát triển nghệ thuật tác chiến phòng không của Quân chủng Phòng không - Không quân.

Một số kinh nghiệm về bố trí và sử dụng ra đa dẫn đường trong chống chiến tranh phá hoại 1965 - 1972:

1 - Về tổ chức: Ra đa dẫn đường là thành phần bảo đảm chiến đấu quan trọng không thể thiếu đối với không quân tiêm kích cho nên về mặt tổ chức phải biên chế trực thuộc đơn vị không quân tiêm kích, không nên tổ chức phối thuộc mang tính chất hiệp đồng giữa hai bên. Theo kinh nghiệm, nếu tổ

chức phối thuộc thì hiệu quả chiến đấu trong thời chiến và bảo đảm huấn luyện chiến đấu thường xuyên trong thời bình cho không quân không cao (trong thực tế xây dựng không quân và ra đa dẫn đường vừa qua đã nhiều lần thay đổi quan hệ giữa ra đa dẫn đường và không quân tiêm kích, khi thì trực thuộc, khi thì phối thuộc, đã bàn giao qua lại nhiều lần tổn kém công sức và tư tưởng của bộ đội ra đa không ổn định mỗi lần thay đổi quan hệ).

2 - Một sở chỉ huy của không quân tiêm kích muốn hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu, phát hiện, quản lý chắc địch và dẫn đường liên tục cho máy bay ta đánh thẳng tiêu diệt địch, bảo đảm lực lượng ta thì phải có ít nhất 2 trạm ra đa dẫn đường chiến đấu bố trí trên 2 hướng khác nhau để khắc phục những mặt hạn chế về góc che khuất của từng trận địa, hỗ trợ cho nhau khi dẫn chiến đấu và cũng là biện pháp chống nhiễu xuyên tâm. Nếu bố trí 2 đài ở 2 hướng khác nhau, khi máy bay địch vào đánh phá thì đối với một đường bay có thể đài này bị nhiễu xuyên tâm nhưng đài kia không bị và ngược lại, sẽ hỗ trợ cho nhau trong việc phát hiện, theo dõi địch tương đối liên tục trên bàn tròn sở chỉ huy, bảo đảm dẫn đường cho không quân ta cất cánh đánh thẳng địch.

3 - Để ra đa dẫn đường hạn chế được ảnh hưởng nhiễu của địch và những mặt hạn chế do bố trí trận địa không đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật, cần bố trí thêm một sĩ quan dẫn đường chuyên trách chỉ thị ra đa. Trong chiến đấu từ khi ra đa mở máy cho đến khi tắt máy, sĩ quan dẫn đường chỉ thị ra đa phải liên lạc liên tục và trực tiếp với cán bộ đại đội, đài trưởng hoặc trắc thủ số 1 để chỉ thị mục tiêu ta, địch đã được dẫn đường chính sở chỉ huy tính toán trên bàn tròn, nhằm giúp cho trắc thủ tập trung theo dõi mục tiêu trong một không gian hẹp không bị phân tán 3600 nâng cao hiệu quả dẫn đường cho máy bay ta đánh thẳng trong mọi tình huống thông thường cũng như phức tạp.

4 - Sử dụng ra đa dẫn đường trong chiến đấu: Ra đa dẫn đường là công cụ của người sĩ quan dẫn đường sở chỉ huy tiêm kích, giống như ra đa điều khiển (đài 2) của sĩ quan điều khiển tên lửa. Nếu không có ra đa dẫn đường thì người sĩ quan không hoàn thành được nhiệm vụ của mình. Vì vậy người sĩ

quan dẫn đường không quân tiêm kích phải hiểu biết nắm chắc tính năng kỹ chiến thuật và những ưu điểm, nhược điểm của từng trận địa ra đa cũng như mọi thành phần trong đại đội ra đa dẫn đường thì mới phát huy được hiệu quả chiến đấu. Tùy theo tính năng kỹ chiến thuật của từng đài, thời gian mở máy chiến đấu mất từ 7 đến 10 phút (Π35 và ΠPB11).

Trong thực tế chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bộ đội ra đa đã rút ra kinh nghiệm cho mở máy sớm hơn quy định để bảo đảm cho máy có thời gian làm việc ổn định, kiểm tra thông tin liên lạc thống suốt giữa đài và sở chỉ huy, ổn định trạng thái tâm lý kịp chiến đấu từ trạng thái sinh hoạt bình thường bước vào trạng thái chiến đấu trong buồng tối của máy, nâng cao hiệu quả sục sạo phát hiện mục tiêu (tránh vội vã, cấp rập khi bước vào chiến đấu).

Trước khi lệnh mở radar dẫn đường, sĩ quan dẫn đường phải căn cứ vào tình hình địch trên không phán đoán, tính toán thật chính xác đường bay, thời gian tiếp cận của địch và điều kiện của ta để mở máy đúng thời cơ. Mở máy muộn thường hay bị động lúng túng và dễ lỡ thời cơ diệt địch. Khi kết thúc trận đánh phải kịp thời cho tắt máy để tiết kiệm giờ mở máy và giữ gìn sức chiến đấu cho bộ đội. Thực tế trong chống chiến tranh phá hoại cho thấy việc mở máy, tắt máy ra đa dẫn đường là vấn đề “chiến thuật” sử dụng cần quan tâm đúng mức. Cùng một trận địa ra đa dẫn đường nếu sử dụng tốt thì việc phát hiện mục tiêu sẽ tốt và bộ đội không quân tiêm kích hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu, nếu sử dụng kém thì phát hiện mục tiêu sẽ kém và bộ đội không quân không hoàn thành được nhiệm vụ chiến đấu.

5 - Hiệp đồng chặt chẽ giữa sở chỉ huy không quân tiêm kích sở chỉ huy trung đoàn ra đa khu vực và trạm ra đa dẫn đường là một yếu tố rất quan trọng trong việc hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu huấn luyện của trạm ra đa dẫn đường. Hàng ngày vào buổi sáng và trước trận đánh, sĩ quan dẫn đường chính phải trực tiếp hiệp đồng chiến đấu với trạm ra đa dẫn đường, thông báo một cách tỉ mỉ tình hình về địch, ý định chiến đấu của ta và đặt ra yêu cầu cụ

thể cho từng trận đánh (từng lần làm nhiệm vụ bay), giúp cho cán bộ đại đội, đài trưởng và trắc thủ hiểu rõ về hoạt động của địch sắp đến và phương án tác chiến của ta để trạm ra đa dẫn đường chủ động triển khai, bảo đảm phương tiện thông tin liên lạc và chủ động, nhạy bén phán đoán thủ đoạn địch, dẫn đường chính xác cho máy bay ta chiến đấu. Sau mỗi trận đánh mỗi chuyến bay) phải kịp thời rút kinh nghiệm, tìm ra ưu khuyết điểm để phát huy và khắc phục cho lần mở máy tiếp theo. Đồng thời đề nghị lên cấp trên biểu dương, khen thưởng cán bộ, chiến sĩ, nhân viên ra đa dẫn đường kịp thời và tương xứng với chiến công của biên đội không quân tiêm kích.

6 - Trong thời bình, cũng như trong thời chiến sau một đợt chiến đấu, ngoài việc huấn luyện cơ bản phải tranh thủ huấn luyện đánh chặn và những bài bay đặc biệt như bay cực thấp (dưới 300m), bay ở độ cao (cao trên 20.000m) bay có tăng lực toàn phần kéo cao gấp... để nâng cao trình độ phát hiện mục tiêu trong mọi tình huống phức tạp cho trắc thủ, đài trưởng và cán bộ chỉ huy.

7 - Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng kiến thức về hoạt động bay trong mọi điều kiện thời tiết của không quân cho trạm ra đa dẫn đường để đáp ứng nhiệm vụ bảo đảm dẫn đường cho không quân tiêm kích trong mọi điều kiện chiến đấu thông thường cũng như phức tạp.

Trên đây là một số kinh nghiệm sử dụng ra đa dẫn đường trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ, mong được trao đổi để cùng nghiên cứu góp phần nâng cao trình độ bản lĩnh chiến đấu trong tác chiến phòng không của Quân chủng nói chung, của lực lượng ra đa dẫn đường không quân tiêm kích nói riêng.

CHỐNG NHIỀU, CHỐNG SƠ RAI, PHÁT HIỆN CHÍNH XÁC B-52

PHỤC VỤ ĐÁNH THẮNG NGAY TỪ TRẬN ĐẦU, NGÀY ĐẦU

NGUYỄN ĐĂNG TUẤT

Đại tá Nguyễn Chính ủy

Binh chủng Ra đa

Binh chủng Ra đa là binh chủng bảo đảm ra đa để cấp trên chỉ đạo, chỉ huy và phục vụ vô điều kiện cho các binh chủng Cao xạ, Tên lửa, Không quân và các lực lượng phòng không - ba thứ quân đánh tiêu diệt các loại máy bay của không quân Mỹ đánh phá miền Bắc, đánh thắng chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc. Với quyết tâm: “Không để Tổ quốc bị bất ngờ” là khẩu hiệu cao nhất, là trách nhiệm vẻ vang và nặng nề nhất của bộ đội ra đa.

Năm 1967, đã bước sang năm thứ ba của cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc. Từ đầu năm 1967, đế quốc Mỹ đã đẩy nhanh các bước leo thang đánh phá miền Bắc ngày càng ác liệt. Để tăng cường sự lãnh đạo và chỉ huy của các binh chủng, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng đã có quyết định thành lập các Bộ tư lệnh: Không quân, Tên lửa, Ra đa. Bộ tư lệnh Ra đa còn có phiên hiệu là Sư đoàn 373. Đối với bộ đội ra đa đây là một bước rất quan trọng để tăng cường sức mạnh lãnh đạo, chỉ huy với toàn binh chủng. Trong thời gian giữa năm 1967, địch mở nhiều đợt đánh phá vào Hà Nội và một số tỉnh ở phía Bắc. Thường vụ Đảng ủy đã xác định lãnh đạo binh chủng vừa phải bảo đảm chiến đấu tốt, chiến đấu giành thắng lợi, vừa phải khẩn trương đẩy mạnh xây dựng binh chủng về mọi mặt để bảo đảm được nhiệm vụ chiến đấu ngày càng khẩn trương.

Phiên họp Đảng ủy binh chủng đầu tiên vào giữa năm 1967 để xác định nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng ủy binh chủng, trên cơ sở nhận định đánh giá về mọi mặt và đề ra lãnh đạo toàn diện đối với binh chủng. Đồng chí Lương Hữu Sắt - Phó tư lệnh quyền Tư lệnh binh chủng đã báo cáo với Đảng ủy:

“Trong chiến đấu của ra đa thì chống nhiễu, phát hiện máy bay là quyết liệt nhất”. Qua thực tế chiến đấu với không quân Mỹ điều đó đã được khẳng định. Đảng ủy đã để thời gian bàn kỹ và có nghị quyết: “Để chống nhiễu thắng lợi phải đánh giá đúng chỗ mạnh, chỗ yếu của địch. Về phía ta phải có lòng tin và quyết tâm khắc phục khó khăn, phải có kế hoạch, biện pháp cụ thể, phát huy sức mạnh tổng hợp của binh chủng, có cách đánh của ra đa Việt Nam”.

Trên cơ sở nghị quyết của đảng ủy binh chủng, Bộ tư lệnh và các trung đoàn đã làm nhiều việc để chống nhiễu và chống Sơ rai, phát hiện máy bay địch nhất là chống nhiễu phát hiện B-52. Trước tiên là phải đánh giá được hết cái khó là địch sử dụng nhiễu để chống ra đa. Qua tổng hợp và đúc rút kinh nghiệm: Địch đã sử dụng nhiễu tiêu cực và nhiễu tích cực, địch tung các bó kim loại có hàng triệu sợi kim loại bay lơ lửng trên không, giăng kín bầu trời tạo thành mặt hành lang nhiễu dày đặc cao từ 5 - 7km, dày từ 1 - 2km, dài từ 40 - 70km, gây cho trắc thủ khó phát hiện được máy bay trong nhiễu của địch. Nhưng cái khó nhất là loại nhiễu bằng sóng điện từ phát ra từ những chiếc máy bay EB66, chúng lại được cải tiến liên tục EA64 - EB66B - EC121 được chế tạo hết sức tinh vi, có công suất lớn làm nhiễu loạn các đài ra đa của ta. Thủ đoạn gây nhiễu ngoài đội hình: Mỗi trận đánh phá miền Bắc chúng thường dùng một chiếc EB-66 bay ngoài biển phía Đông từ Quảng Bình - Thanh Hóa, một chiếc EB-66 khác bay từ phía Tây biên giới Lào - Việt Nam cách từ 60 - 80km phát sóng điện từ gây khó khăn cho trắc thủ phát hiện máy bay địch. Nhiễu trong đội hình: Cứ bốn máy bay F-4, F-105, A-6, A-7 có một máy bay phát nhiễu, riêng máy bay B-52 được trang bị nhiễu máy phát nhiễu.

Đây là một cuộc chiến tranh điện tử giữa ta và địch. Ta thấy phải đúng chỗ mạnh và chỗ yếu của địch. Địch có gây cho ta khó khăn, nhưng cũng bộc lộ những cái yếu ta phải tìm ra chỗ để đánh.

Chủ trương của Bộ tư lệnh binh chủng: “Để nâng cao trình độ chiến đấu

của cán bộ, chiến sĩ phải coi trọng đúc rút kinh nghiệm, phải có phương án đánh địch, có quy trình phát hiện địch trong nhiều nặng, Bộ tư lệnh tổ chức các đoàn cán bộ của binh chủng, một đoàn do Trưởng ban Quân báo Lê Hải, một đoàn do Trưởng ban Huấn luyện Phong trực tiếp hướng dẫn xuống đại đội ra đa thuộc trung đoàn 290, cùng với trung đoàn và các đại đội làm việc với phiên bản nghiên cứu chụp ảnh, vẽ lại các loại nhiễu của từng loại máy, nhất là đối với nhiễu B-52. Sau đó cơ quan tham mưu viết thành quy trình chống nhiễu phát hiện B-52 làm tài liệu huấn luyện cho cán bộ và trắc thủ. Tiếp đó công tác huấn luyện đã được các đại đội, trung đoàn coi trọng, bộ đội đã có nhiều tiến bộ, nhiều đơn vị, nhiều trắc thủ đã phát hiện được máy bay trong nhiễu. Nhưng chưa hết khó khăn do địch bị thiệt hại nhiều về máy bay nên chúng đã có những thủ đoạn mới, đó là cho máy bay bay thấp của các loại A-6, A-7, máy bay trinh sát không người lái A-47J do loại C-130 từ biển phóng vào. Thời gian này địch lại cho EB-66, EC-121 gây nhiễu nặng với thủ đoạn nghi binh, tổ chức thành tốp nhỏ đánh lén v.v... gây nhiều khó khăn cho ra đa phát hiện địch để đánh thẳng bị hạn chế.

Trước tình hình đó, Bộ tư lệnh và các trung đoàn ngoài việc nâng cao cảnh giác, chấp hành các chế độ trực ban chặt chẽ, Bộ tư lệnh đã cùng các trung đoàn tập trung nghiên cứu điều chỉnh, bố trí các đại đội ra đa cho hợp lý hơn. Một biện pháp tích cực hơn nữa là đưa loại máy II-15 là máy phát hiện ở tầng thấp ra khỏi làng để có mặt phản xạ tốt, phù hợp với tính năng của máy, đồng thời cũng điều chỉnh các vọng quan sát mắt, vừa để khắc phục khu mù của máy, nhất là để phát hiện được các vị trí địch dùng làm điểm kiểm tra để nâng cao khả năng phát hiện địch, tuy vậy khó khăn chưa hết và yếu kém vẫn còn chưa khắc phục được hết.

Từ ngày 30-3-1972, ta mở chiến dịch tiến công chiến lược quy mô lớn trên toàn chiến trường miền Nam. Mỹ - Ngụy đã bị thiệt hại nặng nề, chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ đang đứng trước nguy cơ bị thất bại nghiêm trọng.

Trước tình hình đó, ngày 6-4-1972 Tổng thống Mỹ Níchxơn ra lệnh cho không quân Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai đối với miền Bắc nước ta.

Ngay từ những ngày đầu cuộc chiến tranh phá hoại đã diễn ra ác liệt, từ ngày 6 đến ngày 9, Bộ chỉ huy tiền phương đã được trên cho biết tàu sân bay Hen-cốc, tàu Kít-ti-hốc và tàu sân bay Cô-ra-si đã ở ngoài khơi từ Nhật Lệ đến Vĩnh Linh, Quảng Trị. Cấp trên đã chỉ thị cho trung đoàn 290 tổ chức vào chiến đấu cấp I sẵn sàng chiến đấu, kiên quyết phát hiện kịp thời phục vụ cho các đơn vị Sư đoàn 367, 365 và các lực lượng phòng không ở Quảng Bình, Vĩnh Linh tiêu diệt nhiều máy bay địch.

Từ buổi sáng nhiều đã xuất hiện trên các màn hiển sóng của ra đa, che kín bởi nhiều tích cực dày đặc, tiếp đó là các tốp máy bay Mỹ từ tàu sân bay lao vào đánh phá các trận địa tên lửa ở Quảng Bình, Vĩnh Linh, Cảng Gianh v.v...

Dưới sự chỉ huy của trung đoàn trưởng Trần Đình Hội và chính ủy Nguyễn Đâu, các đại đội 51, 17, 50, 52, 41 và 11 kịp thời phát hiện, bám sát thông báo liên tục cho các trung đoàn pháo cao xạ 224, 234, 250 và các trung đoàn tên lửa 236B, 267, 274 đánh địch quyết liệt bắn rơi 9 máy bay Mỹ, có 3 chiếc rơi tại chỗ. Từ ngày 6-4 đến 9-4 trung đoàn 290 phục vụ bắn rơi 18 máy bay Mỹ có 3 máy bay B-52.

Chiến công xuất sắc đó đã góp phần vào thắng lợi to lớn trong những ngày đầu của cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc và góp phần bảo vệ hậu phương trực tiếp của chiến dịch trên chiến trường Quảng Trị.

Bị thất bại ở Quảng Trị, địch mở chiến dịch: “Lai-nơ-bếch-cơ II” để tăng cường sức ép với ta và thăm dò dư luận trên thế giới.

3 giờ sáng ngày 10 tháng 4, khoảng 50 lần chiếc máy bay địch trong đó có 12 chiếc B-52 vào đánh khu vực Bến Thủy - Vinh, địch đã tăng cường dùng nhiều nặng kết hợp với phóng Sơ rai và nghi binh, bộ đội ra đa đã có nhiều cố gắng phát hiện được 15 tốp với 46 lần chiếc máy bay chiến thuật nhưng không xác định được tốp B-52.

Từ 14 giờ 30 đến 15 giờ 20 ngày 13 tháng 4 năm 1972, 70 lần chiếc máy bay địch, trong đó có 6 máy bay B-52 vào đánh khu Hàm Rồng và sân bay Thọ Xuân, bộ đội ra đa phát hiện được 14 tốp trong đó có 1 B-52 ở hướng Đông, để lọt tốp B-52 từ hướng Tây vào đánh Thọ Xuân.

Trước những sai sót trên, Thường vụ và Bộ tư lệnh Binh chủng Ra đa đã kiểm điểm nghiêm khắc và kịp thời chỉ thị cho các cơ quan và các trung đoàn tiến hành giáo dục cho toàn binh chủng quán triệt tình hình, nhiệm vụ, làm cho cán bộ, chiến sĩ thấy được Mỹ đã tiến hành chiến tranh đánh phá miền Bắc lần thứ hai, quy mô sẽ ác liệt hơn, chúng đã sử dụng máy bay B-52 đánh sâu ra miền Bắc, không còn leo thang từng bước mà đánh ngay vào các vùng đông dân và các thành phố lớn của miền Bắc. Bộ đội ra đa phải thật cảnh giác, tìm mọi biện pháp chống nhiễu có kết quả, phát hiện kịp thời mọi loại máy bay địch nhất là đối với B-52, phục vụ các lực lượng phòng không đánh thắng, tiêu diệt nhiều máy bay Mỹ, thi đua với trung đoàn 290 đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong những ngày đầu tháng 4 năm 1972.

Tình hình chiến đấu rất khẩn trương, nhưng để nâng cao trình độ chiến đấu, nhất là phải quyết tâm phát hiện bằng được B-52 trong nhiễu được vững chắc, cuối tháng 7 năm 1972 Bộ tư lệnh triệu tập cán bộ trung đoàn, đại đội và một số trắc thủ vừa qua đã có kinh nghiệm phát hiện được máy bay B-52

trong nhiều nặng ở đại đội 18 - trung đoàn 291 về dự hội nghị do tư lệnh Bùi Đình Cường, tôi - phó chính ủy, tham mưu trưởng Tâm Trinh và phó chủ nhiệm chính trị Trần Mỹ lãnh đạo phát huy dân chủ, động viên để cán bộ, bộ đội nói hết khó khăn và những kinh nghiệm của trắc thủ và đơn vị đã phát hiện B-52 được chính xác như thế nào. Trên cơ sở thực tế đó hội nghị đi sâu rút ra những bài học sử dụng khí tài khoa học kỹ thuật, về vận dụng các quy trình thao tác phát hiện mục tiêu, trên cơ sở thực tế hội nghị đã có những kết luận vừa khoa học vừa thực tiễn khẳng định chúng ta có thể phát hiện được B-52 trong nhiều nặng, nâng cao tin tưởng cho cán bộ và trắc thủ.

Hội nghị đã thực sự là cuộc hội thảo về khoa học kỹ thuật và chiến thuật mang tính chất quần chúng rộng rãi về nhận thức và xử trí chỉ huy, về bảo đảm kỹ thuật.

Qua hội nghị Bộ tư lệnh đã động viên được cán bộ, chiến sĩ có lòng tin và quyết tâm mới, đồng thời nhấn mạnh phải bảo đảm phát hiện chính xác B-52, phải có trách nhiệm cao không bỏ lọt B-52 nhưng cũng không được báo sai vì đều có hại.

Do địch tăng cường dùng tên lửa Sơ rai đánh phá vào các loại máy ra đa dẫn đường của ta, đã gây cho ta thiệt hại máy của đại đội 45 và đại đội 50, gây nên sự lo ngại của trắc thủ và đơn vị đối với Sơ rai, ảnh hưởng đến dẫn đường cho máy bay của ta.

Sơ-rai là tên lửa tự dẫn, được phóng từ máy bay địch để bắn phá vào các đài ra đa siêu cao tần. Đối với Binh chủng Ra đa, địch nhằm vào loại ra đa dẫn đường, trong chiến tranh phá hoại lần thứ nhất chúng đã sử dụng loại Sơ-rai AGM 45, khối thuốc nổ nặng 23kg trong tên lửa, khi nổ văng ra hàng ngàn viên bi vuông mỗi cạnh dài 4mm phá hủy đài ra đa và sát thương người trên phạm vi lớn, trong chiến tranh phá hoại lần thứ hai địch còn sử dụng

thêm loại Sơ-rai hiện đại hơn, có sức công phá lớn hơn.

Để chống được Sơ-rai, giữa tháng 5 năm 1972 ở ngôi nhà chị Liên - phó chủ tịch xã Cộng Hòa, một cán bộ của địa phương tích cực giúp đỡ đơn vị đóng quân trong xã, Bộ tư lệnh họp để bàn kế hoạch biện pháp chống Sơ-rai. Thành phần buổi họp có tư lệnh Bùi Cường, tôi - phó chính ủy, trưởng ban tác chiến Nguyễn Văn Danh, trưởng ban kỹ thuật Hoàng Bình, trợ lý huấn luyện Nguyễn Danh. Cuộc họp đã xem xét lại những biện pháp chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất chưa thực sự đạt kết quả. Qua các ý kiến đóng góp về biện pháp mới lần này, tư lệnh Bùi Đình Cường nhất trí: Phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu cách chống tên lửa Sơ-rai và quyết định cử một tổ nghiên cứu gồm có: Đồng chí Nguyễn Văn Danh làm tổ trưởng, đồng chí Hoàng Bình trưởng ban kỹ thuật, đồng chí Tô Cao trợ lý chính trị, đồng chí Nguyễn Danh trợ lý huấn luyện.

Do ta lấy được ba quả tên lửa Sơ-rai bắn vào trận địa đại đội 22 không đem về ban kỹ thuật của binh chủng nghiên cứu tìm thấy điểm hạn chế của Sơ-rai, từ đó đã tìm ra được cách chống Sơ-rai của địch có hiệu quả.

Tổ nghiên cứu đã trực tiếp xuống đại đội 26, trung đoàn 293 thử nghiệm theo phương pháp mới bằng cách thao tác hạn chế hiệu quả của tên lửa bắn theo cánh sóng của ra đa. Ngày 27 tháng 6 tổ nghiên cứu và trắc thủ đài II35 thực nghiệm dẫn đường cho máy bay ta chiến đấu thắng lợi bắn rơi 4 máy bay địch trên bầu trời Sơn La, Nghĩa Lộ mà vẫn bảo đảm an toàn cho trận địa ra đa. Sau đó tổ nghiên cứu tiếp tục xuống đại đội 46 ở Kiến An - Hải Phòng hướng dẫn và thực nghiệm chống Sơ-rai có kết quả.

Từ ngày 8 đến 10 tháng 7 năm 1972, Bộ tư lệnh tổ chức hội nghị phổ biến kinh nghiệm phòng chống Sơ-rai của đại đội 26, 46 cho các cán bộ đại đội đài trưởng, trắc thủ các đơn vị ra đa dẫn đường của binh chủng. Chủ trì hội

ng nghị là tư lệnh Bùi Đình Cường và tôi - phó chính ủy binh chủng.

Sau khi nghe đại biểu phòng Tham mưu và Đại đội 26 báo cáo quá trình thử nghiệm phương pháp phòng chống Sơ-rai mới và kết quả trận dẫn đường cho không quân ta chiến đấu thắng lợi, hội nghị đã thống nhất quy trình thao tác phòng chống tên lửa Sơ-rai của các ra đa dẫn đường.

Đây là thành công về phát huy dân chủ quân sự, biết động viên phát huy trí tuệ của cán bộ và chiến sĩ khắc phục khó khăn thì mọi việc đều có thể thành công. Phát huy sức mạnh tổng hợp trong đánh địch để chống nhiều phát hiện được B-52 trong nhiều, sử dụng khí tài và các biện pháp về kỹ thuật còn cần vận dụng chiến thuật thành thạo.

Trong lần làm việc của tư lệnh Bùi Đình Cường với phó tổng tham mưu trưởng Vương Thừa Vũ một vị Tướng được mệnh danh là “Ông thầy về chiến thuật” của quân đội ta), đồng chí Phó tổng tham mưu trưởng đã chỉ đạo: Nhất thiết phải nghiên cứu chiến thuật để phá kỹ thuật và chiến thuật của địch. Thế trận đó phải thể hiện trong mạng ra đa của ta ở thế trận ngược chiều trên nhiều hướng, đan chéo nhau theo ý định chiến thuật, có thể giao hội giữa ra đa vòng ngoài và ra đa vòng trong, chống được nhiều nặng của địch.

Những ý kiến chỉ đạo của Phó tổng tham mưu trưởng được Bộ tư lệnh binh chủng nghiên cứu vận dụng trong bố trí điều chỉnh đội hình chiến đấu và dựng trường ra đa để vừa chống được nhiều cường độ mạnh, bảo đảm phát hiện máy bay địch vững chắc hơn.

Qua nghiên cứu cách đánh của địch đối với miền Bắc nói chung, nhất là đánh vào Hà Nội, Hải Phòng địch đều qua 2 hướng: Từ Thái Lan qua biên

giới Việt Lào ngược lên phía Bắc và từ biển Đông vào.

Kế hoạch trước đây điều sở chỉ huy trung đoàn 290 vào Quảng Bình và đưa sở chỉ huy trung đoàn 291 vào Nghệ An, điều chỉnh các đại đội ra đa giữa 2 trung đoàn để bảo đảm đội hình của 2 trung đoàn, tạo điều kiện cho trung đoàn 291 đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ khi địch tổ chức đánh lớn vào Hà Nội và các tỉnh phía Bắc.

Theo ý đồ chiến thuật chống nhiều B-52, việc điều chỉnh bố trí một số đại đội của các trung đoàn đã được tiến hành xong trước tháng 11 năm 1972.

Để dẫn đường cho không quân ta tiêu diệt máy bay B-52 ở Tây Vĩnh Linh và Quảng Bình, đoạn cửa khẩu đường 559, giữa năm 1972 khi tôi và đồng chí Đào Văn Dương đang làm nhiệm vụ tiền phương của binh chủng ở Tây Quảng Bình (trung đoàn 290), đồng chí Trần Mạnh - Phó tư lệnh Không quân đến gặp chúng tôi hiệp đồng dẫn đường để máy bay ta đánh B-52 và C130 của địch. Chúng tôi đã cùng nghiên cứu quy luật hoạt động của máy bay B-52. Binh chủng Không quân đã bí mật đưa máy bay của ta và sân bay Vinh và sân bay Đồng Hới vừa luyện tập vừa chuẩn bị để đánh B-52. Tuy đã có lần ra đa dẫn máy bay lên đánh địch nhưng chưa thành công do địch phát hiện thấy máy bay ta, sau này ta thay đổi cách tiếp cận địch bằng cách bay thật thấp, khi tới gần địch mới nâng độ cao. Ra đa dẫn đường có nhiều khó khăn, nhưng để quyết tâm tiêu diệt địch, chúng tôi đã cùng anh em ra đa trung đoàn 290 khắc phục khó khăn phục vụ để không quân ta đánh thắng B-52 ở phía Tây Vĩnh Linh, Quảng Bình lấy kinh nghiệm khi B-52 đánh ra Hà Nội, Hải Phòng.

Cách đánh của không quân ta ở Tây Vĩnh Linh, Quảng Bình đã thành kinh nghiệm đánh B-52 được Tư lệnh Quân chủng Lê Văn Trị nhất trí và giao cho Bộ tư lệnh Binh chủng Không quân và Binh chủng Ra đa chuẩn bị. Đó cũng

là kết quả sau này khi ra đa đã dẫn đường cho máy bay do hai phi công là Phạm Tuân và liệt sĩ Vũ Xuân Thiều bắn hạ máy bay B-52 trên bầu trời phía Tây Bắc Bộ.

Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Pa ri để mở lối thoát cho cuộc đàm phán, chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa đã chủ động đưa ra một bản dự thảo “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam”. Sau 4 ngày thương lượng, phía Mỹ đã chấp nhận những nội dung trong văn bản dự thảo. Tổng thống Níchxơn chính thức gửi công hàm cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng khẳng định: “Hiệp định coi như đã hoàn tất. Hãy tin vào chúng tôi là có thể ký kết được hiệp định. Thời gian như đã thỏa thuận”.

Ngày 18 tháng 10 năm 1972, Mỹ chấm dứt ném bom trên toàn miền Bắc - Việt Nam. Ngày 20 tháng 10 lễ ký tắt giữa cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và Kít-xinh-giơ được tiến hành ở Hà Nội. Ngày 26 tháng 10 lễ ký chính thức giữa 4 bên tham chiến diễn ra tại Pa ri. Ngày 27 tháng 10 ngừng bắn trên toàn cõi Việt Nam, hòa bình ở Việt Nam đã được văn hồi.

Nhưng rồi phía Mỹ lại yêu cầu ta cho lùi những thỏa thuận trên, phái đoàn ta cũng đã chấp nhận của phía Mỹ. Nhưng Kít-xinh-giơ bỏ chuyến bay đến Hà Nội, tiếp tục trì hoãn ngày ký kết và ngày ngừng bắn, đổ lỗi cho Nguyễn Văn Thiệu - Tổng thống chính quyền Sài Gòn không chịu ký.

Ngày 26 tháng 10 năm 1972 Chính phủ ta công bố toàn văn bản dự thảo hiệp định mà hai bên đã thỏa thuận chỉ còn chờ chữ ký, nêu rõ lập trường đúng đắn hợp tình hợp lý tỏ rõ thiện chí của ta, vạch rõ thái độ xảo trá, lật lọng, tráo trở của Mỹ, vạch rõ những thủ đoạn lừa bịp, xuyên tạc thiện chí của ta, lên án âm mưu tàn bạo của Mỹ trước nhân dân nước ta và nhân dân thế giới. Ở Pa-ri, cố vấn Lê Đức Thọ đã nhìn thẳng vào mặt Kít-xinh-giơ

cảnh báo: “Các ông gieo gió ắt phải gặt bão”.

Chấp hành nghị quyết bất thường của Đảng ủy Quân chủng ngày 27 tháng 10 năm 1972, ngày 29 tháng 10 năm 1972 Đảng ủy Binh chủng Ra đã tiến hành một đợt sinh hoạt chính trị, mục đích và yêu cầu phải làm cho toàn binh chủng nhận rõ nhiệm vụ của binh chủng hết sức nặng nề, các cấp phải đề cao cảnh giác trước âm mưu của địch, sẵn sàng chiến đấu, kiên quyết đánh thắng, khắc phục mọi khó khăn hoàn thành nhiệm vụ, động viên thành phong trào thi đua sôi nổi chống nhiễu phát hiện kịp thời mọi loại máy bay địch, nhất là đối với máy bay B-52 phục vụ cho các lực lượng phòng không tiêu diệt được nhiều máy bay Mỹ.

Níchxơn coi B-52 là “át chủ bài” đánh vào Hà Nội và Hải Phòng và một số thành phố khác để ép ta phải nhận những điều có lợi cho chúng. Đồng chí Bùi Đình Cường - Tư lệnh binh chủng nhắc lại: “Tháng 4 năm 1972 binh chủng đã không hoàn thành nhiệm vụ, không thông báo chính xác về máy bay B-52, không được để tái diễn như vậy nữa”.

Sinh hoạt lần này mỗi đồng chí trong Đảng ủy đều nêu cao tinh thần phê bình và tự phê bình rất nghiêm túc thể hiện tinh thần đoàn kết, trách nhiệm cao trước đơn vị.

Tháng 11 năm 1972 chấp hành nghị quyết của Đảng ủy binh chủng, các Đảng bộ các cơ quan và các trung đoàn đều mở đại hội Đảng bộ. Đây là một đợt sinh hoạt chính trị trong toàn binh chủng từ các chi bộ đến các đại đội đều quán triệt những tinh thần nội dung nghị quyết của Đảng ủy binh chủng. Các cấp ủy và các đại đội đều tập trung thảo luận, bàn kỹ yêu cầu sẵn sàng chiến đấu cao, xây dựng quyết tâm chống nhiễu, phát hiện chính xác máy bay B-52.

Trung đoàn 291 làm nhiệm vụ ở Quân khu 4 tiến hành đại hội Đảng nhiệm kỳ, coi đây là đợt sinh hoạt chính trị để phát huy tinh thần cách mạng tiến công, ý chí quyết tâm đánh thắng ngay từ trận đầu, ngày đầu, không được để bị bất ngờ, nhất là khi địch sử dụng B-52 đánh vào Hà Nội, Hải Phòng, trong nhiệm vụ chống nhiễu, phát hiện B-52 thắng lợi.

Tới dự và chỉ đạo Đại hội Đảng bộ trung đoàn 291 có Phó chính ủy Quân chủng Nguyễn Xuân Mậu và Chính ủy binh chủng Hoàng Văn Ngữ. Đại hội thảo luận thấy rõ nhiệm vụ của trung đoàn triển khai trên hướng chủ yếu khi địch đánh vào miền Bắc, nhất là khi chúng bay vào Hà Nội. Trung đoàn phải phát hiện được địch từ xa, “Quyết tâm chống nhiễu tốt phát hiện được B-52 trên màn hiện sóng” kiên quyết không để lọt B-52, thể hiện là đại hội quyết thắng B-52.

Thể hiện tinh thần quyết tâm đánh thắng B-52 của cán bộ, chiến sĩ trung đoàn, đồng chí trung đoàn trưởng Đỗ Năm và chính ủy trung đoàn Phan Huyền Cơ cùng một số cán bộ cơ quan trực tiếp xuống kiểm tra, đơn đốc đơn vị chuẩn bị chiến đấu, lên máy cùng đài trưởng và trắc thủ theo dõi cường độ nhiễu, xử trí phát hiện tín hiệu B-52 để rút ra kinh nghiệm cho lãnh đạo và chỉ huy. Tinh thần quyết thắng B-52 còn thể hiện bằng những phương án chiến đấu dũng cảm bám máy, bám trận địa khi bom B-52 rải thảm gần trận địa đại đội 45 ngày 22 tháng 11 năm 1972.

Trung đoàn 292 làm nhiệm vụ ở địa bàn phía Tây của Tổ quốc gặp khó khăn trong việc tiến hành đại hội Đảng nhiệm kỳ. Đại hội thể hiện được tinh thần khắc phục khó khăn của một đơn vị đang làm nhiệm vụ ở địa bàn rừng núi. Đại hội đã tập trung bàn và phát huy cao độ các khí tài trang bị với tinh thần có gì đánh nấy, chống nhiễu phát hiện địch từ xa, với tinh thần vượt đường số 7 bám sông Mê Kông không để lọt máy bay bay thấp của F111, quyết phát huy những con mắt của miền Tây của Tổ quốc, quyết không để lọt khi địch đánh vào Hà Nội.

Cùng với đại hội của trung đoàn 290, trung đoàn 293 đạt kết quả và thành công trong đợt sinh hoạt chính trị, đã đạt được sự nhất trí cao trong toàn binh chủng, có quyết tâm khắc phục khó khăn hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ, để thể hiện trên nhiều hành động thực tế của cán bộ, chiến sĩ, sẽ là bảo đảm thành công trong chiến thắng B-52 của toàn Binh chủng Ra đa trong những ngày sắp tới.

Ngày 14 tháng 12 năm 1972 Níchxơn ra lệnh cho hải quân tiếp tục thả thủy lôi phong tỏa các cảng và các cửa sông Bắc Việt. Không quân tiếp tục bắn phá, kể cả dùng máy bay B-52 đánh sâu vào miền Bắc.

Ngày 15 tháng 12 năm 1972 toàn Quân chủng chuyển vào trạng thái chiến đấu cấp I. Bộ tư lệnh Quân chủng giao nhiệm vụ cho Binh chủng Ra đa phát hiện địch từ xa, chuẩn xác, kể cả máy bay B-52 phục vụ cho các binh chủng hỏa lực chủ động bắn rơi tại chỗ máy bay địch, kể cả B-52.

Tuần này đồng chí Hứa Mạnh Tài - Tham mưu phó của binh chủng trực chỉ huy quân sự, tôi - Phó chính ủy trực về chính trị. Đồng chí Bùi Đình Cường - Tư lệnh binh chủng đang đi điều trị ở Quân y viện 108. Chúng tôi đã thông báo cho đồng chí Đào Văn Dương - Tư lệnh phó binh chủng và đồng chí Hoàng Văn Ngữ - Chính ủy binh chủng đang chủ trì hội nghị tổng kết về xây dựng cơ sở biết về lệnh chiến đấu cấp I.

Tôi và đồng chí Hứa Mạnh Tài đã trao đổi và quyết định hạ lệnh cho các trung đoàn chuyển vào chiến đấu cấp I theo lệnh của Quân chủng, đồng thời chỉ đạo cho các đơn vị kiểm tra mọi mặt về sẵn sàng chiến đấu như các máy ra đa, xăng dầu, các phương tiện thông tin phải luôn ở trạng thái sẵn sàng chiến đấu tốt, công tác chính trị phải động viên thi đua hoàn thành xuất sắc

nhệm vụ phát hiện B-52 từ xa, chính xác, bảo đảm phục vụ các lực lượng hỏa lực phòng không của ta đánh thẳng ngay từ trận đầu, ngày đầu.

Trong những ngày này chúng tôi thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các đơn vị phải báo cáo tình hình. Trước đó đoàn kiểm tra của binh chủng do đồng chí Hữu Hùng làm trưởng đoàn đi kiểm tra ở trung đoàn 290 về cho biết các đơn vị của trung đoàn mọi mặt đã sẵn sàng chiến đấu tốt, làm chúng tôi yên tâm, tin tưởng các đơn vị sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Ngày 18 tháng 12 năm 1972 cường độ hoạt động của máy bay địch ở địa bàn Quân khu 4 giảm đi đột ngột. 10 giờ 15 phút, 1 máy bay trinh sát không người lái từ Thái Lan bay qua Lào, qua Tây Bắc, Yên Bái, Tam Đảo, dọc sông Hồng xuyên qua Hà Nội rồi thoát ra phía Hòa Bình. Tiếp đó 10 giờ 45 phút, 1 máy bay trinh sát không người lái bay thấp từ cửa Nam Triệu vào Hải Phòng, Kiến An rồi bay ra cửa Ba Lạt.

16 giờ từ Bộ tổng tham mưu thông báo: “5 tàu sân bay đang lên vĩ độ cao từ đông Thanh Hóa đến đông Đồng Hới, cách bờ biển 60km. Trong khi đó tình hình trên không vẫn yên tĩnh, tất cả tình hình trên đều được báo về sở chỉ huy Quân chủng Phòng không - Không quân.

Đến 4 giờ chiều, buổi giao ban ở sở chỉ huy Quân chủng, sau khi nghe đồng chí sĩ quan trưởng của sở chỉ huy báo cáo, các binh chủng bổ sung, Tư lệnh Quân chủng Lê Văn Tri nhận định: “Địch giảm đột ngột. Đây là một hiện tượng không bình thường, chứng tỏ địch đang chuẩn bị cho một âm mưu mới”. Đồng chí chỉ thị cho Binh chủng Ra đa phải tổ chức trực ban cho chặt chẽ, có kế hoạch mở máy tăng cường kịp thời, hết sức đề phòng máy bay B-52.

18 giờ 15 phút, trung đoàn 290 báo về sở chỉ huy binh chủng tất cả các đài ra đã đang mở máy đều bị nhiễu, cường độ tăng nhanh. Đồng chí Hứa Mạnh Tài và tôi trao đổi, đi đến quyết định: “Các trung đoàn cho phiên ban giỏi vào vị trí chiến đấu, thủ trưởng các trung đoàn phải trực tiếp ở sở chỉ huy”...

18 giờ 20 phút, sở chỉ huy binh chủng nhận được thông báo vượt cấp của đại đội 37, trung đoàn 292: “2 tốp F111 xuất hiện ở bên kia biên giới Việt Lào”, tiếp đó các đại đội 30, 34 - trung đoàn 293 báo về: “F111 đang đánh phá sân bay Nội Bài”. Đây là thủ đoạn hòng ngăn chặn sự cất cánh của máy bay ta.

Cùng một lúc các trung đoàn 290, 291, 292 và 293 đều báo cường độ nhiễu đang tăng theo thời gian và thủ trưởng các trung đoàn đều có mặt trực tiếp ở sở chỉ huy trung đoàn.

Tại sở chỉ huy trung đoàn 291, đồng chí Đỗ Năm - trung đoàn trưởng chỉ thị cho đại đội 16 ở Diễn Châu tập trung phát hiện từ phương vị 220 đến phương vị 300, chú ý phát hiện B-52.

Lúc này đại đội trưởng Trần Văn An và chính trị viên Trịnh Đình Nham thống nhất chỉ huy các đài chống nhiễu phát hiện B-52, sau ít phút đài trưởng 843 Tô Trọng Huy và trắc thủ máy 514 Phạm Quốc Hùng đã xác định đó là nhiễu B-52.

Trung đoàn trưởng Đỗ Văn Năm nhận được tin báo nhiễu của đại đội 16, đã có sẵn trong phương án tác chiến, Trung đoàn trưởng ra lệnh mở máy tăng cường máy P35 của đại đội 45, đại đội trưởng Đinh Hữu Thuần nhận được lệnh mở máy đã chấp hành rất khẩn trương, chỉ không lâu đài trưởng Nghiêm

Đình Tích là trắc thủ giỏi của binh chủng đã có kinh nghiệm chống nhiều phát hiện B-52, cùng với các trắc thủ Phạm Hoàng Cầu, Nguyễn Văn Xích đã thấy được 3 dải nhiễu B-52 ở cùng độ cao mà máy của Tô Trọng Huy - đại đội 16 phát hiện. Tiếp tục chống nhiễu làm rõ mục tiêu, qua kinh nghiệm các lần trước B-52 bay từ U-ta-pao - Thái Lan bay đến phương vị 290 vào khu vực Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng, nhưng lần này vẫn bay tiếp vào phương vị 300. Đài trưởng Nghiêm Đình Tích do được sinh hoạt chính trị vừa xong, có ý thức cảnh giác báo với chỉ huy đại đội 45: “B-52 bay vào miền Bắc”. Trong lúc đó các đài ra đa ở ven biển của các đại đội 18, 19, 24 phát hiện được nhiều tốp đang bay vào miền Bắc, sở chỉ huy binh chủng chỉ thị làm rõ “B” thật hay “B” giả, đã được các đơn vị báo về là các tốp F.

Những đường bay B-52 lăm lăm nhích lên qua vĩ tuyến 20. Qua đường dây điện thoại của bưu điện, đồng chí Hứa Mạnh Tài gặp đồng chí Đỗ Năm - trung đoàn trưởng 291 xác minh có đúng B-52 không, được trả lời đã kiểm tra là đúng B-52. Trong sở chỉ huy binh chủng rất khẩn trương, sĩ quan chỉnh lý đường bay đã xếp 7 tốp 21 B52 theo tốp quy định. Tốp 463 được xếp là tốp thứ nhất, chiến sĩ gái Hồ Thị Sinh một lúc phải thu nhiễu mục tiêu rất vất vả nhưng vẫn bình tĩnh tập trung tư tưởng nối dài đường bay đủ số lượng, độ cao, thời gian v.v...

Từ sở chỉ huy Quân chủng đồng chí Quang Bích - Phó tư lệnh Quân chủng điện thoại gọi sang hỏi: “Ra đa có bảo đảm chắc chắn là B-52 không? Vậy B-52 có vượt qua vĩ tuyến 20 không?”. Đã qua phân tích trong ngày và qua hoạt động của địch từ chập tối tới giờ, trước đó đã trực tiếp gặp đồng chí Đỗ Năm và những tin của Bộ tổng tham mưu thông báo cho biết, thực tế nhiễu nặng đang gây cho trắc thủ ra đa nhiễu khó khăn chúng tôi xác định những tốp B-52 đã thông báo là chính xác. Đồng chí tham mưu phó Hứa Mạnh Tài trả lời: “Đúng là B-52 đang vượt qua vĩ tuyến 20”. Trong lúc trên mạng thông báo của binh chủng vẫn tiếp tục phát đi các tốp F111, F4 và F105 nối đuôi nhau vào đánh phá các sân bay, chế áp các trận địa phòng không bảo vệ trận địa tên lửa, đồng thời tung ra các bó kim loại để gây nhiễu tiêu cực.

Tôi cầm điện thoại gặp đồng chí Hoan - trung đoàn trưởng trung đoàn 293 đơn vị có nhiều máy có công suất lớn, có đại đội ra đa ở ngay địa bàn Hà Nội nhắc đồng chí cho đơn vị bắt tiếp các tốp B-52 của 291, làm rõ số lượng, kiểu loại máy bay để phục vụ cho các đơn vị phòng không tiêu diệt nhiều máy bay địch, chú ý việc thông báo phân tán cho các đơn vị phòng không Hà Nội (sau này tôi được đồng chí Bùi Biếng - trung đoàn trưởng trung đoàn 220 pháo 100mm lúc bấy giờ cho biết: “trung đoàn 220 đã sử dụng các phần tử của ra đa thông báo lắp vào máy chỉ huy của pháo đánh rất tốt”).

Sở chỉ huy vẫn làm việc khẩn trương bình tĩnh thông báo các tốp B-52 đến sở chỉ huy Quân chủng và các đơn vị tên lửa, cao xạ, không quân và các địa phương Hà Nội, Hải Phòng để phục vụ phòng tránh cho nhân dân. Được tin từ Bộ tổng tham mưu cũng nhận đầy đủ tình báo của ra đa, chúng tôi rất yên tâm. Vừa lúc này nhận được báo cáo của các vọng quan sát ở Hòa Bình, Vĩnh Phú đã nghe thấy tiếng gầm rú của máy bay B-52.

19 giờ 44 phút, tiểu đoàn 78 trung đoàn tên lửa 257 đã phóng quả đạn đầu tiên vào tốp B-52 có ký hiệu 556. 20 giờ 13 phút tiểu đoàn 59 trung đoàn tên lửa 261 đã phóng 2 quả đạn vào tốp B-52 có ký hiệu 671 bay từ Tam Đảo vào, một chiếc đã trúng đạn rơi tại chỗ, một chiếc B-52 rơi ở Phủ Lỗ. Đây là những máy bay B-52 bị bắn rơi tại chỗ đầu tiên ở Hà Nội.

Trận chiến đấu quyết liệt đã diễn ra trên bầu trời Hà Nội và các vùng lân cận giữa quân và dân ta với không quân Mỹ. Trận đấu đánh máy bay Mỹ đêm 18 tháng 12 năm 1972 kết thúc vào 20 giờ 20 phút. Tư lệnh Quân chủng nhận định: Đêm nay địch còn tiếp tục đánh vào Hà Nội, tất cả các đơn vị đều phải cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu tốt hơn.

23 giờ các đơn vị đại đội 3 trinh sát nhiều và các đài ra đa của các đại đội 11, 12, 17 trung đoàn 290 đã phát hiện máy bay B-52 từ hướng Đông Nam,

tiếp đó các đơn vị đại đội 16, 45 bắt tiếp các tốp B-52 của trung đoàn 290. Đây là lần thứ hai không quân Mỹ lại vào gây tội ác đối với nhân dân ta, chúng đã bị các lực lượng phòng không của Hà Nội đánh trả quyết liệt. “Chết thì chết, vết không chữa” 4 giờ sáng ngày 19 tháng 12 địch lại tiếp tục dùng B-52 đánh lần thứ 3 vào Hà Nội và một số địa phương khác. Quân dân Hà Nội đã kiên quyết giáng trả chúng.

3 đợt đánh trả không quân Mỹ đem B-52 vào gây tội ác với nhân dân Thủ đô Hà Nội, bộ đội ra đa đã kịp thời phát hiện B-52 từ xa, chính xác phục vụ cho các lực lượng phòng không đánh trúng bắn rơi 8 máy bay địch, trong đó có 3 chiếc B-52, 2 chiếc B-52 rơi tại chỗ.

Suốt một đêm chiến đấu căng thẳng nhưng được tin tên lửa ta đã bắn hạ B-52 rơi tại chỗ, tin đó được thông báo đến toàn thể cán bộ, chiến sĩ trong binh chủng đã làm mọi người vô cùng phấn khởi.

Sáng 19 tháng 12 năm 1972 sau một đêm thức trắng, buổi giao ban ở sở chỉ huy Quân chủng Phòng không - Không quân đã diễn ra trong một không khí hết sức vui vẻ, phấn khởi. Sau khi đồng chí sĩ quan trực ban trưởng báo cáo về tình hình chiến đấu trong đêm, các binh chủng bổ sung, Tư lệnh Quân chủng Lê Văn Tri kết luận xong, đã nói: “Đêm qua các đồng chí ra đa đã làm ăn tốt, phát hiện được B-52 vào đánh Hà Nội từ xa và chính xác giúp cho Bộ tư lệnh Quân chủng hạ quyết tâm, chính xác, kịp thời, đưa toàn Quân chủng vào chiến đấu tạo điều kiện cho bộ đội tên lửa bắn rơi máy bay B-52, rơi tại chỗ, ngay từ trận đầu, ngày đầu, tạo thuận lợi cho các trận đánh sắp tới”.

Cuộc họp của Bộ tư lệnh Ra đa sáng ngày 19 tháng 12 năm 1972 có mặt Chính ủy binh chủng Hoàng Văn Ngũ, Tư lệnh phó Đào Văn Dương, Tham mưu phó Hứa Mạnh Tài và tôi - phó chính ủy binh chủng. Sau khi nghe tôi và đồng chí Hứa Mạnh Tài báo cáo tình hình chiến đấu đêm 18 tháng 12, Bộ tư lệnh binh chủng đã kết luận: Trong chiến đấu đêm 18 tháng 12 các đơn vị toàn binh chủng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trung đoàn 290 đã phát hiện nhiều của địch sớm, giúp cho binh chủng và Quân chủng cảnh giác trước âm mưu của địch. Các đơn vị 292 đã phát hiện kịp thời F111 bay thấp, tiếp đó là các đơn vị 293 phát hiện các loại máy bay vào đánh phá các sân bay, trận địa pháo phòng không, tốt hơn cả là trung đoàn 291, các đại đội 16, 45 đã phát hiện được nhiều và B-52 vào đánh Hà Nội chính xác sớm và liên tục. Sở chỉ huy binh chủng đã thu thập đầy đủ tình báo và thông báo đầy đủ cho Quân chủng và các lực lượng phòng không đánh thẳng ngay từ trận đầu góp phần vào chiến thắng của quân dân Thủ đô Hà Nội có ý nghĩa rất quan trọng: Đã đánh thẳng cuộc tập kích chiến lược đường không bất ngờ của địch.

Bộ Tư lệnh cũng chỉ ra: Có được chiến công trên là được sự chỉ đạo sáng suốt của cấp trên cùng với sự nêu cao tinh thần trách nhiệm của các cấp ủy, chỉ bộ, sự bền bỉ nêu cao ý chí quyết chiến, quyết thắng, tinh thần sáng tạo mưu trí của cán bộ, chiến sĩ. Để tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn nữa, cần làm ngay và làm tốt việc rút kinh nghiệm chiến đấu và củng cố mọi mặt, không chủ quan thỏa mãn, để hoàn thành tốt hơn nữa trong những ngày sắp tới, bảo đảm phục vụ đánh thẳng B-52 liên tục trong mọi thời tiết và mọi thời cơ.

Sự chỉ đạo của Bộ tư lệnh xuống tới các đơn vị từ ngày 19 và sau đó đã diễn ra hết sức khẩn trương khắp các cơ quan và đại đội. Những khẩu hiệu: “Tất cả trắc thủ lên máy chống nhiễu, phát hiện B-52”, “Kiên quyết vạch nhiễu tìm B-52” đã được viết lên xe, lên máy. Các máy, các khí tài được bảo quản sửa chữa, bổ sung kịp thời. Mỗi cán bộ, chiến sĩ đều thấy mình đang đứng trước một cuộc chiến đấu rất thiêng liêng.

Đêm 20 tháng 12 cuộc chiến đấu đang rất khẩn trương, toàn Quân chủng đánh trả máy bay Mỹ. Các lực lượng phòng không đã bắn tan xác 7 chiếc B-52, có chiếc bốc cháy sáng rực bầu trời Thủ đô Hà Nội, ta đã bắt sống giặc lái. Sở chỉ huy binh chủng vinh dự thay mặt bộ đội Ra đa đón tiếp Thủ tướng Phạm Văn Đồng đến thăm nhân dịp kỷ niệm lần thứ 38 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Na. Thủ tướng bước đến bâng mi ca chăm chú theo dõi chiến sĩ đánh dấu đường bay được phát hiện từ các trung đoàn báo về. Thủ tướng trìu mến nhìn khắp lượt các cán bộ, chiến sĩ đang làm nhiệm vụ rồi hỏi: “Các đồng chí phát hiện B-52 xa được bao nhiêu?”. Đồng chí Đào Văn Dương - Phó tư lệnh binh chủng đáp: “Ngay từ đợt B-52 đầu tiên đêm 18-12 bộ đội Ra đa đã báo trước cho Hà Nội 35 phút”. Thủ tướng nói: “Cảm ơn các đồng chí và lần lượt bắt tay các cán bộ và chiến sĩ trong sở chỉ huy, ai nấy đều xúc động. Việc Thủ tướng đến thăm đơn vị thể hiện sự quan tâm, cổ vũ to lớn của Đảng, Chính phủ và nhân dân. Trước lúc Thủ tướng ra về, đồng chí Hoàng Văn Ngữ thay mặt Đảng ủy và Bộ tư lệnh binh chủng hứa với Thủ tướng: “Bộ đội ra đa chúng tôi xin hứa với Thủ tướng phát hiện thông báo B-52 cũng như các loại máy bay khác từ xa, nhanh, đúng, đủ, liên tục hơn nữa để phục vụ cho các lực lượng phòng không ta bắn rơi nhiều B-52 và phòng tránh cho nhân dân ngày càng tốt hơn”.

Phát huy thắng lợi đêm 18 tháng 12, suốt trong 12 ngày đêm đánh trả máy bay B-52 của địch đánh vào Hà Nội, Hải Phòng và các địa phương khác, các cán bộ, chiến sĩ ra đa đề cao trách nhiệm với tinh thần quyết chiến, quyết thắng, mưu trí, sáng tạo, không khuất phục trước khó khăn, màn hiện sóng là chiến trường, với chiến công thầm lặng đoàn kết hiệp đồng chiến đấu góp phần quan trọng vào chiến công chung bắn rơi nhiều máy bay Mỹ kể cả B-52 làm nên “Điện Biên Phủ trên không”. Đập tan cuộc tập kích chiến lược của không quân Mỹ đối với Thủ đô Hà Nội hòng ép ta phải chấp nhận những điều kiện ngoại giao có lợi cho chúng trên hội nghị Pa-ri.

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2003

BỘ ĐỘI RAĐA THAM GIA CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

CÙ HƯNG NGHĨA

Nguyên đại đội trưởng Đại đội ra đa 23

Với tư cách là người được trực tiếp tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, tôi xin ghi chép lại ngắn gọn trung thực những sự kiện quan trọng về cuộc hành quân cơ động của đại đội ra đa 23 thuộc tiểu đoàn 8 Quân chủng Phòng không - Không quân mùa xuân năm 1975.

Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Quốc phòng, tháng 11 năm 1974 Binh chủng Ra đa đã thành lập tiểu đoàn 8 làm nhiệm vụ bảo đảm chỉ huy chiến đấu và chiến đấu cho Các lực lượng phòng không trong đội hình quân binh chủng hợp thành ở chiến trường miền Nam.

Tiểu đoàn 8 do đồng chí Trần Quang Sáng làm tiểu đoàn trưởng, được biên chế 4 đại đội ra đa:

- Đại đội 17 do đồng chí Tới làm đại đội trưởng.
- Đại đội 23 do đồng chí Cù Hưng Nghĩa làm đại đội trưởng.
- Đại đội 27 do đồng chí Kiên làm đại đội trưởng.
- Đại đội 34 do đồng chí Thụy làm đại đội trưởng.

Ngày 8 tháng 12 năm 1974 bốn đại đội ra đa nói trên được các trung đoàn ra đa bàn giao và tập kết tại xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Nam Hà. Trong thời gian tập kết tại đây toàn tiểu đoàn thực hiện 3 nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

- Ổn định biên chế tổ chức.
- Thay đổi và bổ sung trang bị, khí tài.
- Học tập chính trị.

Để chuẩn bị cho cuộc hành quân cơ động và triển khai lực lượng trên chiến trường miền Nam, Bộ tư lệnh đã quyết định thành lập một đoàn tiền trạm gồm các đồng chí:

- Đào Văn Dương: Đại tá - Phó tư lệnh Binh chủng làm trưởng đoàn.
- Hứa Mạnh Tài: Thượng tá - Phó Tham mưu trưởng làm phó đoàn.
- Trần Văn Thế, Bùi Xuân Trạc - Trợ lý cơ quan binh chủng.

- Các đồng chí đại đội trưởng: Tới, Nghĩa, Kiên, Thụy.

Đoàn tiền trạm của binh chủng được giao những nhiệm vụ rất cụ thể như sau:

- Trình sát toàn bộ tuyến đường hành quân cơ động, đặc biệt là đường mòn Hồ Chí Minh từ Khe Sanh (Quảng Trị) tới Đắc Tô, Tân Cảnh (Kon Tum).

- Tìm chọn trận địa trên phạm vi từ Nam đường 9 tới bắc Plâycu. Tìm hiểu tình hình địch mặt đất trên từng khu vực triển khai các trạm ra đa.

- Tìm hiểu tình hình ta bao gồm: Việc bố trí lực lượng của các quân binh chủng, các căn cứ bảo đảm hậu cần kỹ thuật của các đơn vị bạn trên chiến trường.

Đúng 8 giờ 30 phút ngày 19 tháng 2 năm 1975 đoàn xe tiền trạm gồm 3 xe: 1 xe con GAT-69, 2 xe tải, do đồng chí Phó tư lệnh Đào Văn Dương dẫn đầu rời khỏi thôn Thư Lâu, xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Nam Hà theo đường số 1 hướng thẳng về phía Nam.

Đoàn xe lần lượt qua các địa danh Phủ Lý, Ninh Bình, Thanh Hóa, Vinh, Hà Tĩnh, Đồng Hới... Tới đâu cũng được chứng kiến những không khí lao động và sẵn sàng chiến đấu khẩn trương của quân và dân miền Bắc XHCN vì miền Nam ruột thịt.

Sáng ngày 22 tháng 2 năm 1975 đoàn xuất phát từ xã Lộc Đại - Quảng Bình, vượt qua cầu Hiền Lương lịch sử lần lượt đi qua Dốc Miếu - Cồn Tiên, thị trấn Đông Hà, rẽ theo đường 9 tới thẳng Khe Sanh... Đến đây chúng tôi cũng được chứng kiến những chiến công oanh liệt của quân và dân miền Nam trước kẻ thù hung bạo.

Sáng ngày 23 tháng 2 năm 1975 đoàn xuất phát từ Khe Sanh theo đường mòn Hồ Chí Minh. Suốt 20 ngày phải vượt qua một chặng đường lịch sử dài hơn 400km qua các địa danh A Ho, A Lưới, A Vượng, Hiền Giang, Khâm Đức, Đắc Pét, Đắc Cong, Đắc Tô, Tân Cảnh... Vừa đi, vừa tìm hiểu tình hình ta, tình hình địch, tình hình đường xá và tìm chọn trận địa ra đả.

Sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, đoàn tiền trạm đã khẩn trương trở ra miền Bắc. Trung tuần tháng 3, đoàn đã có mặt ở Quảng Bình. Lúc này toàn bộ tiểu đoàn đã cơ động an toàn vào tới địa điểm Thác Cóc, nông trường quyết thắng Lệ Ninh - Quảng Bình.

Tình hình chiến trường diễn biến hết sức khẩn trương. Do đó toàn tiểu đoàn đã gấp rút ngày đêm chuẩn bị hành quân cơ động vào chiến trường.

Ngày 27 tháng 3 năm 1975 cán bộ chủ chốt của tiểu đoàn đã tập trung để nghe phổ biến kế hoạch hành quân. Theo kế hoạch ban đầu dự kiến đội hình của tiểu đoàn như sau:

- Đại đội 17 triển khai ở An Khê.

- Đại đội 34 triển khai ở Đức Lập.

- Đại đội 27 triển khai ở Plây Cu.
- Đại đội 23 triển khai ở Buôn Mê Thuột.
- Thứ tự đội hình hành quân như sau:
 - + Đại đội 23 đi trước.
 - + Tiểu đoàn bộ và đại đội 27 đi thứ hai.
 - + Đại đội 17 và đại đội 34 đi thứ ba.
- Giờ hành quân 6 giờ 30 phút ngày 31-3-1975.
- Thời gian hành quân từ Quảng Bình vào tới đơn vị xa nhất (đại đội 23) là 14 ngày.
- Đường hành quân: Đường mòn Hồ Chí Minh và đường 14A.
- Thời gian các đơn vị liên lạc và báo cáo với tiểu đoàn vào 21 giờ hàng

ngày.

- Phương pháp chỉ huy hành quân: Từng đại đội ra đa tổ chức chỉ huy hành quân độc lập.

Theo đúng kế hoạch 5 giờ sáng ngày 31 tháng 3 năm 1975 đội hình hành quân cơ động của đại đội 23 gồm 4 xe khí tài kéo móc, 2 xe tải và 1 xe xích bắt đầu xuất phát, vượt qua cầu Hiền Lương đi về hướng Khe Sanh. Vượt qua suối sâu, đèo cao, đói ăn, mất ngủ, đội nằng dầm mưa trong suốt 15 ngày đêm, cuối cùng đã tới được địa điểm tập kết dự kiến ban đầu là thành phố Buôn Mê Thuột vừa được giải phóng đúng vào 10 giờ ngày 16 tháng 4 năm 1975.

Đây là cung đường hành quân cơ động gian lao nguy hiểm nhất mà Đại đội 23 đã vượt qua với đường sá hẹp, nhiều cua, dốc, ngầm sâu và cầu nhỏ tạm, trời lại mưa tầm tã. Đã có ít nhất tới 4 - 5 sự cố như “ngàn cân treo sợi tóc” đối với khí tài và sinh mạng bộ đội như: xe ăng ten П1201 bị đổ nằm nghiêng khi qua ngầm Litôn; chắn cửa xe ăng ten П1202 bị hất tung khi dùng cáp để xe xích kéo trên dốc “Lò so”; một bánh trước của xe П1201 chệch ra khỏi thành cầu ở Khâm Đức; cả 2 xe đều cháy đẹt lốp máy, giữa nửa đêm trên đường về đến Buôn Mê Thuột; đoàn xe đi vào đoạn đường 5km mà hai bên là mìn của địch cài từ trước... Nhưng thật là may mắn, nhờ tinh thần trách nhiệm cao, sự đoàn kết, sáng tạo của cán bộ chiến sĩ cả đại đội và sự giúp đỡ quý báu của những người bạn, những đơn vị bạn gặp nhau trên đường nên tất cả những tình huống nguy hiểm trên đã được khắc phục và vượt qua.

Cũng trên cung đường này đại đội chúng tôi được chứng kiến một khung cảnh cờ giông, trống mở ra trận của quân ta, được đón nhận tin mừng chiến thắng như chẻ tre từ các mặt trận, được chứng kiến những chiến công oanh liệt mà đồng đội vừa giành được, được đón nhận những tấm lòng của đồng

bào ở Kontum, Plâycu, Buôn Mê Thuột trên dọc đường đi... giúp chúng tôi càng quyết tâm càng cố gắng.

Sau khi thu xếp cho đại đội trú quân ở một rừng cao su phía Nam thành phố, tôi được tiểu đoàn gọi lên nhận nhiệm vụ mới của đại đội. Người giao nhiệm vụ cho tôi là đồng chí Hứa Mạnh Tài.

Đồng chí Tài trải một mảnh bản đồ nhàu nát ra trước mặt và nói rất ngắn gọn:

“Tình hình đã và đang thay đổi rất nhanh và diễn ra hết sức khẩn trương, đại đội 23 phải cơ động vào cầu Bà Chiêu, thuộc tỉnh Tây Ninh”.

Nói xong đồng chí vỗ vai tôi động viên vài câu và giục: “Thần tốc nhưng phải thật cẩn thận đấy Nghĩa ạ”.

Nhận xong mệnh lệnh tôi vội vàng quay lại đơn vị thấy anh em bộ đội chưa kịp ăn uống đã tranh thủ nằm ngủ dưới những tán cây cao su. Nhìn những gương mặt hốc hác, phủ đầy bụi đường lòng tôi trào lên một tình thương và lòng biết ơn họ. Tôi hội ý cấp ủy và ban chỉ huy sau đó đánh thức bộ đội dậy, phổ biến nhiệm vụ của trên trong phạm vi hai mươi phút, toàn đại đội đã xếp xong đội hình và bắt đầu hành quân. Chúng tôi rời khỏi thành phố Buôn Mê Thuột lúc 12 giờ 30 phút. Dưới nắng trời như đổ lửa và bụi đường mù mịt, vừa đi vừa hỏi thăm đường nên tới 10 giờ đêm hôm ấy mới tới ngã ba Thanh Phong.

Tôi cho đại đội dừng lại để nghỉ ngơi và nấu cơm. Trong đêm tối anh nuôi

đi tìm nước khắp khu vực chẳng có. Cuối cùng đành phải chặt lọc một vài xô nước ở những hố sâu gần đó để nấu cơm.

Nào ngờ, nấu cơm xong, bộ đội không dám ăn vì mùi cơm rất khó chịu. Đến mờ sáng, mới phát hiện ra rằng chính nơi đây vừa xảy ra một trận chiến đấu ác liệt giữa ta với địch, xác giặc vẫn còn ngổn ngang chưa kịp thu dọn. Sau đó chúng tôi lại tiếp tục hành quân, qua Phước Bình về Lộc Ninh. Khi tới Lộc Ninh tôi cho đơn vị trú quân ở một rừng cao su phía Đông thị xã để kiểm tra lại xe cộ. Còn tôi cùng hai đồng chí đài trưởng ra đi trinh sát đường sá. Qua nhiều lần hỏi thăm đường và vượt qua nhiều con lộ trắng, lộ đỏ, cuối cùng chúng tôi đã tới được cầu Bà Chiêm. Cầu Bà Chiêm bắc qua một con sông rất hẹp nằm giữa một cánh rừng già. Chúng tôi khẩn trương xác định vị trí đặt 2 đài ra đa và đội hình chiến đấu của đại đội. Sau đó vội vã quay lại Lộc Ninh. Đêm ấy cả đại đội nghỉ lại ở thị xã này. Trong giấc ngủ chập chờn tôi như mơ thấy: Chiến thắng đang tiến lại rất gần và bộ đội ra đa sẽ tung cánh sóng từ giữa bầu trời Sài Gòn.

Sáng ngày 18 tháng 4 năm 1975 chúng tôi hành quân từ Lộc Ninh về cầu Bà Chiêm. Toàn đại đội đã nhanh chóng triển khai đội hình chiến đấu, dựng lều trại, đào hầm hố công sự... Khi công việc đã tạm ổn thì đồng chí Trần Thanh Cảnh Tham mưu phó Quân chủng vào đơn vị. Đồng chí Cảnh ra lệnh cho tôi phải cơ động đơn vị về vị trí cách cầu Bà Chiêm từ 10 đến 15km. Thế là tôi cùng hai đồng chí đài trưởng lại vội vã lên đường. Mãi chiều tối hôm ấy chúng tôi mới tìm được một khu vực Trảng Trảng nằm giữa cánh rừng già. Sáng ngày 19 tháng 4 năm 1975 cả đại đội lại cơ động tiếp về Trảng Trảng cách cầu Bà Chiêm 8km. Trong 3 ngày 19, 20, 21 tháng 4 khẩn trương triển khai đội hình, đào hầm hố công sự, dựng lều bạt, kiểm tra, điều chỉnh khí tài, xây dựng các phương án chiến đấu, tổ chức kíp ban và rút kinh nghiệm cơ động, quán triệt tình hình nhiệm vụ chiến đấu. Chúng tôi rất phấn khởi vì thấy các khí tài còn nguyên vẹn. Cuộc hành quân cơ động an toàn tuyệt đối tinh thần bộ đội rất tốt, khí thế đơn vị lên rất cao, mọi mặt đã sẵn sàng để nhận lệnh cấp trên.

Chiều ngày 21 tháng 4 đơn vị đang họp để phổ biến các phương án chiến đấu thì đồng chí Hứa Mạnh Tài tới đơn vị. Khi gặp tôi, đồng chí Tài hỏi ngay: “Ai ra lệnh cho đồng chí rời khỏi cầu Bà Chiêm, đồng chí có biết suốt từ sáng đến giờ tôi đã đi khắp khu vực này để tìm đơn vị đồng chí không?”. Tôi bình tĩnh báo cáo với đồng chí Tài lý do trên. Nghe xong đồng chí yêu cầu tôi đưa ra kiểm tra khí tài. Sau khi đi kiểm tra xong đơn vị, tôi nhận thấy trên khuôn mặt đồng chí rạng rỡ hẳn lên. Trước khi ra về đồng chí Tài bắt tay tôi, cười rất tươi và nói: “Tốt rồi, thế là thành công rồi “.

Tôi cho sở chỉ huy đại đội tìm bắt liên lạc với sở chỉ huy tiểu đoàn, tìm mãi, tìm mãi... tới 19 giờ ngày hôm đó mới liên lạc được. Tôi khẩn trương báo cáo với tiểu đoàn tình hình sẵn sàng chiến đấu của đại đội và đồng thời cũng nhận ngay lịch trực ban chiến đấu của đại đội.

Đúng 6 giờ ngày 22 tháng 4 năm 1975 đại đội 23 mở máy ra đa Π1201 trực ban chiến đấu. Lần đầu tiên cánh sóng của bộ đội ra đa tung lên bầu trời của miền Nam thân yêu. Vào thời điểm này các cánh quân của ta đã áp sát Sài Gòn. Trên màn hiện sóng của đài ra đa đã hiện lên hàng trăm tín hiệu mục tiêu chuyển động hoảng loạn, vội vã từ Sài Gòn ra hướng biển Đông và sang Cam-pu-chia.

Từ buổi sáng hôm đó tới ngày 30 tháng 4 năm 1975 đại đội ra đa 23 liên tục mở máy trực ban chiến đấu, phát hiện và thông báo kịp thời chính xác hàng trăm tốp máy bay địch về sở chỉ huy tiền phương của Quân chủng. Chúng tôi cảm thấy thật sự hạnh phúc và tự hào về bộ đội ra đa đã được trực tiếp tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, góp phần nhỏ bé vào sự nghiệp giải phóng miền Nam thân yêu. Niềm hạnh phúc ấy được tăng lên cao độ khi nhận được tin. 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975 miền Nam đã hoàn toàn giải phóng. Tất cả cán bộ, chiến sĩ trong đại đội đã ùa tới sở chỉ huy reo hò đến khản cổ giữa khu rừng già, giữa đại ngàn của miền Đông Nam Bộ gian lao và anh dũng.

TRƯỜNG THÀNH TỪ ĐẠI ĐỘI RADA

NGUYỄN VĂN GIÁP

Sau khi tốt nghiệp Trường Sĩ quan Lục quân, ở Vân Nam (Trung Quốc) chúng tôi gồm 40 người được trở về nước nhận nhiệm vụ (đoàn do anh Chí phụ trách) đoàn trở về bằng một chiếc xe tô GMC đến Văn Sơn - Trung Quốc, anh em đi bộ đến tỉnh Hà Giang, rồi từ Hà Giang đến Trạm 66 Bộ Quốc phòng (ở Bắc Cạn).

Đoàn chúng tôi chờ đợi một thời gian đến 4 năm 1954 đoàn được giao nhiệm vụ là tiếp tục đi học. Để bảo đảm sự lãnh đạo, Tổng cục Chính trị cử thêm đồng chí Thuần làm chính trị viên của đoàn như vậy đoàn lúc này có 41 đồng chí. Chúng tôi tiếp tục hành quân, qua Bằng Tường - Nam Ninh - Trung Quốc, đến tháng 6 năm 1954 đoàn được lệnh hành quân từ Nam Ninh lên Thẩm Dương - Trung Quốc và sát nhập với đoàn ở bên nước mới sang học về pháo phòng không gồm các loại 20, 37 ly, 40 ly, 88 ly (hầu hết học pháo 88 ly). Trong pháo 88 ly có ra đa trạm ngắm pháo PZ-II, trong số 41 đồng chí có 8 đồng chí được cử sang học ra đa PZ-II, trong đó có đồng chí Phan Thu, Bùi Biếng, Đào Khánh, Nguyễn Giáp, Lê May... Còn lại 10 đồng chí bổ sung các đoàn trong nước mới sang. Tổng cộng lớp học ra đa lúc này gồm 18 đồng chí do đồng chí Phan Thu làm lớp trưởng, giáo viên là người Trung Quốc trực tiếp giảng dạy (Giáo sư Quách Bát Từ), phiên dịch là đồng chí Thoại và đồng chí Bình.

Sau khi học xong đến tháng 1 năm 1955, chúng tôi trở về nước. Từ Bằng Tường - Trung Quốc chúng tôi phải đi bộ qua Thất Khê - Văn Mịch, về tới Vai Cày tỉnh Thái Nguyên, đến tháng 4 năm 1955 lớp ra đa chúng tôi được lệnh hành quân về sân bay Bạch Mai - Hà Nội để làm nhiệm vụ chuyển binh chủng cho 22 học viên, bao gồm trắc thủ ra đa và điện công. Lớp học này do đồng chí Cao Phong và đồng chí Ngữ phụ trách.

Giáo viên giảng dạy trực tiếp là người Trung Quốc cùng với đồng chí Phan Thu và một số đồng chí học ở Trung Quốc về làm trợ giáo. Tôi được cử trực tiếp phụ trách 2 máy ra đa triển khai làm nhiệm vụ huấn luyện.

Đến cuối tháng 8 năm 1955 theo chỉ đạo của trên là sử dụng 2 máy ra đa này thay nhau làm nhiệm vụ cảnh giới bảo vệ lễ duyệt binh ngày 2 tháng 9 năm 1955. Tôi được cử làm trắc thủ số 1, Anh Lê May làm trắc thủ số 2, người chỉ huy trực tiếp là anh Phan Thu.

Cuối tháng 9 năm 1955, lớp học bế mạc, chúng tôi được lệnh trở về Vai Cày (Thái Nguyên). Tháng 10 năm 1955 biên chế tôi về làm trợ lý tham mưu của trung đoàn 250 do anh Tuyển làm trung đoàn trưởng còn ở Vai Cày). Sau đó tôi được lệnh quay về Hà Nội dưới sự chỉ đạo của anh Cận, anh Hoa cùng một số các anh của cơ quan cấp trên đi tìm và làm trận địa phòng không bảo vệ Hà Nội.

Đến tháng 11 năm 1955 pháo phòng không kéo về triển khai bảo vệ Hà Nội. Tôi được điều về làm trợ lý tham mưu tiểu đoàn 84 do anh Đức làm tiểu đoàn trưởng, anh An làm chính trị viên (Tiểu đoàn bộ đóng ở khu quân nhạc hiện nay). Đầu năm 1956 được điều về đại đội 16 trung đoàn 250 đóng ở Hòa Mục do anh Huy Trinh làm đại đội trưởng. Bố trí tôi làm trung đội phó, anh Bùi Biếng làm trung đội trưởng ra đa, đến tháng 6 năm 1957 lệnh của trên điều cả phân đội ra đa PZ-II từ đại đội 16 trung đoàn 250 sang đại đội 6 trung đoàn 220 bố trí ở Tư Đình vừa làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu đồng thời phục vụ cho lớp học tập huấn cán bộ của Bộ tư lệnh Phòng không.

Đến tháng 6 năm 1958 tôi được lệnh điều về làm giáo viên điện và vô tuyến điện cho lớp ra đa chuyển binh chủng làm nhiệm vụ cảnh giới thuộc

Trung đoàn 260. Đây là trung đoàn ra đa cảnh giới đầu tiên do anh Lương Hữu Sắt làm trung đoàn trưởng, anh Lê Đình Trung làm chính ủy, anh Hoàng Khoát trợ lý chính trị.

Đến tháng 4 năm 1959, trước khi trung đoàn triển khai đi làm nhiệm vụ, đồng chí Trần Văn Quang - Tổng tham mưu phó đến nói chuyện với cán bộ trung đoàn tại hội trường. Đồng chí căn dặn. Đây là trung đoàn đầu tiên nắm trình độ khoa học kỹ thuật hiện đại nhất của quân đội, các đồng chí cần phải ra sức cố gắng học tập để nắm thật chắc các loại vũ khí - khí tài của Đảng và quân đội đã giao cho các đồng chí...

Tôi đứng dậy phát biểu và thay mặt anh em xin hứa với đồng chí tổng tham mưu phó Trần Văn Quang, sẽ cố gắng học tập và làm hết sức mình để làm tròn trách nhiệm mà Đảng và quân đội giao cho và cũng nhân đây xin đề nghị với đồng chí Tổng tham mưu phó để hỗ trợ bảo đảm cho nhiệm vụ xây dựng quân đội lâu dài, cấp trên có kế hoạch bồi dưỡng học tập cơ bản, để đáp ứng được việc xây dựng quân đội và giúp đỡ chúng tôi sau này.

Khi triển khai lúc ban đầu dự kiến điều tôi về Đại đội 7 (bố trí ở Đồ Sơn) nhưng sau đó trung đoàn điều tôi ở lại làm trợ lý tham mưu kỹ thuật của trung đoàn lúc đó chưa có tổ chức ban kiểm tra của trung đoàn) mà cơ quan tham mưu vẫn phải bảo đảm tất cả.

Khi các đơn vị bắt đầu triển khai khí hậu của nước ta ẩm ướt lại qua hành quân đường dài máy móc hư hỏng nhiều. Những đơn vị ở gần còn đi sửa chữa được, còn các đơn vị ở xa như đại đội 3 bố trí ở Điện Biên Phủ, hư hỏng luôn, do đó đến tháng 7 năm 1959 tôi lại được điều đi sửa chữa xong tôi báo cáo về trung đoàn. Tôi lại nhận được lệnh của trung đoàn ở lại làm đại đội phó kỹ thuật. Đến tháng 3 năm 1960 tôi lại nhận được lệnh điều về trung đoàn đồng thời tiếp tục học ra đa 402 cải tiến, cùng với các đồng chí Trường

Thành, Lương Thường do cơ quan Quân chủng đi học, lớp học do Quân chủng Hải quân tổ chức chuyên gia Trung Quốc trực tiếp giảng dạy), sau khi học xong đến năm 1961 trở về trung đoàn (lúc này trung đoàn đổi tên từ trung đoàn 260 thành tên trung đoàn 291) đồng thời phát triển 2 trung đoàn nữa là trung đoàn 290, trung đoàn 292. Tôi ở lại trung đoàn 291 trong thời gian hình thành ban kỹ thuật trung đoàn, cán bộ gồm có các anh: Đệ, Thành, Giáp Quy, Ân về ra đa, các anh Đào, Trương phụ trách máy nổ, anh ân phụ trách vật chất.

Đến cuối năm 1962 đầu năm 1963 tôi được cử đi học bổ túc văn hóa ở Lạng Sơn chuẩn bị đi Liên Xô học tiếp. Đến cuối năm 1963 đầu năm 1964, Mỹ - ngụy chuẩn bị chiến tranh ra miền Bắc, tôi lại được lệnh trở về đơn vị trung đoàn 291. Trung đoàn điều tôi đi làm đại đội trưởng đại đội 26 bố trí cạnh sân bay Nội Bài trang bị 1 máy P10 và máy 843 làm nhiệm vụ dẫn đường cho không quân. Trực tiếp dẫn đường cho trung đoàn 921 do anh Đào Đình Luyện làm trung đoàn trưởng, anh Đỗ Long làm chính ủy, anh Chu Duy Kính - phó chính ủy, anh Hà Chắp tham mưu trưởng trung đoàn trưởng 2 tháng, trực tiếp hay đến làm việc với tôi là anh Lê Văn Nhã và anh Tưởng Phi Đăng.

Do điều kiện không quân địch thường trinh sát thả truyền đơn ở Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình. Lệnh của trên điều một phân đội P8 của đại đội 23 do anh Dực đại đội phó phụ trách về bố trí ở nông trường Quỳnh Côi - Thái Bình. Tôi lại được lệnh điều tôi về làm đại đội trưởng lấy tên là đại đội 22.

Đến tháng 5 năm 1964 lại được lệnh điều cả đại đội 22 về sân bay kịp làm nhiệm vụ dàn đường chuyển tiếp từ hướng bạn sang (sân bay Ninh Minh - Lạng Sơn). Sau khi triển khai xong tôi lại được lệnh về trung đoàn nhận nhiệm vụ.

Khi về tới trung đoàn (lúc đó anh Đào Văn Dương làm trung đoàn trưởng, anh Tài trung đoàn phó) giao nhiệm vụ cho tôi tiếp tục thu hồi quân để thành lập đại đội ra đa 27 làm nhiệm vụ dẫn đường dự bị cho sở chỉ huy dự bị của Quân chủng Phòng không - Không quân ở chùa Trầm, trận địa đã được xác định bố trí ở đồi Tiên Phương gần chùa Trầm để giữ bí mật cho sở chỉ huy Quân chủng. Tôi về đơn vị, trên quy định tất cả ăn mặc thường phục.

Sau đó trung đoàn nhận được lệnh của Bộ tham mưu thủ trưởng trung đoàn, cơ quan trung đoàn cùng đại đội trưởng đại đội 27 lên trực tiếp nhận lệnh của Bộ tham mưu Quân chủng. Đồng chí Hoàng Ngọc Diêu tham mưu phó phụ trách về không quân giao nhiệm vụ cho trung đoàn và đại đội 27.

Đại đội 27 trang bị máy 402 cải tiến và máy 843, máy P12 bố trí tại đồi Tiên Phương làm nhiệm vụ dẫn đường dự bị cho sở chỉ huy Quân chủng Phòng không - Không quân tại chùa Trầm. Đường xá từ đường 6 lên các đồi Tiên Phương dài khoảng 600m, Quân chủng đã làm xong. Trung đoàn và đại đội cho hành quân chiếm lĩnh các vị trí quy định, tiếp tục làm công sự, nhà cửa chỗ ăn chỗ ở, không được ở nhà dân (không được đeo quân hàm và mặc thường phục)... Sau khi nhận lệnh đồng chí Diêu hỏi đồng chí đại đội trưởng đại đội 27 có ý kiến gì không? Tôi đứng dậy xin phát biểu.

Về nhiệm vụ tôi xin hứa nghiêm chỉnh chấp hành, khó khăn của chúng tôi là: Đơn vị mới thành lập, quân thu thập ở tất cả các đơn vị mới điều về cán bộ chưa biết mặt chiến sĩ và ngược lại, công sự, nhà cửa chưa có gì anh em phải ở tạm nhà dân, lại phân tán trên 3 quả đồi... Do đó công tác quản lý của cán bộ chúng tôi có nhiều khó khăn đề nghị cấp trên trực tiếp là trung đoàn và cơ quan trung đoàn tạo điều kiện cho đơn vị chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ, khẩn trương. Sau khi hoàn thành các công trình đơn vị đã đi vào ổn định công tác sẵn sàng chiến đấu và học tập, tăng cường luyện tập với sở chỉ huy dự bị của Quân chủng Phòng không - Không quân.

Đến ngày 4 tháng 4 năm 1965 đơn vị tôi được lệnh mở máy bảo đảm cho sở chỉ huy trung đoàn, đại đội dẫn đường dự bị cho không quân ra trận đánh đầu tiên.

Đến tháng 6 năm 1965 tôi lại nhận được lệnh của trên điều cả đại đội 27 hành quân về chiếm lĩnh vị trí Cao Thượng - huyện Lạng Giang (ở Vôi đi vào) để phục vụ dẫn đường cho không quân ta ở sân bay Kép, đại đội 27 đổi tên phiên hiệu thành đại đội 42. Khí tài được trang bị bổ sung, gồm các loại máy: П35, ПPB11, П8 đồng thời cộng cả 3 máy của đại đội 27 mới kéo về. Đại đội lúc này lên tới 6 máy, toàn các loại máy tốt nhất của trung đoàn.

Trước tình hình vừa phải triển khai các loại khí tài để chiến đấu, vừa phải làm công sự để bảo đảm khí tài. Về đội ngũ cán bộ lúc này trên quyết định anh Sáng nguyên trung đội trưởng máy 402 lên đại đội phó, anh Nị trung đội phó lên trung đội trưởng, anh Nhâm trung đội trưởng П35, anh Ái trung đội trưởng П18, anh Nhữ trung đội trưởng 843, về làm công sự để bảo đảm cho 6 máy là một khối lượng công tác rất lớn được bố trí trên 3 quả đồi có rất nhiều khó khăn... nhưng được xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang ủng hộ chúng tôi đã huy động được lực lượng dân công rất lớn làm trong một thời gian ngắn đơn vị đã hoàn thành (công sự bảo đảm tốt nhất).

Đầu năm 1966 trận địa bị 18 chiếc máy bay A4 hải quân Mỹ đánh, thiệt hại rất ít.

Tôi được lệnh bàn giao đại đội 42 cho đồng chí Sáng phụ trách, điều về làm đại đội trưởng đại đội 23 bố trí ở sân bay Cát Bi - Hải Phòng, khí tài được trang bị máy 402, máy 843, máy П12.

Đến tháng 3 năm 1966 tôi lại được lệnh trên điều 1 máy 402. Cả phân đội do đồng chí Năng - thợ sửa chữa kiêm trung đội trưởng, phân đội này do tôi trực tiếp cho hành quân về trung đoàn nhận nhiệm vụ (trung đoàn lúc này ở trong sân bay Gia Lâm) ngày hôm đó chúng tôi thu hồi khí tài hành quân về tới trung đoàn khoảng 21 giờ đêm.

Đồng chí Trần Đình Hợi - Tham mưu trưởng trung đoàn giao nhiệm vụ cho tôi: Đồng chí nói tóm tắt về tình hình địch gần đây trên biển từ Nghệ An đến Quỳnh Lưu, Quảng Xương, Thanh Hóa tàu biệt kích của địch hoạt động nhiều. Quyết tâm của trên sẽ sử dụng lực lượng không quân để tiêu diệt các loại tàu biệt kích của địch ra quấy rối vùng biển miền Bắc nước ta.

Về tình hình địch trên không, cơ quan cấp trên đã cử một đồng chí cán bộ tham mưu đi trước (đồng chí Trần Lưu) lúc đó anh Phan Thái làm chủ nhiệm trình sát ra đa sẽ đón đơn vị đoạn đường từ thị xã Thanh Hóa đến thị trấn Sầm Sơn sẽ cho biết cụ thể.

Đơn vị được trang bị 1 máy 402 cải tiến và các phương tiện thông tin liên lạc đến để bảo đảm liên lạc với trung đoàn và sở chỉ huy tiền phương của Bộ tư lệnh Không quân (do anh Cường nguyên trung đoàn trưởng của trung đoàn 919 phụ trách) bố trí ở đồi 179 làm nhiệm vụ, dẫn đường cho máy bay AN-2 đánh tàu biệt kích hoạt động từ Quỳnh Lưu đến Quảng Bình, Thanh Hóa.

Đêm hôm đó đơn vị tôi tiếp tục hành quân đến nông trường Đồng Giao đã quá trưa, tôi cho đơn vị nghỉ nấu ăn và động viên bộ đội. Tôi tranh thủ giờ bản đồ ra nghiên cứu, đường lên cao điểm 179 có đường ô tô nhưng đã bỏ lâu xuống cấp nghiêm trọng. Xung quanh cao điểm 179 có dân ở, làm thế nào khi chiếm lĩnh 179 giữ được bí mật, để địch hoạt động ngoài biển không phát hiện được ta. Với tôi đây là một địa bàn hoạt động rất mới. Đường xá địa hình dân tình đặc biệt là tình hình địch trên không, mặt đất, mặt biển không

nắm được cụ thể. Cũng rất may cho tôi đơn vị có đồng chí Năng quê ở Thanh Hóa cho biết thêm tình hình ở 179.

Lệnh của Bộ tư lệnh Phòng không - Không quân đồng chí Phùng Thế Tài làm Tư lệnh, phải triển khai ngay đêm hôm nay. Tôi suy nghĩ làm thế nào để chấp hành được, tôi nhanh chóng chuẩn bị phương án, đồng thời phổ biến luôn để tranh thủ ý kiến của anh em.

1 - Về tình hình địch (tôi nhắc lại phần trung đoàn đã giao nhiệm vụ cho đơn vị) như trên đã nói.

2 - Cao điểm 179 là một quả đồi trọc nằm sát biển. Đường lên 179 quanh co, có đường ô tô nhưng đã bỏ lâu xuống cấp nghiêm trọng, nếu chỉ có một tia sáng nhỏ phát ra, địch ở ngoài biển có thể biết được tầm quan sát trên cao điểm 179 rất xa và ngược lại.

3 - Các đơn vị bạn (đặc biệt là lực lượng hải quân) không nắm được chỉ có Đại đội 15 ra đa cảnh giới đóng ở xã Quảng Hùng do đồng chí Phú làm đại đội trưởng cách thị trấn Sầm Sơn 3 đến 4km, tôi có hy vọng đây là khả năng có thể giúp được cho đơn vị hoàn thành nhiệm vụ.

4 - Tôi hạ quyết tâm chiếm lĩnh cao điểm 179 bằng các phương pháp như sau:

Không dùng các loại xe tô theo đường ô tô lên cao điểm 179 mà phải tìm đường cho xe chở vũ khí, khí tài tiếp cận sát chân cao điểm 179. Từ đó tìm đường leo bộ lên cao điểm 179 vì máy 402 có thể tháo rời từng bộ phận một

mang vác rất dễ dàng.

+ Dùng sức người mang vác vũ khí, khí tài lên chiếm lĩnh 179.

+ Đồng chí Năng (thợ sửa chữa) quê ở Thanh Hóa đi xe chở khí tài thông tin cùng với một số đồng chí chiến sĩ thông tin đi trước, đem lá thư của tôi gửi đồng chí Phú đại đội trưởng đại đội 19 yêu cầu đồng chí giúp đỡ và đồng chí Năng trực tiếp báo cáo với đồng chí Phú những khó khăn của đơn vị đề nghị đồng chí giúp đỡ cụ thể.

- Tình hình địch trên không 179, tình hình mặt biển, mặt đất xung quanh 179.

- Yêu cầu đồng chí liên hệ với huyện Quảng Xương và thị trấn Sầm Sơn cho dân quân và dân công, xã đội trưởng, giúp tìm con đường thuận lợi nhất tiếp cận và leo lên chiếm lĩnh 179 cùng với anh em bộ đội chuyên chở vũ khí, khí tài lên chiếm lĩnh 179.

- Vị trí tập kết khí tài vào vị trí lắp đặt máy sẽ xác định cụ thể sau khi đơn vị đã tiếp cận chân cao điểm 179. Yêu cầu mọi người phải giữ được bí mật để địch trên không ngoài biển không phát hiện được hành động của ta. Tất cả các loại vũ khí, khí tài lắp đặt máy xong phải ngụy trang kín đáo phù hợp với địa hình ở đó.

- Khi lắp đặt máy xong, thử máy tốt báo cáo lên trên, sẵn sàng nhận nhiệm vụ. Tổ chức trực ban chia thành 2 kíp, 1 kíp trực gồm chỉ huy trực thủ 1 + 2 và thông tin, kíp số 2 cùng một số đồng chí còn lại lui về vị trí tập kết thuận

lợi nhất. Còn xe cộ hậu cần tất cả ở chân 179.

Sau khi sơ bộ phổ biến phương án chiếm lĩnh các điểm 179 xong, xin ý kiến tất cả các đồng chí. Tất cả đều nhất trí.

Đồng thời chúng tôi động viên bộ đội quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Và nhấn mạnh đặc biệt giữ gìn bí mật.

Chiều hôm đó đơn vị tiếp tục hành quân đến thị xã Thanh Hóa, trời đã tối, rẽ qua đường về thị trấn Sầm Sơn. Đến đầu xã Quảng Hùng gặp đồng chí Trần Lưu, cán bộ tham mưu cơ quan Quân chủng đón đơn vị tôi cho biết:

- Tình hình địch trên không hàng ngày đi đánh các nơi còn lại bom đạn đều thả vào cao điểm 179. Nếu bố trí ở đây không bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ. Do đó trên quyết định không chiếm lĩnh 179 mà chuyển về bố trí ở xã Quảng Hải. Đồng chí Trần Lưu dẫn đường vào xã Quảng Hải và chỉ cho đơn vị tôi khu vực bố trí ra đa. Đêm hôm đó chúng tôi lập tức triển khai ngay đến sáng cơ bản xong ở khu rừng phi lao rồi cho anh em ngủ trang khí tài và xóa dấu vết xe cộ đi trên bãi cát, cho máy chạy thử phát hiện động cơ dây trời hồng, đồng chí Năng thợ sửa chữa ra đa đề xuất ý kiến với tôi, đề nghị cho đồng chí mang động cơ này về xí nghiệp thông tin của tỉnh cuốn lại, tôi đồng ý cử đồng chí Năng mang động cơ về tới đơn vị. Tôi chỉ đạo cho lắp ngay, lắp xong cho máy chạy thử tốt. Tôi báo cáo lên sở chỉ huy tiền phương Quân chủng và trung đoàn và cho đồng chí Năng đi nghỉ.

Đến khoảng 23 đến 24 giờ lệnh của sở chỉ huy tiền phương Quân chủng (đồng chí Cường - Tư lệnh) vào chiến đấu cấp I mở máy. Khi mở máy xong cho sục sạo phát hiện mục tiêu di chuyển chậm ở ngoài biển kịp thời tình

hình vẽ sở chỉ huy tiền phương, xác định đây là cụm đầu biệt kích của địch. Tôi cho trắc thủ phải bám sát đồng thời cũng phát hiện hai chiếc máy bay ta, từ hướng Ninh Bình đang bay vào qua khu vực bảo vệ phòng không Hàm Rồng. Tôi chỉ thị cho trắc thủ phải bám sát các mục tiêu trên biển và máy bay ta (2 chiếc AN-2).

Đêm hôm đó đơn vị tôi và không quân đã hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt được cụm tàu biệt kích của địch.

Tôi ở lại cùng với phân đội 402 được hai ngày lại nhận được lệnh bàn giao phân đội 402 cho đại đội 19 ở Quảng Hùng do đồng chí Phú đại đội trưởng.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, đơn vị tổ chức rút kinh nghiệm tôi không được tham dự. Tôi chỉ được cấp trên thông báo trong trận đánh này đơn vị phân đội 402 đã hoàn thành nhiệm vụ và được thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba.

Sau khi bàn giao xong tôi được lệnh trở về Đại đội 23 ở Cát Bi, tiếp tục củng cố xây dựng đơn vị.

Đến tháng 4 năm 1966 tôi được lệnh điều về làm trưởng tiểu ban tác huấn trung đoàn ra đa dẫn đường chuyên trách của trung đoàn 293 đóng ở núi đôi Đan Tảo - Đa Phúc.

Tháng 1 năm 1967 tôi nhận quyết định làm tham mưu phó trung đoàn, phụ trách về tác chiến và cơ quan tham mưu trung đoàn.

Về tình hình địch trên không, không quân, hải quân Mỹ hoạt động hướng Đông Bắc rất nhiều mà cự ly phát hiện của ra đa hướng này rất gần. Theo chỉ đạo của cơ quan tham mưu trung đoàn phải tìm cách vượt xa cánh sóng ra đa hơn nữa để bảo đảm phát hiện được máy bay, chúng tôi đã nghiên cứu, ở hướng Đông Bắc trung đoàn chỉ có một đại đội ra đa ở Hà Tu trong một ngày 24 giờ có giờ trực mở máy có giờ không mở máy. Do đó cánh sóng ra đa vượt xa hướng ngoài biển rất hạn chế. Trước tình hình đó đồng chí Hoan trung đoàn trưởng trực tiếp chỉ thị cho tôi và đồng chí Thấu, trợ lý trận địa, đi tìm trận địa ra đa. Tôi và đồng chí Thấu đã bỏ thời gian hơn 2 tuần đi tìm các khu vực.

Nhờ có huyện đội Cẩm Phả (đóng ở đảo Vạn Hoa) cử một đồng chí cán bộ quân sự huyện đi cùng và hai đồng chí dân quân.

- Tìm dọc dãy núi Vạn Hòa (đi trên đỉnh núi) rừng cây to rậm rạp.

- Đi dò một đêm đến trưa ngày hôm sau ra đảo Quần Lạn.

- Đi dọc đảo Cái Lân tìm.

- Sau đó về tỉnh Hải Ninh (đóng ở Móng Cái) đề nghị xin ra đảo Vĩnh Thực tìm. Chúng tôi đã tới đảo Vĩnh Thực, ở đây có mặt phẳng cát biển) bằng phẳng, có dân, có rừng cây phi lao nguy trang được, có điều kiện chở khí tài bằng tàu vận tải. Sau đó về báo cáo cấp trên nhất trí cho triển khai một trạm ra đa ra đảo Vĩnh Thực.

Đến tháng 1 năm 1968 tôi lại nhận lệnh điều động về làm trợ lý phòng tác chiến của Quân chủng Phòng không - Không quân.

NHỮNG NĂM THÁNG THAM GIA XÂY DỰNG

VÀ CHIẾN ĐẤU Ở ĐẠI ĐỘI 29 RAĐA DẪN ĐƯỜNG

LƯƠNG THƯỜNG

Sau khi làm xong bản báo cáo tường trình trận đánh máy bay địch của Đại đội ra đa 19 trong ngày 5 tháng 8 năm 1964 đệ trình lên trung đoàn trưởng Đào Văn Dương, ngày 12 tháng 8 năm 1964 tôi được trên quyết định về đại đội 29 trung đoàn 291 với chức vụ đại đội trưởng đại đội 29 - đại đội ra đa dẫn đường đầu tiên của bộ đội ra đa. Thời gian này đơn vị đang tập trung quân, thành phần gồm nhiều cán bộ chiến sĩ từ nhiều đơn vị về, trong đó có một số đồng chí vừa học ra đa dẫn đường ở Trung Quốc như đồng chí Sáng (sau này là sư đoàn phó Sư đoàn 367), đồng chí Trường (nguyên cán bộ giảng dạy Học viện Phòng không) và một số đồng chí khác.

Tôi là 1 trong 5 cán bộ ra đa trinh sát trên không được cử đi học ra đa 402, loại ra đa bắt địch tàng thấp của bộ đội hải quân vào cuối năm 1959 đầu năm 1960 ở Hải Phòng. Tôi xin nói rõ thêm loại ra đa 402 là loại ra đa sóng cm do Trung Quốc sản xuất, chủ yếu được sử dụng để trinh sát phát hiện mục tiêu trên biển sau đó được cải tiến thêm thiết bị chúc ngẩng ăng ten ra đa để có thể phát hiện các mục tiêu trên không ở độ cao từ 6000 mét trở xuống. Ra đa được cải tiến có tên là ra đa 403. Trong thời kỳ này, bộ đội ra đa chỉ mới được trang bị ra đa sóng m, dm để làm nhiệm vụ cảnh giới, muốn làm nhiệm vụ dẫn đường cho không quân chiến đấu thì của bộ đội ra đa là ra đa 403 do Trung Quốc viện trợ, vì thế tôi được trung đoàn chọn làm đại đội trưởng đại đội 29 ra đa dẫn đường đầu tiên, một số đồng chí cùng học được chuyển sang làm nhiệm vụ chuẩn bị xây dựng bộ đội tên lửa.

Lúc tôi về, thì đại đội đã được trang bị một máy ra đa 403, một máy ra đa 843 cũng do Trung Quốc sản xuất làm nhiệm vụ đo độ cao mục tiêu. 2 loại ra đa này đang do chuyên gia Trung Quốc thao tác sử dụng. Sau khi về tôi bắt tay vào công việc xây dựng đơn vị cùng với chính trị viên Hưởng, đại đội phó Đức, chính trị viên phó Kiếm cùng các trung đội trưởng Sơn, Kỹ. Cùng làm việc trong đơn vị có 10 đồng chí sĩ quan - hạ sĩ quan quân giải phóng nhân dân Trung Quốc, những đồng chí chuyên gia được Quân chủng giao nhiệm vụ huấn luyện hướng dẫn đơn vị trong huấn luyện và chiến đấu. Tổ chuyên gia do đồng chí Vương chỉ huy. Đồng chí Vương mang quân hàm trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam có phù hiệu pháo phòng không. Nghe nói đồng chí Vương là sĩ quan cấp thượng úy nhưng tôi là đại đội trưởng mang quân hàm trung úy nên đồng chí ấy cũng mang quân hàm ngang cấp như tôi, có thể nói các bạn Trung Quốc lúc bấy giờ sống với chúng tôi rất chân tình bình đẳng. Tôi nghe kể sau ngày 5 tháng 8 ngày không quân Mỹ đánh phá miền Bắc thì ngày 6 tháng 8 tổ chuyên gia cùng đơn vị tổ chức dẫn đường trung đoàn không quân tiêm kích Mích 17 do đồng chí Đào Đình Luyện chỉ huy từ sân bay Nam Ninh Trung Quốc về sân bay Nội Bài - Hà Nội.

Chúng tôi tổ chức huấn luyện cho bộ đội bằng bài giảng của các đồng chí chuyên gia và giáo viên của Quân chủng, luyện tập thao tác ra đa, phát hiện thông báo mục tiêu khi có không quân ta bay luyện tập. Ngoài ra chúng tôi còn phải liên hệ với địa phương để xây dựng công sự cho khí tài, tổ chức chăn nuôi, tăng gia để cải thiện đời sống.

Cuối năm 1964, đại đội chính thức nhận nhiệm vụ dẫn đường cho không quân ta chiến đấu, đại đội 29 là phiên hiệu đơn vị được trung đoàn đặt cho khi mới thành lập, (sau đó trở thành đại đội 41) còn ngày thành lập là ngày nào thì chúng tôi chưa xác minh được. Trong tâm tư cán bộ, chiến sĩ của đơn vị là muốn đại đội mình phải có một ngày sinh và lập luận như sau: Xuất phát từ yêu cầu chiến đấu bảo vệ Tổ quốc nhất thiết quân đội ta nói chung và Quân chủng Phòng không nói riêng phải tổ chức đại đội ra đa dẫn đường mà đại đội 29 là đứa con đầu lòng của bộ đội Ra đa dẫn đường. Có ngày 5 tháng 8 ngày không quân Mỹ gây chiến tranh phá hoại miền Bắc nên Bác Hồ lệnh cho trung đoàn không quân tiêm kích của quân đội ta đang huấn luyện trên

đất bạn về nước, mà ngày trung đoàn không quân chiến đấu đầu tiên của ta xuất hiện là ngày 6 tháng 8 năm 1964, có những sự kiện lịch sử đó nên đại đội 29 mới được ra đời, vì thế chúng tôi thống nhất lấy ngày 5 tháng 8 năm 1964 làm ngày sinh của đại đội.

Trong thời gian này, là đơn vị bảo đảm ra đa dẫn đường đầu tiên nên đại đội được Bộ tư lệnh Quân chủng, nhất là Tư lệnh trưởng Phùng Thế Tài quan tâm đặc biệt. Đơn vị được cho ăn rất ngon nhưng cũng được hưởng nhiều đòn roi vọt. Tôi là trung úy đại đội trưởng nhưng phải chấp hành lệnh trực tiếp về thực hành các nhiệm vụ chiến đấu của Tư lệnh giao cho để hướng dẫn giúp đỡ đơn vị qua các đồng chí Hiệp - nguyên trợ lý tham mưu trưởng Quân chủng, các đồng chí Chuyên, Ngự, Kính sĩ quan dẫn đường.

Để nâng cao chất lượng chiến đấu, đơn vị được xây dựng một bệ rất cao để đặt ăng ten ra đa, các tủ khí tài thì được đặt trong nhà. Tôi còn nhớ do thiết kế không đúng của đồng chí kỹ sư công binh Quân chủng nên lúc đầu bệ ăng ten ra đa xây xong bị đổ, sau đó phải xây lại. Chất lượng huấn luyện của anh em trong đơn vị cũng đã khá, các chuyên gia có thể bàn giao vị trí ngồi thao tác ra đa, phát hiện mục tiêu cho trắc thủ của đơn vị. Được sự phê duyệt của cấp trên, chúng tôi từ cán bộ đại đội đến thành phần chiến đấu đã có đủ khả năng chỉ huy chiến đấu cho một trận đánh dẫn đường bảo đảm cho không quân tiêm kích đánh địch.

Trong những tháng cuối năm 1964, đầu năm 1965 địch tăng cường thả gián điệp biệt kích xuống miền Bắc để phá hoại song Bộ Quốc phòng ta đều nắm được trước các kế hoạch tổ chức cho từng cuộc thả dù biệt kích của địch.

Chắc chúng ta còn nhớ vào tháng 9 tháng 1963 ở sân bay Bạch Mai đã xảy ra một vụ “đột nhập” bất ngờ bằng máy bay T28 của quân đội Hoàng gia Lào, thực chất là một hành động phản chiến của sĩ quan không quân Vương

quốc Lào. Máy bay T28 là loại máy bay cường kích bé, kiểu cổ do Mỹ sản xuất đang được trang bị cho quân đội Hoàng gia Lào và quân Ngụy Sài Gòn - Việt Nam, từ đó máy bay T28 được bổ sung vào trang bị chiến đấu của không quân ta.

Hàng ngày vào chập tối, đại đội 29 đều có nhiệm vụ thao tác dẫn đường cho T28 bay tập cất hạ cánh vào ban đêm tạo cho khái niệm về lý thuyết dẫn đường, trình độ thao tác ra đa dẫn đường của cán bộ chỉ huy và trắc thủ dần được nâng lên. Chúng tôi được giao nhiệm vụ bảo đảm ra đa dẫn đường cho T28 đánh biệt kích Ngụy Sài Gòn. Hàng đêm từ 19 giờ đến 24 giờ đơn vị phải sẵn sàng đợi lệnh nhất là vào tuần trăng trong tháng. Nhiều lần được lệnh mở máy ra đa, đợi mãi không thấy có tin của sở chỉ huy Quân chủng báo địch cất cánh, sau 1 giờ lại được lệnh tắt máy. Tôi và đồng chí sĩ quan dẫn đường tâm sự với nhau trên điện thoại “Có thể địch nghi binh hoặc trục trặc về kỹ thuật nên chúng không bay”. Cứ mỗi lần có phiên mở máy ra đa phục vụ cho dẫn đường thì ngày hôm sau chúng tôi được triệu tập lên sở chỉ huy Quân chủng để rút kinh nghiệm và nhận những lời chỉ giáo, qua đó chúng tôi có dịp trò chuyện với hai đồng chí lái T28 là thượng úy Ba và trung úy Phước, qua đó cũng dễ thông cảm với nhau trong hiệp đồng chiến đấu.

Vào một ngày tháng 2 năm 1965 ngày cụ thể tôi không nhớ rõ nhưng nhớ chính xác là tối thứ 7, trong tuần trăng vì chiều hôm đó sở chỉ huy còn nhắc chúng tôi tối nay là tối thứ bảy nhưng đơn vị phải sẵn sàng trực máy ra đa khi có lệnh, một số anh em được nghỉ ra ngoài, tôi và chính trị viên Hướng vẫn túc trực. Gần 20 giờ thì nhận được lệnh mở ra đa chiến đấu, hai chúng tôi trực tiếp chỉ huy ở máy ra đa 403. Trắc thủ Trường ngồi ghế số 1 làm nhiệm vụ phát hiện thông báo mục tiêu, đồng chí Hồng ngồi ghế số 2 sử dụng độ chúc ngẩng ăng ten làm nhiệm vụ đo báo độ cao và tính chất mục tiêu cho số 1 thông báo tình báo đủ, đồng chí Sơn trung đội trưởng trực tiếp chỉ huy ở máy ra đa 843, đồng chí Vĩnh tiểu đội trưởng trắc thủ thao tác máy đo báo độ cao mục tiêu Tiếng máy ra đa vẫn chạy đều, cả thành phố Hà Nội vẫn sinh hoạt bình thường, chúng tôi đều đang dán mắt vào mặt các đèn hiện sóng, thỉnh thoảng lại được nghe sở chỉ huy Quân chủng thông báo cho một số tình hình chủ yếu là nhắc nhở chúng tôi sẵn sàng phát hiện mục tiêu. Gần 22 giờ

thì đài ra đa 403 phát hiện được mục tiêu, một chấm đen di chuyển chậm ở hướng Tây Nam, nếu chiếu theo bản đồ thì thuộc miền Tây hai tỉnh Nghệ An và Thanh Hóa. Mục tiêu còn ở xa nên tín hiệu còn rất nhỏ, kíp trắc thủ thông báo liên tục mục tiêu cho sở chỉ huy Quân chủng. Đồng chí sĩ quan dẫn đường báo cho chúng tôi qua điện thoại là máy bay ta đã lệnh xuất kích, cùng lúc đó chúng tôi cũng nghe rõ tiếng nổ của động cơ máy bay T28 đang lăn bánh trên đường băng sân bay Bạch Mai. Khi máy bay ta chiếm được độ cao 500 mét thì trắc thủ ra đa phát hiện được tín hiệu và thông báo liên tục cho sở chỉ huy Quân chủng, cả trắc thủ ra đa và sĩ quan dẫn đường hiệp đồng với nhau rất nhịp nhàng qua điện thoại, thỉnh thoảng trắc thủ nghe được một vài tiếng lóng của sĩ quan dẫn đường đàm thoại với tổ lái máy bay mà sau đó tôi được giải thích là hướng bay, độ cao bay... cả tín hiệu máy bay T28 và máy bay địch thể hiện trên bản đồ ô vuông 99 trong sở chỉ huy Quân chủng. Trên màn hiện sóng ra đa 2 tín hiệu dần dần tiến gần nhau 50km rồi 40, 30, 20, 10 đến lúc chúng tôi không còn phân biệt trên màn hiện sóng đâu là tín hiệu máy bay ta, đâu là tín hiệu máy bay địch, sĩ quan dẫn đường báo cho trắc thủ biết là máy bay ta đã gặp địch, chúng tôi vô cùng sung sướng vì đã đảm bảo ra đa cho sĩ quan dẫn đường đưa hai đồng chí Ba và Phước đến gặp được địch, mà đã gặp là có thể giành thắng lợi vì máy bay ta là máy bay cường kích chiến đấu còn máy bay địch là máy bay vận tải chở người không có khả năng tự vệ. Thực tế lúc đó, trắc thủ ta không còn khả năng bám sát liên tục mục tiêu vì cả máy bay ta và máy bay địch đều cơ động độ cao. Khi theo dõi được tín hiệu của máy bay ta bay về sân bay, chúng tôi tiếp tục thông báo tín hiệu T28 cho đến lúc nó hạ cánh an toàn xuống sân bay thì sở chỉ huy Quân chủng hạ lệnh tắt máy ra đa. Đồng chí sĩ quan dẫn đường cười chào tạm biệt chúng tôi trong điện thoại và nói là chưa đoán được máy bay của địch có rơi hay không. Ngày hôm sau, chúng tôi được Quân chủng triệu tập lên sở chỉ huy để rút kinh nghiệm trận chiến đấu. Qua cuộc họp tôi được biết thêm, có cái tin chưa được chính xác “Địch sử dụng một chiếc máy bay vận tải chở biệt kích Ngụy Sài Gòn do sĩ quan quân đội Tưởng Giới Thạch lái hoạt động ở khu vực Hồi Xuân Thanh Hóa”. Hai đồng chí Ba và Phước kể chuyện “Các đồng chí nhìn thấy máy bay địch như một con vật to thù lù trên mình đủ các ngọn đèn đủ màu nhấp nháy. Khi địch bay qua với độ cao thấp nên hình như nhìn thấy cả đàn gà của dân bay lên nhao nhác vì sợ. Đồng chí Phước kể thêm, đồng chí ấy là phụ lái ngồi ghế đằng sau làm nhiệm vụ xạ kích, khi bắn máy bay địch đến viên đạn cuối cùng thì nòng súng bị tắc và thế là các đồng chí cho máy bay bay trở về căn cứ. Tuy chưa có kết quả chính xác trận chiến đấu song Tư

lệnh Quân chủng cũng đã biểu dương tinh thần dũng cảm của hai sĩ quan lái máy bay, biểu dương công tác dẫn đường của hai sĩ quan sở chỉ huy, biểu dương đại đội chúng tôi lần đầu tiên bảo đảm radar tốt cho không quân ta chiến đấu.

Sau này chúng tôi được nghe là Quân chủng ta nhận tin bạn Lào báo cho biết có xác một chiếc máy bay vận tải Mỹ bị rơi trên một vùng rừng của bạn cách miền Tây Thanh Hóa gần 100km, được tin thêm là có một chiếc máy bay vận tải chở quân biệt kích Ngụy Sài Gòn không trở về căn cứ. Qua đó có thể xác định chiếc máy bay đó là máy bay C123 bị không quân ta bắn bị thương nặng trên đường bay về căn cứ thì bị rơi và chắc là nó chưa kịp thực hiện được nhiệm vụ thả dù cho bọn biệt kích Ngụy nhảy xuống đất.

Ngày 7 tháng 2 năm 1965 đế quốc Mỹ chính thức thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân đối với miền Bắc, sứ mệnh bảo đảm radar cho không quân tiêm kích ta đánh địch được giao cho đại đội 29 bắt đầu.

Tuy đã thực hiện thành công một lần bảo đảm radar dẫn đường máy bay cường kích ta đánh địch, lần này nhiệm vụ chiến đấu của đơn vị thật vô cùng mới mẻ và nặng nề đòi hỏi cố gắng lớn lao và quyết tâm cao của cán bộ chiến sĩ trong đại đội.

Sau cái ngày nhạc sĩ Văn Cao sáng tác bài hát “Không quân Việt Nam vút trên ngàn mây gió thì gần 20 năm sau trong lịch sử chiến tranh giữ nước của dân tộc, đây là lần đầu tiên quân đội ta có lực lượng không quân tiêm kích phản lực hiện đại.

Sau những thất bại của các chiến dịch “Mũi lao lửa” ngày 7 tháng 2 năm

1965 “Sấm rền” ngày 2-3-1965, đế quốc Mỹ phải chuyển hướng mục đích cuộc hành quân sấm rền, từ chỗ bẻ gãy ý chí của Bắc Việt Nam, cắt đứt luồng tiếp tế người và hàng từ miền Bắc vào miền Nam, ngày 1 tháng 4 năm 1965 Nhà Trắng thông báo cho Bộ tư lệnh quân đội Mỹ ở Thái Bình Dương quyết định của Tổng thống Mỹ cho phép không quân đánh phá hàng loạt cầu phà ở phía Nam Hà Nội từ vĩ tuyến 20 trở vào trước mùa mưa ở Bắc Việt Nam. Trước tình hình đó, Bộ Tổng tham mưu quân đội ta cũng chỉ đạo cho Quân chủng mạnh dạn sử dụng không quân đánh địch, tổ chức sở chỉ huy dẫn đường hỗ trợ và trạm ra đa dẫn đường ở các sân bay. Trước tình hình địch tăng cường đánh phá giao thông, trước mắt Bộ tư lệnh Quân chủng chủ trương điều chỉnh lực lượng bảo vệ tuyến giao thông đường 1 Nam và tập trung bảo vệ trọng điểm cầu Hàm Rồng Thanh Hóa.

Suốt mấy tháng nay, đại đội 29 cũng được tập trung luyện tập các phương án thao tác ra đa dẫn đường cho không quân MIG 17A đánh địch bằng dựa vào các bài tập bay của không quân ta. Vì để dành lực lượng nên Quân chủng không bố trí đơn vị chúng tôi vào mạng cảnh giới của trung đoàn. Tuy đã có lần bảo đảm ra đa dẫn đường không quân đánh địch, song lần này là lần bảo đảm ra đa dẫn đường đầu tiên cho không quân tiêm kích phản lực có tốc độ nhanh, mặt phản xạ mục tiêu bé, điều quan trọng là phải đảm bảo liên tục tín hiệu trên màn hiện sóng ra đa tạo thuận lợi cho sĩ quan dẫn đường trực tiếp bằng màn hiện sóng để ngoài (IKO).

Sau này chúng tôi được biết là đêm 1 tháng 4 năm 1965 khi rà soát lại phương án tác chiến bảo vệ cầu Hàm Rồng lần cuối, thường vụ Đảng ủy và Bộ tư lệnh Quân chủng chủ trương sử dụng không quân tiêm kích hiệp đồng với lực lượng phòng không trên mặt đất quyết tâm bảo vệ bằng được chiếc cầu quan trọng này.

Đối với chúng tôi là bộ đội ra đa dẫn đường, được giao nhiệm vụ là “Bất cứ máy bay địch hay máy bay ta bay ở khu vực nào, độ cao nào nằm trong tính năng kỹ chiến thuật của ra đa đều phải phát hiện bằng được, thông báo

kip thời, liên tục, chuẩn xác cho sở chỉ huy Quân chủng, phân biệt được tín hiệu máy bay ta, máy bay địch thể hiện rõ trên màn hiển sóng bảo đảm thuận lợi cho sĩ quan dẫn đường chiến đấu”. Để hiểu rõ về lực lượng và cách đánh của không quân ta chúng tôi cũng được sĩ quan dẫn đường bồi dưỡng cho mấy điều “Nguyên tắc chỉ đạo tác chiến của Quân chủng đối với không quân ta là lấy ít đánh nhiều, tranh thủ thời cơ, bí mật, bất ngờ, đánh phắc thẳng, đánh thẳng trận đầu”. Trận sắp tới sẽ là trận đầu với cách đánh chủ yếu là dùng lực lượng nhỏ, đánh du kích, đánh bất ngờ, đánh gần, đánh nhanh, rút nhanh, đánh có công kích, có yểm hộ. Nghe nói đến cách đánh của không quân ta tôi nghĩ trong bụng là dùng lực lượng nhỏ, lấy ít đánh nhiều cũng tạo thuận lợi cho ra đa là dễ phát hiện theo dõi và quản lý mục tiêu.

Kế hoạch đánh phá khu vực cầu Hàm Rồng lần này mang tên “Sấm rền 32”.

Vào khoảng hơn 9 giờ sáng ngày 3 tháng 4 năm 1965 đại đội được lệnh mở máy ra đa chiến đấu. Trong buồng máy ra đa lần này đã triển khai đủ các hiện sóng để ngoài (IKO) của ra đa 403 cho sĩ quan dẫn đường sử dụng theo dõi mục tiêu. Tại vị trí chiến đấu có mặt ở máy ra đa 403 có tôi là đại đội trưởng, chính trị viên Hướng, trung đội trưởng Kỹ, trắc thủ số 1 Trường, trắc thủ số 2 Lợi, đồng chí Ngư sĩ quan dẫn đường Quân chủng. Ở máy ra đa 843 đo cao có trung đội trưởng Sơn, tiểu đội trưởng Vĩnh làm trắc thủ chính, đồng chí Giá làm trắc thủ bổ trợ. Trong thời gian này, cả hai bộ ra đa đều theo dõi được các tốp máy bay địch đang hoạt động ở khu vực cầu Tào - Đò Lèn - Hàm Rồng. Đúng 10 giờ, đồng chí sĩ quan dẫn đường báo cho chúng tôi biết là máy bay ta cất cánh 2 tốp. Lệnh của sở chỉ huy Quân chủng là chúng tôi phải theo dõi chặt địch đang hoạt động ở Thanh Hóa, phát hiện thông báo liên tục về sở chỉ huy Quân chủng toàn bộ tín hiệu của máy bay ta, do có cả tín hiệu của máy hỏi - trả lời nên chúng tôi bám rất chắc tín hiệu của máy bay ta để thông báo và cứ thế máy bay ta tiếp cận dần vào đội hình máy bay địch cho đến lúc không quân ta quần nhau với không quân địch trên khu vực cầu Hàm Rồng. Lúc này chúng tôi không thể phân biệt được đâu là tín hiệu máy bay ta, đâu là tín hiệu máy bay địch để thông báo Sau 20 phút không chiến máy bay ta bay về, dựa vào tín hiệu máy hỏi - trả lời nên thỉnh thoảng chúng tôi theo dõi được máy bay ta vì lúc này các đồng chí lái máy bay của ta cũng bay tản mát, chứ không bay theo đội hình như khi xuất kích.

Trong trận không chiến lịch sử này, không quân ta đã bắn rơi 2 máy bay địch, lập công xuất sắc, đánh thắng trận đầu, đại đội 29 chúng tôi cũng đánh giá hoàn thành nhiệm vụ.

Đến ngày hôm sau chúng tôi mới biết rõ hai biên đội không quân đánh địch ngày hôm trước, một biên đội do đồng chí Trần Hanh chỉ huy, một biên

đội do đồng chí Phạm Ngọc Lan chỉ huy khi bay về do điều kiện phức tạp do mãi bay đuổi đánh địch nên đồng chí Phạm Ngọc Lan phải hạ cánh bắt buộc trên bãi cát sông Hồng, người và máy bay an toàn.

Trong quãng đời chiến đấu, đây là lần thứ ba tôi được vinh dự góp phần vào chiến công của bộ đội Phòng không - Không quân Quân đội nhân dân Việt Nam bắn rơi máy bay của không quân địch. Ngày hôm sau 4-4 và thời gian tiếp theo đại đội 29 vẫn tiếp tục bảo đảm ra đa cho dẫn đường không quân luyện tập và đánh địch thắng lợi.

Ngày 5 tháng 8 năm 1965 đơn vị chúng tôi tổ chức lễ kỷ niệm một năm thành lập vô cùng trọng thể ghi nhận một năm xây dựng - chiến đấu lập công xuất sắc. Nhiều đồng chí cán bộ cấp trên đã đến chúc mừng đơn vị, chúng tôi vô cùng sung sướng tự hào và tỏ lòng biết ơn công lao lãnh đạo chỉ huy của cán bộ và cơ quan cấp trên, sự giúp đỡ đoàn kết của đơn vị bạn và chính quyền, nhân dân Thủ đô Hà Nội.

Đầu năm 1966, đại đội 29 ra đa dẫn đường cũng là đại đội dẫn đường đầu tiên của bộ đội Phòng không được trang bị ra đa ПЗ0 và ra đa ПРБ11 loại ra đa dẫn đường hiện đại lúc bấy giờ do Liên Xô viện trợ thay thế cho loại ra đa 403 và 843 để tiếp tục chiến đấu.

Tháng 6 năm 1966 tôi được Bộ tư lệnh Quân chủng điều động về công tác tại phòng Ra đa trinh sát phòng không thuộc Bộ tham mưu Phòng không - Không quân, rồi trung đoàn 293 Binh chủng Ra đa cho đến ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam. Trong khoảng thời gian từ biệt đại đội 29 sau này lấy tên là đại đội 41, tôi vẫn thường xuyên theo dõi hoạt động của đơn vị trên các chiến trường và cũng rất hãnh diện về những chiến công tiếp theo của đơn vị.

Có lời tâm sự để kết thúc bài viết, một sự trùng hợp rất lý thú trong cuộc đời binh nghiệp của tôi là tôi đã sống và chiến đấu trong hai đại đội ra đa mà phiên hiệu của nó có con số 9 là đại đội 19 và đại đội 29, ngày 5-8-1964 là ngày kỷ niệm lịch sử nhất của đời tôi vì nó là ngày sinh của đại đội 29 và là ngày lập công xuất sắc của đại đội 19, hai đại đội tôi đã sống và chiến đấu vì thế tôi sẽ giữ kỹ chiếc huy hiệu ngày 5 tháng 8 suốt cuộc đời.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 1997

Ở MỘT ĐẠI ĐỘI ANH HÙNG

NGUYỄN NHO PHÚ

Đại tá Nguyên chủ nhiệm radar Quân chủng PK-KQ

NGUYỄN CÔNG THI

Đến công tác tại đại đội 19 trung đoàn 291 đóng ở xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đêm cuối tháng 4 năm 1967, tối trời, tôi đang ngủ ngon giấc. Keng báo động, tôi choàng dậy chạy ra sân. Quanh chỉ huy sở nhiều ngọn đèn pháo sáng của giặc Mỹ chiếu sáng, đến con kiến bò dưới đất cũng nhìn thấy. Mọi người chạy xuống hầm trú ẩn. Tôi tự nhủ, giặc Mỹ đánh đơn vị. Máy bay lộn đi lộn lại, 5 phút, 10 phút... ánh sáng yếu dần, máy bay giặc Mỹ bay ra biển. Mọi người thở phào nhẹ nhõm, nhiều người dân từ lúc đó về sáng không ngủ.

Chỉ huy sở đóng trong bãi phi lao um tùm, cách nhà ông Trường một bờ giậu. Cứ đến công tác là đơn vị bố trí tôi ở nhà ông. Sau lần giặc Mỹ thả pháo sáng, ông nói lần này thì ông hoảng hồn thật sự. Pháo sáng giặc Mỹ cứ xoay quanh nhà ông. Chủ động đối phó với địch, đơn vị được lệnh cơ động đến trận địa Quảng Đức, Quảng Xương, Thanh Hóa.

Tôi sửa chữa máy thông tin đã hai ngày, công việc căng thẳng và mệt mỏi. Trong ngày 6 tháng 5 sẽ dời đơn vị về trung đoàn. Tôi vào chỉ huy sở kiểm tra lại máy móc lần cuối trước khi lên đường. Ăn cơm trưa xong, về nơi ở sắp xếp hành trang, bỗng nghe tiếng nổ dừ dột một loạt, hai loạt, ba loạt... Đạn pháo giặc Mỹ ngoài biển bắn vào trận địa. Tiếng nổ, khói bụi bốc mù mịt, tiếng la hét. Quả đạn pháo phạt một trong hai cây dừa của chòi quan sát mắt của đồng chí Tổng, làm đồng chí rơi từ trên cao xuống đất nằm sóng xoài, bị gãy mất một cánh tay, máy điện thoại vắng xa. Đồng chí cố hết sức bò đến chiếc máy điện thoại cầm tổ hợp thông báo tiếp về chỉ huy sở, cho tới khi giặc Mỹ ngừng pháo kích đồng chí mới được đưa đi bệnh viện.

Cảm kích hành động của đồng chí Tổng, tôi đã viết bài “Người con trai làng Nguyệt Đức” gửi đến chương trình phát thanh quân đội nhân dân. Người con trai làng Nguyệt Đức, Tân Dĩnh, Hà Bắc đã để lại trong tôi, trong đồng đội hình ảnh không quên.

Đồng chí Kinh thợ sửa chữa ra đa P.15, cứu được mẹ con chị Mận đưa xuống hầm trú ẩn. Đồng chí đã bị mảnh đạn xuyên qua mũ sắt vào đầu hy sinh tại chỗ.

Đồng chí Trai bị thương ở khuỷu chân được anh em chuyển vào bệnh viện. Đến thăm anh, thấy thần sắc anh biến đổi, tôi động viên anh gắng điều trị để sớm trở về đơn vị tiếp tục chiến đấu. Mỗi lần đến đại đội 19 công tác, anh thường ngồi với tôi, đưa tôi xem thơ anh làm. Đơn vị vẫn phong cho anh “Nhà thơ Trai” là trợ lý quân khí nhưng anh hay thơ, làm nhiều thơ, một số bài được đăng báo:

“Nơi anh đang đứng chân,

Nơi bom đạn rơi đạn nổ.

Giặc bắn ngoài biển vào,

Dội bom từ trời cao

Cái chết cứ rình rập,

Vẫn đứng vững tự hào”

Trở về trung đoàn bộ, ba tuần sau được tin anh mất vì vết thương nhiễm trùng, tôi bàng hoàng...

Ít lâu sau, tôi được chủ nhiệm chính trị trung đoàn Phan Huyền Cơ cử trở lại đại đội 19 viết thành tích của đơn vị. Đại đội trưởng Nguyễn Nho Phú trao cho tôi chiếc ba lô của anh. Trong đó có một ít tư trang và những bức thư của gia đình, của bạn bè gửi cho anh. Đọc thư của ông Châu, bố anh gửi đơn vị “Thư tôi đến với các anh, còn con tôi thì đi mãi mãi...”, tôi không cầm được nước mắt. Anh ra đi lúc còn rất trẻ và chưa một mối tình trọn vẹn, có mất mát nào lớn hơn cái chết của anh!

CHIẾC THỨ 3500 TRÊN QUẢNG BÌNH ĐẤT LỬA

NGUYỄN TÂM TRINH

Đại tá, nguyên Phó tư lệnh – Tham mưu trưởng Binh chủng Ra đa

Hôm nay, ai về Đại Trạch với những lũy tre xanh, những túp lều tranh đơn sơ, xen giữa những giàn dây trời của phân đội 17, chắc hẳn cũng thấy lại cuộc sống chiến đấu bình dị mà anh hùng hôm qua của phân đội. Mỗi con người trong phân đội ngày ấy giờ đây chẳng thể quên được những gì để lại cho mình từ cuộc sống hôm nào trên rừng núi U Bò. Da chưa hết xanh, mắt chưa giảm quầng những trận sốt rét rừng đầu đây còn phảng phất, mặc dù phân đội đã dời rừng về đồng bằng đã nửa năm nay? Tuy vậy, trong mỗi con người của phân đội, ai cũng cảm thấy hơn trước nhiều. Rau chuối rừng, môn muối bây giờ đã được thay bằng rau cải, rau muống. Thịt hộp đã thỉnh thoảng thay bằng bữa cá, bữa gà. Giờ đây ở cái ngã ba Hoàn Lão này, tuy khó khăn chưa hết, nhưng thiên nhiên đã không còn nghiêm khắc quá nữa. Mưa ngàn tuổi lũ, dốc rậm, rừng sâu, muối vắt đã rèn luyện cho mỗi chiến sĩ những gì bây giờ là tự hào, hãnh diện trước tình hình mới. Những năm tháng đưa máy lên xuống cao điểm 1367m U Bò bây giờ xa dần trong trí nhớ mỗi con người, nhưng có lẽ không bao giờ quên đi được trong ký ức của họ. Những ngày giờ vác gạo, thồ xăng lên chiến đấu sinh hoạt, những buổi khênh đồng chí mình lả đi vì cơn sốt rét ác tính trượt dốc xuống đèo đi bệnh viện vẫn không sao phai được. U Bò, với bao nhiêu kỷ niệm thân thương, có lẽ cứ đi theo con người 17 từng chân đi nước bước của mình. Vườn rau Hải Quân, suối Cài, đường Thống Nhất, dốc Điện Biên, ai đã trèo đi, ai đã đo đầu gối của mình chắc hẳn còn để lại trong mình câu ca dao đầu dốc Mây:

U Bò dốc dựng núi cao.

Trèo lên đến đỉnh ta cao hơn nhiều.

Rồi đến cả cái câu chuyện kỳ quái về mấy viên đạn 37mm của một xưởng sửa chữa nào đó thử súng bắn vào lại tường là phi đến đã náo động đến thiên đình, rồi cả cái chuyện săn rừng lạc nẻo phải tìm nhau, phải đưa nhau ra tận làng Mò cuối dòng sông Long Đại... Chuyện vui có chuyện buồn có, chuyện nực cười không thiếu, toát lên cả là khí phách kiên cường, truyền thống chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, bám trụ núi rừng, đứng vững trên dải Trường Sơn hùng vĩ của Tổ quốc miền Tây chiến đấu và chiến thắng. Và cũng vì vậy mà đã có câu:

“U Bò trên dải Trường Sơn

Đã tôi thành thép thành gang con người”.

Giờ đây, họ đã xuống núi, và bám biển, bám đồng bằng chiến đấu. Từ U Bò, họ đi Ta Pàng trên tuyến đường 16, bao nhiêu ngày đào hầm vác máy. Nhưng rồi về đây theo lệnh cuối cùng. Đại Trạch nằm giữa vùng đồi cát bỏng sát đường quốc lộ, lại sát bờ biển. Phân đội 17 đã mấy tháng nay phục vụ cho bao trận đánh phản ứng của bọn giặc nhà trời Mỹ ra vùng đất lửa này. Từ trận đánh cuối năm 1971 rồi trận đánh mồng 2 tết, đến các trận tiêu diệt trên 10 máy bay Mỹ ngày 6 tháng 7 năm 1972, phân đội 17 đã phục vụ cho các đoàn 214, 213, 267 thắng nhiều lần giòn giã. Giặc Mỹ bắt đầu dùng pháo kích bắn vào đường 1, vào Ròn, vào Gianh, rồi vào cả ngã ba Hoàn Lão, vào cầu Chánh Hòa sát nách trận địa phân đội. Thử thách của hàng chục đến hàng trăm lần đạn pháo vượt qua trận địa đã làm phân đội rắn rỏi lên, vững vàng lên. Phân tán rộng ra, cùng với đoàn cấu trúc hầm chống pháo và cũng có lẽ cho đến ngày toàn thắng giặc Mỹ, đại đội 17 trụ bám ở đây vẫn hiên ngang và bình tĩnh. Ngày ngày chăm chút cho tình báo thêm xa, cho tầng thấp được cải thiện. Đặc biệt là từ ngày về đây, 17 gắn chặt và lo lắng hết mức mình sao cho tình báo đến nhanh nhất tới đoàn Sông Gianh, đoàn 213, đoàn 267 và một loạt những trận địa tên lửa nằm kề bên. Một hôm vì cái tội để hết ắc quy,

không thông báo được cho bạn, đại đội phó Thảo đã mấy ngày không ăn đập đi đập lại tới đơn vị bạn để giải quyết. Tất cả cho chiến đấu, tất cả cho chiến thắng của trận chiến đấu lịch sử. Trong lòng những người chiến sĩ đại đội 17 như thôi thúc như nhắc nhở chỉ có thể hoàn thành và hoàn thành nhiệm vụ thật tốt mà thôi.

Và vào một ngày tháng 4, ngày 20! Trời Quảng Bình nóng bỏng, nóng cả vì cát rang dưới ánh mặt trời lại hun với cái gió Lào khắc nghiệt, nhưng còn nóng cả vì từng đàn quạ Mỹ ngang dọc bắn phá. Sóng biển rì rào đều giọng. Trưa nay phân đội P10 đang phiên trực. Bên kia phía Tây đường 1 là tiểu đoàn 52 tên lửa cũng cùng chung nhiệm vụ trưa nay. Theo thường lệ, đại đội trưởng Lộc và chính trị viên Chỉ trưa nay không ngủ vì máy bay hoạt động nhiều. Sáng nay nó đã đánh đôi thông Chánh Hòa, nó đã pháo kích đèn biển và Lý Trạch. Bây giờ các đợt đánh đã giãn ra, thưa thớt nhưng tình hình thông báo của trên vẫn căng thẳng.

- Sông Hồng gọi Sông Lô, nhận đủ không trả lời. Đại đội trưởng Lộc bóp chặt công tắc R109 hỏi bạn.

- Sông Lô gọi Sông Hồng, nhận đủ, nhận tốt. Đó là tiếng đáp lại của đoàn 267 tên lửa nhận thông báo của đại đội 17.

Và cũng vừa mới thủ xong liên lạc, thì từ phía Tây sông Mê Kông trên bàn đánh dấu xuất hiện một tốp hai chiếc nhỏ, trung đội P10 đã tóm gọn tên giặc và đang từ từ tiến dần vào nội địa. Địch càng vào gần, trắc thủ càng giống giả đờ và càng tăng tốc độ thông báo. Địch còn cách 25km thì một tiếng nổ ừng ừng và tiếp đó một tiếng nổ đanh.

Đại đội trưởng Lộc dõng chỉ huy sở ra ngoài, nhắc quan sát chú ý phát hiện thông báo thì từ xa một bó đuốc đã bùng lên thiêu cháy tên giặc trời khốn kiếp. Chiếc RF4C vào trình sát đã bị tiểu đoàn 52 bắn rơi. Trời buổi trưa nắng càng chói, hai chiếc dù rời khỏi bó đuốc đang từ từ lơ lửng trên không. Và chiều hôm đó, tin báo về: Một tên bị treo cổ trên cây rừng, còn một tên bị tóm gọn. Đó là một tên thiếu tá, đã đem đi Hà Nội để vào sám hối ở Hỏa Lò.

- Sông Lô gọi Sông Hồng - Xin biểu dương các đồng chí - Đó là tiếng nói của đoàn trưởng Quất đối với phân đội 17.

- Sông Hồng gọi Sông Lô. Nhận đủ. Chúc thành tích của các đồng chí. Chắc chắn là chiếc 3500 rồi đấy - Chính trị viên Chỉ gửi đi trên làn sóng điện về đoàn bạn.

Thế là chiếc máy bay thứ 3500 bị bắn rơi được liệt vào bảng vàng lập công đánh Mỹ cho đất lửa Quảng Bình. Phân đội 10 của đại trưởng Tân hôm nay đã lập công. Phân đội mới chân ướt chân ráo từ phân đội 51 về. Mới ngày nào, anh em trong phân đội còn thắc mắc dữ dội về nào máy kém, ọc ạch, nào dơ, nào mòn. Đại trưởng Tân đã vừa nén cơn đau dạ dày vừa phải giải thích, vừa phải cùng cố công ra sức sửa đài để đánh. Hôm nay, giữa bãi cỏ, phân đội lại họp có cả đại đội trưởng Lộc, chính trị Chỉ vui mừng rút kinh nghiệm trận đánh thắng. Phân đội đã hoàn thành nhiệm vụ phát hiện, đại đội đã phục vụ tốt bạn đánh thắng, góp phần vào chiến công chung của chiến dịch. Kỹ sư Kiên hôm nay có mặt ở trận địa, đồng chí vui vẻ sờ sờ rút ống kính máy ảnh ra: “Nào các đồng chí cười lên! Nào ta làm vài pô ảnh! Cười nào”. Họ cùng cười phá lên, vai sát vai, tay quàng tay trước ống kính cũng như họ tự hào về những gì mà tập thể đã giao cho họ và họ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Những cành lá ngụy trang trên các giàn dây trời của phân đội vẫn quay đều lúc ẩn, lúc hiện trong những cây làng, gió rì rào tiếng lá lẹt xẹt như chúc phân

đội hãy vững vàng trên địa bàn chiến đấu, cảnh giác và phục vụ nhiều hơn nữa cho chiến thắng.

Mùa xuân Đinh Sửu ngày 1 tháng 4 năm 1997

HƠN 1100 NGÀY VỚI ĐẠI ĐỘI 19 RAĐA

LƯƠNG THUỜNG

Đại đội ra đa mang phiên hiệu “Đại đội 19” ra đa được phong Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam lúc sinh thời mang tên đại đội 5 - sau đó đổi tên là đại đội 15 đến năm 1963 thì mang tên đại đội 19. Tôi được điều động về đại đội lúc nó mang tên đại đội 15 với chức vụ đại đội trưởng theo quyết định số 1299/QĐ do đại tá Đoàn Phụng ký ngày 29 tháng 6 năm 1961. Ngày tôi về thì đơn vị vừa chuyển từ bãi biển xã Quảng Thái về bãi biển xã Quảng Hùng - Quảng Xương - Thanh Hóa mà bộ ăng ten đang đặt ở xóm Thái Sơn, đồng chí Nguyễn Đình Giám - chính trị viên đại đội báo cáo cho tôi biết là trung đoàn đã lệnh cho đơn vị chuyển bộ ăng ten ra đa về xóm Hùng Sơn mà cự ly giữa hai vị trí trên chỉ dài hơn một cây số xong phải đi qua một cái cống không bảo đảm cho trọng lượng xe đại xa, khổ đường lại quá hẹp nên đơn vị phải tổ chức cho hai xe đặc chủng ra đa và nguồn điện vòng về bãi biển Sầm Sơn đi ngược về ngã ba Môi rẽ vào xóm Kim Giang rồi đưa ăng ten về đặt trên một khoảng đất cao rìa xóm Hùng Sơn gần một cánh đồng rộng nằm ở hướng Đông. Từ đó đại đội được trú quân - xây dựng chiến đấu trên mảnh đất này, một trận địa gần quãng đời của tôi với đơn vị trong hơn 1100 ngày cho đến ngày 10 tháng 8 năm 1964, năm ngày sau khi đơn vị lập được chiến công vừa phát hiện thông báo địch xâm phạm vùng trời miền Bắc Việt Nam bảo đảm cho hỏa lực phòng không chiến đấu và phòng không nhân dân vừa tham gia trực tiếp bắn rơi một máy bay phản lực Mỹ trong ngày 5 tháng 8 năm 1964.

Sau khi cùng đơn vị ổn định vị trí chiến đấu, đại đội được giao nhiệm vụ

tiếp tục xây dựng - chiến đấu trong đó có một việc mới mẻ là phải đưa đơn vị vào nề nếp chính quy từ công trình doanh trại - huấn luyện chiến đấu - điều lệnh... Riêng về mẫu thiết kế qui hoạch khu vực doanh trại của một đại đội ra đa, trung đoàn trưởng Lương Hữu Sắt qui định: Ngoại trừ các vị trí nhà xe ra đa - xe nguồn điện, trạm phát thông tin, trận địa súng máy phòng không phụ thuộc vào yêu cầu chiến kỹ thuật của trận địa, còn lại toàn bộ doanh trại của đơn vị đều phải nằm trên một khu vực hình chữ U mà cạnh giữa gồm sở chỉ huy, nhà ban chỉ huy và nhà ăn, các nhà của các trung đội chiến đấu nằm ở hai bên sao cho nhà trung đội chỉ huy nằm cạnh sở chỉ huy, nhà của trung đội trắc thủ ra đa nằm cạnh xe ra đa, cách 5m trước mặt tiền của các dãy nhà phải trồng ba hàng cây có giãn cách 3 đến 5m giữa các hàng, trên các hàng trồng các loại cây phi lao - bạch đàn - phượng vĩ - xà cừ theo thống nhất các loại cây cho từng hàng có giãn cách 3 đến 5m giữa từng cây, ở giữa sân chôn một cột cờ cao 10 - 12m. Thiết kế qui hoạch như vậy song đến công việc thi công thì đâu có dễ, số lượng cây trồng đòi hỏi nhiều, phải có nhiều loại cây, hơn nữa còn phụ thuộc vào chất đất mà các bạn đã biết, đất Quảng Xương, Thanh Hóa toàn cát - gèn biển, làm sao để cây sống và chóng tốt. Thế mà sau hơn một năm kể từ khi trung đoàn trưởng Sắt ra lệnh. Cứ mỗi lần vào sáng thứ hai hàng tuần đại đội tổ chức chào cờ xong đều đứng lại ngắm nhìn quang cảnh đẹp của doanh trại với lòng tràn đầy phấn chấn tự hào với bao công sức của anh em trong đơn vị để làm nên cái “kỳ quan” nhỏ bé này.

Đó là chưa kể việc Tư lệnh trưởng Phùng Thế Tài còn lệnh cho đơn vị làm một công trình nữa không kém phần khó khăn là các đại đội ra đa đều phải trồng cây phi lao xung quanh doanh trại mình để làm hàng rào, qui định còn nói rõ giãn cách giữa các cây là 3m. Với chiều dài hàng rào bao quanh đơn vị là 800 - 1000m chúng tôi phải trồng 300 cây phi lao.

Một lần nữa, đơn vị lại cử cán bộ liên hệ với các cơ quan tỉnh Thanh Hóa để xin giống cây trồng đủ số lượng. Lúc mới nhận được lệnh, trong chúng tôi ai cũng thấy ngại vì phải làm một việc mà chưa hình dung được nó sẽ ra sao, một việc chưa bao giờ làm. Vậy mà nhờ quyết tâm của đơn vị kết hợp với sự giúp đỡ của chính quyền và nhân dân địa phương nên sáu hai năm hàng rào phi lao đã lên cao vòng quanh doanh trại, đứng ngắm nhìn cũng thấy đẹp mắt

và góp phần làm yên lòng đơn vị khi chiến đấu mặt đất. Ngày đơn vị hành quân di chuyển đi nơi khác, trong các khối tài sản của khu doanh trại là nhà cửa, đơn vị còn bàn giao cho nhân dân địa phương cả một rừng cây gồm đủ các loại là kết quả từ bao mồ hôi công sức của cán bộ, chiến sĩ đại đội 19 ra đi.

Huấn luyện để có đủ trình độ bảo đảm cho nhiệm vụ chiến đấu cũng là nhiệm vụ trung tâm của đơn vị. Song phải thực hiện đủ thời gian học nhưng không để ảnh hưởng đến nhiệm vụ chiến đấu.

Vinh dự hơn các đại đội khác trong thời kỳ này là đại đội được trang bị hai bộ khí tài (RPI8 của Liên Xô và R406 của Trung Quốc). Trung đội R406 được bố trí trên đỉnh đồi 79 tại thị xã Sầm Sơn, Thanh Hóa. Được trang bị máy, tất nhiên phiên bản trực chiến đấu cấp 1 ở sở chỉ huy cũng tăng lên, cán bộ chiến sĩ vất vả hơn, nhất là vào ban đêm.

Để đảm bảo đủ chất lượng chiến đấu, trung đoàn qui định cho số cán bộ chiến sĩ trực ban đêm được học 2 giờ/ngày, các đồng chí khác học 4 giờ/ngày. Tôi rất lo cho chất lượng huấn luyện hàng năm nhất là vào các giai đoạn kiểm tra học kỳ của đơn vị và cả của bản thân. Tôi cũng xin nói thật tâm tư của mình là lúc bấy giờ, cứ hàng năm đến kỳ kiểm tra huấn luyện là tôi rất sợ phái đoàn kiểm tra của trung đoàn do đích thân trung đoàn trưởng Sắt chỉ huy, mặc dù tôi cũng biết rằng cứ mỗi lần được đồng chí Sắt trực tiếp kiểm tra thì đơn vị và bản thân tôi trưởng thành lên, ấy là vì đồng chí ấy làm việc rất cởi mở, chân tình nhưng rất nghiêm khắc, hơn nữa đồng chí ấy có một kiến thức về quân sự, chuyên môn - kỹ thuật rất “đa-rê-năng”. Tiếng đồn là tuy đồng chí không có nhiều bằng cấp lớn nhưng được trời phú cho cái trí thông minh lại rất ham học mà giáo viên của đồng chí ấy là toàn thể mọi cán bộ chiến sĩ của hầu hết các đơn vị ra đi trong trung đoàn, đồng chí thực hiện có hiệu quả phương châm “học thầy không tày học bạn” vì thế đồng chí có kiến thức rộng. Về tôi bao giờ tôi cũng phải chuẩn bị cho đơn vị mình và cả bản thân một số vốn kiến thức đủ để trả lời những câu hỏi kiểm tra, các môn

mà chúng tôi cho là hóc búa nhất là đánh dấu thông báo đường bay, tính năng kỹ chiến thuật binh khí tài vì phải cần học thuộc, nhận dạng máy bay... Có năm chúng tôi phải xấn quần để đứng đánh dấu đường bay khi trung đoàn kiểm tra trong sở chỉ huy đang bị ngập lụt. Do đơn vị được trang bị nhiều loại khí tài, với trình độ kiến thức có hạn nên không tránh khỏi có đồng chí trả lời tính năng kỹ thuật loại này ra loại khác. Có lần tôi nghe đồng chí trợ lý trung đoàn kể chuyện, không biết có thật hay chuyện đùa, đồng chí ấy kể có một lần kiểm tra huấn luyện, một đồng chí cán bộ, khi bốc thăm được hỏi về tính năng kỹ chiến thuật của tổng đài 10 cửa, nội dung ghi độ dài, độ rộng, trọng lượng, đồng chí cán bộ được kiểm tra vừa làm động tác vừa trả lời bằng độ dài tổng đài là hơn 2 gang (gang tay) độ rộng của tổng đài là hơn một gang, trọng lượng tổng đài là 3 - 5kg. Chuyện vui cũng na ná như chuyện trắc thủ ra đa báo cáo mất sóng trời - người chỉ huy ra lệnh đi tìm. được cái may là trong đơn vị tôi không có ai như đồng chí cán bộ được kể trong chuyện vui. Đại đội chúng tôi nhiều lần nhận được nhiệm vụ đăng cai tổ chức hội thao huấn luyện cho trung đoàn, lần này được giao làm mẫu cho khoa mục huấn luyện “Đại đội ra đa chiến đấu trong điều kiện địch sử dụng vũ khí hóa học” cho đơn vị bạn tham quan học tập - nội dung cụ thể gồm: Cán bộ, chiến sĩ trong trung đội ra đa II8 mặc bộ quần áo số 2 đeo mặt nạ cao su làm nhiệm vụ hạ ăng ten ra đa vào tư thế hành quân sau đó làm nhiệm vụ dựng ăng ten ra đa ở tư thế chiến đấu, kíp trắc thủ phát hiện thông báo mục tiêu từ đài ra đa về sở chỉ huy, trung đội trưởng xử lý tình huống trên đài ra đa, chiến sĩ điện công thao tác máy cung cấp nguồn điện. Tất cả các thành phần ở sở chỉ huy mặc bộ quần áo số 2 đeo mặt nạ tổ chức chỉ huy chiến đấu, thu thập - chỉnh lý - thông báo tình hình lên sở chỉ huy trung đoàn, xử trí chỉ huy chiến đấu cả trên không và mặt đất ở trong khu vực đơn vị. Những khó khăn - phức tạp nảy sinh trong khoa mục là khi bộ đội đeo mặt nạ và mặc quần áo số 2 sẽ ảnh hưởng rất lớn trong động tác dựng hạ ăng ten ra đa để đảm bảo an toàn, tính chính xác và thời gian trong chiến đấu, ảnh hưởng đến độ tỉnh giác gây khó khăn cho vấn đề thông tin liên lạc, trong hiệp đồng chiến đấu và sở chỉ huy - Tôi là người chỉ huy chiến đấu phải đảm bảo cho cấp dưới nghe và hiểu rõ mệnh lệnh của mình để chấp hành nên có khi phải kết hợp cả dùng lời với động tác tay, với vóc người của tôi lại nhỏ bé, khi mặc bộ quần áo số 2 vào trông rất buồn cười nhất là khi xử trí tình huống chiến đấu trong sở chỉ huy, có nội dung chỉ huy cần thống nhất, tôi phải cố ghé sát tai đồng chí chính trị viên Giám để nói hoặc ra dấu thấy đồng chí ấy gật đầu, có lúc không thấy đồng chí ấy có hành động gì đáp ứng, sau đó mới biết có nội dung đồng chí

ấy nghe được, có nội dung không hiểu ý nhau. Mấy ngày luyện tập để chuẩn bị làm mẫu trời còn râm mát nên không mấy vất vả, đến hôm trình diễn thì trời lại nắng to, bộ đội phải vất vả nhiều hơn nhưng mọi công việc đều suôn sẻ, cũng nhờ vào thời gian luyện tập vừa qua mà “bồi dưỡng” thêm cho bộ đội một sức chịu đựng về sức khỏe cộng với tinh thần trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị. Thật vô cùng vinh dự và sung sướng, đơn vị đã hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện, luyện tập đảm bảo các yêu cầu mà điều quan trọng nhất là đảm bảo an toàn tuyệt đối hoàn thành bài tập nâng cao được trình độ đáp ứng yêu cầu cho đơn vị bạn nghiên cứu học tập làm cơ sở cho cấp trên đánh giá khả năng chiến đấu của đại đội ra đa trong điều kiện sử dụng vũ khí hóa học.

Chúng tôi cũng tự đánh giá đây là kết quả bước đầu có mức độ và cần phấn đấu rèn luyện nhiều hơn nữa.

Cũng xin thú thật với các bạn là hôm đó tôi và đồng chí chính trị viên Giám được ban chỉ đạo chiếu cố về sức khỏe nên cho hai đồng chí chúng tôi tháo bộ đồ số 2 và mặt nạ ra trước 10 phút còn các đồng chí trung đội trưởng và trắc thủ ra đa sau khi cởi bộ quần áo số 2 và mặt nạ ra, một số phải nằm dài ra phản gỗ vì có thể là bị thiếu dưỡng khí khi đang luyện tập, sau 10 phút mọi tình hình trở lại bình thường, tất nhiên bộ đội được trung đoàn cho ăn “tăng cường”.

Để đảm bảo an toàn cho binh khí khí tài nhất là ra đa để hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu, một công việc rất quan trọng mà đơn vị phải quan tâm thường xuyên là chống bão cho ra đa. Vì thế khi tôi về làm đại đội trưởng đại đội 19 thì một nỗi lo lắng của tôi là vấn đề chống bão cho đơn vị mà nhất là ra đa. Vì mấy nhẽ: Đại đội bố trí chiến đấu ở vùng biển, cái bãi cát dài vùng biển Quảng Xương, Thanh Hóa mỗi năm phải nhận 5 - 7 cơn bão, lúc bấy giờ các đại đội đều được trang bị thống nhất loại ra đa П8. Chúng tôi thường nghĩ trong bụng “Không biết ông Liên Xô, nước ông ấy khoa học hiện đại thế mà ông ấy lại sinh ra cái ra đa П8, cái ra đa có bộ ăng ten sao mà dựng hạ khó

khăn phức tạp đến thế, dễ mất an toàn như chơi nhất là khi có bão. Doanh trại của đơn vị thì toàn là tranh tre nứa lá, quân số biên chế thì chủ yếu để đảm bảo chiến đấu lấy đâu có đủ người để chống bão cho đơn vị.

Nguyên tắc chiến đấu của ra đa là bảo đảm an toàn cho ra đa khi có bão nhưng không được để ảnh hưởng đến chiến đấu đòi hỏi cán bộ chỉ huy phải xác: định chính xác thời cơ hạ ăng ten ra đa chống bão để báo cáo xin lệnh hoặc tự giải quyết.

Một sự kiện của đơn vị mà tôi cho là một trong những kỷ niệm sâu sắc của đời lính ra đa của tôi là hôm đó trời mưa to, âm u, tôi đang trực trong sở chỉ huy thì nhận được điện báo cáo của đồng chí trung đội trưởng ra đa 406 bố trí trên đội 79 Sầm Sơn, nội dung điện “Báo cáo đại đội trưởng, đồng chí Nguyễn Chí Thanh - Đại tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị hạ lệnh cho đơn vị ta hạ ăng ten ra đa 406 chống bão” trong cơn mưa làm ảnh hưởng đến âm lượng của điện thoại làm tôi không nghe rõ, chỉ nghe rõ hai từ “Đại tướng” nhưng không hiểu là nội dung gì, tôi lại phải báo đồng chí trung đội trưởng báo cáo lại lần thứ hai. Lần này thì tôi hiểu ra, vừa lo cho công việc chống bão của cả hai đài ra đa vừa vui sướng cảm động thấy đơn vị mình đang được hưởng một vinh dự lớn là được đồng chí cán bộ cao cấp của Đảng, của quân đội quan tâm trực tiếp. Tôi liền báo cáo với trung đoàn xin hạ ăng ten ra đa 406 để chống bão, đồng thời lúc đó gió cũng càng lớn dần nên tôi cũng xin trung đoàn cho hạ cả ăng ten ra đa II8 để đề phòng bão đến lớn không hạ kịp và được sở chỉ huy trung đoàn đồng ý. Đêm hôm đó cơn bão ập vào làm đổ và tốc mái một số nhà của đơn vị, tôi ngồi vào một góc của nhà ban chỉ huy, nghe gió rít ào ào, cột nhà lung lay, một mảng lá cọ trên mái đã bị tốc làm tôi nhìn rõ một khoảng trời mờ xám, mưa tạt vào mặt, vào người nhưng tôi vô cùng an tâm vì hai bộ ăng ten ra đa đã được hạ an toàn để chống bão.

Sáng hôm sau, trời lại quang chúng tôi tổ chức dựng ăng ten ra đa sớm để chuẩn bị chiến đấu, tiến hành sửa chữa nhà cửa, quét dọn vệ sinh. Trong sở

chỉ huy đại đội đồng chí Sơn trung đội trưởng ra đa 406 đang kể chuyện qua điện thoại cho tôi nghe: “Đồng chí Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị mấy ngày hôm ấy đang nghỉ dưỡng sức khỏe tại Sầm Sơn, chắc đồng chí nhìn thấy ăng ten ra đa 406 ngày nào cũng quay tròn trên đồi 79”. Cái ăng ten ra đa đó nằm trên đồi 79 như một cánh buồm trên con tàu biển trông thì to lớn, dữ tợn hơn cái ăng ten ra đa II8 nhiều song được Trung Quốc thiết kế cho một hệ thống dựng hạ ăng ten rất nhẹ nhàng, thuận lợi, nhanh chóng, an toàn. Đồng chí trung đội trưởng tiếp tục kể: “Ngày hôm qua lúc trời mưa to, gió lớn đồng chí thấy cái ăng ten còn nằm lù lù trên đồi nên đồng chí gọi điện thoại ra lệnh cho trung đội tổ chức đưa cả cái bệ ăng ten ra đa xuống chân đồi để chống bão, tôi đã vâng lệnh và báo cáo các đồng chí rõ về tính năng của ra đa và phương pháp hạ ăng ten để đồng chí yên tâm. Tôi nghĩ chắc là sau đó khi đơn vị chúng tôi hạ xong ăng ten ra đa thì đồng chí Đại tướng yên tâm”.

Năm 1967 khi tôi đang cùng một số cán bộ chiến sĩ trung đoàn 293 (lúc đó tôi là tham mưu phó trung đoàn 293) đang thiết bị sở chỉ huy dự bị của trung đoàn thì nghe đài tiếng nói Việt Nam phát đi lời cáo phó “Đồng chí Nguyễn Chí Thanh đã qua đời” thật là một tổn thất lớn lao đối với dân tộc, với Đảng, với Quân đội ta.

Đối với đại đội 19 ra đa, tôi nghĩ lại Đại tướng đã để lại một kỷ niệm sâu sắc - một vinh dự lớn lao cho đơn vị. Đối với đại đội ra đa, nhiệm vụ luyện tập báo động chiến đấu cũng là công việc phải tiến hành thường xuyên, đơn vị chúng tôi cũng tiến hành các cuộc báo động chiến đấu trên không, mặt đất để rèn luyện cho bộ đội. Đến bây giờ tôi vẫn còn hãnh diện về những người lính đại đội 19 ra đa có tinh thần kỷ luật nghiêm - tự giác cao. Những năm đó thỉnh thoảng trung đoàn cho đội điện ảnh về chiếu phim cho đơn vị xem, cứ mỗi lần về đội phải thực hiện hai đêm mới bảo đảm đủ cho 100% người được xem. Để đảm bảo an toàn và bí mật cho đơn vị chúng tôi phải sử dụng một bãi trống ngoài doanh trại để tổ chức chiếu, có một lần đang chiếu một bộ phim hay, đợi đến giữa buổi chiếu tôi ra lệnh đánh kèn báo động mặt đất, một phút sau toàn thể đơn vị đều có mặt ở vị trí chiến đấu của mình với đầy đủ trang bị vũ khí và thỉnh thoảng tôi lại tổ chức luyện tập theo cách đó mấy

lần tôi bị các cụ bà địa phương phê phán vui “Sao chú ác thế bộ đội đang xem phim lại đánh keng báo động” tôi chỉ biết cười trừ.

Tôi còn nhớ những năm đó nguy quyền Sài Gòn và đế quốc Mỹ luôn tìm cách chuẩn bị chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng cách tung gián điệp, biệt kích và cho máy bay trinh sát. Nhiều lần máy bay trinh sát chiến lược bay qua vùng trời Hà Nội nhưng lực lượng phòng không của ta không làm gì được, bản thân tôi cũng thấy áy náy, chạnh lòng khi mình đeo chiếc quân hàm có phù hiệu khẩu pháo phòng không. Đến bây giờ thì có thể giải thích được vì trang bị vũ khí phòng không của ta lúc bấy giờ rất bị hạn chế về tính năng nhất là về tầm cao, trong lúc đó tính năng kỹ thuật của máy bay địch đã bước vào thời kỳ khá hiện đại cho nên máy bay địch bay qua vùng trời Hà Nội mà bộ đội phòng không ta không làm gì được cũng là điều dễ hiểu thôi. Đại đội được trang bị hai bộ ra đa, nhiều đêm trung đoàn cắt trực ban cả hai máy nên sở chỉ huy cũng phải vào chiến đấu cấp 1 hai lần, nếu chỉ còn một cán bộ chỉ huy trực ban ở nhà thì rất vất vả.

Đêm hôm đó tôi trực chỉ huy phiên từ 0 đến 3 giờ nên trưa hôm sau tôi ngủ thiếp đi sau bữa cơm trưa, đang ngon giấc thì có tiếng keng báo động cấp 1 tăng cường của sở chỉ huy, vừa chạy vừa suy nghĩ đây là tình huống báo động thật hay là luyện tập của trung đoàn. Khi tôi vào đến sở chỉ huy, nhân viên sở chỉ huy báo cáo lại “Có lệnh của trung đoàn cho mở khẩn trương ra đa Π8”. Tôi ra lệnh cho ra đa Π8 nổ máy, cùng lúc đó toàn đại đội cũng đã vào vị trí chiến đấu cả trên không và mặt đất. Tôi đang cố trấn tĩnh thêm trong thế chỉ huy thì đồng chí tham mưu trưởng Bùi Đình Cường bước vào sở chỉ huy, tôi có hơi chột dạ song cố trấn tĩnh lại và bình tĩnh báo cáo toàn bộ tình hình chiến đấu của đại đội vừa qua cho đồng chí. Thế là lúc bấy giờ tôi đã rõ trên toàn bộ các vị trí chiến đấu chủ yếu của đại đội tôi gồm sở chỉ huy, đài ra đa, trạm phát vô tuyến điện, trận địa súng máy phòng không và cả một số vị trí trên phòng tuyến công sự mặt đất đều có mặt các trợ lý cơ quan trung đoàn trong đoàn kiểm tra. Tôi nghĩ trong bụng cũng thấy hay hay và cười một mình, đây thú vị, không có chuẩn bị trước, có thể nói là mang tính thực tế 100%, về phương pháp kiểm tra của trung đoàn thì có thể gọi là có sự đổi mới theo nghĩa từ sau thời kỳ bao cấp mà người ta thường gọi.

Chúng tôi đã chuẩn bị chiến đấu tốt, được luyện tập báo động chiến đấu thường xuyên do đó tuy “Chúng tôi nói vui là bị tham mưu trưởng trung đoàn dẫn quân tập kích vào đơn vị” vẫn không bị bất ngờ, bị động. Riêng về tôi người chỉ huy đại đội thì đây là trường hợp đầu tiên tôi gặp, một cuộc kiểm tra chiến đấu đặc biệt - độc đáo. Sau đó chúng tôi còn được tham mưu trưởng cùng đoàn kiểm tra “hỏi và thăm” thêm hai ngày nữa về nhiều nội dung khác như chính trị, huấn luyện, bảo đảm khí tài, bảo đảm đời sống.

Sau cuộc họp đánh giá chất lượng chiến đấu và xây dựng đơn vị của đồng chí Tham mưu trưởng và đoàn kiểm tra với cán bộ các cấp của đại đội, trong câu chuyện tâm tình giữa đoàn kiểm tra và đơn vị chúng tôi được biết: Trước đó một thời gian ngắn, Tư lệnh Quân chủng Phòng Thế Tái cùng phái đoàn kiểm tra chiến đấu của Quân chủng đã thực hiện một cuộc báo động chiến đấu độc đáo theo kiểu như thế này vào sở chỉ huy trung đoàn 290 đóng tại thành phố Vinh - Nghệ An. Lần này đồng chí Tham mưu trưởng Bùi Đình Cường lại vận dụng hình thức này với đơn vị chúng tôi, điều khác nhau là toàn bộ khu vực đóng quân của chúng tôi đều bị “tập kích” nên việc xử lý có nhiều khó khăn. Chúng tôi còn được biết thêm là trưa hôm đó đoàn kiểm tra của trung đoàn vào ăn cơm trưa tại một cửa hàng mậu dịch ăn uống tại thị xã Thanh Hóa, xong đoàn nghỉ ngơi đợi đến 13 giờ thì lên xe tiến về ngã ba Môi rẽ vào xã Quang Hùng. Để ngụy trang cho tiếng nổ ô tô để phòng sự phát hiện của bộ đội ra đa đại đội 19, bảo đảm tuyệt đối bí mật, giữ được yếu tố bất ngờ cho kế hoạch kiểm tra, đoàn đã cho xe tô đỗ lại ở vị trí cách trận địa đại đội gần 1km, dùng hành quân bộ để tiến quân. Do được trang bị đầy đủ giấy tờ nên đoàn kiểm tra đã đi vào vọng gác đơn vị một cách thuận lợi, từ đó tiếp cận được các vị trí trú quân và trực chiến đấu của đơn vị mà tôi không hay biết gì cho đến lúc tham mưu trưởng trung đoàn xuất hiện và bước vào sở chỉ huy đại đội. Trong khoảng thời gian sống chiến đấu cùng đại đội 19 ra đa - đây là một kỷ niệm sâu sắc, một bài học giúp tôi nâng cao trình độ chỉ huy chiến đấu.

Vào giữa năm 1964, cách mạng miền Nam phát triển mạnh, quân Ngụy Sài

Gòn cảm thấy khó lòng chống đỡ. Để cứu vãn tình hình đế quốc Mỹ chuẩn bị tư thế đưa quân vào ồ ạt. Chúng tung nhiều toán biệt kích ra miền Bắc để hoạt động phá hoại, hạm đội 7 của hải quân Mỹ có mặt và hoạt động tích cực ở vịnh Bắc Bộ.

Cũng vào khoảng thời gian đó, trong một đêm bọn Ngụy quân Sài Gòn đã tập kích vào khu dân cư vùng biển huyện Tĩnh Gia - Thanh Hóa, phá hỏng chiếc cầu Hang nằm trên đường quốc lộ 1A và rút lui an toàn. Đây là một hành động phá hoại táo bạo của địch, về phía ta - đây cũng là một bài học về cảnh giác chiến đấu của quân dân Thanh Hóa.

Trong thời gian này, tình hình chiến đấu của đại đội ra đa chúng tôi - một đơn vị đóng quân ở vùng biển cũng rất căng thẳng vì phải thường xuyên cảnh giác với bọn biệt kích mặt biển sử dụng thuyền cao su để tập kích. Ngoài nhiệm vụ chiến đấu, bộ đội ra đa chúng tôi còn phải tổ chức chặt chẽ công tác tuần tra canh gác ban đêm khu vực đơn vị trú quân, quan hệ hiệp đồng chặt chẽ với nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương để tổ chức các cuộc tuần tra thường xuyên dọc bờ biển của dân quân tự vệ, kịp thời phát hiện hành động xâm nhập của địch, đặc biệt ở khu vực vùng biển hai xã Quảng Hùng và Quảng Thái.

Đêm đó trời hơi tối, có lẽ vào khoảng thời gian cuối tuần trăng, tôi và đồng chí chính trị viên Giám bàn kế hoạch cùng đi tuần tra đồng thời cũng để nắm xem tình hình sẵn sàng chiến đấu của quân dân địa phương thế nào để cùng địa phương bảo vệ an toàn chung. Vào khoảng ngoài 23 giờ tôi và đồng chí Giám lên đường, mỗi người tự trang bị một khẩu súng ngắn K51 và hai băng đạn, trong đó có một băng mười viên đã lắp vào súng. Khi đi chúng tôi đưa theo một chiến sĩ cảnh vệ được trang bị một tiểu liên báng gấp Tuyn và một cơ sở đạn. Ba chúng tôi đi qua chợ Bùi, vòng ra bãi biển và cứ thế đi dọc bờ biển để tuần tra, hướng về xã Quảng Thái. Chúng tôi đi trong đêm, để giữ bí mật nên không trò chuyện gì, cứ theo một hàng dọc chúng tôi đi, được một quãng đường chừng hơn 1km thì chúng tôi gặp một cái lán dựng trên bãi biển

dưới một rừng phi lao. Tôi và đồng chí Giám bước vào lán thấy một ông già đang nằm trên chõng tre bên cạnh là một đồng lưới đánh cá. Thực ra ban đầu khi ra đi chủ yếu chúng tôi chỉ có ý định làm nhiệm vụ tuần tra xem công tác canh gác của dân quân địa phương ra sao nhưng khi gặp chiếc lán, nhìn thấy ông già canh lưới đang nằm, hai chúng tôi nghĩ ra việc thử xem “Tinh thần” của ông cụ ra sao? Có trung thành với cách mạng không? Chưa kịp trao đổi kỹ thì đồng chí Giám đã đánh thức ông cụ dậy và nói luôn: “Chúng tôi là lính quốc gia, chúng tôi từ Sài Gòn đến đây, tàu thủy chúng tôi đang đậu ngoài biển, ông có biết trụ sở ủy ban ở đâu hoặc dẫn chúng tôi đến nhà ông chủ tịch, (Đồng chí Giám là người xã Nghi Trường, huyện Nghi Lộc), ông cụ là người Thanh Hóa nhưng có thể ông cụ vừa ngủ dậy, cũng có thể ông cụ còn tỉnh song chắc ông không phân biệt được người Sài Gòn và người Nghệ An nên ông cứ dạ dạ, hình như tỏ thái độ phải đồng ý dẫn chúng tôi đến nhà chủ tịch xã. Thế là ông cụ dẫn ba chúng tôi đi, đi được một quãng đường vòng vèo trong đêm thì không thấy ông cụ đâu nữa, vì chúng tôi cũng nghĩ là mình thử thế thôi nên cũng không quản lý theo dõi ông cụ chặt chẽ làm gì. Ba chúng tôi tìm đến vị trí tập kết của dân quân, ở đây có chừng vài ba chục nam nữ dân quân ngủ tập trung để luân phiên nhau làm nhiệm vụ tuần tra dọc bờ biển. Khi chúng tôi vừa bước vào lán thì thấy tình hình ở đây xôn xao lên, chúng tôi đã đoán ra là họ đang báo động chiến đấu vì đã được báo tin có biệt kích biển của địch đang đột nhập vào địa phương mình. Với hành động rất nhanh, họ tập hợp thành từng tổ nhỏ rồi thoát ra khỏi lán tập kết rồi biến mất vào trong đêm tối. Ba chúng tôi vẫn ngồi lại trong lán của họ trong lòng suy nghĩ mông lung nhưng không ai nói ra điều mình nghĩ vì chưa phải lúc tranh luận việc làm của mình đúng hay sai. Gần 30 phút sau thì họ trở về trong im lặng và trật tự. Chúng tôi có hỏi thì họ trả lời: “Có biệt kích Ngụy Sài Gòn đột nhập vào vùng biển xã ta nhưng chúng tôi lòng sục không thấy, chúng tôi đã bố trí người tiếp tục tuần tra theo dõi”. Chúng tôi giả vờ như không biết gì về chuyện đã xảy ra, tìm cách hỏi về tình hình tuần tra canh gác của họ, tình hình của địch có triệu chứng gì không? v.v...

Đêm đã quá khuya, các đồng chí dân quân cũng cần nghỉ ngơi lấy sức khỏe để ngày mai còn sản xuất, còn ra biển đánh cá nên chúng tôi chào họ và ra về. Đường về đêm càng khuya trời càng lạnh, về đến đơn vị thấy mình làm một việc mạo hiểm quá và đó không phải là một biện pháp hay để nắm tình

hình cảnh giác của nhân dân địa phương.

Ngày hôm sau chúng tôi đến gặp chính quyền và cán bộ quân sự địa phương để trình bày lại toàn bộ sự việc đêm hôm qua để các đồng chí ấy đánh giá đúng âm mưu và khả năng của địch. Đầu tiên chúng tôi hoan nghênh và cảm ơn Đảng bộ, chính quyền xã đã tổ chức và xây dựng được đội ngũ dân quân có tinh thần cảnh giác cao, dũng cảm, có kỷ luật, có những người dân giác ngộ, trung thành như cụ già canh lười. Sau khi trình bày sự việc chúng tôi đã tự phê bình về việc làm mạo hiểm và thiếu suy nghĩ chín chắn của chúng tôi. Sau khi nghe những lời kể của đồng chí cán bộ quân sự địa phương, thật lòng chúng tôi rùng mình hú vía, thì ra là trong lán ông cụ già canh lười ngoài ông cụ ra còn có đứa con trai ông cụ nằm phía trong, khi hai chúng tôi đàm thoại với ông cụ thì người con trai đều nghe rõ nội dung, đã kịp thời báo động chiến đấu với dân quân, để ông cụ tiếp thoại với hai “Ngụy Sài Gòn”. Nếu không làm việc đó anh ta có thể đủ điều kiện cho chúng tôi mỗi người một nhát dao. Chúng tôi nói đùa với đồng chí cán bộ địa phương “Mệnh chúng tôi chưa việc gì, nhưng thật là hú vía”. Đây là một bài học nhớ đời về sự ấu trĩ của mình.

Trong mạng cảnh giới trên không của trung đoàn đại đội chúng tôi được giao nhiệm vụ chủ yếu là phát hiện thông báo địch trên không ở hướng Đông - Đông Nam, bổ trợ ở hướng Tây Nam, là đơn vị được bố trí ở vùng biển, bệ ăng ten được đặt cạnh một cánh đồng lúa và mặt biển ở hướng Đông nên nhiệm vụ được giao cụ thể là phải quản lý địch từ 150km trở ra ở độ cao trên 2000m, đối với chúng tôi là đảm nhiệm được.

Trung đoàn cũng đặt đại đội chúng tôi trong những đơn vị tiền tiêu, vị trí chiến lược của mạng cảnh giới ra đa phòng không, đó là vinh dự nhưng cũng là trách nhiệm nặng nề được giao.

Từ ngày ngày quyền Sài Gòn tuyên bố sẽ đưa cuộc chiến tranh ra ngoài vĩ tuyến 17 cho đến khi Mỹ tuyên bố sẽ tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân đối với miền Bắc thì công tác chiến đấu và chuẩn bị chiến đấu của đơn vị rất khẩn trương. Sau hội nghị chính trị đặc biệt, thực hiện lời kêu gọi của Bác Hồ, bộ đội Ra đa nói chung, đơn vị chúng tôi nói riêng phải tổ chức trực ban chiến đấu thường xuyên, chặt chẽ để hoàn thành nhiệm vụ cảnh giới phát hiện thông báo địch trên không đồng thời cũng phải sẵn sàng chiến đấu bảo vệ trận địa khi địch xâm phạm đánh phá hoặc phá hoại binh khí khí tài. Cũng như các đại đội bạn, đại đội chúng tôi được biên chế một trung đội vũ khí nhẹ và súng máy phòng không (súng máy 12 ly 7 sau được thay bằng súng máy 14 ly 5 nhiều nòng) để làm nhiệm vụ đánh địch tập kích từ trên không, mặt đất, mặt biển bảo vệ đơn vị, trung đội này đã trải qua mấy đời chỉ huy trưởng, đảm nhận nhiệm vụ chỉ huy trưởng hiện thời là đồng chí Xương.

Về tình hình đóng quân như trên đã nêu, điều kiện cho địch tập kích từ trên không cũng như mặt đất - mặt biển rất thuận lợi, vấn đề đó đòi hỏi chúng tôi phải có kế hoạch, phương án chiến đấu cụ thể - chặt chẽ - sẵn sàng chiến đấu cao. Vì thế ngoài nhiệm vụ chiến đấu của ra đa là chủ yếu, đơn vị cũng khẩn trương và thường xuyên nâng cao chất lượng chiến đấu cho trung đội súng máy phòng không bằng cách tăng thời gian luyện tập thao tác súng, bắn địch ở các tư thế và phương án kết hợp với luyện tập bắn đạn thật - thế là chuyện nào đến nó sẽ đến.

Cuộc tổ chức hội thao chiến đấu của trung đoàn 291 tổ chức tại đại đội ra đa 19 do đồng chí tham mưu phó Trần Đình Hợi chỉ huy đã bước sang ngày thứ ba (ngày 5 tháng 8 năm 1964). Buổi sáng hôm đó cuộc hội thao vẫn tiếp tục như mọi ngày, đơn vị vẫn ở trong tình trạng chiến đấu cấp 1, máy bay ra đa II8 và ra đa 406 thay nhau chiến đấu vì thời gian gần đây không quân, hải quân Mỹ đã có nhiều hành động khiêu khích ta, trước đó mấy ngày đêm mùng 2 tháng 8 năm 1964 đồng chí trung đội trưởng trung đội ra đa 406 ở đồi 79 Sầm Sơn báo cho tôi biết là tàu bộ đội hải quân ta đụng độ với tàu hải quân địch ở ngoài khơi trong bộ đội hải quân ta có chiến sĩ bị thương (sau này chúng tôi được rõ là tàu hải quân ta đánh tàu Ma-rốc hạm đội 7 hải quân Mỹ).

Theo phương án chiến đấu khi ra đa nổ máy tôi và chính trị viên trưởng trực tiếp chỉ huy ở sở chỉ huy, đồng chí đại đội phó và trung đội trưởng ra đa trực tiếp chỉ huy ở đài ra đa, khi có tình huống chiến đấu mặt đất thì đồng chí đại đội phó có mặt ở trận địa súng máy phòng không, toàn thể chiến sĩ trung đội súng máy phòng không có mặt ở trận địa chiến đấu đảm bảo đủ quân số chiến đấu cho 4 khẩu súng máy phòng không.

Buổi chiều hôm đó khi cuộc họp hội thao của trung đội đang tiến hành, đơn vị đang làm nhiệm vụ thông báo địch trên không thì trắc thủ ra đa n8 phát hiện địch đang chuẩn bị bay ngang qua đại đội ra đa dọc theo bờ biển theo hướng từ Nam ra Bắc. Khi phát hiện tiếng động cơ máy bay, tôi và chính trị viên Giám nhai người ra cửa sổ chỉ huy thì thấy một tốp máy bay địch gồm 8 chiếc đang bay dọc bờ biển ở độ cao 2000 - 3000m theo hướng Lạch Trường (sau này chúng tôi mới biết 8 chiếc máy bay đó là loại A của không quân hải quân Mỹ). Lúc này đồng chí Nguyễn Nho Phú - Đại đội phó hạ lệnh cho trung đội súng máy 14 ly 5 nổ súng đánh địch ngay lập tức Tiểu đội trưởng Đinh Trọng Nhưỡng ngồi ghế xạ thủ số 1 thao tác ấn cò. Cả mấy loạt đạn liên tiếp bắn tập trung vào đội hình máy bay địch và sau đó chúng tôi không nhìn thấy gì nữa vì đội hình bay của địch khuất vào trong mây và đã bay xa, chúng tôi chỉ còn nghe tiếng nổ ầm ầm từ xa vọng lại mà tôi đoán là tiếng nổ đạn pháo phòng không của đơn vị bạn đang tiếp tục đánh địch. Lần đầu tiên chúng tôi tận mắt nhìn thấy loại kiểu máy bay Mỹ - kẻ thù trực tiếp của cuộc kháng chiến chống chiến tranh phá hoại bằng không quân đối với miền Bắc nước ta.

Trong đơn vị, cán bộ chiến sĩ kể cả các đồng chí trong đoàn hội thao của trung đoàn không có sự bình luận gì về trận đánh máy bay địch vừa rồi, riêng tôi trên cương vị người chỉ huy của đơn vị, tôi rất phân vân lo lắng, một phần lo sợ địch quay lại đánh vào trận địa ra đa nhưng cái lo lắng nhất là đơn vị không thực hiện đúng phương án chiến đấu, đã được trung đoàn phê duyệt: Đơn vị súng máy phòng không chỉ được đánh trả máy bay địch khi địch đã đánh phá hoặc có triệu chứng rõ ràng địch sẽ đánh vào trận địa ra đa. Nếu

địch quay lại đánh trận địa ra đa thì nguyên nhân chủ yếu là đơn vị đã nổ súng làm lộ mục tiêu. Chúng tôi đã thực hiện sai phương án chiến đấu vì địch chỉ bay ngang qua không phận của đơn vị để thực hiện chiến thuật ở một vùng khác, như vậy coi như chúng tôi vi phạm kỷ luật chiến trường.

Việc xảy ra đã xảy ra, trước mắt chúng tôi là tiếp tục chuẩn bị cho cuộc đánh trả địch nếu chúng quay trở lại đánh phá trận địa hoặc chúng có thể sẽ thực hiện vào các ngày hôm sau. Để bảo vệ binh khí, khí tài và lực lượng hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu của đại đội ra đa, chúng tôi lệnh cho trung đội 14 ly 5 vận chuyển tiếp tế thêm ra trận địa cho đủ cơ sở đạn và loại đạn gồm đạn xuyên, đạn khói, đạn vạch đường, tăng cường quan sát mắt kết hợp với ra đa để phát hiện địch, chuẩn bị cấp cứu thương binh, phòng chữa cháy, đặc biệt là tiến hành công tác giáo dục ổn định chính trị tư tưởng cho bộ đội. Tất cả các công việc được tiến hành có sự chỉ đạo của đồng chí Hợi - Tham mưu phó trung đoàn. Khi đơn vị đang chiến đấu và chuẩn bị chiến đấu thì có một đồng chí công an tỉnh Thanh Hóa đến đơn vị có lẽ là các cơ quan chính quyền tỉnh hay tin đại đội 19 bắn máy bay địch nên cử đồng chí ấy đến xem binh tình ra sao. Gặp tôi đồng chí ấy cho biết là trưa nay (5 tháng 8 năm 1964) máy bay địch đã đánh phá kho xăng Vinh - Nghệ An, lúc bấy giờ chúng tôi mới hay là không quân địch đã bắt đầu đánh phá miền Bắc từ sáng nay nhưng sở chỉ huy trung đoàn chưa kịp thông báo cho đơn vị, giá mà biết tin sớm hơn thì công tác chuẩn bị chiến đấu của chúng tôi sẽ đầy đủ hơn.

Đến chiều tối tình hình trở lên yên tĩnh, máy ra đa vẫn tiếp tục nổ theo phiên ban. Đêm hôm đó hầu như chúng tôi không ai ngủ được... Cuộc chiến đấu của nhân dân ta ở miền Bắc để chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ như Đảng ta dự kiến đã bắt đầu. Ngày 6 tháng 8 cuộc hội thao chiến đấu của trung đoàn vẫn tiếp tục tiến hành theo kế hoạch, tối đó đơn vị tôi còn tổ chức phục vụ môn bắn đạn thật ban đêm - Môn hội thao cuối cùng của trung đoàn. Hai ngày tiếp theo, tôi cố gắng tư duy và trao đổi với chính trị viên Giám về những việc đã làm, những sự kiện đã xảy ra và cả những công việc tiếp theo của đơn vị.

Ngày 9 tháng 8 năm 1964 tôi từ giã đại đội 19 ra đi ra Hà Nội nhận nhiệm vụ mới theo lệnh của đồng chí trung đoàn trưởng Đào Văn Dương, trong lòng không thật yên tâm về nhiệm vụ mới và lo cả những việc gì mà đơn vị cũ sẽ phải làm. Tôi cũng biết ngày mai 10 tháng 8 năm 1964 đại đội sẽ hành quân di chuyển về khu vực Thọ Xuân, một vùng mới để tiếp tục chiến đấu.

Ngày 10 tháng 8 năm 1964 tôi vào tiếp kiến trung đoàn trưởng, việc đầu tiên đồng chí giao cho tôi là viết bản báo cáo tường trình trận chiến đấu của đại đội trong đó có cả phần phát hiện thông báo địch và bắn máy bay địch ngày 5 tháng 8 sau đó đồng chí cũng cho biết là cấp trên đã xác minh trong trận chiến đấu đó, đại đội 19 ra đi đã bắn rơi một máy bay của không quân hải quân Mỹ ở Lạch Trường, Thanh Hóa. Tôi lặng người đi nhưng trong lòng rất mừng, không thấy trung đoàn phê phán gì, tôi nghĩ như vậy là được cả “chì lẫn chì” vì bắn rơi được máy bay địch và bảo đảm an toàn trận địa (vì nếu địch đánh trận địa thì chắc đơn vị không tránh khỏi bị kỷ luật, tôi là người chịu trách nhiệm chính). Ngày hôm sau, tôi còn được biết thêm là trung đoàn đã điện giao nhiệm vụ cho đồng chí Nho Phú - đại đội phó đi gặp bộ đội hải quân ở Lạch Trường để xác minh thực tế chiếc máy bay địch mà đơn vị bắn rơi. Sự thể là trong đội hình 8 chiếc máy bay địch bay qua bờ biển xã Quảng Hùng đến Lạch Trường bị bắn rơi hai chiếc, khi vớt tang vật lên được hai cánh máy bay nhưng cả hai cánh đều nằm về một phía do đó có thể xác định chính xác là ít nhất có hai chiếc bị bắn rơi, một trong hai cánh máy bay có lỗ thủng do đạn 14,5 ly bắn. Tất nhiên trong trận này bộ đội hải quân không được trang bị súng máy 14,5 ly để chiến đấu. Để đảm bảo chắc độ tin cậy, đồng chí Nho Phú còn mang theo một viên đạn 14,5 ly để đo lỗ thủng của cánh máy bay, như vậy đã rõ ràng đại đội 19 - Một đơn vị ra đi đầu tiên của bộ đội phòng không đã góp phần vào chiến công bắn rơi nhiều máy bay địch trong ngày 5 tháng 8 năm 1964. Đó là chiến công hiếm có của đơn vị, với tôi đây cũng là một kỷ niệm sâu sắc trong đời binh nghiệp nói chung, những năm tháng ở Binh chủng Ra đi nói riêng.

Sau hơn 1100 ngày với đại đội 19 ra đi, một trong những mốc thời gian mà quãng đời tôi gắn lâu nhất với một đơn vị cơ sở trực tiếp chiến đấu trong hai

cuộc chiến tranh chống xâm lược Pháp và đế quốc Mỹ. Từ đó tôi từ giã đại đội 19 ra đi và không quay trở lại với nó về vị trí chiến đấu, được biết với thành tích xây dựng và chiến đấu, đại đội đã được đón nhận danh hiệu “Đơn vị Anh hùng” - một vinh dự cao quý.

BẢO ĐẢM RAĐA CHO KHÔNG QUÂN

DÙNG MÁY BAY CỦA ĐỊCH ĐÁNH ĐỊCH

TRẦN LIÊN

Thời kỳ 1961 - 1964 địch tích cực tung biệt kích ra phá hoại miền Bắc. Ban đêm chúng cho máy bay cánh quạt C47, C123 tốc độ 300 - 400km/giờ ở độ cao 3000 - 5000m ra miền Bắc thả biệt kích. Ta đã tổ chức nhiều trận phục kích bằng pháo cao xạ nhưng địch lại dùng thủ đoạn bay cao hơn và thả biệt kích vào những vùng hiểm trở hy vọng ta khó cơ động lực lượng kịp thời đánh chúng và để bọn biệt kích lẫn trốn không bị bắt sống ngay tại trận. Chỉ có cách dùng máy bay đánh địch mới khắc phục được đặc điểm này.

Tháng 9 năm 1963 một máy bay cường kích T28 của quân ngụy Lào sang ta xin cư trú. Ta đặt tên cho chiếc máy bay này là chiếc 963. Sau một thời gian tìm hiểu kỹ thuật, sửa chữa và huấn luyện sử dụng, chiếc 963 đã được Bộ tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân đưa vào làm nhiệm vụ trực ban chiến đấu.

Sử dụng chiếc 963 để đánh loại C47, C123 là phù hợp. Về ra đi thì ta chưa có khí tài chuyên dẫn đường cho máy bay. Lúc này sở chỉ huy Quân chủng mới chỉ có hai trạm nhìn vòng là T29 với trang bị một đài 403 và một đài đo cao 843 của Trung Quốc. T28 còn gọi là “Ấp Bắc” được trang bị hai đài II10 sóng m và II15 song dm của Liên Xô (đài 402 sóng cm dùng cho hải quân canh giới trên biển được bạn cải tiến để đảm bảo dẫn đường cho không quân, đặt tên là 403).

Ngày 15 tháng 2 năm 1965 hồi 23 giờ 23 phút, vọng quan sát ở Con Cuông, Nghệ An báo có tiếng động cơ máy bay. Trạm ấp Bắc và Trạm 29 được lệnh mở máy khẩn trương đảm bảo dẫn đường. Cả hai trạm đều phát hiện được chiếc C123 của địch đã vào đến Hồi Xuân - miền Tây Thanh Hóa. Bộ tư lệnh Quân chủng quyết định sử dụng chiếc 963 lên đánh. Đồng chí Hiệp sĩ quan chỉ huy không quân lệnh cho hai đồng chí Ba và Phước lái chiếc 963 chuẩn bị. Tư lệnh Quân chủng lệnh cho tôi trực chỉ huy ra đa hôm đó thông báo ngay cho lực lượng phòng không Quân khu 3 “Không được bắn máy bay ta”. Thời gian này thống nhất chung toàn miền Bắc là ban đêm máy bay ta không hoạt động nên các lực lượng phòng không được phép bắn nếu phát hiện máy bay. Tôi lo lắng không biết nên làm thế nào để đảm bảo an toàn cho máy bay ta khi cất cánh. Tôi gọi sở chỉ huy Quân khu 3 thông báo cho đồng chí Quang Hùng - Chủ nhiệm phòng không yêu cầu đảm bảo an toàn. Đồng chí Hùng trả lời tôi là “Anh Liên ạ, anh có báo cho vợ anh cũng không kịp nữa là tôi báo cho các lực lượng phòng không toàn quân khu, nhất là tự vệ”. Tôi chỉ còn biết yêu cầu anh Hùng cố gắng. Ngồi quanh bàn dẫn đường của không quân gồm đủ các thành phần từ các đồng chí trong Bộ tư lệnh đến các tham mưu phó, sĩ quan chỉ huy không quân ra đa và sĩ quan dẫn đường rất hồi hộp vì đây là trận đầu chỉ huy máy bay lên đánh máy bay địch. Tôi và đồng chí Kính sĩ quan dẫn đường rất lo lắng: Làm sao để 963 cất cánh an toàn không bị pháo và súng máy phòng không bắn nhầm? Có ý kiến bàn cho máy bay ta lượn vòng lấy độ cao trên đầu sân bay để loại tầm súng máy của phòng không tự vệ nhưng sau chúng tôi bàn là giành bất ngờ vừa cất cánh bay thẳng đến mục tiêu vừa nâng dần độ cao sẽ tránh được hỏa lực mặt đất mà lại tiết kiệm được thời gian và nhiên liệu để đánh địch. 0 giờ 07 phút chiếc 963 được lệnh cất cánh vừa bay thẳng đến mục tiêu vừa lấy độ cao và khi đã cách Hà Nội 35km rồi thì tiếng súng phòng không các cỡ của Hà Nội mới bắt đầu giòn giã nổ vang! Chúng tôi nhìn nhau yên tâm. Bây giờ lại lo đến việc bám sát địch, ta để dẫn 963 vào công kích.

Đường bay của cả ta và địch, ra đa ta phát hiện đôi lúc bị đứt quãng? Có lúc không rõ sóng về nào là ta, sóng về nào là địch? Chiếc 963 thì không có máy trả lời theo ra đa ta. Cứ mỗi lần như vậy đồng chí Tài - Tư lệnh lại hỏi:

“Địch đâu? Ta đâu? Ra đa thế nào?”... Chúng tôi rất lúng túng? Chỉ còn cách phối hợp chặt chẽ giữa trắc thủ và sĩ quan dẫn đường trên hiện sóng, đồng chí Ngự ở Trạm 29, đồng chí Chuyên ở Trạm 28 và với những sĩ quan dẫn đường trên sở chỉ huy để hỗ trợ cho nhau. Chúng tôi phải dùng phương pháp lệnh cho 963 lúc kéo cao, lúc rẽ trái hoặc phải để phân biệt ta địch trên hiện sóng và mong sao cho các đồng chí Ba và Phước báo thấy địch để công kích là mừng. Sau những phút hồi hộp được các đồng chí lái báo thấy địch rồi cả sở chỉ huy mừng khôn xiết. Các đồng chí đã bắn và chiếc C123 địch đã quay đầu về phía Tây và mất dần độ cao. Phấn khởi vì đã đánh được địch, bây giờ lại lo lắng việc dẫn máy bay về an toàn. Trạm 29 và 28 đã bám sát được 963 dẫn về trong khi sóng về của địch đã mất hút. Chiếc C123 sau này mới tìm được xác ở Thượng Lào và thành tích của 963 mới được xác nhận.

Đây là trận đầu ra đa bảo đảm dẫn đường cho không quân trong hoàn cảnh trang bị chưa đầy đủ, trắc thủ chưa có kinh nghiệm nhưng chúng ta đã thắng lợi.

NHỚ LẠI ĐẠI ĐỘI 13 Ở RÚ NÀI - HÀ TĨNH

LƯƠNG HỮU SẮT

Ngày 7 và 8 tháng 2 năm 1965, địch mở kế hoạch “mũi lao lửa” đánh vào Quảng Bình, Vĩnh Linh bị thất bại; tiếp tục ngày 11 tháng 2 năm 1965 địch lại đánh phá Đồng Hới, ngay từ đầu các đại đội rađa 11 và 12 đều phát hiện địch sớm, thông báo cho các đơn vị phòng không của các địa phương nên báo động sớm. Thế trận phòng không đã sẵn sàng. Trận đánh ở Đồng Hới kéo dài 14 giờ 15 phút mới kết thúc. Sáu máy bay Mỹ bị bắn rơi và tên giặc lái Su-méc-cơ bị dân quân xã Lý Ninh bắt sống.

Do bị thất bại ở Quảng Bình - Vĩnh Linh, không giành được yếu tố bất ngờ, 13 giờ 55 phút ngày chủ nhật địch cho nhiều tốp máy bay bay rất thấp còn còn cát Phú Hội đánh Đồng Hới. Chọn thời cơ buổi trưa ngày nghỉ chủ

nhật, tưởng rằng gây bất ngờ với lưới lửa phòng không, lại bay thấp để không quan sát thấy, kể cả đánh thị trấn Hồ Xá - Vĩnh Linh cũng vào lúc 12 giờ và 14 giờ 8 phút. Tuy vậy tất cả các tốp máy bay này đều bị đại đội 11 và 12 radar bố trí ở Lộc Đại, Quảng Bình và Vĩnh Chấp ở Vĩnh Linh phát hiện được sớm, mặc dầu bay rất thấp; báo động cho dân quân Quảng Bình, Vĩnh Linh sẵn sàng đánh địch.

Địch cũng biết được như vậy, không giành được yếu tố bất ngờ vì các đại đội radar cảnh giới này, các trận địa đã bố trí từ khi triển khai chiến đấu đầu tiên đến nay đã được gần 5 năm, vẫn ở chỗ cũ: Mặc dầu cuối năm 1964 nhân dân ở các xã quanh trận địa ngày đêm dốc sức đắp công sự bảo vệ các xe radar, các hầm chỉ huy đại đội; các đài phát và thu vô tuyến điện, các kho đạn và trận địa súng máy phòng không 12,7 ly và 14,5 ly, hệ thống giao thông và công sự chiến đấu trên không và mặt đất.

Ngoài ra mỗi đại đội cũng được chuẩn bị hai đến ba trận địa dự bị trong phạm vi 30km² để bí mật bất ngờ di chuyển khi có chiến tranh xảy ra. Thiết bị các trận địa này có khác là bố trí kín đáo hơn nhưng cũng có công sự đắp nổi cho xe radar, máy nổ, đài thu vô tuyến điện, chỉ huy sở của đại đội. Riêng giao thông hào và công sự cá nhân khi di chuyển bộ đội tự làm lấy sau.

Địch quyết định hủy diệt hệ thống radar của ta, nó là điều kiện đầu tiên tạo thuận lợi cho không quân và hải quân Mỹ đánh phá miền Bắc. Trong thời gian còn lại của năm 1965, địch chuẩn bị ráo riết cho chiến dịch này. Các máy bay RB-66, RA-5C, RF-101 bay liên tục trinh sát vùng biên giới Việt Lào ở Tây Bắc và vùng Quân khu 4 để xác định hệ thống radar cảnh giới ở biên giới và bờ biển khi phát sóng mở máy trực ban và chụp ảnh các vị trí trận địa radar bố trí từ thời bình.

Ngày 23 tháng 3 năm 1965 máy bay Mỹ bắt đầu mở chiến dịch “Sấm rền”

đánh đại đội radar 11 ở chân đồi 32 xã Vĩnh Chấp, Vĩnh Linh lúc 13 giờ 50 phút.

Ngày 24 tháng 3 năm 1965, 24 máy bay địch đánh vào các trận địa của đại đội radar 12 bố trí ở đồi ngoài thôn Lộc Đại gần sân bay Đồng Hới, Quảng Bình, mặc dù lúc này đại đội 12 được di chuyển về trận địa dự bị ở Chánh Hòa cách trận địa cũ 6km. Do lệnh của đồng chí Đặng Tính - Chính ủy Quân chủng Phòng không - Không quân đến kiểm tra chiến đấu ở Quảng Bình, Vĩnh Linh sau các trận chiến đấu ngày 11 tháng 2 năm 1965 bộ đội ta đánh trả các máy bay Mỹ vào ném bom Đồng Hới. Đồng chí đến thăm đại đội 12 kiểm tra chiến đấu. Thấy trận địa ở trên đồi, ăng ten radar quay liên tục nên đồng chí đã lệnh cho di chuyển về trận địa dự bị, báo cáo về chỉ huy sở Quân chủng ở Hà Nội và thông báo cho trung đoàn 290 biết. Tuy đánh nhằm vào trận địa giả, địch đã sử dụng một khối lượng bom đạn để thực hiện ý đồ tiêu diệt đại đội radar 12. Kết quả là 2 máy bay Mỹ bị quân dân Đồng Hới bắn rơi.

Tại sở chỉ huy trung đoàn 290 ở Vinh đều năm được đường bay của địch vào đánh đại đội 11, 12, năm được báo cáo bằng miệng hàng ngày về tình hình chiến đấu của từng đại đội và trên cũng thông báo về chiến dịch “Sấm rền” của địch 15 giờ ngày 24 tháng 3 năm 1965 sau khi hội ý với anh Tuất - Chính ủy trung đoàn về ngày hôm sau thống nhất nhận định “thế nào địch cũng đánh đại đội 13 ở Rú Nài, Hà Tĩnh”, tôi điện cho đại đội 13 sẵn sàng chiến đấu nay mai, đề phòng địch đánh vào trận địa; công tác bố trí hỏa lực phòng không và phối hợp chiến đấu với các lực lượng phòng không địa phương, chuẩn bị cho bộ đội chiến đấu tại chỗ và chuẩn bị trận địa dự bị khi có lệnh cơ động. Sau đó gọi điện về sở chỉ huy Quân chủng Phòng không: “Dự kiến ngày mai địch sẽ đánh vào trận địa của đại đội 13 radar ở Rú Nài nên xin phép cho đại đội 13 di chuyển về trận địa dự bị”. Sau 10 phút, được trả lời: “Quân chủng không đồng ý cho di chuyển đại đội 13 về trận địa dự bị, ở tại chỗ chiến đấu”.

19 giờ cùng ngày Bộ tư lệnh Quân khu 4 có điện triệu tập một đồng chí thủ

trưởng Trung đoàn 290 sang sở chỉ huy quân khu báo cáo. Vì phải chuẩn bị cho bộ đội chiến đấu ngày mai, tôi cử đồng chí Hóa - Tham mưu trưởng trung đoàn sang báo cáo tình hình với Tư lệnh Quân khu 4. Tư lệnh Quân khu 4 hỏi: Vì sao địch mở chiến dịch “Sấm rền” đánh phá các trận địa radar, nó đã đánh đại đội 11 và 12. Tôi đi qua Hà Tĩnh, thấy ăng ten đại đội 13 ở Rú Nài vẫn quay tròn trên đồi, tại sao các đồng chí không lệnh cho anh em ở đó di chuyển về trận địa dự bị, như vậy là sao?

Đồng chí Hóa báo cáo: Trung đoàn trưởng chúng tôi đã báo cáo về Quân chủng Phòng không - Không quân ở Hà Nội xin phép di chuyển đại đội 13 về trận địa dự bị nhưng trên cương quyết không cho di chuyển, phải ở lại vị trí cũ chiến đấu. Đồng chí tư lệnh quân khu giải thích tình hình và nói tiếp: “Tôi ra lệnh cho các đồng chí, và kêu gọi các đồng chí di chuyển đại đội 13 về trận địa dự bị; tôi sẽ báo cáo tình hình này lên Quân ủy Trung ương”.

Anh Hóa - Tham mưu trưởng trung đoàn 290 chào và xin phép về đơn vị để báo cáo lên trên. Về đến sở chỉ huy trung đoàn, anh Hóa báo cáo với tôi về ý kiến của Tư lệnh Quân khu 4 và hỏi ý kiến nên giải quyết như thế nào? Tôi bàn với anh Tuất và anh Hóa: “Bây giờ phải chuẩn bị cho bộ đội chiến đấu là vấn đề trước tiên, còn việc xin di chuyển về trận địa dự bị, ta đã đề nghị rồi, trên không đồng ý thì thôi vì thời gian còn lại rất ít, còn ý kiến của quân khu, trung đoàn phải báo cáo về sở chỉ huy của Quân chủng biết”.

Nhưng đến 21 giờ, anh Cận - Tham mưu phó Quân chủng - phụ trách về radar gọi điện thoại gặp tôi để truyền đạt mệnh lệnh “theo lệnh của Tư lệnh Quân chủng cho di chuyển đại đội 13, đại đội 11 về trận địa dự bị ngay, thời gian hoàn thành trước 7 giờ sáng ngày 25 tháng 3 năm 1965; sau đó tiếp tục cho đại đội 14, đại đội 15, đại đội 16 lần lượt di chuyển về trận địa dự bị, chú ý không được để gián đoạn chiến đấu, giữ gìn an toàn trong di chuyển”. Tôi ngạc nhiên hỏi anh Cận: “Vì sao lúc 15 giờ xin phép cho đại đội 13 di chuyển về trận địa dự bị, không những không cho mà còn bị phê bình, bây giờ lại cho di chuyển một lúc nhiều đại đội như vậy? Anh Cận bảo: “Bây giờ cấp trên chỉ

thị cho di chuyển ngay; Tổng tham mưu trưởng chỉ thị đây, chấp hành đi”.

Tôi rất phấn khởi, tính toán thời gian còn rất ít, sau khi hội ý các anh Tuất - Chính ủy, anh Hóa - Tham mưu trưởng; cho phát lệnh bằng mật ngữ ngay cho đại đội 13 hạ ăng ten di chuyển về trận địa số 1 ở Thạch Hạ. 6 giờ sáng ngày 25 tháng 3 phải trực ban chiến đấu được, đồng thời điện cho đại đội 11 ở Vĩnh Linh cho hạ ăng ten một máy radar và tổ chức một bộ phận sở chỉ huy di chuyển ngay đêm nay về trận địa dự bị, bộ phận còn lại ở trận địa cũ vẫn trực ban mở máy theo phiên; khi nào trận địa dự bị sẵn sàng chiến đấu được 6 giờ sáng ngày 25 tháng 3, bộ phận trận địa cũ mới hạ ăng ten di chuyển; báo cho đại đội 12 ở Đồng Hới sẵn sàng thay thế đại đội 11 di chuyển. Thông báo tiếp cho đại đội 14, đại đội 15, đại đội 16 tổ chức chuẩn bị di chuyển lần lượt như đại đội 11. Máy radar lần lượt thay thế nhau, các đại đội theo thứ tự lần lượt di chuyển không làm gián đoạn chiến đấu; đến 24 giờ ngày 25 tháng 3 năm 1965 phải di chuyển xong; các đại đội 11, 14, 15, 16 mỗi lần hạ ăng ten và di chuyển phải báo cáo về sở chỉ huy trung đoàn để chỉ huy thống nhất bảo đảm chiến đấu liên tục, ưu tiên phát lệnh cho đại đội 13 trước tiên.

Trong sở chỉ huy lúc này rất khẩn trương, các máy thu, máy phát lệnh liên tục; bắt liên lạc các kênh sóng của nhau. Các đồng chí báo vụ gọi và phát tín hiệu đi các đại đội Các đồng chí trực ban thông tin, tác chiến, hướng dẫn thứ tự các bức điện phát đi lần lượt cho đại đội nào trước, đại đội nào sau v.v... 23 giờ các mệnh lệnh phát đi đã xong, các nơi đều nhận đủ. Riêng đại đội 13 nhận đủ đầu tiên lúc 21 giờ 15 phút.

Địa điểm sở chỉ huy trung đoàn lúc này ở núi X; đây là một hầm ngầm kiên cố bề ngang 3m dài 8m kể cả đường xuống là 10m, vốn trước đây xây cho một đơn vị bộ binh. Trước ngày 15 tháng 3 đồng chí Nam Long - Tư lệnh Quân khu 4 đến thăm sở chỉ huy của trung đoàn radar thấy xây dựng đã chiến trên mặt đất, đồng chí cho trung đoàn một hầm gần ngay tại đó để làm sở chỉ huy nên mới có địa điểm này.

Bỗng nhiên 24 giờ có điện thoại của đại đội 13 báo cáo “ăng ten hạ xong xếp lên xe; đã kéo bộ ăng ten ra ngoài nhưng xe radar hỏng không nổ máy được nên không thể lên khỏi hầm; xe radar nặng 10 tấn, các loại xe khác quá nhẹ không thể kéo, lái xe, thợ tập trung sửa chữa nhưng không nổ được máy; yêu cầu trung đoàn chi viện”.

Tôi thấy tình hình này không kịp di chuyển để trực ban chiến đấu sáng mai vì thời gian còn lại rất ít, đầu dây bên kia anh Luật xúc động quá vừa nói vừa thở. Tôi vội động viên anh ấy “Tình hình bây giờ rất khẩn trương, trung đoàn sẽ cử đồng chí chủ nhiệm xe trung đoàn và hai thợ sửa chữa vào chi viện, nhưng đường xa 50km phải qua phà Bến Thủy, đi đêm cũng phải mất 2 giờ đi đường mới tới được như vậy không kịp thời gian di chuyển; tốt nhất anh hãy ra Tỉnh ủy gặp đồng chí Bí thư tỉnh hoặc Chủ tịch tỉnh hoặc đồng chí thường vụ thường trực của Tỉnh ủy báo cáo tình hình như trên, xin các anh cho xưởng đại tu ô tô của tỉnh Hà Tĩnh vào chi viện may là có thể kịp, cự ly giữa đại đội 13 và Tỉnh ủy chỉ có 2km thôi. Anh trực tiếp hoặc đồng chí chính trị viên đại đội ra báo cáo ngay mới kịp, còn trung đoàn sẽ cho thợ kỹ thuật vào với anh ngay nhưng sẽ vào muộn không kịp đâu”.

Anh Luật nghe ra, hứa chấp hành nghiêm chỉnh. Tôi bàn với anh Hóa tổ chức giao cho anh Viên chủ nhiệm xe và một thợ sửa chữa đi xe mô tô ba bánh, đi ngay vào đại đội 13 giúp sửa chữa xe và chỉ đạo luôn vấn đề hành quân di chuyển; đồng thời báo cáo về sở chỉ huy Quân chủng tình hình đại đội 13 hiện nay.

Ra khỏi sở chỉ huy vừa đi vừa nghĩ “Xin mãi mới cho di chuyển; bây giờ lại không đi được thật là phiền phức. Ngày mai không di chuyển kịp để nó đánh hỏng radar thật là tai hại. Tuy vậy vẫn còn hy vọng có thể khắc phục được, vì nó rất thực tế”.

2 giờ 45 phút tôi trở lại sở chỉ huy, đồng chí Hóa cũng có mặt tại đó chưa đi nghỉ; nhắc thông tin liên lạc thường xuyên với đại đội 13. Đột nhiên hai đồng chí sĩ quan trực ban thông tin và tác chiến cùng báo cáo “Đại đội 13 bắt đầu hành quân, xe radar đã ra khỏi công sự” các đồng chí ấy dịch tín hiệu mật ngữ của đại đội 13 báo về; cả sở chỉ huy náo nhiệt hẳn lên, anh em ai nấy đều phấn khởi. Tôi và anh Hóa thở phào nhẹ nhõm, nhắc anh em theo dõi liên lạc với đại đội 13 cho đến khi triển khai ở trận địa mới và báo cáo ngay về sở chỉ huy Quân chủng; 5 phút sau anh Luật lại gọi điện thoại báo cáo: “Xe radar mới chữa xong ra khỏi công sự bắt đầu hành quân gồm xe ăng ten và máy nổ, một bộ phận còn lại của sở chỉ huy đại đội, máy thu phát; còn các bộ phận khác đã hành quân trước đến trận địa dự bị để triển khai sớm, sau khi nhận được lệnh của trung đoàn lúc 21 giờ 15 phút”.

Tôi hỏi anh Luật “Ai chữa cho xe lên khỏi hầm, đoàn của đồng chí Viên - Chủ nhiệm xe đã lên chưa?”.

Đồng chí Luật trả lời: “Sau khi báo cáo trung đoàn chúng tôi ra gặp đồng chí Bí thư Tỉnh ủy báo cáo tình hình trên; các anh gọi cho xưởng xe của tỉnh, giao cho đồng chí phó giám đốc kỹ thuật cùng 4 thợ xe, mang cả phụ tùng đến đơn vị giúp sửa chữa; các đồng chí này đến đại đội lúc 1 giờ và sửa chữa đến 3 giờ thì xe ra khỏi công sự; nguyên nhân máy phát điện của xe radar bị chập. Không những thế, tỉnh còn giao cho xưởng xe làm một ăng ten bằng gỗ và tre, để sáng mai 25 tháng 3 sẽ dựng lên ở vị trí của ăng ten radar, hiện đã di chuyển. Đoàn kỹ thuật xe của trung đoàn mới đến cách đây 30 phút, bây giờ đang cùng hành quân với đơn vị đến vị trí mới”.

Tôi nhắc lại anh Luật: “Rút kinh nghiệm sau này phải mở máy thông điện nổ máy kiểm tra hàng ngày, xung quanh đại đội 13 có nhiều đơn vị đến hợp đồng chiến đấu phải báo cho các đơn vị đó biết đại đội 13 đã di chuyển trận địa để bắt liên lạc. Sáng mai 7 giờ các thông báo đường bay phải đến được

các đơn vị đó. Đến vị trí mới phải triển khai chiến đấu ngay, đúng giờ quy định phải trực ban. Tổ chức nguy trang radar cẩn thận, cho bộ đội đào công sự chiến đấu, gấp cấp ủy, thôn đội trưởng, xã đội trưởng bàn vấn đề hầm hào phòng tránh cho nhân dân chỗ đóng quân để bảo vệ an toàn cho địa phương. Sau trận chiến đấu ngày mai xong, các anh phải đến Tỉnh ủy, Ủy ban tỉnh, cũng như xưởng xe của tỉnh cảm ơn các đồng chí đó đã chi viện cho đại đội”.

Ngày 25-3 trời mưa phùn rải rác, sương mù giăng khắp nơi; 6 giờ sáng đại đội 13 đã báo cáo mở máy trực ban đúng giờ nhưng thời tiết rất xấu nên địch không thể cất cánh để đánh vào các mục tiêu nhỏ như vậy được. Ấu cũng là thời tiết thuận lợi cho ta, đại đội 13 đủ sức làm nguy trang công sự trận địa càng chuẩn bị chiến đấu tốt hơn. 15 giờ đồng chí Viên chủ nhiệm xe từ đại đội 13 về đến sở chỉ huy trung đoàn báo cáo kể lại lại tình hình trận địa mới rất cảm động. Sau khi đại đội 13 di chuyển về trận địa mới được nhân dân địa phương đón tiếp nồng hậu. Các xe và khí tài vào trận địa xong, dân quân và thanh niên nam, nữ đem lá nguy trang và phủ kín các xe ở trong công sự. Các công sự đều lợi dụng lũy tre che khuất, riêng ăng ten của radar đến 6 giờ sáng đã lấy được hướng chuẩn xong, dân quân, thanh niên nam, nữ, các cụ phụ lão khiêng đến bốn cụm tre đào nguyên gốc rễ và dựng lên trồng cố định xung quanh ăng ten, che khuất kín đáo nhưng cũng thuận lợi cho thao tác. Suốt ngày hôm nay, ngoài các đồng chí trực ban chiến đấu còn toàn thể cán bộ chiến sĩ cùng dân quân địa phương đào công sự cho từng gia đình mà bộ đội chiến sĩ cùng dân quân địa phương đào công sự cho từng gia đình mà bộ đội đến ở; tiếp tục giúp dân ở trong thôn mỗi gia đình đều có công sự ẩn nấp cũng như trên các đường làng và trường học của các cháu.

Sáng ngày 26 tháng 3 trời hết mưa, mây mù nhiều và rất thấp, thời tiết ẩm ướt nhưng đến 10 giờ trời tốt dần lên đến 12 giờ trời tốt hẳn. Năng đẹp mây quang dần, dự đoán thế nào địch cũng đánh vào đại đội 13; vì vậy sở chỉ huy cho đại đội 13 mở máy, tiếp đó là đại đội 14 và đại đội 12 mở máy. Phát tín hiệu cho đại đội 13 biết địch sắp sửa bay vào trận địa. 13 giờ 5 phút từ cửa Sốt, cửa Nhượng 28 máy bay AD-6, F8U và F4H chia nhiều tốp bay thấp, lao vào đánh phá trận địa radar giả ở Rú Nài, đại đội 13 phát hiện hai tốp máy bay này rất sớm cách trung tâm trận địa 80km, thông báo sớm cho các đơn vị hỏa

lực và phòng không nhân dân của tỉnh. Địch bị mắc bẫy, một lưới lửa phòng không đã được bố trí sẵn. Quân chủng Phòng không - Không quân đã điều tiểu đoàn 8 pháo cao xạ, học viên của Trường sĩ quan Phòng không chiến đấu từ Vĩnh Linh ra, Quân khu 4 điều lực lượng pháo cao xạ của quân khu đến; đại đội 27 pháo cao xạ của tỉnh đội Hà Tĩnh, phân đội 14,5 ly của đại đội 13 cùng với các trận địa súng máy phòng không, súng trường của dân quân tự vệ thị xã và huyện Thạch Hà bố trí thành một hệ thống hỏa lực rộng khắp, lấy Rú Nài làm trung tâm, sẵn sàng đón đánh máy bay Mỹ. Trận đánh diễn ra rất ác liệt, kết thúc lúc 15 giờ chia ra làm nhiều đợt; địch bị thất bại thảm hại, 5 máy bay Mỹ bị bắn rơi, 98 quả bom và hàng nghìn rốc két Mỹ tập trung đánh phá một áng ten bằng tre, gỗ và một số nhà tre lá của đại đội 13 đã di chuyển. Quân dân Hà Tĩnh rất tự hào với chiến công của mình; nhiều đơn vị được khen thưởng. Đại đội 13 là một trong những đơn vị tham dự trận đánh được thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất.

Trong sự nghiệp chiến đấu đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng máy bay của không quân Mỹ trên miền Bắc, chiến tranh nhân dân đã phát huy đầy đủ bản chất ưu việt của nó trên mọi lĩnh vực, trên mọi phương diện. Từ năm 1965 đến năm 1975 kể cả những thời gian tháng 2 đến tháng 11 năm 1968 và năm 1972 địch ném bom đánh phá ác liệt, nhưng đại đội 13 vẫn bám trụ liên tục ở Hà Tĩnh, khi thì Bắc Cấm Xuyên khi thì Thạch Hà, khi thì Nam Cam Lộc. Trong một khu vực nhỏ hẹp chiều ngang từ ven biển đến quốc lộ 1, nhân dân, Đảng bộ và chính quyền địa phương vùng này đã đùm bọc che chở cho đại đội 13 liên tục trực ban phát sóng chiến đấu cho đến ngày hoàn toàn giải phóng miền Nam.

ĐẠI ĐỘI RAĐA 41 CỨU CHÚNG TÔI

THIÊN CẦM

Trời những ngày gần tết trên Trường Sơn không quang mây, những hạt sương đêm đọng lại trong rừng cứ lộp bộp rơi suốt ngày. Mấy hôm nay, không khí Tết đã về hình như năm nay rộn ràng hơn mọi năm: Đi xa lấy lá rong, chuẩn bị củi cho nồi bánh, trang hoàng cho Tết... tuy nhiên, vẫn thấy

hơn cả là cái không khí chuẩn bị cho trận đánh giáp Tết.

Sở chỉ huy tiền phương Quân chủng nằm sâu trong rừng lim, chênh vênh bên đồi, bí mật và lặng lẽ làm việc. Máy chiếu đèn bão con không đủ sáng mặc cho nó được chăm chút mỗi ngày vài lần trong giờ trực chiến. Nhớ lại hôm nào kết thúc buổi họp giao nhiệm vụ cho các đơn vị, đồng chí Tư lệnh Quân chủng còn vui vẻ trong câu:

“Ai về Rào Đá, Rào Trù

Tiền phương Quân chủng lu bù chiến công!”.

Lòng mỗi cán bộ và chiến sĩ còn lâng lâng, tự hào, chứa đựng một niềm hy vọng lớn lao vào công việc mình, vào trận đánh sắp tới. Những tín hiệu vẫn truyền đi truyền về, những máy điện thoại vẫn ngân đều bản đồng ca đơn điệu, những cặp mắt trũng sâu sau những ngày đêm trực ban không ngủ. Tất cả bước vào một cái tết vui nhưng khá căng thẳng. Còn mấy ngày nữa, Ních-xơn sang thăm Trung Quốc! Bọn Mỹ phải kiểm soát cái gì để làm “quà” chứ! Nhất định nó đánh! Phải sẵn sàng! Phải sẵn sàng đón nó ở đây. Phải đón nó bằng “kẹo đồng”.

Chừng ngày một, ngày hai thôi, không được chủ quan, lơ là! Đó là những chỉ thị cuối cùng của đồng chí Phó chính ủy Quân chủng đối với chúng tôi. Những ngày cuối đông qua, phút giao thừa đến rộn rã, những bữa cơm liên hoan, những lời chúc tụng càng thúc giục mỗi người phải làm gì để năm mới báo cáo với trên. Qua tải ba, sáng nay đồng chí Chính ủy Quân chủng còn dặn dò: “Năm mới, đoàn kết, chiến thắng, chuẩn bị kỹ để đánh trận đầu năm!”.

Sáng ngày mùng 2 tết, thời tiết báo một ngày hửng nắng đầu xuân. Tất cả

chúng tôi không ai bảo ai cũng đoán biết rằng thời tiết không có ảnh hưởng gì cho địch cả. Từ đài quan sát báo về: “Phía xa hướng đường 10, có nhiều tiếng động cơ?”. Như thường lệ, chúng tôi trong sở chỉ huy rộn rã những chỉ thị truyền đi xuống các đơn vị trực ban - Tôi gặp anh Giáo trên điện thoại: “A lô 602 đây! đây! - Anh nghe rõ không?”.

- Tâm Trinh đây phải không?

- Vâng, anh thu phân tán tốt không? Anh thu 41 tốt không?

- Thu tốt! Hôm nay làm ăn đầy nhái Khỏe không? Năm cũ rồi, đánh vài trận đã!

- Đề nghị anh nhắc các tiểu đoàn thu phân tán tốt, có gì trực trực, anh báo cho biết nhé.

- Được, bây giờ thu tốt cả, không biết hữu sự, có thử kêu đốt tịt không biết?

- Chúc anh khỏe nhé!”.

Những gì hân hoan trên nét mặt, trong tâm tư của đồng chí sư trưởng 365 hôm nay giờ đây còn đọng cả trên đường dây và ống nói, tôi như thấy rõ mồn một - Kiểm tra lần cuối cùng đồng chí Hợi, tôi nói: “Trời tốt, nó đánh sớm. Tôi đề nghị chú ý tăng cường phiên trực đại đội 41 vào giờ cao điểm! Anh

chú ý nhắc đại đội 41 phát tín tốt để các nơi thu. Anh dặn chú ý phát hiện hướng Tây. Chú ý giữ vững tiếp sức giữa anh và tôi trên này!”. Hai chúng tôi từ bấy lâu nay vẫn lo ngay ngáy như vậy.

Từ trận đánh của địch vào Hàm Rồng, rồi vào Vinh những ngày cuối tháng Chạp 1971, đến nay đã gần hai tháng rồi, kinh nghiệm phục vụ của bộ đội radar là làm sao có tình báo địch đến thật nhanh, thật kịp thời cho tập trung đơn vị đánh. Mà muốn làm được như vậy thì nó còn lệ thuộc vào anh em của mình ở dưới lại còn phụ thuộc vào anh em của bạn, của đơn vị thu. Tuy chúng tôi đã nhiều lần họp với anh em, với bạn, nhưng vẫn cứ lo lo và cứ bồn khoăn mãi. Suốt cả hai tuần nay, chúng tôi tập trung vào việc kiểm tra này. Cả trong lời chúc Tết với anh em trong trung đoàn: “Chúc các đồng chí phát thông báo phân tán tốt, năm mới thông báo phân tán tốt”. Chúng tôi vẫn còn nhắc nhau như vậy. Hôm tôi ghé vào anh em đại đội 41 họp với đồng chí Nội, đồng chí Khâm, đồng chí Phổ và số anh em báo vụ. Tôi còn như nhớ như in lời hứa của anh em “Chúng tôi sẽ phát chân phương, sẽ phát đúng tốc độ để bạn thu tốt, chỉ cần radar phát hiện xa, phát hiện sớm!”.

Trên trận địa phục kích địch từ Long Đại đến Bãi Hà, tuyến đường 15 hôm nay im lìm chờ địch. Những cỡ súng cao xạ các loại đang rập mình trên mớ lá ngụy trang lẫn cây rừng lá bụi, những bệ phóng công kèn đang lẫn với rừng cây. Trên tuyến đường số 1, trên các trận địa từ Quán Hầu đến Vĩnh Linh, nấp mình trong các bụi tre làng, giàn dây trời 41, 51, 52 liên tục quay đều trong nắng sớm và phát đi trong không gian những tình báo về mục tiêu địch phát hiện được.

Trận địa Hồng Thủy đang phiên. Đài trưởng Thi - một đồng chí cán bộ xuất thân nghề nghiệp trắc thủ sớm đi vào trường Đào tạo sĩ quan Phòng không, hôm nay trực chính Anh khá quen thuộc với bụi cây, mái rạ của cái thôn bến Mốc này. Hồi nào mới về đây, anh có lần đề nghị đưa máy của anh ra sát lò vôi để bố trí với khát vọng có được một mặt phản xạ thật lý tưởng cho máy để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của đài. Hôm nay, anh không bố trí

ở đây vì cái lò vôi để là cái mục tiêu quân sự của Ních-xơn! Sợ vậy nên trên để anh bố trí xa cách lò vôi ra một ít, nhưng anh vẫn hài lòng vì ở hướng Đông Nam và Tây, trận địa đủ tốt, máy anh lại được ẩn mình vào mấy rặng tre làng kín đáo. Với cái tính tình hiền hòa như con gái anh bước vào đời làm lính gác trời này với anh em cũng hiền hòa nhẹ nhõm. Anh không làm ai phật lòng bao giờ, anh em vẫn mến anh như mến cả bản thân họ. Tâm tư thâm lặng của từng trắc thủ, như anh tâm sự, là tâm tư của những người đánh Mỹ lâu, khát vọng thắng Mỹ bao trùm lên tất cả sự hy sinh là lớn lao và tự nguyện. Anh thường nói: Mắt có kém đi, tuổi có luống thêm, sức lực có giảm xuống, nhưng ý chí và nguyện vọng thắng Mỹ còn sẵn, còn mạnh mẽ, quyết liệt hơn nhiều.

Trong phiên trực, anh đã kiểm tra hết khí tài và đã thử hết thông tin với đại đội, anh nói lại những gì với kíp trắc thủ của mình, những gì cần thiết và là những gì mà trung đoàn và đại đội trưởng đã nói với đồng chí và đài. Tất cả là: “Tập trung phát hiện xa, phát hiện sớm địch cho bạn đánh”. Trên màn hiện sóng của anh mỗi lần mở máy, anh đã làm quen với nhiều tín hiệu sóng về của những tổp địch hoạt động luyện tập và đánh phá xa. Nhưng hôm nay từ 1 giờ nay anh thấy rất ít. Anh chuyển công tắc cự ly 90, rồi 180, rồi 360. Từng mảng sóng về cố định của dãy Trường Sơn trùng điệp vẫn nằm đó, đôi lúc như trở trêu anh - và những đôi mắt tinh tường của trắc thủ. Anh suy nghĩ: “Có lẽ địch hoạt động ít như hôm qua” nhưng rồi anh lại nói: “Hôm nay có đánh trưa nó mới đánh!” và anh lại cùng Dương, người trắc thủ giỏi của mình tiếp tục đưa mắt chạy đều theo đường quét trên màn hiện sóng. Bất giác, anh thấy xuất hiện những tín hiệu mục tiêu từ hướng Thái Lan đi tới Tổp 06, 07, 08... anh chuyển công tắc lệch tâm về Đông Bắc, anh dừng quay dây trời và sớm xác định xong số lượng máy bay địch. Anh cầm máy điện thoại báo cáo tất cả cho đại đội trưởng và thế là cự ly còn cách đài 235km 3 tổp F4 của đế quốc Mỹ thẳng đường đi vào nội địa. Lúc này là 11 giờ 48 phút ngày 16 tháng 2 năm 1972 một buổi trưa ngày mừng 2 Tết - địch từ sông Mê Công đất nước Vạn Tượng vào Bãi Hà, vòng lên đường 10, trút mấy loạt bom bay ra, mở đầu cho đợt phản ứng ra miền Bắc năm mới. Trận địa cao xạ Bãi Hà đã lập công. Tiếc thay giặc lái bị chết mất và đợt này do chưa quán triệt hết thủ đoạn của địch nên có vài đơn vị tên lửa lỡ thời cơ diệt địch, không hoàn thành nhiệm vụ.

Kiểm tra việc thu nhận tình báo của bạn, tôi được biết là hôm nay bộ đội chuyển cấp sớm, có đơn vị trước 30 phút địch mới đến. Cho đến khi tên giặc trời cuối cùng lọt ra được khỏi đất liền, những tín hiệu truyền đi từ trận địa Hồng Thủy của đại đội 41 vẫn đều đều tới sở chỉ huy các cấp từ Trung đoàn cao xạ 218 đến các tiểu đoàn tên lửa trung đoàn 274 và sở chỉ huy tiền phương Quân chủng.

Nhưng rồi lại một đợt chuyển cấp mới nữa. Đồng chí Khánh - Phó tư lệnh Quân chủng hỏi: “Tâm Trinh bây giờ máy móc mở thế nào? Bảo đảm tốt để đánh đấy!”. Đồng chí cũng đang bức mình vì lỡ thời cơ đợt vừa rồi và bức lây sang cả tôi. Trong chiến đấu phòng không, mà nội dung cơ bản là chiến đấu hiệp đồng, tôi cũng đã quen nhiều về những nhận xét, những hệ quả của các trận đánh không thành và nhất là không thành công của phòng không và vì vậy tôi báo cáo: “Trung đoàn cho mở tăng cường tất cả các máy để bảo đảm”.

Tắt máy xong chưa được 10 phút, đài trưởng Thi đã được báo động mở máy khẩn trương trở lại kíp trắc thủ mới lên thay, nhưng hình như không thật an tâm lắm trong tình hình địch hiện nay, ăn vội bát cơm, đồng chí lại ngồi cùng trắc thủ.

Theo những tín hiệu sóng về của mục tiêu chuyển dịch, kíp trắc thủ mới lên liên tục báo đi tình hình địch cho các nơi nhận. Chốc chốc, đài trưởng Thi lại báo cáo qua điện thoại: “Tốp 91 loại nhỏ, tốc độ lớn, có khả năng là chặn kích, tốp 92 một loại lớn, cự ly ít thay đổi có thể là tốp gây nhiễu...”.

Bên kia điện thoại, đại đội phó Dong lại qua maníp báo cáo về trung đoàn. Trên màn hiện sóng, số tốp tăng dần, cự ly địch rút ngắn. Xa xa tiếng súng

cao xạ nổ đều. Ở trận địa tiểu đoàn tên lửa 89, tất cả đã ở cấp 1, bất ngờ một tốp máy bay lao thấp ném bom vào cạnh trận địa. Đường dây xuống đài bị đứt. Khói phả, bụi bom bay che kín trận địa, địch đã bỏ bom trúng đài 1 và giàn dây trời bị bom cắt ngang - Từ chỉ huy sở trung đoàn tên lửa lệnh về “Đài 1 bị hỏng, tiểu đoàn sử dụng tình báo phân tán đánh”.

Địch như những bầy thiêu thân liều mạng tiến vào. Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 89, bám sát phần tử trên bản tiêu đồ phương vị cự ly, xuất hiện tốp 02 tọa độ 842: 8 chiếc độ cao 4500m, cả kíp xe chỉ huy rộn ràng.

Báo cáo tiểu đoàn “Lệnh của trung đoàn trưởng bắn tốp 02”.

Trời Quảng Bình râm ran tiếng động cơ máy bay địch từ lúc này tới giờ bỗng dậy lên những tiếng nổ đanh gọn của hỏa lực tên lửa.

“Cháy rồi!!! Giặc lái rơi rồi!!” - Tiếng hò reo vang trời dậy đất.

Tốp 02 8 chiếc tách làm đôi, vòng vào đường 15 từ hướng Đông Nam đến đang tiến vào bị tiểu đoàn 89 đánh vỡ mặt. Chiếc thứ nhất cháy tại chỗ. Chiếc thứ 2 ngoặt lái tưởng tránh lại ăn luôn viên đạn thứ hai loạng choạng đâm đầu xuống vùng Ngư Thủy. Không còn gì vui hơn khi đó đây vang tiếng reo hò lái. Nhân dân Quảng Bình bấy lâu đã nghe tin thắng trận và đã đánh thắng nhiều, nhưng hôm nay tự mình thấy địch đến, thấy tên lửa phóng đi, tên lửa cùng đầu vào máy bay địch, bốc cháy. Vui lòng hả dạ của những ngày chiến thắng đầu năm Nhâm Tý.

Cho đến 15 giờ 45, lúc mà trên màn hiện sóng chỉ còn thừa thớt mấy đốm

trắng xa xa. Trận đánh địch đầu năm kết thúc. Trời Hồng Thủy trở lại im lìm, xa xa tiếng lao xao sóng vỗ lẫn với rừng phi lao rì rào, ngân vang dư âm chào đón một ngày mùa xuân mới, một ngày đánh thắng. Xuống khỏi máy, đài trưởng Thi hôm nay vui hơn mọi hôm, mặc dù bụng đói kẹp lép, mồ hôi nhễ nhại. Anh đã được biết toàn bộ tình hình trận đánh qua thông báo của trung đoàn và của đại đội phó. Nhưng có một điều mà chắc anh sẽ vui hơn khi được biết chính đài anh hôm nay không những đã giữ được vai trò một đài cảnh giới chung mà còn giữ vị trí của đài số 1 của nhiều tiểu đoàn tên lửa ở không cách xa anh mấy. Điều anh ước ao là làm sao bắt được xa, được sớm kẻ địch và phục vụ cho bạn đánh trúng, đánh rơi. Thì hôm nay trong chiến công đầu năm của quân dân cả nước, của nhân dân Quảng Bình, có phần đóng góp của đài anh, của những trắc thủ radar chiến đấu ngày đêm thầm lặng.

Tôi gọi đây nói gặp lại đồng chí Giáo, người Tư lệnh hôm nay đánh thắng. Chúng tôi trao đổi với nhau về một số điểm phục vụ của mình. Qua điện thoại, tôi vui vẻ nhận ý kiến của đồng chí: “Cám ơn các cậu, hôm nay chính đại đội 41 nó cứu tôi! Nó cứu tôi thật! Cám ơn và gửi lời biểu dương đại đội 41 nhé! Bắt được 3 thằng rồi!”.

Và những chiếc radar lại quay đều, quay đều đều trong lòng dân, trong lòng đất nước, tiếp tục làm nhiệm vụ gác trời, gác biển của mình. Đế quốc Mỹ còn khoe nhiều và tự phụ với cái không quân của nó, mà còn vào thì chỉ còn một cách là tóm mây dẫn xác đến miệng hỏa lực, để phanh thây mây ra - Những trắc thủ radar nguyện giữ trọn niềm tin là người lính gác của bầu trời Việt Nam yên lành.

TRẬN ĐẦU RADAR DẪN ĐƯỜNG

CHO KHÔNG QUÂN TA ĐÁNH TÀU BIỂN ĐỊCH

NGUYỄN TUẤN NĂNG

Vào cuối năm 1965 đầu năm 1966, cùng với việc mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân ra miền Bắc, đế quốc Mỹ và Ngụy quyền Sài Gòn còn tăng cường cho tàu biển ra miền Bắc, bắn pháo vào các vùng dân cư ven biển từ Thanh Hóa đến Quảng Bình.

Ở Thanh Hóa chúng dùng tàu khu trục bắn pháo vào khu vực Sầm Sơn, Quảng Tiến, Quảng Vinh, Quảng Hùng, Quảng Hải... thuộc huyện Quảng Xương.

Có những đêm chúng còn cho nhiều chiếc vào sâu gần bờ để bắn pháo lên khu vực cầu Hàm Rồng, quốc lộ số 1, đạn pháo còn rơi rải rác xuống các xã lân cận như Nam Ngạn, Hoảng Long, Hoảng Quang... Cùng với những trận pháo kích ùng... oang đêm này qua đêm khác xuống các vùng quê gây nên bao cảnh đau thương tang tóc, xóm làng tan nát, địch còn cho những chiếc tàu biệt kích nhỏ vào sâu ven bờ lòng bắt ngư dân ta đánh cá ven biển. Nhiều người dân vô tội bị chúng bắt đem đi giam giữ đánh đập tra tấn vô cùng dã man. Chúng dùng hàng tâm lý rẻ tiền: Đài bán dẫn, đồ ăn, quần áo... để mua chuộc. Những người không khuất phục đầu hàng thì chúng giết quăng xuống biển làm mồi cho cá. Những người không chịu đựng được tra tấn phải đầu hàng, chúng tuyên truyền nói xấu miền Bắc xã hội chủ nghĩa, nói xấu Đảng, chính quyền rồi cho hàng tâm lý tung về thành lập cái gọi là “Đảng gươm thiêng ái quốc” để làm tay sai cho chúng gây rối phá hoại trực tiếp hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa gây cho ta không ít khó khăn.

Vào thời điểm này lực lượng hải quân và pháo bờ biển của ta chưa đủ mạnh để tiêu diệt và ngăn chặn chúng. Chấp hành mệnh lệnh của trên cuối tháng 2 năm 1966 trung đội radar 402 đang làm nhiệm vụ chiến đấu ở sân bay Cát Bi, Hải Phòng đã hành quân về tăng cường cho đại đội 19 radar đóng quân trên địa bàn huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa để làm nhiệm vụ dẫn đường cho không quân ta đánh tàu biển địch.

Đường hành quân gần 300 ki-lô-mét liên tục bị máy bay địch bắn phá chặn đường. Vượt qua bom đạn đơn vị cũng đã về tới trận địa Quảng Hải - Quảng Xương - Thanh Hóa an toàn. Anh em bắt tay ngay vào đào đắp công sự nguy trang trận địa và triển khai lắp đặt máy.

Rađa 402 được anh em mệnh danh cho cái tên nặng nề là “Bốn lênh khênh”. Quả là không ngoa chút nào bởi vì khi hành quân nó phải tháo rời ra từng khối đóng vào gần năm mươi cái hòm to nhỏ. Cả radar máy nổ phải xếp thật khéo trên bảy chiếc xe tải lớn mới đủ. Có những khối như khối máy phát nặng hàng tạ, khối bộ dây trời nặng gần 6 tạ, máy nổ nặng trên 1 tấn. Không có cần cẩu anh em đều phải dùng đôi vai để khiêng vác. Do phải tháo rời ra từng khối nhỏ nên khi lắp ráp cũng khá phức tạp, phải thận trọng tỉ mỉ sao cho thật khớp từng chi tiết nhỏ, đúng từng đầu dây, chỉ cần sai sót nhỏ nhằm một đầu dây sai lệch một vị trí của ốc vít là máy đã có trục trặc kỹ thuật không chiến đấu được, đòi hỏi người thợ radar phải hết sức thận trọng đánh dấu từng đầu dây vẽ lại từng chi tiết khó. Tôi cùng anh em trắc thủ phải mảy mò lắp ráp theo sự ghi chép của mình và theo sơ đồ tranh vẽ. Công việc khá vất vả, căng thẳng nhưng rồi chúng tôi cũng vượt qua. Máy đã được lắp xong, bước tiếp theo là kiểm tra hiệu chỉnh. Do đường hành quân xa lại phải đi ban đêm xe qua những ổ gà, ổ trâu không tránh được nên máy bị hỏng hóc nhiều, chỗ thì chập điện, chỗ thì không có tín hiệu... sửa chữa điều chỉnh cả ngày mà tham số kỹ thuật vẫn chưa đạt yêu cầu. Khi chỉnh xong toàn bộ máy thì bộ phận dây trời, động cơ nâng hạ thay đổi góc tà bị chập hỏng làm cho việc bám sát mục tiêu không được liên tục nhất là mục tiêu tầm thấp. Nếu không sửa chữa kịp thời sẽ rất khó khăn cho công tác dẫn đường cho không quân ta và phát hiện tàu biển địch. Đơn vị không có điều kiện quán, chữa lại. Tôi lúc đó là thợ sửa chữa radar lại là người địa phương nên được đồng chí Giáp đại đội trưởng phân công đi sửa chữa.

Thời gian rất gấp, cả đại đội không có chiếc xe đạp nào nên tôi đành phải cuốc bộ gần hai chục cây số, lên tới thị xã Thanh Hóa đã gần 7 giờ tối. Không kịp ăn uống gì tôi vào ngay nhà máy cơ khí Thanh Hóa nhưng do chiến tranh nên bộ phận điện cơ lại sơ tán, phải tìm mãi mới đến được. Gặp các đồng chí lãnh đạo tôi đưa giấy giới thiệu và trình bày yêu cầu nhiệm vụ

của đơn vị. Các anh đã vui vẻ đón nhận và cử người làm ngay trong đêm. Rất tiếc là tôi không còn nhớ tên họ của người thợ đã quần động cơ cho tôi hôm đó. Lúc bấy giờ với khẩu hiệu “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược” nên được góp một phần công sức để phục vụ chiến đấu là niềm vinh dự tự hào. Việc sửa chữa được làm xong ngay sáng hôm sau và tôi chỉ kịp cảm ơn rồi ra về không phải thanh toán cũng không có chứng từ hóa đơn gì.

Máy radar đã sửa chữa xong bảo đảm các tham số kỹ thuật sẵn sàng chờ lệnh. Đúng nửa đêm ngày 1 tháng 3 năm 1966 radar 402 được lệnh mở máy, phiên ban đầu tiên trên trận địa mới, lại làm nhiệm vụ hết sức mới mẻ, phải làm sao bắt được tàu biển địch? Phải làm sao bắt được máy bay ta bay thấp lẫn trong mảng sóng cố định từ phương vị 270 - 030. Biết bao câu hỏi đặt ra, hồi hộp chờ đợi. Gần như cả tiểu đội trắc thủ, cả trung đội radar 402 vây quanh bên máy chăm chú nhìn vào đường quét sáng trên màn đèn huỳnh quang.

Trắc thủ số 1 Bùi Đức Tĩnh bình tĩnh thao tác tay quay dây trời, mắt theo dõi từng đường quét sáng. Trắc thủ số 2 Trần Tạng có trung đội phó Nguyễn Văn Ngó - một người có nhiều kinh nghiệm trong phát hiện mục tiêu đứng cạnh. Cả 4 cặp mắt chăm chú lần từng sóng cố định nhấp nhô trên hiện sóng H. Khi phát hiện có tín hiệu lạ lập tức trắc thủ số 1 lắc đi lắc lại tay quay dây trời. Trắc thủ số 2 bật về nấc cự ly gần, bật công tắc mạch vi phân, mạch tích phân để làm giãn chân sóng cố định ra thuận tiện cho việc phát hiện mục tiêu.

Khi dây trời quay về phương vị 150 - 170 phát hiện ba chấm sáng mờ nhỏ, trên hiện sóng H ba tín hiệu sáng xanh nhấp nhô lên xuống di chuyển chậm, mọi người reo lên - đúng tàu biển rồi. Bùi Đức Tĩnh lắc đi lắc lại dây trời một lần nữa, xác định đúng mục tiêu tàu biển địch, anh nhanh chóng thông báo về sở chỉ huy. Cùng với việc bám sát theo dõi di chuyển của ba chiếc tàu biển, các trắc thủ còn có nhiệm vụ quan sát phát hiện mục tiêu máy bay ta. Để giữ bí mật bất ngờ tiếp cận mục tiêu địch nên máy bay AN-2 của ta bay ở độ cao rất thấp từ 500m đến 800m. Tín hiệu lẫn trong đám sóng cố định dày đặc rất

khó phát hiện. Nhưng dưới con mắt tinh nhanh của người trắc thủ, từ trong đám sóng cố định một tín hiệu sáng xanh nhỏ li ti đã hiện dần lên, những động tác thao tác thành thạo đã giúp các anh xác định chính xác mục tiêu của máy bay ta đang bay ở phía Tây thị xã Phủ Lý. Lúc này nhiệm vụ của trắc thủ là phải bám sát cả máy bay ta, cả tàu biển địch. Tôi đứng ngoài vừa theo dõi tình trạng kỹ thuật của máy vừa hồi hộp chờ đợi những phút giây máy bay ta bay ra biển tiếp cận với tàu địch.

Tôi vội quay sang màn hiện sóng BUKO dành riêng cho người sĩ quan dẫn đường để bám sát mục tiêu. Đồng chí Thanh một thanh niên trẻ đẹp trai người miền Nam giọng nói nhẹ, được đơn vị không quân cử sang làm sĩ quan dẫn đường trong trận này. Tín hiệu máy bay ta đã rõ dần, những tiếng hỏi đáp giữa người sĩ quan dẫn đường và người lái máy bay ngày một gần hơn. Khi máy bay ta bay ra biển lại tiếp tục hạ thấp độ cao chỉ còn 300 - 400m để tránh sự phát hiện của radar trên các tàu địch. Nhiệm vụ bám sát của máy bay ta và tàu biển địch lúc này rất quan trọng. Trắc thủ số 1 liên tục điều khiển tay quay dây trời sục sạo theo hình cánh quạt từ phương vị 090 - 180. Những chấm sáng máy bay ta và tàu biển địch ngày càng nhích lại gần. Liên lạc giữa người lái máy bay và người sĩ quan dẫn đường vẫn được giữ vững. Tiếng hô từ trên máy bay phát về: Đã thấy mục tiêu địch, lập tức trên màn hiện sóng ba tín hiệu tàu biển cũng chạy dần ra. Máy bay ta bám sát mục tiêu và tiếng thông báo từ máy bay về: “đang cho ăn chuối”, từng loạt rốc két như đổ lửa xuống tàu địch, rồi tiếng hô báo về: Cháy rồi, một chiếc cháy lớn.

Cả phòng máy radar đang làm việc, mọi người reo lên nhưng những cặp mắt trắc thủ vẫn bám sát mục tiêu phát hiện thấy một chấm sáng mục tiêu tàu địch bị mất chỉ còn hai chấm sáng lờ lờ di chuyển về phía Đông đảo Hòn Mê. Máy bay ta hoàn thành nhiệm vụ trở về. Do bay ở độ cao thấp, các tay súng dân quân ven biển không được thông báo trước nên đã nổ súng, máy bay ta bị thương phải hạ cánh bắt buộc trên bãi biển Quảng Vinh, Quảng Xương.

Sáng ngày hôm sau những câu chuyện bàn tán vui vẻ về trận chiến đấu vẫn

còn râm ran thì nhận được thông báo của trên. Đêm ngày 1 tháng 3 năm 1966 máy bay AN-2 của ta đã bắn chìm một tàu biển địch và bắn bị thương 2 chiếc.

Trung đội radar 402 làm nhiệm vụ dẫn đường cho không quân ta trong trận này vinh dự được Chủ tịch nước ký lệnh tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba. Nâng tấc huân chương có chữ ký của Bác Hồ muôn vàn kính yêu, ai cũng vui mừng khôn xiết. Đây cũng là chiến công đầu của trung đội radar 402 thiết thực kỷ niệm bảy năm ngày truyền thống bộ đội radar ngày 1 tháng 3 năm 1959 - ngày 1 tháng 3 năm 1966.

ĐẠI ĐỘI RAĐA 45 PHÁT HIỆN MÁY BAY B-52

GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG TRONG TRẬN

ĐIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG LỊCH SỬ

ĐINH HỮU THUẬN

Nguyên đại đội trưởng đại đội 45

Ngày 20 tháng 10 năm 1972 Tổng thống Mỹ Ních-xơn buộc phải ra lệnh ngừng ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra. Nhưng với người lính gác trời chúng tôi phải cảnh giác hơn lúc nào hết, luôn luôn ở tư thế sẵn sàng chiến đấu cao.

Tình hình diễn biến trên bàn Hội nghị Pa-ri càng ngày càng phức tạp. Các hoạt động của địch từ vĩ tuyến 20 trở ra có giảm, địch tăng cường dùng máy bay không người lái, máy bay có tốc độ nhanh như SR71 tiếp tục trinh sát Hà Nội và Hải Phòng.

Các màn hiện sóng của đơn vị chúng tôi ngày đêm sát cánh với các đơn vị bạn theo dõi chặt chẽ các tốp tiêm kích, cường kích, máy bay B-52 vào đánh phá. Đặc biệt trên địa bàn Quân khu 4 chúng càng gia tăng cường độ hoạt động hơn trước. Chúng bay luyện tập đường dài từ Utapao, Hồ Nong La Han, Pắc San, Sầm Nưa, số lần tốp bay trong từng đợt đã tăng lên từ 4 đến 5 tốp. Các hoạt động trên thường thấy ít đánh phá. Về quy luật các đường bay theo đường dài thường dùng nhiều tốp B-52, ít khi thấy bay đơn chiếc và không phát hiện được các điểm đánh của nó. Đặc biệt trên đoạn đường bay gần Cò Rạt, U Đôn, U Bôn, chúng hết sức thận trọng và đề phòng. Vùng trời rộng lớn của Tổ quốc được thu gọn vào các màn hiện sóng. Những người lính radar canh trời đang ngày đêm theo dõi từng diễn biến của kẻ địch, mọi hoạt động của chúng, từ những chi tiết nhỏ nhất.

Trung tuần tháng 12 năm 1972, đang phiên mở máy trực ban trên bản đồ đánh dấu đường bay, và trên màn hiện sóng vi cô trong sở chỉ huy, tôi thấy diễn biến của địch khác hẳn trước. Các tốp B-52 bay đường dài giảm đi một cách đột ngột mỗi đêm từ 14, 15 tốp chỉ còn 1 đến 2 tốp, thậm chí không có tốp nào bay. Từ ngày 15 tháng 12 đến 16 giờ ngày 18 tháng 12 mật độ hoạt động của các tốp tiêm kích và cường kích hoạt động thưa thớt trên bầu trời, từ đường 9 Nam Lào trở ra địch ngừng hoạt động. Trong giao ban hàng ngày tôi nhắc các đài radar: Sự im ắng của kẻ địch như hiện nay là phải hết sức cảnh giác. Chúng tôi phải luôn tỉnh táo, đề phòng, chuẩn bị đối phó với các hoạt động mới của địch, không được coi thường.

Trên bảng tổng hợp tình báo xa của toàn mạng (B1) trưa ngày 18 tháng 12 có một tốp không người lái vào trinh sát Hải Phòng, các đài radar địch bắt đầu hoạt động mạnh, trên thông báo có hoạt động của máy bay F111 ở hướng Đông và hướng Tây.

Đại đội 45 mở máy II12 từ 18 đến 20 giờ ngày 18 tháng 12 năm 1972, vào lúc 18 giờ 15 phút từ đài II12 báo về nhiều rất nặng cả 360°. Như vậy, theo kinh nghiệm đã có triệu chứng địch hoạt động lớn, nhất là có thể có B-52 vào đánh. Tôi hạ lệnh cho II35 mở máy và báo về sở chỉ huy trung đoàn, đoàn trưởng Đỗ Văn Năm cho sở chỉ huy đại đội 45 vào cấp I và mở radar II35 khẩn trương.

Trong giây lát tôi cho đồng chí Tích - Đài trưởng II35 bật một máy phát trước để kiểm tra (vì nếu chờ đủ thời gian nổi cao thế thì chậm, thông thường những tình huống khả nghi hoặc khẩn cấp chúng tôi thường mở cho một máy làm việc trước). Sau 2 phút đã có những dải nhiễu của máy B-52 lên cao. Trên hiện sóng vicô, B-52 đã bay tới Pắc San, tốp thứ nhất gây dải nhiễu ở phương vị 250°, cự ly 175km so với tâm trận địa đồi Si (Đô Lương) của chúng tôi. Các dải nhiễu sau liên tục xuất hiện trên các hiện sóng rất dày đặc, đài II2 mất khả năng phát hiện mục tiêu. Các tốp B-52, F111, và các tốp tiêm kích tạo thành một đội hình bay rất quy mô dày đặc.

Tôi báo cáo trực tiếp cụ thể tình hình diễn biến của B-52 địch với đoàn trưởng Đỗ Văn Năm, nhấn mạnh mật độ nhiều lần này dày đặc, nhiều hơn trước, số máy bay bay kèm B-52 tăng lên nhiều lần.

Trong khi cùng một lúc chúng xuất hiện đột ngột ồ ạt, một vấn đề được đặt ra là địch sẽ đánh vào đâu?

Vì đường bay B-52 vẫn theo hướng đi lên, không thay đổi, vẫn di chuyển đi lên từ 250° lên 260°, chúng tôi loại trừ địch đánh khu vực từ Vinh trở vào. Các tốp B-52 được các tốp bay ngoài đội hình như F111 và các tốp tiêm kích, cường kích yểm hộ rất chặt chẽ, nên phán đoán có thể chúng bay ra miền Bắc.

Trên khu vực Hà Nội lúc này đã xuất hiện các loại nhiễu rất mạnh, đặc biệt nhiễu tiêu cực (nhiều kim loại). Các tốp B-52 đã lên gần sát biên giới Việt - Lào và lần lượt vượt biên giới bay vào Hà Nội. Khẳng định và quả quyết tôi quay điện báo cáo với đoàn trưởng Đỗ Văn Năm: B-52 sẽ vào đánh Hà Nội, và sau mỗi một tình báo phát đi tôi chỉ thị: Cho chiến sĩ báo vụ Liên phát kèm theo tín hiệu 3 chiếc B-52 đánh Hà Nội bằng lời rõ. Toàn bộ tình báo của 9 tốp B-52 đều đặn được phát về sở chỉ huy cấp trên kèm lời rõ 3 chiếc B-52 vào đánh Hà Nội. Lúc này chỉ còn 35 phút nữa thì chúng sẽ vào ném bom Hà Nội.

Vì chưa khẳng định B-52 vào đánh Hà Nội, đồng chí Hứa Mạnh Tài - Tham mưu phó trực chỉ huy Binh chủng Radar hỏi tôi có dám khẳng định là B-52 vào đánh Hà Nội không?

Với kinh nghiệm nhận định của mình, tôi báo cáo lại: Tôi sẵn sàng lấy trách nhiệm và cả tính mạng để bảo đảm với cấp trên là chính xác B-52 vào đánh Hà Nội. Tôi nhắc lại một lần nữa tôi xin lấy đầu tôi ra để bảo đảm với cấp trên, chính xác là B-52 vào đánh Hà Nội.

Lúc này đường bay của B-52 đã vượt sang tới phương vị 310 bay vào lãnh thổ của miền Bắc. Chúng tôi hồi hộp, lặng lẽ theo dõi từng dải nhiễu B-52 di chuyển và phát đi các phần tử tọa độ đều đặn liên tục không gián đoạn. Chúng tôi xúc động, nén chịu đựng những giây phút vô cùng căng thẳng. Tôi nổi những đường bay theo dải nhiễu để tiêu đồ Lê Trường Kỳ vẽ đều đặn, theo các điểm chấm của dải nhiễu. Nước mắt tôi tự nhiên cứ ứa ra, tôi xúc động nghĩ về Thủ đô sẽ bị đánh phá ác liệt.

Đế quốc Mỹ đã dùng máy bay B-52 đánh vào trái tim của Tổ quốc, mình phải tự an ủi và động viên nhắc nhở đơn vị vững vàng. Hơn lúc nào hết phải tỉnh táo để phát hiện và thông báo chính xác, phân biệt chính xác B-52, tất cả để Hà Nội đánh thắng.

Trên bản tiêu đồ tốp 17 (theo thứ tự xếp tốp của đơn vị lúc bấy giờ) vượt qua biên giới, đang tiến sâu vào lãnh thổ, hướng vào Hà Nội, tiếp sau là tốp 18, 19. Các tốp máy bay đi kèm đã có chiều hướng giãn ra khỏi khu vực Hà Nội nhường chỗ cho B-52 tiến vào. Đường bay của chúng tôi vẫn đều đặn phát đi, tiếng ma-níp của Liên, Tình gõ liên tục. Mỗi tình báo không quên lệnh phát đi kèm theo lời rõ 3 chiếc B-52 vào đánh Hà Nội.

Đồng chí Tích báo cáo tốp đi đầu đã vào Hà Nội, tên lửa của ta đã bắn, lướt qua màn hiện sóng thấy các chùm tên lửa của ta điểm trúng B-52 địch.

Cạnh sườn đồi Si thoai thoải trện địa của đại đội, lúc 20 giờ 20 phút, tôi tập trung toàn đơn vị động viên các bộ phận phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm tập trung mọi khả năng bảo đảm khí tài cho thật tốt để bảo đảm phục vụ cho Hà Nội đánh thắng. Tôi được đoàn trưởng Đỗ Văn Năm báo cho biết: Trong trận chiến đấu vừa qua chúng tôi đã phát hiện và xác định chính xác B-52 và báo sớm được đúng vị trí B-52 vào đánh, góp phần lập công đầu tiên cùng Hà Nội đánh thắng. Trên thông báo cho biết 3 pháo đài bay B-52, đã bị bắn rơi tại chỗ, bắt sống giặc lái.

Chuông điện thoại lại vang lên, trận chiến đấu thứ hai lại bắt đầu. Lần này chúng tôi được mở máy II35 sớm, quan sát thấy trên khu vực Hà Nội còn dấu vết của những dải nhiễu tiêu cực, lơ lửng, chưa tan hết.

Các tốp EB66 và EC121 vẫn tiếp tục gây nhiễu tích cực nặng. Trên không không có tốp cường kích, tiêm kích nào bay, nhưng mật độ nhiễu tiêu cực lại cứ dần dần tăng, càng ngày càng dày hơn. Đài trưởng Nghiêm Đình Tích báo cáo đều đặn những khu vực hoạt động của EC121 và EB66. Qua điện thoại tôi báo cáo tình hình diễn biến của địch trên các màn hiện sóng và những ý kiến nhận định phán đoán với đoàn trưởng, đồng chí thống nhất với nhận định của chúng tôi: Địch nhất định sẽ đánh tiếp tục đợt B-52 nữa. Đồng chí nhắc chúng tôi phải hết sức tỉnh táo, chú ý bảo đảm an toàn cho máy II35 là máy chủ công duy nhất (máy IIPB11 của chúng tôi đã bị Sơ-rai của địch đánh hỏng từ 20 tháng 11 năm 1972).

Quan sát trên hiện sóng vicô trong sở chỉ huy, rõ ràng mật độ nhiễu tích cực và tiêu cực ở khu vực Hà Nội tăng mỗi lúc một cao và rất nhanh, cùng lúc đó các tốp tiêm kích, cường kích xuất hiện cuốn theo các dải nhiễu của chúng. Trắc thủ Phạm Hoàng Cầu phát hiện các tốp nằm trong dải nhiễu từ hướng Tây đang lao vào phía Hà Nội. Trắc thủ số 2 Nguyễn Văn Xích nhanh chóng xác định trên hiện sóng màn ảnh rộng IAD. Các tốp F số lượng mỗi tốp đều từ 3 đến 6 chiếc trên hướng bay vào Hà Nội. Tôi suy nghĩ có phải là một đợt tập kích của các tốp cường kích và tiêm kích đánh xen kẽ nhằm làm

cho ta căng thẳng và mệt mỏi không? Tôi bảo đồng chí Tích nhắc trặc thủ chú ý phát hiện tốp mới, loại trừ dần các tốp không cần thiết vì lúc này nó đã xuất hiện quá nhiều tốp.

Trên máy II35 đồng chí Tích báo cáo tại phương vị 210° đã xuất hiện một dải nhiễu B-52 với góc độ nhỏ quan sát hiện sóng vicô. Tôi xác định và chấm ở cự ly 320km. Tính ra theo đường bay thì còn cách Hà Nội 720km. Tình báo tốp thứ nhất của đợt hai đã được xác định, và nhanh chóng cho báo vụ phát tình báo B-52. Tôi báo cáo với đoàn trưởng Đỗ Văn Năm đội hình của một trận tập kích B-52 mới. Đoàn trưởng bảo tôi: Trung đoàn đã nhận được đầy đủ phần tử B-52 của đơn vị 45 rồi. Vấn đề là chúng đánh vào đâu? Đường bay của nó vẫn đi lên nhưng phương vị có thay đổi chút ít, gần tới Tây hồ Nộng La Han vẫn theo hướng Pắc San, Sầm Nưa. Các dải nhiễu của các tốp thứ 2, 3, 4, 5, 6, 7 vẫn diễn ra theo hướng đi của tốp 01. Chúng tôi phán đoán B-52 không đánh trên đất Lào. Các dải nhiễu của mỗi tốp B-52 tiếp tục chuyển hướng vào miền Bắc. Tổng cộng đã đến 7 tốp B-52, tất cả đang ở trên vùng trời Thái Lan.

Trên khu vực Hà Nội nhiễu tiêu cực (nhiều kim loại) đã hình thành đám mây nhiễu khổng lồ mới, bao phủ một không gian rộng lớn xuất hiện F111 đi cùng với B-52 và nhiều tốp tiêm kích khác kèm trước, kèm sau.

B-52 lại tiếp tục vào đánh Hà Nội, tôi báo cáo tình hình đó lên trên. Hà Nội chắc đã sẵn sàng chờ chúng. Tình báo của các tốp B-52 đều được phát đi liên tục, đều đặn kèm theo 3 chiếc B-52 đánh Hà Nội bằng lời rõ. Hồi hộp xúc động, chúng tôi đều rất tỉnh táo chừng chặc khoan thai, chỉ huy phát đi các tình báo, bảo đảm cho Hà Nội đánh thắng. Các tốp B-52 đã lần lượt qua Pắc San rồi qua Sầm Nưa. Chúng đã gần đến biên giới của miền Bắc, lòng chúng tôi đầy sôi lên vì căm thù giặc, nghĩ rằng mỗi chiếc sẽ ném hàng chục tấn bom đạn xuống mảnh đất thiêng liêng Thủ đô của đất nước.

Tốp thứ nhất đến biên giới Việt - Lào và xâm phạm không phận bầu trời Hà Nội, các tốp yểm hộ dần dần giãn ra khỏi Hà Nội nhường chỗ cho B-52 vào ném bom, tín hiệu báo tên lửa của ta đã bắn. Bỗng nhiên đài phát thanh tiếng nói Việt Nam bị ngắt. Chúng tôi lặng người đi lo lắng.

Theo dõi qua máy thu thanh có tiếng va chạm dụng cụ nghĩ rằng một đồng chí thợ nào đó sửa máy đã để đồ nghề vô tình hay hữu ý gây ra tiếng động. Qua tiếng động chúng tôi tin chắc đài phát thanh của ta vẫn hoạt động tốt. Những giây phút im lặng trôi đi, đài tiếng nói Việt Nam lại vang lên, tiếng nói của Hà Nội lúc này sao mà thiêng liêng đến thế! Đúng 0 giờ ngày 19 tháng 12 vẫn vang lên giọng nói ấm áp được phát đi từ trung tâm Thủ đô trái tim của Tổ quốc đưa tin các tốp B-52 đã bị quân dân Hà Nội bắn rơi, giặc lái nhảy dù đều bị bắt gọn.

Chưa kịp đắp chăn tạm đi nghỉ một lát, một hồi chuông báo động lại reo lên. Chúng tôi lại về vị trí chiến đấu. Bầu trời Khu 4 lúc này im ắng chỉ còn những tốp EB66 và ECI21 vẫn tiếp tục phát nhiều như thường lệ.

Chiến sự vẫn còn tiếp diễn, B-52 vẫn còn hoạt động. Cả bầu trời rộng lớn bao la nằm gọn trong tầm quan sát của các trắc thủ radar đang tiếp tục làm nhiệm vụ. Lại một đợt B-52 nữa vào đánh phá, đồng chí Tích báo cáo xuất hiện nhiều B-52 ở phương vị 265°. Trên màn vicô, tôi chấm điểm đầu tiên ở cự ly 310km, ở phương vị 265°, chuyển thể tình báo từ phương vị cự ly thành phần tử 9 x 9, tiếp tục khẩn trương thông báo đi.

Lần xuất hiện này của B-52 không phải từ hướng Hồ Nọng La Han mà từ Thái Lan sang. Đây là hướng đột nhập mới vào Hà Nội nhưng cũng từ hướng Tây Nam vào.

Cả đêm tất cả chúng tôi không ai ngủ, các trắc thủ radar vẫn tỉnh táo bám sát màn hiện sóng, các báo vụ viên liên tục gõ maníp thông báo, hoàn thành nhiệm vụ thông báo radar cho Hà Nội đánh thắng cuộc đổ sức với dải nhiễu vô cùng dày đặc của địch trong các đêm 18, 19, 20, 21, 22... đã giành thắng lợi, đại đội 45 chúng tôi đã phát hiện chính xác, thông báo xa kịp thời nhanh không để bị bất ngờ. Cuộc tập kích của B-52 vào Hà Nội lập nên Điện Biên Phủ trên không toàn thắng.

Nhà nước khen thưởng đơn vị Huân chương Quân công hạng Nhất.

Tôi và đồng chí Tích được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Hai và Ba.

Kỷ niệm 45 năm ngày thành lập binh chủng, kể lại trận đánh phát hiện B-52 của đại đội 45, tôi hy vọng cùng các đồng đội ôn lại lịch sử anh hùng của binh chủng. Nay tuổi đời đã cao, trí nhớ đã hạn chế, rất có thể có những tình tiết chưa trọn vẹn, rất mong các đồng chí thông cảm.

Tháng 6 năm 2003

NHỚ MÃI KỶ NIỆM VỀ TRẬN RADAR

BẢO ĐẢM DẪN ĐƯỜNG CHO MÁY BAY MIG-21

BẮN RƠI MÁY BAY GÂY NHIỀU EB.66

NGHIÊM ĐÌNH TÍCH

Giữa năm 1966, không quân và hải quân Mỹ bắt đầu sử dụng các loại máy

bay EB.66-C, EC-121, EA-6B... để trinh sát điện tử gây nhiễu từ xa nhằm hạn chế khả năng phát hiện, bám sát của bộ đội radar, che dấu đội hình máy bay cường kích thực hiện gây nhiễu ngoài đội hình, tạo yếu tố bí mật bất ngờ trong các trận vào đánh phá miền Bắc và hạn chế thiệt hại về máy bay, giặc lái của chúng.

Không quân địch thường sử dụng từ 1 đến 2 chiếc EB.66-C bay trên độ cao từ 8.000m - 10.000m, hoạt động ở khu vực biên giới Việt - Lào, theo hành lang tính sẵn. Trực tiếp bảo vệ EB.66-C có từ 1 đến 2 tốp F4C, mỗi tốp thường có 2 chiếc. EB.66-C có 4 sĩ quân điện tử làm nhiệm vụ trinh sát, đồng thời gây cả nhiễu tích cực (bằng máy phát nhiễu vô tuyến) và nhiễu tích cực (bằng sợi kim loại). Do được trang bị đầy đủ và hiện đại, địch có thể đồng thời gây nhiễu các loại radar sóng mét, đề-xi-mét và xăng-ti-mét của ta với công suất lớn. Với tính toán từ trước, các bó dây kim loại được phóng ra sẽ tỏa tán dần để có thể che dấu đội hình bay của máy bay cường kích trên đường vào đánh phá mục tiêu.

Chiến tranh càng phát triển, các tốp EB.66-C ngày càng bay sát vào nội địa, phía Tây Bắc vào tới khu vực Mộc Châu - Tuyên Quang, phía Tây vào đến khu vực Vụ Bản - Hòa Bình. Chính vì vậy, bộ đội radar ngày càng gặp nhiều khó khăn trong quá trình phát hiện, bám sát mục tiêu, hạn chế khả năng bảo đảm cho tác chiến phòng không và dẫn đường cho máy bay tiêm kích của ta đánh địch.

Trước tình hình đó, đồng thời với việc tổ chức lực lượng tên lửa tiến hành cơ động phục kích đánh EB.66-C, Bộ tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân còn tổ chức cho lực lượng máy bay tiêm kích MIG-21 đánh loại máy bay này. Từ ngày 5 tháng 10 năm 1966 đến đầu năm 1967, bộ đội không quân đã tổ chức 5 trận đánh EB.66-C nhưng không thành công, có trận còn bị tổn thất. Nguyên nhân chủ yếu là địch nắm được quy luật hoạt động của máy bay MIG-21, tổ chức máy bay F4C đánh chặn ta và do các đơn vị radar dẫn đường phát hiện không liên tục máy bay ta và nhất là EB.66-C trong giai

đoạn tiếp cận, công kích giai đoạn có tổng hợp các loại nhiễu tích cực và tiêu cực dày đặc.

Từ giữa tháng 4 năm 1967, trước các cuộc đánh lớn của địch vào Hà Nội, yêu cầu bảo đảm dẫn đường cho bộ đội không quân EB.66-C càng trở nên cấp thiết.

Quán triệt nhiệm vụ của Bộ tư lệnh Quân chủng và Bộ tư lệnh Binh chủng Radar giao cho, được sự chỉ đạo trực tiếp của cơ quan tham mưu binh chủng và các trung đoàn radar, các đại đội radar dẫn đường đã tập trung nghiên cứu địch, nhất là quy luật, thủ đoạn hoạt động gây nhiễu của EB.66-C, bổ sung quy trình xử trí thao tác, đặc biệt là thao tác chống nhiễu và hợp đồng chặt chẽ với các tổ sĩ quan dẫn đường của binh chủng không quân, các trung đoàn không quân và tổ sĩ quan dẫn đường ở đơn vị để nâng cao chất lượng bảo đảm dẫn đường cho máy bay ta đánh địch EB.66-C.

Thời kỳ này, hai Đại đội 45, 26 làm nhiệm vụ bảo đảm dẫn đường cho sở chỉ huy Binh chủng Không quân trong sở chỉ huy Quân chủng, Đại đội 43 bảo đảm dẫn đường cho sân bay Nội Bài, Đại đội 44 bảo đảm dẫn đường cho sân bay Hòa Lạc, Đại đội 42 bảo đảm dẫn đường cho sân bay Kép, Đại đội 47 bảo đảm dẫn đường cho sân bay Gia Lâm... Các đại đội dẫn đường ở sân bay trực tiếp bảo đảm dẫn đường cho máy bay ở sân bay mình phụ trách. Hai Đại đội 45, 26 ban đầu làm nhiệm vụ nhìn vòng cho sở chỉ huy Quân chủng, theo dõi bố trí tình báo và khi cần thiết sẽ trực tiếp bảo đảm dẫn đường thay thế cho đơn vị bạn.

Chấp hành mệnh lệnh của cấp trên và yêu cầu bảo đảm dẫn đường của không quân, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của chỉ huy và ban chỉ huy, cán bộ chiến sĩ, nhất là đội ngũ cán bộ chỉ huy, đài trưởng và trắc thủ Đại đội 45 ở nông trường An Khánh đã tập trung rút kinh nghiệm, nghiên cứu kỹ quy luật

thủ đoạn hoạt động của EB.66 và bổ sung quy trình, xử trí thao tác và hiệp đồng thông báo bảo đảm dẫn đường cho máy bay ta chiến đấu.

Sôi nổi nhất của hoạt động trên là ở Trung đội radar II35 do trung đội trưởng Đinh Hữu Thuần phụ trách. Dưới sự tổ chức của trung đội trưởng, như các cán bộ tiểu đội phụ trách thao tác đài trưởng Nguyễn Văn Tuyến, Nghiêm Đình Tích (tiểu đội trưởng và tiểu đội phó Tiểu đội 1), Cù Tất Đôn, Nguyễn Văn Triều (tiểu đội trưởng và tiểu đội phó Tiểu đội 2) các trắc thủ số 1 Phạm Hoàng Cầu, Nguyễn Duy Khôi, Nguyễn Danh Uy, Nguyễn Xuân Thiện... và các trắc thủ số 2 Hoàng Văn Tráng, Nguyễn Văn Xích... đều tập trung nghiên cứu đặc điểm quy luật và thủ đoạn gây nhiễu của EB.66-C trên màn hiện sóng. Sau nhiều ngày trải trở kỹ lưỡng nghiên cứu, bàn cãi, tiểu đội 1 rút ra kết luận: Khó có thể phát hiện tín hiệu mục tiêu và máy bay ta ở giai đoạn tiếp cận và công kích vì nhiễu tổng hợp dày đặc. Kể cả trong trường hợp đã thao tác chống nhiễu tốt nhất. Với trí thông minh và sáng tạo, các chiến sĩ đã tìm được điểm yếu trong quá trình gây nhiễu của EB.66, trên cơ sở đó xác định được tọa độ của mục tiêu. Đó là: Do đồng thời gây cả nhiễu tích cực (giải nhiễu từ 5 - 7 độ) và nhiễu tiêu cực nên tọa độ của EB.66-C là giao điểm của 2 đường thẳng (trục của giải nhiễu tích cực và trục của nhiễu tiêu cực). Tuy nhiên, từ khi phát hiện và xác định được giao điểm đó, thông báo kịp thời quét quay được 1 vòng (ăng ten quay 6 vòng/vòng phút, 1 vòng hết 10 giây, tốc độ mục tiêu là 220m/giây), nên trắc thủ phải đọc trước giao điểm đó theo hướng bay của mục tiêu là sắp xỉ 2km. Nhiệm vụ này được giao cho trắc thủ số 1. Nhiệm vụ bám sát máy bay ta giao cho số 2, khi vào giai đoạn tiếp cận, công kích sẽ tắt tín hiệu radar, bám sát, thông báo theo tín hiệu máy thu trả lời tích cực (COД-57).

Sau khi tìm được cách xử trí thao tác trên, cả trung đội đã bổ sung, hoàn chỉnh quy trình xử trí, thao tác, thông báo theo tiến trình bảo đảm dẫn đường cho máy bay ta đánh EB.66-C. Các trắc thủ còn luyện tập phương pháp xác định tọa độ, cách thông báo mục tiêu đã thống nhất và cách thông báo máy bay ta theo tín hiệu COД-57.

Từ ngày 17 đến ngày 21 tháng 11 năm 1967, địch tập trung lực lượng tổ chức đợt đánh thứ 7 vào Hà Nội.

Sau 2 ngày đầu tiên của đợt chiến đấu, Bộ Tư lệnh Quân chủng quyết định thay đổi hướng đánh EB.66. Thay thế đường bay từ Nội Bài lên khu X chờ ở Thanh Sơn (Vĩnh Phú) mà địch đã phát hiện và cho F4C khống chế, lần này ta sử dụng hướng bay mới từ Nội Bài qua Sơn Tây bay thấp qua theo trục đường 1 đến khu vực Thanh Hóa sẽ tăng độ cao tiến vào tiếp cận đánh EB.66.

6 giờ 35 phút ngày 19 tháng 11 năm 1967, được lệnh của sở chỉ huy Binh chủng Không quân, Đại đội 45 vào cấp 1, mở các đài radar П35, ППБ-11, П12.

Thượng úy Lê Bá Nhơn, đại đội trưởng và trung úy Bùi Sĩ Nho, chính trị viên cùng các nhân viên đánh dẫn đường bay, ghi chép, phát thanh, báo vụ, hữu tuyến điện... có mặt đầy đủ ở sở chỉ huy.

Trên xe hiện sóng đài radar П35 có thiếu úy Đinh Hữu Thuần, trung đội trưởng, trung sĩ Nghiêm Đình Tích, tiểu đội phó, thao tác ở vị trí đài trưởng; hạ sĩ Phạm Hoàng Cầu, trắc thủ số 1; hạ sĩ Nguyễn Văn Xích, trắc thủ số 2.

Trên xe hiện sóng đài radar ППБ-11 có Chuẩn úy Đỗ Hải Đăng, trung đội trưởng, hạ sĩ Nguyễn Hoàng Oanh, trắc thủ.

6 giờ 59 phút, kíp ban đài radar П35 phát hiện và thông báo tốp 01 ở khu vực biên giới Việt - Lào, số lượng 1 chiếc đang gây nhiễu tích cực và tiêu

cực; trắc thủ đài radar ПРБ-11 xác định độ cao của mục tiêu là 9.000m. Lập tức, tình báo tốp EB.66-C được các trắc thủ thông báo lên sở chỉ huy Binh chủng Không quân.

Do xác định rõ và phát hiện trình báo liên tục, 7 giờ 13 phút, thủ trưởng trực ban Quân chủng ra lệnh cho biên đội MIG-21 của Vũ Ngọc Đình và Nguyễn Đăng Kính cất cánh đánh EB.66 theo phương án mới.

Lúc này nhiệm vụ bảo đảm dẫn đường cho máy bay ta là sở chỉ huy Trung đoàn 921 ở Nội Bài do Đại đội 43 trực tiếp bảo đảm tình báo radar. Nhưng đến khu vực Thanh Hóa, Đại đội 43 mất tín hiệu cả máy bay địch và máy bay ta. Lập tức, từ nhiệm vụ theo dõi, thông báo hỗ trợ, Đại đội 45 được sở chỉ huy Binh chủng Không quân giao cho nhiệm vụ trực tiếp bảo đảm dẫn đường cho biên đội Đình - Kính đánh EB.66-C.

Với quy trình xử trí, thao tác mới, kíp ban Đại đội 45 đã phát hiện thông báo liên tục máy bay EB.66 và máy bay ta bảo đảm cho tổ sĩ quan dẫn đường ở sở chỉ huy đại đội và sở chỉ huy Binh chủng Không quân đánh rơi tại chỗ máy bay EB.66-C ở khu vực Vụ Bản (Nam Định), bắt sống 4 giặc lái Mỹ.

Bộ đội radar đã bảo đảm dẫn đường cho bộ đội không quân lần đầu tiên bắn rơi tại chỗ máy bay EB.66-C và cũng là chiếc EB.66 duy nhất của không quân bắn.

Bài học kinh nghiệm từ trận đánh này là phải kiên trì và dày công nghiên cứu tìm được chỗ mạnh, chỗ yếu về chiến thuật, kỹ thuật của địch, tìm ra quy luật để phát hiện địch trong nhiều, kịp thời bảo đảm cho không quân bắn hiệu quả.

ĐÔI ĐIỀU CẢM NHẬN VỀ BỘ ĐỘI RAĐA

TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

NGUYỄN TÂM TRINH

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, tôi từ Tiểu đoàn cao xạ 381 tham gia chiến dịch được điều về cơ quan tham mưu Đoàn 367 cao xạ. Làm công tác tham mưu ít lâu, tôi được cử đi Trung Quốc học Trường cao cấp phòng không Bắc Kinh. Học xong tôi tiếp tục cuộc đời binh nghiệp gắn liền với sự ra đời của bộ đội radar. Được trang bị các hiểu biết bước đầu, tôi bỡ ngỡ với cuộc đời giáo viên về chiến thuật radar. Cũng như sự phát triển của Quân đội nhân dân từ không đến có, từ du kích tiến lên chính quy, bộ đội radar từ bộ binh, pháo binh, công binh chuyển sang thành binh chủng kỹ thuật. Vẫn con người ấy có lòng yêu nước nồng nàn, chí căm thù sâu sắc vươn lên từ nô lệ, xây dựng một cuộc đời tự do độc lập, chỉ khác một bên là súng bộ binh, bây giờ là các binh khí kỹ thuật hiện đại, là các radar, các máy phát điện, là các đài thông tin, là các xe hơi, máy kéo...

Từ một cán bộ bộ binh, rồi chuyển thành cao xạ, bây giờ là một cán bộ radar. Tôi bắt tay vào học kỹ thuật trên một máy đài, hiểu cấu tạo, hiểu nguyên lý, hiểu cách thao tác và cách bảo quản sửa chữa. Học xong thao tác sử dụng, học thêm cách đánh chiến thuật của mỗi cấp từ cơ sở đại đội đến trung đoàn, và binh chủng. Và cuối cùng là học các loại binh chủng mình phải hiệp đồng, thế nào là bảo đảm cho cao xạ, cho tên lửa, cho không quân và các binh chủng hợp thành, phòng không nhân dân. Là người chỉ huy bộ đội radar không thể không thường xuyên đối mặt với mọi loại địa hình của các vùng miền đất nước để có một cách bố trí, một cách đánh hiệu quả. Mà như chúng ta biết, mảnh đất chữ S của ta hai đầu rộng, giữa thóp lại, rất là sông rạch, núi non trùng điệp, đồng bằng hẹp, trung du, rừng núi nhiều.

Những gì mới biết chưa được bao nhiêu thì giờ phút xung trận đã bắt đầu.

Trước mắt mình là một kẻ địch mạnh, mạnh tuyệt đối về kỹ thuật, dùng kỹ thuật để đánh mình, trong lúc mình còn nhiều hạn chế. Và cái yếu tố cơ bản đó, không bao giờ quên được, để đánh trả nó, mình phải có cái trí tuệ bao trùm để hiểu, phân tích và lừa nó vào bẫy mình để hành động, giành lại hiệu quả cuối cùng trong cuộc chiến. Cái mạch dòng của bước đi trong chiến tranh, buổi ban đầu được cảm nhận thật tinh tế.

Chiến tranh là thử thách lớn lao nhất của cuộc sống. Chúng ta có cái điểm phúc được nhìn lại nó, vì chúng ta đã đi qua nó. Chiến tranh là mất mát, hy sinh, là đau khổ, là chịu đựng, là từng giờ từng phút đè nén tâm hồn, thể xác để đi lên. Và đi qua xong cuộc chiến đó là niềm hạnh phúc khôn lường. Từ ngày đầu phát sóng trên trận địa Đại đội 24 cho đến lúc Đại đội 48 lui quân khỏi miền Ăngco trên đất nước chùa tháp bạn bè, chúng ta đã đi qua bao nhiêu chặng đường, ngày đêm canh giữ bầu trời, mặt đất của Tổ quốc. Và đã bao nhiêu lần đối mặt với quân thù, và chúng ta đã thắng. Lịch sử của bộ đội radar, của các trung đoàn, các đại đội radar đã nhiều lần ghi lại khá đầy đủ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ và Bộ Tổng tư lệnh, sự chỉ đạo sát sao của Bộ tư lệnh Quân chủng, những đồng chí chỉ huy của radar đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ lãnh đạo và chỉ huy binh chủng. Tính tích cực linh hoạt và sự sáng tạo đã phát huy hết sức mạnh của binh chủng thực hiện một cách xuất sắc chức năng chủ yếu của bộ đội radar là canh trời, phát hiện và thông báo mọi cuộc tập kích của địch, bảo đảm cho việc tiêu diệt địch của các binh chủng hỏa lực, bảo đảm cho việc phòng tránh của toàn dân. Huấn luyện và xây dựng, tổ chức bảo đảm và hiệp đồng chiến đấu trong những tình huống khó khăn, họ đã quyết định chính xác tình hình địch trên không, bảo đảm thắng lợi trong mọi trận đánh. Với lòng trung thành vô hạn, những người lính radar đã chịu đựng gian khổ, ngoan cường chiếm lĩnh hầu hết mọi điểm cao của Tổ quốc hoàn thành nhiệm vụ. Ở đó, họ đã hiểu thế nào là mảnh đất của Tổ quốc, thế nào là kẻ địch xâm phạm bầu trời. Ở đó họ đã giành giật không chút lơ lửng chống lại mọi thủ đoạn của địch và bằng mọi sự hy sinh cần thiết, họ đã đánh thắng, phát hiện từ xa và không bỏ sót địch. Những người lính kỹ thuật với sự hiểu biết sâu sắc về vũ khí của mình đã ngày đêm bám sát trận địa. Họ đã sửa máy, họ đã nối dây, họ đã không một phút nào để trận địa ngừng phát sóng tiến công kẻ địch. Người có thể bị hy sinh, nhưng máy móc, vũ khí, thông tin không thể để gián đoạn, luôn luôn sáng ngời một khẩu

hiệu: “Tất cả cho chiến thắng”. Những người lính hậu cần rađa lâm lũì gùi xăng, vác gạo, chuyển hàng lên trận địa. Máy không được ngừng chạy, xe không được ngừng đi, cho dù trận địa ở tận nơi đâu, trên đỉnh U Bô, Pù Kéo Phó, Cô Lê, núi Chúa... hoặc tận nơi hẻo lánh xa xôi của các vọng quan sát Bạch Long Vĩ, Yên Tử, Tam Đảo, Ba Vì, Suối Rút... hoặc ở chơi vơi giữa các đảo Phú Quốc, Côn Đảo, Cô Tô, họ vẫn có mặt, bảo đảm cho phần ăn trọn vẹn, cho viên thuốc chữa bệnh để tất cả góp phần sức mình đánh thắng. Họ đã đứng vững nhằm thắng quân thù phát sóng, chặt lọc từng tình báo để thông báo. Cũng trong cuộc độ sức quyết liệt, họ đã ngã xuống, máy họ bị bắn phá hỏng, họ không hề sợ sệt, mà họ đã tự băng lấy vết thương rồi tiếp tục đứng dậy, tiếp tục đẩy dây trời chiến đấu. Họ đã vì dân mà hy sinh và ngược lại nhân dân mọi tầng lớp, mọi thế hệ đều đứng bên họ, luôn luôn che chở cho họ chiến đấu. Trên mọi miền tổ quốc đã đi qua để chọn và quyết định đội hình và trận địa chiến đấu, ở đâu cũng có bóng dáng người dân bên cạnh và mỗi tình cá nước quân dân đã trở thành một yếu tố của thắng lợi trong tất cả mọi trận đánh, mặc dù nơi rađa đứng chiến đấu thông thường là vùng hẻo lánh xa xôi nhất. Một nguyên nhân của thắng lợi nữa không thể không điểm ra ở đây là sự viện trợ và giúp đỡ chí tình của bạn bè quốc tế. Những người anh em Liên Xô, Trung Quốc và các nước anh em khác luôn luôn chia sẻ góp phần đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược. Các đồng chí đã cùng ăn, cùng ở, cùng hy sinh bên cạnh chúng ta. Chúng ta bao giờ quên ân nghĩa sâu nặng đó.

Chiến tranh là sự đấu trí đấu lực, là sự thử thách của tương quan lực lượng, thắng lợi của chiến tranh là thuộc về mạnh được yếu thua. Mà trước hết là tinh thần, ý chí và tài ba của người lính. Suốt 20 năm trường chiến đấu, điều cảm nhận lớn lao nhất chính là bản lĩnh chính trị, ý thức cầm thù địch của chúng ta là điều quyết định. Trong mọi tình huống của chiến tranh, chúng ta đã tìm ra được cách đánh có hiệu quả nhất nhằm hạn chế chỗ địch mạnh, khoét sâu chỗ địch yếu, phát huy hết khả năng vũ khí giành thắng lợi. Chẳng có một thứ binh khí nào là hoàn mỹ cả, mỗi cái có ưu, có nhược điểm của nó, lúc này chỗ này nó ưu việt, lúc khác chỗ khác nó trở thành cản trở, nó là một vật chất, nó phát huy được tác dụng, nó giúp mình đánh thắng, nhưng nó đều qua con người, trí tuệ của con người. Không thì nó cũng chỉ là cục sắt không hơn không kém. Nghệ thuật tác chiến của bộ đội rađa cơ bản là tư tưởng chỉ đạo tác chiến và cách đánh sáng tạo của nó nhằm thực hiện hiệu quả chức

năng của bộ đội radar cao nhất. Với một nhiệm vụ được giao, trên một thế trận được xác định, trong điều kiện binh khí hạn chế, chịu tác động của các ảnh hưởng về địa hình thời tiết hầu như bất biến, chúng ta đã đánh thắng hết thủ đoạn này đến thủ đoạn khác của địch, bảo toàn lực lượng, hoàn thành nhiệm vụ của mình. Chúng ta đã kéo dài cự ly phát hiện, đã chống nhiều, đã tránh được Sơ-rai, đã cơ động chống địch, đã không ngừng nâng cao độ chuẩn xác tính kịp thời của tình báo, bảo đảm cho mọi hiệp đồng chiến đấu thắng lợi. Tất nhiên là chúng ta cũng chẳng tránh được tổn thất mất mát do địch gây nên, ở trận này, ở chỗ khác, nhưng chúng ta đã thắng lợi vẻ vang. Chúng ta tự hào về bản lĩnh và trí tuệ của con người chúng ta.

Chiến tranh kết thúc, đã lùi sâu vào quá khứ. Nhưng nhìn trở lại cả chặng đường đã qua, chúng ta không khỏi bồi ngùi nhớ lại các gương mặt đồng đội đã ngã xuống. ở các cương vị và hoàn cảnh sinh sống khác nhau, giờ đây những người còn sống thật vô cùng hạnh phúc. Chúng ta được độc lập, được tự do, được hòa bình và xây dựng đất nước. Nghĩ về lớp lớp con em thế hệ tiếp theo, chúng ta cũng thấy tự hào và vững tin ở họ.

Thế giới đang ở vào vòng xoáy của bạo lực, của khủng bố, của bao sự bất ổn, đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu. Để cho các lực lượng của Quân đội ta đánh thắng, không bị bất ngờ, vẫn là nhiệm vụ của bộ đội radar trước hết. Chúng ta vẫn phải đứng ở vị trí hàng đầu, vị trí của vọng gác tiên tiêu của Tổ quốc. Với thế thượng phong ngạo mạn của đế quốc Mỹ hiện nay, để chống lại có hiệu quả các cuộc chiến tranh không tiếp xúc của chúng, bộ đội radar chúng ta vẫn phải tiếp tục mài sắc cảnh giác ra sức bảo vệ bầu trời thân yêu của chúng ta.

Với một tấm lòng biết ơn vô hạn đối với Đảng, đối với Quân đội, đối với nhân dân, ghi lại đôi điều cảm nhận đối với chiến tranh trong lĩnh vực tác chiến radar, tác chiến phòng không, tôi hy vọng trao đổi với các bạn bè đồng đội và nhất là đối với thế hệ đang kế tục sự nghiệp của cha ông những điều thu hoạch bổ ích.

Tháng 10 năm 2003

BÀI CA BÊN CÁNH SÓNG

NGUYỄN ĐẮC TẤN

Ban tuyên huấn Binh chủng Rađa

Trong quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của bộ đội rađa, chắc hẳn ai cũng khẳng định rằng có sự đóng góp cực kỳ quan trọng của công tác chính trị, tư tưởng nói chung và công tác văn hóa văn nghệ nói riêng. Căn cứ vào đặc điểm của Binh chủng Rađa là phân tán rộng trong phạm vi cả nước, có nhiều đơn vị bám trụ nơi địa bàn phức tạp, gian khổ như trên những vùng núi cao, ngoài hải đảo và các vọng gác tiền tiêu heo hút trên các vùng biên cương của Tổ quốc.

Xuất phát từ tình hình thực tế đó Đảng ủy và Bộ tư lệnh binh chủng rất quan tâm đến công tác văn hóa văn nghệ - coi đó là món ăn tinh thần không thể thiếu được đối với bộ đội.

Vì vậy binh chủng đã tiến hành tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng văn hóa, văn nghệ nhằm làm hạt nhân, nòng cốt cho việc phát triển phong trào. Với phương châm tất cả hướng về cơ sở, phục vụ động viên bộ đội bám máy, bám trận địa, bám dân phục vụ đánh thắng địch trong mọi tình huống.

Ngoài việc chỉ đạo văn hóa văn nghệ tại chỗ, hàng năm binh chủng tổ chức hội diễn văn nghệ từ cơ sở đến binh chủng nhằm chọn những tiết mục hay, những sáng tác hay, diễn viên xuất sắc tổ chức thành lập đội tuyên truyền văn nghệ. Nhiệm vụ đặt ra cho đội tuyên truyền văn nghệ là phải tập trung xây

dựng một chương trình hoàn chỉnh. Đầu tiên là nhằm phục vụ cho các đơn vị trong binh chủng, tiếp theo là tham gia hội diễn cấp trên đồng thời tổ chức thu thanh những tiết mục tiêu biểu qua làn sóng phát thanh của đài tiếng nói Việt Nam phục vụ đồng bào, chiến sĩ cả nước.

Nhìn lại chặng đường phục vụ của các chiến sĩ trên mặt trận văn hóa văn nghệ của Binh chủng Rađa chúng ta có quyền tự hào không những đã đạt được các thứ hạng cao qua các lần hội diễn mà chính là đã để lại trong lòng cán bộ, chiến sĩ và đồng bào những ấn tượng sâu sắc đã khắc họa được hình ảnh người chiến sĩ rađa qua những lời ca tiếng hát... cho đến bây giờ hẳn nhiều người còn nhớ bài hát “Anh cán bộ đi tìm trận địa” của Phạm Đình; “Cánh sóng tiến công” của Xuân Khôi; “Bài ca anh nuôi” của Trọng Quyền và nhiều tiết mục kịch, chèo, thơ, múa, nhạc khác.

Trong những năm tháng chiến tranh ác liệt, với khí thế “Tiếng hát át tiếng bom” đội tuyên truyền văn nghệ Binh chủng Rađa chỉ vùn vện có trên, dưới 20 người, tập trung hầu hết ở các đơn vị trong toàn Binh chủng về, trang thiết bị nghèo nàn, thiếu thốn nhưng anh chị em vẫn hăng hái khăn gói hành quân hướng về cơ sở, hướng ra chiến trường, cố gắng phục vụ chiến sĩ và đồng bào ở mức tốt nhất. Những chuyến đi biểu diễn dài ngày từ núi rừng Tây Bắc đến hải đảo xa xôi, đặc biệt có chuyến đi phục vụ tuyến lửa Khu 4 anh hùng, anh chị em trong đoàn phải trèo đèo, lội suối, có lúc hành quân ngay cả trong tầm đánh phá của máy bay giặc Mỹ. Tiếng hát của đội tuyên truyền văn hóa đã từng vang vọng trên đỉnh Trường Sơn, góp phần làm ấm lòng những chàng trai, cô gái thanh niên xung phong trên đường mòn Hồ Chí Minh lịch sử.

Với tinh thần đoàn kết thương yêu nhau, khắc phục khó khăn thiếu thốn, các chiến sĩ - nghệ sĩ chia nhau từng bát nước uống, từng miếng lương khô, từng bát canh rau rừng để cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Biết bao lần trong buổi thu thanh của đài tiếng nói Việt Nam tiếng hát của cả đội hòa lẫn trong tiếng máy bay B-52 của giặc Mỹ. Có những buổi biểu diễn mấy lần phải tắt đèn vì máy bay địch, có lần biểu diễn ngay trên trận ớ!a, khán giả ít hơn diễn viên. Cảm động biết bao khi có đêm diễn, nhìn từ sân khấu xuống khán giả hầu hết chít khăn tang vì gia đình họ ai cũng có người thân bị bom Mỹ sát hại. Làm sao có thể quên được những lời nói cảm động và chân tình của đồng chí Bí thư tỉnh ủy Quảng Bình khi lên sân khấu tặng hoa và ôm hôn chiến sĩ diễn viên đội tuyên truyền văn nghệ: “Các đồng chí không ngại hy sinh, gian khổ, đã kịp thời đem đến lời ca, tiếng hát phục vụ động viên quân và dân Quảng Bình chúng tôi. Xin cảm ơn các chiến sĩ bộ đội Rađa”.

Hết mỗi đợt diễn, anh chị em lại trở về đơn vị trực tiếp chiến đấu. Những diễn viên lại trở thành người lính trắc thủ, là anh báo vụ, tiêu đồn... và họ lại là nòng cốt cho phong trào văn nghệ của đơn vị. Có đồng chí đã dũng cảm hy sinh trong chiến đấu để lại trong lòng mọi người niềm tiếc thương vô hạn như đồng chí Trường Giang, đồng chí Hữu Ái...

Cán bộ và chiến sĩ ta vẫn còn nhớ mãi những gương mặt, những giọng ca của các đồng chí: Phạm Đình, Trọng Quyền, Quốc Hiền, Xuân Khôi, Huy Tài, Đình Xứng, Ngọc Nhân, Trọng Tường, Huy Xông, Doãn Lương, Bạch Tuyết, Bích Quỳ, Trọng Mai, Mỹ Duyên, Thanh Nhàn, Kim Tiến, Văn Thanh, Văn Phú, Trinh Thiêm... và nhiều đồng chí khác.

Chiến tranh đã kết thúc hơn 20 năm. Hôm nay những người lính - những diễn viên đó đã trở về với cuộc đời thường. Họ đang sống ở khắp mọi miền của Tổ quốc và phần lớn họ đã ở vào độ tuổi ngũ tuần, có người đã lên ông, lên bà và không ít những người vẫn còn chịu cảnh chẵn đơn, gối chiếc. Trong số họ có người đã chuyển ngành sang các lĩnh vực kinh tế, khoa học kỹ thuật... có người hiện đang ở trong quân ngũ, và cũng có nhiều anh chị em đang bươn trải với cuộc sống hàng ngày... Những khi có điều kiện gặp nhau họ đều cùng nhau ôn lại kỷ niệm cũ, những kỷ niệm sâu sắc mà không phải ai

cũng có được. Vào ngày 1 tháng 3 hàng năm - Ngày truyền thống của Binh chủng Rađa anh hùng những người lính rađa lại có dịp gặp nhau và những người chiến sĩ - diễn viên của đội tuyên truyền văn nghệ lại có dịp mang lời ca, tiếng hát của mình phục vụ anh em, đồng đội. Những ông, bà, tóc đã bạc, da đã nhăn lại kề vai sát cánh bên nhau như thuở nào, hát vang những bài ca về người lính, về cái thời tuổi trẻ đẹp nhất của mình với cây gậy Trường Sơn, bộ quân phục giản dị và gia tài duy nhất là chiếc ba lô... và họ hát về những cánh sóng đã góp phần làm nên lịch sử...

Hôm nay, đồng chí, đồng đội của họ có người còn, người đã nằm lại chiến trường, có người trên mình vẫn còn mang những vết thương, dấu tích của một thời chiến tranh ác liệt... Và trong cái muôn màu, muôn vẻ của cuộc sống đời thường, mỗi tình người lính rađa vẫn được họ giữ gìn một cách son sắt vẹn toàn không thay màu đổi sắc.

Thật đúng như lời của bài hát “Trận địa ta không xây trên cao, lòng ta biết mấy tự hào...”, bài ca gửi theo cánh sóng rađa vẫn còn âm vang mãi không bao giờ tắt.

TẤM ẢNH “MẮT NGƯỜI VIỆT NAM LÀ RẤT SÁNG!!!”

NGUYỄN ĐÌNH SƠN

Những ngày đầu Xuân Giáp Tý, tiết xuân miền Bắc đang rét ngọt. Bác Phạm Văn Đồng - Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đang đi chúc Tết từ miền Trung nắng ấm về Hà Nội và kế hoạch cuối cùng là vào thăm và chúc Tết bộ đội rađa (Trạm rađa 53 - Sân bay Nội Bài). Khí hậu và thời tiết ngày đầu xuân ở miền Bắc thế này là đẹp nhưng với các cụ tuổi già như bác Phạm Văn Đồng thì vẫn là cái khó vì bác đã vào tuổi thượng thọ rồi.

Bộ đội radar, những người lính trẻ thật vinh dự và cảm động được đón Bác, được nắm tay bác quây quần bên bác chuyện trò tự nhiên, chụp ảnh... Với tình cảm ông cháu cha con đến mừng tuổi, đem phúc lộc đến cho con cháu nhân ngày đầu xuân. Chuyện này cũng nhờ Trung tướng Phùng Thế Tài (nay là Thượng tướng) anh em radar rất quý mến, với lòng kính trọng thường gọi là “Anh Tài”, tình thương yêu sâu lắng của người cán bộ cấp trên đối với những người lính trẻ canh trời ngày đêm thầm lặng vất vả gian khổ... mà ít được mọi người biết đến. Anh em radar vô cùng biết ơn Đảng, Chính phủ và những đồng chí cán bộ cấp trên như thế. Đó là những dấu ấn với bộ đội radar không thể nào quên được...

Từ tối hôm mùng 3 tết (4-2-1984) được tin bác Phạm Văn Đồng đến vui Tết với bộ đội radar cả Bộ tư lệnh thật vui sướng đến nghẹn ngào. Đây là món quà đầu xuân đến với binh chủng đang chuẩn bị đón ngày truyền thống 25 năm của bộ đội radar, thật là một vinh dự và cũng thật là lo lắng phải làm sao cho bộ đội tề chỉnh, khí tài phải tốt nhất, trận địa phải ngăn nắp, sạch sẽ... để đón bác, để bác vui vẻ. Ngay từ sáng sớm mùng 4 Tết, các đoàn cán bộ binh chủng và Trung đoàn radar 293 đã có mặt ở Trạm 53 để làm công tác chuẩn bị; từ cán bộ đến chiến sĩ ai ai cũng quần áo mới, quân hàm quân hiệu chỉnh tề, phấn chấn làm tốt mọi công việc để sẵn sàng đón bác, các máy radar luân phiên mở trực ban để theo dõi chuyên cơ của bác, các tuyến canh gác, tiêu binh được rải khắp nghiêm ngặt..., 13 giờ từ sở chỉ huy trạm thông báo “... đã phát hiện chuyên cơ đang trên đường về Hà Nội” 13 giờ 15 phút trạm quan sát đỉnh đầu báo “...chuyên cơ đang vào sân bay đang hạ thấp độ cao...” tổ liên lạc sân bay cũng dồn dập đưa tin”... chuyên cơ đã hạ cánh an toàn! Các vị khách đang lên xe...”. Mọi người tại trận địa rộn ràng hẳn lên tề tựu vào hàng ngũ suốt từ cổng đài radar II35, lúc này đài 35 đã được lệnh tắt máy quay hướng ăng ten để sẵn sàng đón bác. 3 phút sau xe bác đã qua cổng của trạm; với tiếng hô đồng dục của Tư lệnh binh chủng, toàn trận địa im phăng phắc nghiêm trang... Xe bác Đồng từ từ dừng lại bác Phạm Văn Đồng tươi cười bước xuống giơ tay vẫy chào bộ đội. Đồng chí Tư lệnh binh chủng báo cáo và chúc mừng sức khỏe bác. Mọi người sung sướng nghẹn ngào, đúng bác đây rồi, bác Phạm Văn Đồng đã đến với bộ đội radar đây rồi... Trời đầu xuân lúc này hừng nắng, bác Phạm Văn Đồng vẫn mặc giản dị, chỉ khoác thêm chiếc áo choàng dạ mỏng, đầu không đội mũ. Anh Tài và đồng chí Tư

lệnh binh chúng dắt tay bác hướng lên đài radar. Bác vui vẻ cười, anh Tài giới thiệu bác và bộ đội "... hôm nay nhân ngày đầu xuân và sắp đến ngày truyền thống 25 năm của binh chủng (1/3/1959 - 1/3/1984) bác Phạm Văn Đồng - ủy viên Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đến thăm và chúc tết bộ đội radar!!!.... Tiếng vỗ tay hoan hô vang dội của bộ đội kéo dài mãi... "Kính chúc bác Phạm Văn Đồng luôn luôn mạnh khỏe, kính chúc bác Phạm Văn đồng luôn luôn mạnh khỏe...". Bác tươi cười đôn hậu, giơ tay vẫy chào bộ đội và vui vẻ ôn tồn bác nói: "Các đồng chí làm việc tốt là tôi khỏe thôi!"... Tiếng cười xốn xang tiếng vỗ tay lại vang lên kéo dài không dứt... mọi người ùa lại vây quanh lấy bác Đồng để nghe bác hỏi chuyện. Đồng chí Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Thiếu tướng Trần Nhẫn thay mặt anh em thưa chuyện với bác. Với nét mặt đôn hậu giọng nói ấm áp miền Trung, Bác Đồng ân cần dặn bộ đội phải làm việc thật tốt, phải giữ gìn khí tài chiến đấu thật tốt, phải tăng gia, phải trồng cây để nâng cao đời sống vật chất và văn hóa cho bộ đội. Bác Đồng nói với bộ đội radar:

"Mắt người phải hơn "mắt thần". Mắt người Việt Nam là rất sáng. Trong mắt người Việt Nam thì mắt các chiến sĩ radar phải sáng hơn tất cả mọi người!!!".

Tiếng vỗ tay, hoan hô của bộ đội lại vang lên, kéo dài mãi không dứt. Anh Tài mời bác cùng chụp ảnh chung với anh em nhân ngày đầu Xuân, bác cười vui vẻ đứng cùng anh em quây quần để chụp ảnh. Sau đó anh Tài lại xin phép mời bác ra xe, bác Phạm Văn Đồng bịn rịn thương yêu vẫy tay tạm biệt bộ đội... Tất cả anh em cùng ùa xuống ra tận xe để tiễn Bác trong niềm lưu luyến, thương yêu kính trọng... Xe từ từ chuyển bánh, bác Đồng vẫn vẫy tay chào bộ đội, anh em cũng lưu luyến tiễn đưa xe ra hết trận địa mà bộ đội vẫn đứng im sững sờ trước một người ông, người cha - một lãnh tụ cấp cao của Đảng và Chính phủ đã đem không khí ấm áp của những ngày đầu xuân Giáp Tý đến với bộ đội radar đang chuẩn bị đón 25 năm ngày truyền thống của binh chủng 1 tháng 3 năm 1959 - 1 tháng 3 năm 1984.

CHUYỆN KỂ VỀ MỐI TÌNH HỮU NGHỊ

TÂM TRINH

Với tinh thần quốc tế cao cả các nước anh em Liên Xô (trước đây) và Trung Quốc giúp ta các trang bị, đào tạo cán bộ chỉ huy kỹ thuật để chiến đấu. Lãnh đạo các nước anh em đã cử các cố vấn, chuyên gia sang ta từ ngày đầu và suốt những năm tháng chiến tranh ác liệt. Các đồng chí rất sâu sát xuống đơn vị, chịu đựng vất vả thiếu thốn cùng chung chiến hào chiến đấu chống Mỹ, cứu nước. Đầu năm 1958, đồng chí Hoàng và đồng chí Điền, cố vấn Trung Quốc đã bồi dưỡng về chiến thuật cho cán bộ ta, cùng ta đi nghiên cứu bố trí địa hình mạng radar và mạng quan sát mắt. Các đồng chí Trương Liên, Đồng giúp huấn luyện thao tác sử dụng các đài, giới thiệu các kinh nghiệm của cuộc kháng Mỹ, viện Triều.

Tôi nhớ lại vào một ngày tháng 6 năm 1966, cùng đồng chí Trương Liên xuống Đại đội 25 ở Đồng Lâm - Thái Bình để đôn đốc việc bắt máy bay tăng thấp. Hai đài P15 và P10 đặt ở sát rìa làng, hướng phía Đông là cả cánh đồng trống, mặt phản xạ lý tưởng; khi các loại máy bay A6, A7 vào đánh lén ở độ cao <1.500m đều bị máy phát hiện tốt, khi chúng bay ra hướng Bắc và Tây, do mặt phản xạ xa và gần của đài bị ảnh hưởng của làng mạc nên không phát hiện được. Đồng chí đại đội phó Bông đề nghị kéo máy ra phía trước bố trí gần biển. Đồng chí Trương Liên, đồng chí Danh cán bộ đại đội và tôi đi ra phía đê Trà Lý để khảo sát. Đã 10 giờ sáng, hoạt động của địch đang ở thời gian cao điểm. Tôi ái ngại lo đến an toàn cho bạn và dự kiến khoảng đến chiều mới đi. Thấy tôi ngập ngừng, đồng chí Liên nói với tôi: “Đồng chí phó phòng ạ, cứ ra xem sao, địch đánh đâu ta tránh đấy, lo gì, lo gì đồng chí!”. Hội ý với đồng chí Lừng lái xe, tôi đồng ý đi. Đang khảo sát, đo đạc vùng sát cánh đập, thì 2 chiếc F8 bay vào thả một chùm bom, vừa nằm xuống tôi hô: “Ẩn nấp” bằng tiếng Trung Quốc. Đồng chí Trương Liên được tôi đẩy vào chiếc hố cá nhân dân quân đào sẵn bên cạnh, người lút ngập trong hố. Vòng lại, 2 chiếc F8 tiếp tục thả bom vào khu đập. Cả ba chúng tôi bò đến nằm che lấp miệng hố đồng chí Liên đang nấp. Bom làm sạt một phần mộ đập. Mấy phút sau, khói bom tan, địch bay xa. Chúng tôi đều không ai việc gì. Ra khỏi hố đồng chí cảm ơn sự quan tâm của chúng tôi và nói: “Xin lỗi đồng chí phó phòng và các đồng chí, chủ quan quá, không nắm được tình hình, xin lỗi, xin

lỗi!”. Tôi đùa lại: “Chúng tôi sợ đồng chí bí thờ, vì bị bịt mắt miệng hổ”. Tất cả chúng tôi đều cười, hú vía. Trưa về đại đội, trong bữa cơm tôi nói đùa “Hôm nay đồng chí Trương Liên bất tử, đồng chí Trương Liên sống mãi! Can pây, can pây!”, tiếng cười rộ, vui vẻ.

Tháng 10 năm 1967, chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ leo thang ra ngoài vĩ tuyến 20, tôi đưa đồng chí Thiếu tướng Liên Xô I-li-u-khin xuống trận địa Giáp Khẩu của Đại đội 28 ở Quảng Ninh. Khi phà Bãi Cháy vừa mới cập bến Hòn Gai thì có kèng báo động trên không. Liền sau đó bom nổ tứ tung quanh phà. Tôi và đồng chí Vít lái xe lo quá kéo vội đồng chí I-li-u-khin xuống ngay cạnh bến dưới gầm của một chiếc phà. Lội xuống nước tôi tiếp tục kéo đồng chí vào một cống thoát nước để trú ẩn và yên tâm nghe tiếng bắn trả của pháo cao xạ. Máy bay tiếp tục ném bom làm rung động cả bến phà. Báo yên, cả ba chúng tôi lóp ngóp bò ra ướt như chuột lột. Đã 60 tuổi đời trải qua cuộc chiến tranh chống phát xít vĩ đại, nhìn đến mái tóc bạc của đồng chí đang ướt sũng, tôi thật sự xúc động. Ngồi trên xe, đồng chí nói: “Chiến tranh là thế, chiến tranh là chiến tranh, số phận chúng ta còn may lắm”. Tôi cho xe chạy vào văn phòng thị ủy Hòn Gai, mượn cho đồng chí ấy một bộ đồ để thay. Người đồng chí cao to mà bộ com lê lại chật và ngắn, mặc vào trông rất buồn cười. Đến Đại đội 28 đồng chí Chuyên đại đội trưởng phải đốt lửa để sấy luôn bộ đồ ướt của đồng chí. Sau khi mặc lại, lúc đó tôi mới thấy yên tâm, nếu không để đồng chí đóng hề Sác-lô mãi buồn cười không nhìn được.

Cuối tháng 12 năm 1967, tôi đưa đoàn quân sự phòng không của Bắc Triều Tiên lên Đại đội 37 ở Pa-Háng, Tây Bắc. Không được đi ngày, đoàn xe len lỏi suốt đêm trèo đèo lội suối đến Mộc Châu, qua Bó Sập vào đại đội. Để động viên bạn và chống buồn ngủ, suốt đêm tôi và các anh em, đồng chí lái xe Sự liên tục tổ chức ăn lương khô, sữa, chè. Các đồng chí đều biết tiếng Trung Quốc nên tôi tán đủ chuyện làm bạn tỉnh ngủ, rất vui.

Đến nơi trời cũng vừa sáng, sau ít phút gặp gỡ, đồng chí Trình đại đội

trường khẩn trương bố trí các đồng chí vào máy 406 đang trực ban luôn. Trên màn hiện sóng, xuất hiện địch. Tôi và đồng chí bạn thay vị trí các trắc thủ thao tác điều chỉnh phát hiện địch. Chúng tôi theo dõi địch ở cự ly 280km, phương vị 250° còn trắc thủ đọc báo cáo sở chỉ huy. Lát sau khi nghe quan sát báo cáo máy bay địch qua đỉnh đầu, đồng chí bạn xin ra khỏi đài và tự mình quan sát thấy địch tăng tốc bay vào nội địa. Trưa hôm đó đại đội làm cơm đãi bạn và uống rượu cần Tây Bắc. Ăn xong đồng chí Thiếu tướng bạn đi nghiên cứu rất kỹ các tham số thực tế của trận địa. Đồng chí sao chép lại hồ sơ trận địa 37 và xin đại đội các bản lưu đường bay máy bay địch và ta của đại đội trên các hướng và xin đem về.

Đến 14 giờ, máy 406 lại có phiên trực, cá đồng chí lại xin vào máy. Địch tăng cường hoạt động, xuất hiện trên hướng Tây - Nam phía Thái Lan ở phương vị 270°, cự ly từ 300km đến 180km bay vào nội địa miền Bắc và đều qua đỉnh đầu của đại đội. Một lần nữa các đồng chí lại ra khỏi máy quan sát.

Về Hà Nội sau khi nghiên cứu trao đổi và kết luận có căn cứ khả năng phát hiện của Đại đội 37 trên núi cao, các đồng chí rất cảm ơn về những kinh nghiệm chiến đấu của radar sóng mét trên vùng rừng núi.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bạn bè quốc tế luôn luôn đến với chúng ta, giúp đỡ nghiên cứu và trao đổi kinh nghiệm cùng nhau học tập. Kể lại một vài tình huống làm việc với bạn trên đây, chúng ta hết sức cảm ơn tinh thần đoàn kết quốc tế, góp phần nhân thêm sức mạnh tổng hợp trong cuộc chiến tranh của dân tộc ta chống đế quốc Mỹ xâm lược.

TÂM HỒN NGƯỜI CHIẾN SĨ RAĐA

HOÀNG VĂN NGŨ

Đại tá Nguyên Chính ủy Binh chủng Radar

Tôi chuyển về công tác ở binh chủng từ tháng 3 năm 1967. Nhiệm vụ mới ở cương vị cao hơn đến với tôi làm sao khỏi những ngày đầu không bắn khoản, lo lắng. Nhìn những cỗ máy hiện đại, giàn ăng ten lặng lẽ, mài miết quay với những con người điềm tĩnh trầm mặc đang ngày đêm bảo vệ bầu trời Tổ quốc, hoàn thành nhiệm vụ chiến lược mà Đảng và Nhà nước giao cho: Phát hiện xa, nhanh, đúng, đủ, liên tục, kịp thời, không để sai sót, lọt, chậm mọi loại máy bay của địch. Quản lý chặt chẽ hoạt động của các máy bay quốc tế, dân dụng, máy bay chiến đấu của ta.

Hôm nay, lắng nghe những âm thanh của ngày đã qua vọng về 25 năm phát sóng canh trời của bộ đội radar và 15 năm kể từ ngày thành lập binh chủng, tôi không được may mắn là người đang trực tiếp chiến đấu, huấn luyện cùng đội ngũ. Cái tuổi tác, sức khỏe đâu có chiều theo ước vọng của lòng người, nhưng hai tiếng radar vẫn âm vang trong lòng. Bao nhiêu kỷ niệm về cuộc sống và chiến đấu mình đã trải qua ấy là bấy nhiêu niềm tin mà mỗi khi nghĩ lại, hoặc khơi dậy nó lên đầu chỉ là nhỏ thôi, tức thì nó rạo rực trong lòng, cháy bùng và cảm thấy mình như đang về với những ngày oanh liệt đó.

Là cán bộ chính trị trong Bộ tư lệnh binh chủng, tôi thấy công việc của người làm công tác chính trị thật là phong phú. Lại là một binh chủng kỹ thuật, nó không chỉ đơn thuần như các đơn vị khác và cũng không như một số quan niệm sai lầm làm chính trị chỉ biết vui đầu vào sách vở, viết lách... mà mỗi bước đi, mỗi sự chuyển biến của cách mạng là một đề tài mới đòi hỏi người cán bộ phải có cách nhìn sáng tạo để đáp ứng với yêu cầu của đơn vị. Làm sao nói hết được một bức tranh vô tận, nóng rực chủ nghĩa anh hùng cách mạng mà 25 năm qua mỗi chặng đường lại được nhân lên gấp bội, tô thêm thêm truyền thống anh hùng của dân tộc.

Năm 1967, với những thất bại liên tiếp của không quân Mỹ trong các đợt leo thang bắn phá ác liệt vào các yết hầu giao thông và các cơ sở sản xuất, cơ sở kinh tế, công nghiệp làm cho Nhà Trắng phải ôm đầu để khỏi “Cái đầu của sự thất bại” hành hạ. Bộ máy chiến tranh của Mỹ lại “leo thang mới” vạch ra một kế hoạch khác. Nhưng trên bản đồ Việt Nam, những điểm yết hầu giao thông, điểm yết hầu kinh tế vẫn không thoát khỏi nòng chi đò được chúng tôi đi tới lại chỉ khác là mục tiêu đánh phá của chúng không rải rác ở các điểm riêng mà tập trung đánh toàn bộ vào 6 hệ thống mục tiêu then chốt: Điện lực, công nghiệp, giao thông, cơ sở quân sự, kho nhiên liệu và hệ thống phòng không, hòng gây áp lực ngày càng tăng để miền Bắc chấm dứt chi viện cho miền Nam.

Đối với ta, kể từ khi đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam rồi dựng lên sự kiện “Vịnh Bắc Bộ” để lấy cớ “Hợp pháp” phát động cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, trải qua các giai đoạn đánh phá của địch, lực lượng phòng không lớn mạnh không ngừng. Nhiều trung đoàn, tiểu đoàn được thành lập để đáp ứng với yêu cầu tác chiến phòng không.

Bộ đội radar cũng trưởng thành nhanh chóng, từ các vọng quan sát đầu tiên đến nay cũng có tới 4 trung đoàn Do yêu cầu chiến đấu khẩn trương ngày 24 tháng 3 năm 1967 Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Binh chủng Radar. Bốn trung đoàn 290, 291, 292, 293 đóng rải khắp từ miền Trung khói lửa đến miền núi xa xôi hẻo lánh vùng Tây Bắc, chiến đấu trong đội hình của binh chủng các đồng chí cán bộ chỉ huy lãnh đạo đầu tiên của binh chủng là: Trung tá Lương Hữu Sắt - Tư lệnh phó quyền Tư lệnh, tôi là Phó chính ủy quyền Chính ủy, trung tá Đào Văn Dương - Tham mưu trưởng, trung tá Nguyễn Đăng Tuất - Chủ nhiệm chính trị, thiếu tá Nguyễn Văn Thường - Chủ nhiệm hậu cần, thiếu tá Hoàng Tấn Chính - Chủ nhiệm kỹ thuật. Nhiệm vụ cụ thể đầu tiên mà đồng chí Tư lệnh Quân chủng Phòng Thế Tái giao cho là: Thường xuyên ngày đêm cảnh giác, phát hiện mọi loại mục tiêu địch xâm phạm không phận miền Bắc ở mọi độ cao, đặc biệt là đối với máy bay bay thấp.

Là binh chủng bảo đảm chủ yếu trong đội hình chiến đấu của Quân chủng, lại được thành lập sau so với các binh chủng khác nên vừa phải sẵn sàng chiến đấu, vừa phải xây dựng và phát triển lực lượng luôn luôn được trang bị các khí tài mới và nhiệm vụ luôn được đặt ra nặng nề hơn lúc này là một số cán bộ dân chính đang được điều vào binh chủng. Hai tiếng radar đối với họ thật là mới mẻ và không ít ngỡ ngàng. Nhìn những cỗ máy đồ sộ, với những núm vặn dày đặc, cái đơn giản nhất là mở tắt máy cũng chưa biết thế nào. Trình độ chiến sĩ hầu hết lớp 7, chưa qua trường lớp nghiệp vụ gì. Kẻ địch thì vũ khí hiện đại, phương tiện chiến tranh luôn được cải tiến tinh vi. Vì vậy, đòi hỏi cán bộ chiến sĩ không những nắm được máy, làm chủ được máy mà còn phải làm chủ trận địa tạo ưu thế chiến thuật thì mới đánh bại mọi âm mưu của địch. Trong các cuộc họp Đảng ủy và các chỉ thị cho các đơn vị chúng tôi đều nhấn mạnh:

Mỗi cán bộ đảng viên, chiến sĩ phải nêu cao tinh thần cách mạng và ý chí tiến công liên tục. Không ngại khó khăn gian khổ luôn luôn rèn luyện mình có ý thức dám nghĩ dám làm. Ra sức học tập tốt không kể mọi thời gian để nắm vững khí tài. Tất cả vì Tổ quốc, vì sự nghiệp bảo vệ bầu trời thân yêu.

Thường vụ giao công việc này cho tôi và anh Tuất - Chủ nhiệm chính trị chỉ đạo và theo dõi.

Chúng tôi đang phát động một phong trào thi đua, học tập. Các đồng chí cán bộ kỹ thuật ở binh chủng viết giáo án và tỏa ra các đơn vị để giúp đỡ. ở đơn vị cơ sở mở lớp học tại chỗ. Lúc đầu chỉ mở một số lớp cho các đồng chí đã am hiểu ít nhiều về radar, sau đó số cán bộ này trực tiếp về các đơn vị mở lớp bồi dưỡng phương châm ai biết nhiều giảng cho người biết ít: “Chưa biết thì hỏi, chưa giỏi thì học” là khẩu hiệu trung tâm cho mọi cán bộ, chiến sĩ hướng tới và phấn đấu sử dụng mọi thời gian, tranh thủ mọi lúc mọi nơi để nắm vững khí tài kết hợp học với hành tại chỗ. Các trung đoàn giao ước với

nhau, ở đại đội người người thi đua học tập. Lần tôi xuống Trung đoàn 291, 293 đêm đã khuya ở đâu cũng sáng lên ánh đèn cán bộ chiến sĩ chụm đầu vào nhau thảo luận. Những mái đầu lốm đốm bạc bên những mái đầu đen mượt. Những con mắt tỏa sáng trên trang giấy, trên sàn máy, tìm tòi truy tra học tập.

Kết quả chỉ sau một thời gian học tập, hầu hết anh em cán bộ, chiến sĩ đã nắm được tính năng kỹ thuật cơ bản, thành thạo mở máy và thao tác chống nhiễu, đảm bảo chiến đấu liên tục được trong mọi tình huống.

Trong chiến tranh, bất cứ loại chiến tranh gì nhất là chiến tranh điện tử, đế quốc Mỹ luôn luôn lấy phương châm đánh nhanh rút nhanh, muốn vậy phải tìm một ưu thế chiến thuật bất ngờ, chủ động, cũng như trong một trận đấu võ nếu tạo được một thế đứng, có những động tác điều luyện là tìm được sơ hở, đánh đúng vào điểm huyệt của đối phương thì nhất định giành được phần thắng. Sau ba năm thất bại liên tiếp ở các chiến trường đặc biệt là các chiến dịch “Sấm rền” chúng lại giở trò mới và thay đổi thủ đoạn. Chúng muốn tìm một kẽ hở nào đó trong chiến thuật hòng làm cho ta trở tay không kịp. Chúng cho rằng hạ thấp độ cao bay sâu vào nội địa sẽ tránh được hỏa lực của ta. Bay thấp còn tránh được “Mắt thần”, bởi vì lúc ấy chỉ đi dưới mép cánh sóng radar làm cho ta khó phát hiện được do sóng điện tử ở đó mỏng, ít, không đủ công suất thu về hiện rõ trên màn hiện sóng. Các trạm radar của ta lúc này như đại đội 14, đại đội 19, đại đội 25... chủ yếu là ở trong làng, bị ảnh hưởng của cây cối lớn và nhà cửa cho nên không phát huy hết ưu thế chiến kỹ thuật. Yêu cầu cấp bách nhất của Bộ tư lệnh là các đơn vị này phải chuyển ra đồng để có mặt phản xạ tốt, không bị nhiều địa vật cố định che khuất để cảnh giới xa, phát hiện máy bay địch ở các tầng, các hướng.

Một số cán bộ, chiến sĩ cho rằng ra đồng dễ bị lộ, phải làm công sự với hàng trăm mét khối đất đá, xây dựng nhà cửa, đường xá và biết bao công trình sinh hoạt khác, đến lúc nào xong được. Một mặt có số anh em ngại khổ, xa dân, cuộc sống không được thuận lợi như trước nữa. Một số người chưa

hiếu ý đồ chiến thuật, có tiếng ra, tiếng vào cho cấp trên là thế này thế nọ, làm cho anh em hiểu được và có trách nhiệm không phải là đơn giản.

Tôi với anh Tuất - Chủ nhiệm chính trị bàn với nhau trước hết phải lấy cán bộ đảng viên làm nòng cốt, đầu tàu gương mẫu không để những ý nghĩ đơn giản lấn át. Nêu cao vai trò trách nhiệm, có tinh thần cách mạng tiến công để nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ. Sau khi cán bộ đảng viên đã nắm vững chủ trương của thường vụ Đảng ủy, thì mở rộng ra quần chúng bằng nhiều hình thức. Một đợt sinh hoạt diễn đàn thanh mền được tiến hành ở các đại đội đại đội 19 ở Quảng Thành, đại đội 25 ở Kiến Xương, đại đội 14...

Kết quả đem lại rất tốt đẹp, không những đã động viên thuyết phục anh em hiểu được yêu cầu mục đích cơ động trận địa mà còn gây được lòng tin đối với nhân dân, cho nên trong quá trình làm công sự, cơ động, các đơn vị đã được nhân dân tận tình giúp đỡ. Lần ấy xuống Đại đội 19 có một chi tiết nhỏ làm tôi nhớ mãi:

Cán bộ, chiến sĩ đại đội 19 cùng nhân dân xã Quảng Thành đang khẩn trương đào đắp công sự ngay trong đêm đó. Đất lật lên từng lớp ngào ngạt mùi thơm mới. Một cô gái đứng gần tôi vừa làm vừa hát:

Quê hương em đồng xanh bát ngát

Cho máy anh phát sóng canh trời.

Không may, chiếc xẻng gặp phải hòn đá nghiêng lưỡi vấp phải bàn chân bên phải. Một dòng máu tứa ra. Cô gái lặng lẽ rút chiếc khăn mùi xoa trên mái tóc buộc vết thương. Không ai nhìn thấy, chỉ có tôi, tôi cảm động không nói nên lời cứ nhìn mãi chiếc khăn mùi xoa đang thấm dần máu. Tôi đi lại

gần cầm lấy chiếc xẻng và nói:

- Cháu nghỉ đi và cố rịt lại vết thương, để bác làm cho, cô gái ngược mắt nhìn tôi nói:

- Không sao bác ạ, cháu còn làm được, bác còn phải bao nhiêu việc mà, nghe mấy anh bảo tối nay phải gấp rút hoàn thành công sự, phải không bác.

Một cảm giác lạ dâng lên trong lòng. Tôi lặng lẽ đứng nhìn cô gái. Đẹp biết bao, cái đẹp của lòng người yêu nước, vì sự nghiệp bảo vệ bầu trời. Tôi đưa mắt nhìn xung quanh, quân với dân ra sức làm, kẻ đào, người xúc không nghỉ, Một niềm vui xôn xao trong lòng, bởi ở đâu xa ngay tại mảnh đất này, chỗ tôi đứng đây là nhịp điệu của bản hùng ca sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tươi rói tình quân dân, tô đậm nét đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng và Bác Hồ đề ra và dày công vun đắp.

Ở Kiến Xương cũng vậy, trong những ngày anh em Đại đội 25 chuyển ra sống và chiến đấu ngoài đồng có khi chỉ một đĩa lạc rang, củ khoai luộc thêm ấm lòng và niềm tin của người chiến sĩ. Chúng tôi như có một điểm tựa vững chắc mà kẻ thù hiện đại đến đâu, xảo quyệt đến mức nào cũng không thể nào phá vỡ nổi.

Chính vì vậy, chỉ trong thời gian rất ngắn - một ngày một đêm các đơn vị được lệnh đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đưa tất cả máy móc khí tài ra trận địa mới, đảm bảo an toàn, bí mật trận địa nằm giữa đồng, lợi dụng mặt bằng làm mặt phản xạ để phát huy hết ưu thế tính năng kỹ thuật chiến đấu của đài radar vượt cánh sóng xa hơn. Dù cho địch trăm phương ngàn kế bay nhiều tầng nhiều hướng cũng không thoát khỏi tầm mắt xa của các chiến sĩ, một khi trận

địa và khí tài đã phát huy hết năng lực của khí tài và yếu tố con người.

Trận địa có xa dân, không được cái cảnh đầm ấm thường xuyên nhưng trận địa vẫn ở giữa lòng dân. Một bát nước chè đỡ khát sau phiên trực, một tấm gỗ kê bệ máy và biết bao cành lá ngụy trang che mắt địch. Tất cả những cái đó là đoàn kết quân với dân một ý chí, vì sự nghiệp cách mạng, xuất phát từ tấm lòng yêu nước, của mỗi con người Việt Nam đã được hun đúc hàng ngàn năm lịch sử.

Tinh thần cách mạng tiến công và ý chí tiến công liên tục, không ngại khó khăn gian khổ, dám nghĩ dám làm, không phải được phát động rộng rãi thời kỳ bình chủng thành lập, mà nó đã có một nguồn sâu xa từ ngày phát sóng canh trời. Tinh thần ấy đã được liên kết chặt chẽ, phát triển cùng với tiến trình đi lên của cách mạng và trở thành tiềm thức trong mọi suy nghĩ của người chiến sĩ radar trong suốt 25 năm, đập bằng mọi gian khổ, khó khăn để canh giữ bầu trời thân yêu của Tổ quốc.

Đi ngược dòng thời gian, làm sống lại những ngày đầy gian nan nghiệt ngã - Thời kỳ 1965 - 1966 tôi không khỏi khâm phục những con người đưa radar lên núi cao, vươn tới những tầm cao vũ trụ. Những con người sống và chiến đấu giữa núi rừng Tây Bắc, vùng đất mà hoa ban trắng nở, hoa đào khoe sắc không phai mờ hồn người chiến sĩ cộng sản năm xưa nằm lại nơi đây đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng gọi tiếp bước đàn em noi theo.

Thời kỳ này, tôi đang công tác ở một trung đoàn pháo cao xạ phòng không, không được cùng sống với các chiến sĩ radar để lên tới các “Cổng trời”, nhưng qua báo chí, bạn bè đồng đội kể lại và tự đặt mình vào hoàn cảnh đó, tôi mới thấy sức mạnh lớn lao biết bao kể cả tâm hồn và trí tuệ của những người chiến sĩ canh trời miền Tây Tổ quốc.

Năm 1965 sau một năm địch xâm phạm vùng trời Tổ quốc, chúng đã dòm ngó đến Tây Bắc. Những đỉnh núi trùng điệp đứng chen vai nhau, là những đỉnh núi cao, những thung lũng là điều kiện thiên nhiên thuận lợi để địch tiến sâu vào nội địa ta.

Các trận địa radar của ta đang nằm phần lớn ở các thung lũng, lợi dụng các chân đồi choãi ra làm nơi đóng quân. Do đó cánh sóng thường bị những đỉnh núi cao án ngữ phạm vi phát hiện bị hạn chế. Đại đội 35, 39, 37 chỉ phát hiện được từ hành lang biên giới trở vào cho nên không thể đảm bảo thời gian thông báo tình báo cho các đơn vị hỏa lực chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu. Đối với không quân thì lại càng không đủ thời gian để có thể đến trước vùng đánh chặn được.

Sau khi nghiên cứu - thảo luận ở các hội nghị quân sự thường vụ Đảng ủy Quân chủng ra nghị quyết quyết định các đại đội radar miền Tây Bắc phải lên núi cao để giăng hàng rào điện tử đón lũ con ma, thần sấm “Hoa Kỳ”.

Cái khó khăn đầu tiên là làm sao tìm được trận địa, bởi vì trên núi cao không dễ gì tìm được trận địa có mặt phản xạ tốt. Mặt khác còn phải đảm bảo đường đi, đời sống cho bộ đội, rồi làm sao đưa máy lên cao để phát sóng, cuộc sống anh em bám trụ ngày đêm trên đó như thế nào? Khó khăn chồng chất khó khăn, cái khó khăn vất vả cứ luôn cập kê bên nhau đưa tới. Những cán bộ, chiến sĩ đã hiểu hết ý nghĩa của nó, những đồi cao có thể dễ bị lộ nhưng cũng rất thuận lợi cho ta vươn xa tầm nhìn đôi mắt. Đường xe lên không được, các chiến sĩ phải dùng đôi vai của mình, tháo gỡ từng khối một đưa máy lên cao. Mồ hôi làm vệt mòn tảng đá. Bàn chân bấm máu dồn sẵn cứng lại. Các đơn vị chia thành kíp cứ 12 giờ hôm trước xuống thì 12 giờ hôm sau lên. Con đường mòn lên cao đã trở thành thân thuộc, đã giữ lại bao kỷ niệm gian nan khó nhọc của người chiến sĩ canh trời.

Cán bộ các cấp trên thường xuyên xuống để động viên anh em, anh Trần Mỹ - Chính ủy Trung đoàn 292 luôn có mặt cùng anh em khuân vác, bộ đội lúc này có sức chịu đựng bền bỉ lạ thường. Đại đội 37 trong 5 ngày đêm hành quân đến đỉnh núi, vừa làm công sự, chuyển máy móc, dựng lán tạm để chiến đấu được ngay. Đại đội 35, tìm được trận địa rồi, cán bộ chiến sĩ phải về Hà Nội nhận máy. Đường xa hàng trăm ki-lô-mét, khó đi nhưng vẫn đảm bảo đúng thời gian, an toàn. Khi đưa được máy lên cao. Do yêu cầu đặt mặt phản xạ và hướng phát sóng chưa đạt lại phải di chuyển sang ngọn núi khác. Rồi Đại đội 39, 36... lần lượt lên cao giăng lưới đón không quân địch đã lên thế trận Đại đội 37, Đại đội 35 chốt ở hai vị trí Pa Hán, Phù Tưu là hai đơn vị chủ công của trung đoàn, làm cho địch phải hoảng sợ, chúng cho Đại đội 37 là trạm radar lớn nhất Bắc Việt. Vì thế chúng không tiếc gì đội xuống đồi C400 hàng trăm tấn bom đạn hòng hủy diệt sự sống của Đại đội 37. Với tinh thần dũng cảm kiên cường, trung đội súng máy 14 ly 5 của Đại đội 37 đã bám trụ không mệt mỏi, chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. Dưới tầm bom đạn địch, đôi mắt sáng ngời ý chí cách mạng tiến công, nhìn thẳng vào kẻ thù nổ súng. Phẩm chất cao đẹp của các chiến sĩ Đại đội 37, tiêu biểu là Đào Công Trực, Đoàn Văn Mơ... càng tô điểm thêm vẻ đẹp của anh bộ đội Cụ Hồ.

Trận tuyến của các chiến sĩ radar vùng Tây Bắc đâu chỉ ngày một ngày hai, cũng không chỉ riêng trong những ngày khốc liệt của chiến tranh. Mà đến hôm nay, mai sau họ còn phải bám trụ trên đó để phát sóng bám trụ canh trời, đỉnh núi cao, sương mù bao phủ quanh năm. Mùa đông không giọt mưa rơi, rét kéo về tê tái. Mùa hè nóng hôi hổi, gió nóng thổi về rút hết cái tươi mát, trong lành. Không một tối phim, không một tối văn nghệ. Một mảnh thư nhà chung nhau đọc, tờ báo cũ san sẻ từng câu. Tối tối chụm đầu vào nhau bên chiếc đài nghe tin quê hương, đất nước, cơm bữa no bữa đói. áo lạnh trùm áo rách. Thiếu thốn tình cảm là thế nếu cán bộ, đảng viên, chiến sĩ không có một tinh thần cách mạng cao, xác định tốt vị trí chiến đấu của mình thì làm sao vượt qua mọi khó khăn để có một tinh thần trụ vững trên đó.

Có một lần tôi với anh Tuất và các đồng chí cán bộ Đoàn Tô Hiệu đi thăm

và kiểm tra một số đơn vị vùng Tây Bắc. Leo cái dốc Đại đội 37, Đại đội 35 thở ra mang tai. Đi được một đoạn lại bám đá tai mèo hai bên để nghỉ - Phải vớt bỏ giày dọc đường, mới đi được tiếp. Thế mà anh em vẫn sống tươi vui, dẻo dai ở trên đó. Rừng núi có thêm tiếng nói cười, tiếng đàn tiếng hát sau phiên trực của các chiến sĩ, con chim cũng muồn đậu gần hơn. Hôm nay, mỗi khi nhắc đến tôi lại thấy xôn xao trong lòng. Tình thương, sự triu mến trào lên và cũng đủ niềm tin khẳng định lớp con em mình đang sống và chiến đấu trên đó một niềm tin tất thắng và mãi mãi là người chiến thắng, dù kẻ thù nào, hung bạo đến đâu cũng không khuất phục nổi.

Tôi làm sao nói hết được cái sợi chỉ đỏ xuyên suốt qua tâm hồn người chiến sĩ radar, bởi nó nhiều quá, không thể lược tểch được để nói cái gì bỏ cái gì? Cái gì cũng quý cũng muốn trang trải và trong tôi cũng không bao giờ hết cảm kích. Những con người qua đi như Đào Công Trực, Đoàn Văn Mơ, Phan Sĩ Yên... để thế trận radar càng vươn cao. Một lớp người khác càng tới nhiều, càng đông hơn, mạnh mẽ hơn như dòng sông chảy dâng về biển cả. Nguyễn Văn Giảng dùng kỹ thuật thao tác bắt máy bay bay thấp. Đinh Hữu Thuần, Nghiêm Đình Tích tìm ra phương pháp thao tác chống bom tự dẫn của địch khi bắn vào radar và phát hiện B-52 khi chúng bay vào Hà Nội. Biết bao con người khác, họ luôn luôn học tập sẵn sàng chiến đấu trên mọi chiến trường từ Bắc chí Nam và ở nước bạn. Họ hiểu rằng, nếu chỉ lơ là một giây thôi thì có thể có hại rất lớn mà không ai lường nổi. Lời huấn thị của đồng chí Trường Chinh với cán bộ chiến sĩ Trung đoàn 290 tháng 2 năm 1959 cũng là lời huấn thị cho tất cả cán bộ chiến sĩ radar cả hôm nay nay và ngày mai: “Thời bình cũng như thời chiến bộ đội radar cũng luôn làm nhiệm vụ phía trước, dù các đồng chí đặt máy ở Hà Nội vẫn là vị trí tuyến đầu. Không phút nào được lơ là tinh thần cảnh giác cách mạng, phải phát hiện từ xa và không bỏ sót...”.

25 năm qua đi, năm tháng và cuộc đời đã gắn chặt với người chiến sĩ radar. Có những ngày hôm qua căng thẳng, nóng bỏng, quyết liệt để hôm nay giữ cho bầu trời Tổ quốc trong xanh và mãi mãi trong xanh. Trong lòng người chiến sĩ canh trời luôn nêu cao tinh thần cách mạng, ý chí tiến công liên tục. Dám nghĩ dám làm không ngại khó khăn gian khổ. Đó là tâm hồn cách mạng

mà bọn đế quốc, xâm lược không bao giờ có được.

Tháng 2 năm 1984

XÂY DỰNG ĐƠN VỊ CƠ SỞ Ở BINH CHỦNG RAĐA

NGUYỄN HỮU HÙNG

Năm 1970 Quân chủng điều tôi từ Sư đoàn 367 về làm chủ nhiệm chính trị và sau đó làm phó chính ủy Binh chủng Radar. Đồng chí Nguyễn Xuân Mậu - Phó chính ủy Quân chủng đã có lần nói rằng: “Xây dựng đơn vị cơ sở ở radar là có tính chất chiến lược”.

Tìm hiểu tình hình binh chủng và đi sâu thâm nhập các đại đội radar tôi càng thấy lời nói đó rất đúng.

Đại đội radar quản lý một vùng trời rộng lớn hay phục vụ cho một sân bay nhất định. Các đại đội radar dẫn đường thường kiêm cả hai nhiệm vụ cảnh giới và dẫn đường.

Chấp hành nhiệm vụ tốt hay xấu của một đại đội radar ảnh hưởng đến việc hoàn thành nhiệm vụ không chỉ của một số lực lượng phòng không ở một địa phương hay khu vực mà còn của cả Binh chủng Radar và Quân chủng Phòng không - Không quân.

Đêm 20 rạng ngày 21 tháng 11 năm 1970, vào lúc 02 giờ 8 phút đến 03 giờ 30 phút Mỹ tổ chức một cuộc tập kích bất ngờ xuống một địa điểm thuộc thị xã Sơn Tây mưu cứu bọn giặc lái Mỹ mà chúng nghi là bị giam ở đó Đại đội 38 ở Tây Bắc phát hiện thông báo về sở chỉ huy binh chủng một số tốp máy bay địch, đồng thời vọng quan sát mắt 20 ở Suối Rút phát hiện tiếng động cơ báo cáo về tổng trạm. Nhận được thông báo của binh chủng mà người trực chỉ huy lúc đó là tham mưu trưởng Tâm Trinh. Sở chỉ huy Quân chủng ra lệnh báo động cho tên lửa cao xạ, kể cả trường Huấn luyện Phòng không ở Sơn Tây. Một số tiểu đoàn tên lửa đã bắn các máy bay địch trên cao hạ được 2 chiếc, còn loại bay thấp và chậm chính là trực thăng thì radar chỉ thông báo được một số mũi đứt quãng và cũng không phán đoán được là loại gì Trực thăng địch quần đảo trên thị xã Sơn Tây, một số đổ xuống nơi là trại giam giặc lái đã di chuyển. Học viên trường Phòng không đã ngồi sẵn trên mâm pháo cao xạ nhưng người chỉ huy phân vân không rõ ta hay địch nên không hạ lệnh bắn. Nếu hôm đó cao xạ ta nổ súng thì có thể tiêu diệt hết toán biệt kích không để chúng chạy thoát.

Ngày 18 tháng 12 năm 1972 là một ngày lịch sử đáng ghi nhớ của Binh chủng Radar và Quân chủng Phòng không - Không quân. Vào hồi 19 giờ 10 phút đại đội radar 16 và đại đội radar 45 bố trí ở Nghệ An đã phát hiện được nhiều B-52 và các tốp máy bay B-52 từ không vực hồ Noọng La Han (Thái Lan) bay vào vùng trời miền Bắc. Chỉ huy trực của Binh chủng Radar Hứa Mạnh Tài (tham mưu phó) khẳng định là B-52 vào đánh Hà Nội nên chỉ huy trực của Quân chủng hạ lệnh cho các lực lượng phòng không - không quân sẵn sàng chiến đấu cấp 1. Ba mươi phút sau xuất hiện các tốp B-52 và các loại máy bay chiến thuật khác. Bộ đội phòng không đang hoảng kịp thời nổ súng phóng tên lửa chặn đánh chúng. Quân dân ta không bị bất ngờ nên ngay trong đêm đầu B-52 ném bom Hà Nội đã bị bắn rơi tại chỗ.

Qua ví dụ điển hình trên đây đủ thấy vai trò quan trọng của một đại đội radar đối với binh chủng và toàn Quân chủng như thế nào cho nên Đảng ủy và Bộ tư lệnh binh chủng luôn coi trọng việc xây dựng các đại đội radar thành những đơn vị cơ sở vững mạnh toàn diện.

Mạng lưới radar phải bố trí phân tán quản lý toàn bộ vùng trời đất nước nên các đại đội đều đóng quân xa các sở chỉ huy trung đoàn, nơi gần nhất cũng trên 10km, còn thường từ 40 đến 50km. Việc chỉ huy từ trung đoàn, binh chủng xuống các đại đội radar phải bằng phương tiện vô tuyến điện phát đi theo ngôn ngữ mật, rất ít trường hợp chỉ huy trung đoàn nói trực tiếp với chỉ huy đại đội.

Vì những điều kiện đặc thù trên đây nên đòi hỏi cán bộ lãnh đạo, chỉ huy đại đội radar phải phát huy cao độ tính độc lập sáng tạo, tính nguyên tắc, tính kỷ luật cao, ý thức chính trị vững vàng, trình độ hiểu biết khá về các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, luật pháp.

Xây dựng đơn vị cơ sở là phải vững mạnh toàn diện nhưng thường tập trung vào những vấn đề chính như tư tưởng, tổ chức, cán bộ, đời sống và kỹ thuật. Thông qua các cuộc hội nghị sơ kết tổng kết công tác xây dựng cơ sở tôi thấy tuy mạnh yếu có khác nhau nhưng nhìn chung các đại đội radar đều đạt được những kết quả sau đây:

Về tư tưởng: Trên cơ sở quán triệt nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ quân đội trong từng thời kỳ, các đại đội đặc biệt quan tâm giáo dục ý nghĩa chính trị của nhiệm vụ được giao xây dựng quyết tâm hoàn thành tốt: Cảnh giới thì phát hiện thông báo chính xác kịp thời không để xảy ra sai sót lọt chậm, dẫn đường thì phục vụ vô điều kiện cho không quân ta luyện tập chiến đấu bắn rơi máy bay địch bất kể ngày đêm.

Để làm tròn nhiệm vụ các đơn vị thường xuyên rèn luyện bộ đội tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, bộ đội radar gian khổ hơn là phải trực ban nhiều, thức đêm nhiều, phải đóng quân ở nơi xa xôi hẻo lánh, có đơn

vị phải gùi thồ lương thực, xăng dầu lên trận địa trên cao, phải cơ động nhiều, làm doanh trại nhiều lần, ốm đau rất khó khăn...

Khó khăn ở radar là phải chống được các loại nhiễu “vạch nhiễu tìm thù” phải phân biệt được sóng về cố định dày đặc với tín hiệu mục tiêu nhỏ bé lẫn lộn, phân biệt được mục tiêu giả và thật...

Lại còn phải đối phó với các thủ đoạn bay thấp phóng Sơ-rai vào theo cánh sóng của đài radar đang cảnh giới hoặc dẫn đường. Phải đảm bảo phát hiện liên tục để dẫn đường không bị gián đoạn mà vẫn giữ được an toàn khí tài.

Ý thức kỷ luật tự giác là một vấn đề đặc biệt quan trọng của mỗi cán bộ chiến sĩ radar.

Do căng thẳng mệt mỏi nhiều nên đôi khi chấp hành các chế độ trực ban không nghiêm (ngủ gật bỏ ra ngoài...), kiểm tra tham số hàng ngày không chu đáo tỷ mỉ. Có những vị trí chiến đấu có lúc chỉ có một người trực không ai theo dõi kiểm tra nên dễ sinh chủ quan lơ là tùy tiện do vậy sai sót lọt chậm khó tránh khỏi.

Một vấn đề về ý thức tư tưởng nữa, nếu đơn vị nào không quan tâm đầy đủ là dễ xảy ra nhiều chuyện không hay ảnh hưởng đến hoàn thành nhiệm vụ. Đó là tinh thần đoàn kết hiệp đồng lập công tập thể giữa các bộ phận, đoàn kết giữa cán bộ và chiến sĩ, đoàn kết với các đơn vị liên quan nhất là với đơn vị bạn, đoàn kết với các cơ quan quân dân chính, nhân dân nơi đóng quân, chấp hành nghiêm kỷ luật quần chúng.

Đã có trường hợp một vọng quan sát có thành tích được đề nghị trên xét khen huân chương nhưng khi trên xuống kiểm tra, nhân dân tố cáo là bộ đội bắt trộm trâu của dân làm thịt nên phải hủy đề nghị đó và thi hành kỷ luật nghiêm khắc.

Có đại đội radar do quan hệ cán bộ và chiến sĩ không tốt không được giải quyết kịp thời nên một chiến sĩ đã dùng súng bắn cán bộ, hoặc bắn nhau...

Do công tác tư tưởng được thường xuyên coi trọng đặt lên hàng đầu nên nhìn chung các đại đội radar đều hoàn thành nhiệm vụ, có những đơn vị xuất sắc bộ đội radar chưa để xảy ra bất ngờ nghiêm trọng đối với các tình huống trên không và đóng quân ở đâu cũng được nhân dân quý mến, đùm bọc che chở, chính quyền đoàn thể giúp đỡ động viên. Có đơn vị ở rất lâu một địa phương mà không bị không quân địch phát hiện.

Về tổ chức: Hai tổ chức ở đơn vị cơ sở phải được xây dựng vững mạnh là chi bộ Đảng và Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

Chi bộ mạnh là phải lãnh đạo đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến đấu và các nhiệm vụ khác được trên giao cho, nội bộ phải đoàn kết nhất là giữa các cán bộ chủ trì, đảng viên phải gương mẫu làm tốt chức trách, quan hệ với quần chúng trong đơn vị và nhân dân địa phương tốt được quần chúng tin nhiệm, nhân dân quý mến, công tác phát triển đảng viên thành lập được các tổ Đảng lãnh đạo các bộ phận.

Vai trò chi ủy nhất là bí thư chi bộ và đại đội trưởng có tác dụng quyết định đến việc xây dựng chi bộ và đơn vị. Hai đồng chí này làm việc tập thể, bổ sung cho nhau, ủng hộ lẫn nhau, đoàn kết nhất trí trên cơ sở đúng đắn thì

mọi công việc của đơn vị đều trôi chảy, đơn vị ngày càng đi lên. Nếu giữa hai thủ trưởng đơn vị có mâu thuẫn, lung củng mất đoàn kết thì phải được chỉ ủy, chỉ bộ kịp thời kiểm điểm chỉ ra phương hướng sửa chữa, nếu còn mất đoàn kết kéo dài thì cấp trên phải xem xét thay đổi về tổ chức cán bộ. Tác phong công tác của bí thư (chính trị viên) và năng lực chỉ huy của đại đội trưởng có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng lãnh đạo của chỉ bộ. Bí thư chỉ bộ phải sâu sát quần chúng, nhạy bén phát hiện vấn đề, phát huy dân chủ sáng tạo của mọi người để tìm ra biện pháp hay làm cho nhiệm vụ được hoàn thành tốt. Tác phong công tác của bí thư là thuyết phục giáo dục, giải quyết có lý có tình để quần chúng tự giác, phải gương mẫu trong hành động nhất là lúc khó khăn, hạn chế việc dùng đến mệnh lệnh. Tôi đã thấy nhiều trường hợp chính trị viên vì cũng biết kỹ thuật nên nhận trực thay cho chiến sĩ hay cùng tham gia sửa chữa khí tài với anh em, do đó được anh em quý mến nể trọng, sẵn sàng chấp hành mọi chỉ thị.

Chỉ huy đại đội biết nghiên cứu địa hình, tìm được trận địa tốt, biết tổ chức duy trì trực ban chiến đấu nghiêm ngặt, biết tổng kết kinh nghiệm đối phó với các thủ đoạn của địch, biết huấn luyện bộ đội... thì đơn vị nhất định hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đại đội 26 thuộc trung đoàn 293 yếu kém kéo dài, chấp hành nhiệm vụ có nhiều sai sót do năng lực của đại đội trưởng có mặt yếu. Trung đoàn đã cử đồng chí Trần Văn Thu là trợ lý tác chiến xuống thay. Sau một thời gian đại đội 26 có nhiều chuyển biến. Tháng 5 năm 1972 đại đội đã phục vụ dẫn đường cho không quân ta bắn rơi 7 máy bay địch trên vùng trời Sơn La, Yên Bái. Từ đó đơn vị ngày càng tiến bộ.

Hai mặt chiến đấu và xây dựng tác động lẫn nhau. Nếu chiến đấu tốt thì đơn vị phấn khởi, các mặt xây dựng đều lên, nếu xây dựng tốt thì chiến đấu có cơ sở lâu dài, vững vàng trong mọi lúc khó khăn.

Đoàn thanh niên cộng sản là một tổ chức quần chúng trong đại đội. Vai trò nổi bật của chi đoàn là phát động thi đua hướng vào các nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị tổ chức các hoạt động văn nghệ thể thao vui chơi cho thanh niên

đơn vị và thanh niên địa phương.

Thỉnh thoảng các chi đoàn cũng tổ chức “Tự do diễn đàn” để thanh niên phát biểu suy nghĩ nhận thức của mình về một chủ đề nhất định, qua đó rèn luyện tư tưởng chính trị cho anh em.

Xây dựng đội ngũ cán bộ và nhân viên kỹ thuật: Đội ngũ cán bộ cơ sở tính từ tiểu đội trưởng trở lên cùng đội ngũ trắc thủ thợ sửa chữa được coi như bộ xương vững chắc của đơn vị không thể suy yếu bộ phận nào vì tác dụng của một đài trưởng, trắc thủ, báo vụ... ảnh hưởng có khi quyết định đến hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị.

Các chi bộ rất coi trọng “Xích hóa” đội ngũ này nghĩa là giáo dục động viên anh em phấn đấu trở thành đảng viên cộng sản, qua đó bồi dưỡng anh em về phẩm chất đạo đức cách mạng.

Các đài trưởng thường là sĩ quan được đào tạo cơ bản có trách nhiệm bồi dưỡng cấp dưới nhưng cấp dưới có khi lại có nhiều kinh nghiệm thực tế hơn nên phải đặt vấn đề cán bộ chiến sĩ học tập lẫn nhau thông qua rút kinh nghiệm thường xuyên sau mỗi ngày trực ban chiến đấu.

Các đại đội đều chú trọng bồi dưỡng những trắc thủ báo vụ giỏi để tăng cường trực ban khi có những tình huống phức tạp.

Ở các đại đội bắt thấp khi có mục tiêu bay vào thì Đỗ Ngoạn, Nguyễn Văn Giảng đều phải lên máy và đều phát hiện tốt không để lọt. Đồng chí Nghiêm Đình Tích là một tấm gương về tự học tập nghiên cứu rút kinh nghiệm xây

dựng được quy trình phát hiện nhiều B-52 và tìm ra mục tiêu trong nhiều nên đã giúp cho cấp trên khẳng định được B-52 đánh ra miền Bắc tạo nên thành tích lịch sử của trung đoàn 291 và binh chủng ngày 18 tháng 12 năm 1972.

Các chuyên gia Liên Xô xuống các đại đội đã ca ngợi các báo vụ của chúng ta là những bàn tay vàng mà ở Liên Xô hiếm có.

Về kỹ thuật: Bộ đội radar chiến đấu bằng các khí tài có kỹ thuật hiện đại. Một đơn vị radar có quyết tâm cao, có trình độ khá, mà khí tài hỏng thì cũng phải nghỉ chiến đấu. Chăm lo cho khí tài của đại đội luôn ở trạng thái sẵn sàng chiến đấu, có tham số tốt là một nội dung rất quan trọng của việc xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh toàn diện.

Bộ đội radar hàng ngày phải chấp hành chế độ kiểm tra tham số, phải tuân theo đúng các chế độ bảo quản bảo dưỡng không được qua loa tùy tiện. Khi xảy ra hỏng máy phải tập trung lực lượng sửa chữa. Những trường hợp ở xa cấp trên chưa chi viện kịp thời, nhiều đơn vị đã phát huy dân chủ bàn bạc có khi nảy ra sáng kiến hay, khắc phục tạm thời để đảm bảo chiến đấu như quan hệ với các xưởng máy ở gần nhờ giúp cuốn hộ biến thế bị cháy hoặc nạp hộ ắc quy...

Công tác kỹ thuật cũng phải kết hợp với công tác tư tưởng. Có trường hợp trực ban chiến đấu nhiều quá mệt mỏi nên anh em cũng không tích cực sửa máy để được nghỉ ngơi. Thời kỳ B-52 đánh Hà Nội, Hải Phòng radar phải trực ban chiến đấu liên tục nhưng máy hỏng lại rất ít do anh em có quyết tâm và trách nhiệm cao với Thủ đô với đất nước, không ai muốn đơn vị mình phải ngừng chiến đấu trong lúc này nên tìm mọi cách sửa chữa máy nhanh nhất.

Về đời sống: Đơn vị nào quan tâm đến nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của bộ đội thì đơn vị đó cũng có sức chiến đấu khi các đơn vị đóng quân ở những vùng xa xôi hẻo lánh thường gặp khó khăn về khan hiếm lương thực, thực phẩm. Các đơn vị ở những vùng gần đô thị lại gặp khó khăn, giá cả đắt đỏ.

Bữa ăn của bộ đội thường xuyên nghèo nàn chỉ vài miếng thịt mỡ, vài hạt lạc, bát canh súp, rau cũng ít, cơm thiếu. Đơn vị nào cũng phát động phong trào thi đua tăng gia chăn nuôi, đặt thành tiêu chuẩn lượng rau thịt phải nộp cho nhà bếp.

Trắc thủ đều có tiêu chuẩn bồi dưỡng nhưng nhiều đơn vị không tìm ra đủ thực phẩm đành phải phát tiền cho anh em. Có nơi anh em lại có sáng kiến là dùng tiền đó mua gà nuôi lấy trứng bồi dưỡng. Vai trò trách nhiệm của quản lý, anh nuôi cũng phải được động viên và kiểm tra.

Có đơn vị hội đồng quân nhân cử người đi cùng tiếp phẩm để kiểm tra giá cả chất lượng thực phẩm. Có đơn vị phải thay những đồng chí nuôi quân kém trách nhiệm bằng những đồng chí nhiệt tình, tích cực, hoặc cử người xuống nấu những bữa ăn kiểu mẫu, có chế độ kiểm soát tay ba để bảo đảm đúng định lượng.

Những đơn vị ở vùng đồng bằng và đô thị lại chú trọng đến cải tiến bếp lò để tiết kiệm than củi tăng thêm tiền cho bữa ăn.

Đi đôi với nâng cao dinh dưỡng còn phải chú trọng vệ sinh phòng bệnh chống bệnh sốt rét ở vùng rừng núi và chống các bệnh truyền nhiễm ở các nơi gần đô thị đông người để đảm bảo sức khỏe cho bộ đội đủ quân số chiến đấu.

Đời sống tinh thần của bộ đội trong điều kiện chiến tranh rất nghèo nàn. Cả đại đội chỉ có một chiếc đài bán dẫn. Báo chí không đủ và đến rất chậm. Hàng mấy tháng mới xem phim một lần, các đơn vị phải đặt chế độ hàng ngày, chiến sĩ các đài tập trung về đại đội nghe đọc báo hoặc nghe chính trị viên nghe đài ghi chép lại và thông báo thời sự.

Trên đây là một số nội dung phương pháp chính trong việc xây dựng đơn vị cơ sở mà cấp trung đoàn có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo kiểm tra.

Về phía binh chủng việc xây dựng đơn vị cơ sở thường tập trung vào những việc sau đây:

- Binh chủng mở trường đào tạo trắc thủ các loại và báo vụ để thường xuyên bổ sung cho các đơn vị.

- Chọn lọc những trắc thủ báo vụ giỏi có triển vọng cử đi đào tạo sĩ quan trở thành đội ngũ cán bộ kế tiếp lâu dài cho binh chủng.

- Hàng năm tổ chức những cuộc tập huấn tổng kết kinh nghiệm về các mặt để bồi dưỡng trực tiếp cho cán bộ cơ sở.

- Tổ chức những cuộc họp chuyên đề đã tổng kết kinh nghiệm sâu về từng mặt (chống nhiễu bắt thấp, dẫn đường, chống Sơ-rai...).

Việc phát hiện B-52 trong nhiều khi chúng đánh vào Hà Nội đạt được

thắng lợi là do có hội nghị chuyên đề phổ biến kinh nghiệm phát hiện B-52 của trung đoàn 290 trước đó.

- Có thời kỳ cán bộ chính trị thiếu, trên không có đủ để bổ sung, binh chủng đã mạnh dạn mở lớp bồi dưỡng công tác đảng, công tác chính trị cho một số cán bộ quân sự trắc thủ, báo vụ, thợ có đủ phẩm chất và năng khiếu nhất định rồi bổ nhiệm làm chính trị viên đại đội. Nhiều đồng chí đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và còn phát triển lên các chức vụ cao hơn (đồng chí Ninh Quốc Lập từ đại đội trưởng chuyển sang chính trị viên sau lên đến phó chính ủy trung đoàn).

- Phát động các phong trào thi đua xây dựng Đơn vị quyết thắng, Chiến sĩ quyết thắng, từ đó lựa chọn những đơn vị và chiến sĩ khá nhất đề nghị trên xét phong tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”. Phong trào này đã phát huy nội lực vươn lên của các đơn vị cơ sở.

- Cử các đoàn do một thủ trưởng binh chủng hay thủ trưởng cơ quan binh chủng dẫn đầu đi kiểm tra các đại đội radar. Vấn đề này đã thành nền nếp của binh chủng. Qua các cuộc kiểm tra đã đánh giá đúng hơn tình hình các đơn vị đồng thời trực tiếp bồi dưỡng giúp đỡ giải quyết những khó khăn thực tế của đơn vị.

- Đối với những đơn vị radar có vai trò quan trọng trực tiếp phục vụ cho sở chỉ huy binh chủng và Quân chủng thì tập trung bồi dưỡng giúp đỡ về các mặt nhất là về cán bộ và kỹ thuật như đã làm đối với đại đội 26.

- Đối với đơn vị radar yếu kém lâu ngày binh chủng cùng với trung đoàn cử cán bộ xuống nghiên cứu tìm ra nguyên nhân, giúp đỡ phương pháp phát

động sự nỗ lực của đơn vị tự vươn lên, đồng thời cũng tạo thêm các điều kiện thuận lợi cho đơn vị như bổ sung cán bộ có trình độ có kinh nghiệm, tăng thêm linh kiện phụ tùng tốt để sửa chữa máy nhanh hoặc có khi phải thay đổi trận địa có mặt phản xạ tốt...

Thời kỳ tôi làm phó chính ủy binh chủng được phân công trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng cơ sở tôi đã đi đến hầu hết các đại đội radar, nắm được nhiều tình hình, đã có suy nghĩ nhất định về những kinh nghiệm cần rút ra, nhưng chưa có điều kiện tổng kết. Nay nhiều sự việc đã quên, chỉ có thể ghi lại những điểm chính trên đây để các đồng chí tham khảo.

Hà Nội, 2 tháng 11 năm 2003

CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ CỦA BỘ ĐỘI RADAR

NGUYỄN ĐĂNG TUẤT

Binh chủng Radar làm nhiệm vụ bảo đảm radar cho sự lãnh đạo và chỉ huy của cấp trên, phục vụ cho các lực lượng phòng không của Quân chủng Phòng không - Không quân và các lực lượng phòng không khác đánh thắng máy bay của kẻ địch xâm phạm vùng trời của Tổ quốc Việt Nam.

Được xây dựng và chiến đấu trong thời điểm đất nước còn bị chia cắt, miền Bắc đang làm nhiệm vụ xây dựng trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, và làm nhiệm vụ chi viện chiến đấu, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Đường lối cách mạng sáng suốt do Đảng cộng sản Việt Nam và Bác Hồ chỉ đường dẫn lối, được cấp trên lãnh đạo và chỉ huy chặt chẽ, có sự giúp đỡ đùm

bộ của nhân dân và sự đoàn kết hiệp đồng chiến đấu của các đơn vị bạn, cán bộ và chiến sĩ radar với lòng căm thù địch sâu sắc, với tư tưởng cách mạng tiến công, vươn lên làm chủ khoa học kỹ thuật hiện đại, không sợ hy sinh gian khổ, kiên cường chiến đấu với kẻ thù xâm lược, mưu trí sáng tạo đánh thắng mọi âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt của không quân đế quốc Mỹ, góp phần xứng đáng vào những chiến công của Quân chủng Phòng không - Không quân và quân dân cả nước, bảo vệ vững chắc miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Binh chủng Radar được Đảng và Nhà nước tặng thưởng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang, trong thành tích đó có sự đóng góp của công tác đảng, công tác chính trị của bộ đội radar.

Trong quá trình tiến hành công tác đảng, công tác chính trị đều có ưu, có khuyết. ở đây tôi muốn nói lại những điều mà ta đã làm được, có kết quả để thấy được những cố gắng của chúng ta trong khi thực hiện nhiệm vụ của cán bộ và chiến sĩ radar.

Bộ đội radar muốn tiến hành tốt công tác đảng, công tác chính trị trước hết vẫn phải quán triệt các đường lối, quan điểm về xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng, và sự chỉ đạo của Đảng ủy và cơ quan chính trị cấp trên một cách nghiêm chỉnh và thường xuyên, nhưng trong thực hiện thì mỗi cấp phải biết vận dụng vào tình hình cụ thể của từng đơn vị. Bộ đội radar cũng có những nét chung như các đơn vị khác, đồng thời cũng có những nét riêng về nhiệm vụ, tính chất chiến đấu, trang bị khí tài, điều kiện ăn ở, đóng quân v.v...

Để tiến hành được tốt công tác đảng, công tác chính trị phải biết kết hợp chặt chẽ giữa cái chung và vận dụng kết hợp với đặc điểm tình hình của radar mà có những chủ trương, biện pháp phù hợp một cách sáng tạo.

Trên tinh thần đó, vừa qua công tác đảng, công tác chính trị đã làm tốt được những mặt công tác như sau:

I - VỀ CÔNG TÁC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG:

Chấp hành những nội dung chỉ đạo của trên vận dụng vào radar, Đảng ủy và cơ quan chính trị các cấp đã xoay quanh nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ và tính chất chiến đấu của Binh chủng Radar để xác định nội dung:

- Trước hết phải chăm lo giáo dục ý chí chiến đấu, tư tưởng cách mạng tiến công, làm cho bộ đội nhận rõ kẻ thù là đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thấy rõ âm mưu xâm lược và thủ đoạn tàn ác của chúng. Khơi dậy lòng căm thù đối với kẻ địch.

- Giáo dục nhiệm vụ và quyết tâm cách mạng của Đảng và lời dạy của Hồ Chủ tịch: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Giáo dục nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ miền Bắc, quyết tâm chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- Giáo dục nhiệm vụ của quân đội, của Quân chủng Phòng không - Không quân, nhiệm vụ của bộ đội radar trên cơ sở đó động viên cán bộ, chiến sĩ khắc phục khó khăn, ra sức học tập nắm vững trang bị khí tài, mưu trí sáng tạo, có cách đánh giỏi, không sợ hy sinh gian khổ, không khuất phục trước những âm mưu, thủ đoạn tàn bạo và xảo quyệt của không quân đế quốc Mỹ, thường xuyên cảnh giác không để Tổ quốc bị bất ngờ, phát hiện định từ xa, chính xác, phục vụ cấp trên lãnh đạo, chỉ huy phục vụ các lực lượng hỏa lực đánh địch kịp thời.

Kết quả đó thể hiện trong xây dựng và chiến đấu, bộ đội radar đã nêu cao tinh thần yêu nước trên mọi nơi, mọi lúc. Trong học tập làm chủ khí tài trang bị đã có nhiều tấm gương của cán bộ, chiến sĩ giỏi như trắc thủ Phan Quang Đại đã học thuộc hàng ngàn sóng về của máy radar. Trong chiến đấu, chiến sĩ Phan Sĩ Yên ở đại đội 11, Phạm Xuân Hảo Đại đội 11, Đào Công Trực, Đoàn Xuân Mơ - đại đội 37 bị thương vẫn không rời vị trí, quyết chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. Các chiến sĩ pháo 14,5 ly kiên cường đánh trả máy bay Mỹ đánh vào trận địa đơn vị. Chiến sĩ Trần Vinh Quang - đại đội 14 bị thương nặng vẫn động viên đồng đội cứu khí tài, trước khi tắt thở còn hô to: “Hồ Chủ tịch muôn năm”.

Trắc thủ Vũ Ngọc Diệu bị thương không dời vị trí, vẫn tiếp tục sửa chữa khí tài để chiến đấu, cứu chữa đồng đội bị thương. Các chiến sĩ thông tin, báo vụ, tiêu đồ thợ sửa chữa, lái xe... thành phần nào cũng có những gương dũng cảm ngoan cường lập công xuất sắc. Các đại đội 11, 12, trung đoàn 290, đại đội 19, 25, 45 trung đoàn 291, đại đội 37 trung đoàn 292... là những tập thể nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng có nhiều thành tích phát hiện, thông báo máy bay Mỹ, phục vụ các binh chủng pháo cao xạ, tên lửa và dẫn đường cho không quân ta tiêu diệt máy bay Mỹ. Bản thân đơn vị đã sử dụng súng 14, 5 và súng trường bắn rơi nhiều máy bay của Mỹ, góp phần làm nên truyền thống của bộ đội radar.

II-XÂY DỰNG TỔ CHỨC MẠNH, CON NGƯỜI MẠNH:

Xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ và đặc điểm của bộ đội radar, lãnh đạo chỉ huy đã thường xuyên chăm lo xây dựng các tổ chức Đảng và các tổ chức quần chúng, đơn vị cũng như cơ quan, đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên đến các thành phần chiến đấu alũ chốt vững vàng về chính trị, giỏi về chuyên môn kỹ thuật, có ý thức tổ chức và kỷ luật nghiêm, có đầy đủ sức khỏe bảo

đảm hoàn thành nhiệm vụ.

Về tổ chức Đảng, Đảng ủy, chi bộ thường xuyên chăm lo xây dựng bồi dưỡng các cấp ủy có lập trường chính trị vững vàng, có năng lực hành động giỏi, nắm vững đường lối chính sách, hiểu rõ nhiệm vụ của đơn vị, có tinh thần đoàn kết phát huy trí tuệ tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân phụ trách, chủ động sáng tạo, lãnh đạo đơn vị hoàn thành nhiệm vụ.

Đối với chi bộ thực hiện tốt cuộc vận động “Xây dựng chi bộ bốn tốt”, thường xuyên nêu cao sự lãnh đạo đơn vị hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Đảng viên 4 tốt luôn nêu cao vai trò gương mẫu làm tốt công tác lãnh đạo quần chúng, xây dựng chi bộ vững mạnh thường xuyên phải phấn đấu chi bộ có chi ủy, trung đội có tổ Đảng, máy ràđa và bộ phận nhỏ phải có đảng viên. Chi bộ phải thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng quần chúng và làm tốt công tác phát triển đảng viên mới. Thường xuyên chăm lo xây dựng và lãnh đạo các liên chi đoàn, và chi đoàn bồi dưỡng giáo dục đoàn viên. Xây dựng bồi dưỡng tổ trưởng tổ 3 người làm lực lượng giúp cho chi bộ lãnh đạo quần chúng và bồi dưỡng quần chúng ưu tú để làm tốt công tác phát triển đảng viên mới.

Thường xuyên chăm lo bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp về lập trường quan điểm vững, và năng lực lãnh đạo chỉ huy, tác phong công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Mỗi cán bộ phải quán triệt đường lối cách mạng, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, nhiệm vụ của đơn vị, có tinh thần đoàn kết, có tính tổ chức và kỷ luật, có trách nhiệm cao trong lãnh đạo chỉ huy đơn vị, với tinh thần chủ động sáng tạo, không ỷ lại thụ động, không giấu khuyết điểm, tự do vô kỷ luật.

Về kế hoạch biện pháp: Từ Bộ tư lệnh binh chủng, các trung đoàn đến các đại đội đều phải có kế hoạch sắp xếp dự kiến cán bộ để đào tạo, bồi dưỡng

thay thế trước mắt và lâu dài, trên cơ sở đó có kế hoạch giáo dục cho cán bộ đi dự các lớp đào tạo, học tập của trên và tổ chức phân công bồi dưỡng tại chức như: Cấp trên bồi dưỡng cấp dưới, cấp trưởng bồi dưỡng cấp phó và bản thân mỗi cán bộ phải có kế hoạch tự học, tự rèn luyện, từng thời gian có kiểm điểm rút kinh nghiệm, hàng năm mỗi người phải làm bản tự nhận xét để gửi lên cấp trên. Cuối năm có nhận xét đối với cấp dưới và chỉ rõ mặt mạnh, mặt yếu để giúp cán bộ tiếp tục phấn đấu rèn luyện, thường xuyên phê bình và tự phê bình.

- Từ binh chủng, các trung đoàn đến các đại đội đã thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng trung đoàn mạnh và đơn vị cơ sở mạnh toàn diện. Từng đơn vị đều phải có kế hoạch tự xây dựng theo mẫu hướng dẫn của trên để làm căn cứ phấn đấu. Bộ tư lệnh và các trung đoàn thường xuyên tổ chức đoàn làm nhiệm vụ đi xây dựng cơ sở gồm cán bộ của 4 cơ quan: Chính trị, tham mưu, hậu cần, kỹ thuật giúp lãnh đạo chỉ huy xuống theo dõi, giúp đỡ các đơn vị cơ sở bên dưới thực hiện tốt cuộc vận động. Tập trung giúp xây dựng đơn vị khá để rút ra những kinh nghiệm hay, bổ ích để phổ biến cho toàn đơn vị, thúc đẩy các đơn vị yếu kém vươn lên kịp phong trào chung.

Do các cấp ủy và cán bộ chỉ huy đã làm tốt việc xây dựng tổ chức và con người mạnh nên trong những năm chống Mỹ cứu nước vô cùng gian khổ, khó khăn, ác liệt, lực lượng bộ đội rađa càng đánh càng mạnh, đáp ứng được những yêu cầu chiến đấu và xây dựng binh chủng từ lúc đầu mới có 2 trung đoàn 290, 291 đến hết chiến tranh Binh chủng Rađa đã trở thành một binh chủng gồm có: Bộ tư lệnh binh chủng đủ 4 cơ quan, với 6 trung đoàn và một nhà trường rađa thông tin. Binh chủng còn cung cấp cán bộ sĩ quan và hạ sĩ quan cho sự phát triển lực lượng của Quân chủng.

III-CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ ĐÃ THƯỜNG XUYỀN CHĂM LO CHỈ ĐẠO ĐỐI VỚI CÔNG TÁC HẬU CẦN, KỸ THUẬT:

Bộ đội rađa được trang bị những vũ khí, kỹ thuật khoa học cao, để hoàn thành được nhiệm vụ chiến đấu chống kẻ thù là không quân đế quốc Mỹ, phải kết hợp giữa con người với trang bị khí tài hiện đại, nên phải giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ biết coi trọng việc giữ gìn, yêu quý xe, máy. Có ý thức giữ tốt dùng bền, phải chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ bảo quản, bảo dưỡng, chế độ kiểm tra hiệu chỉnh, bảo đảm các tham số kỹ thuật, không để mất mát hư hỏng do thiếu trách nhiệm. Thực hiện khẩu hiệu “Yêu xe như con, quý xăng như máu”.

Phải coi trọng công tác nuôi quân, phòng bệnh giữ được sức khỏe để chiến đấu hên tục ngày đêm, bền bỉ dẻo dai vượt qua mọi khó khăn gian khổ. Phải chấp hành đúng quy định về dự trữ, dự phòng, kết hợp dựa vào sức dân để đảm bảo hậu cần tại chỗ tốt. Mặt khác phải có kế hoạch động viên cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị tranh thủ thời gian, tận dụng đất đai nơi đóng quân để tăng gia sản xuất, cải thiện bữa ăn cho bộ đội. Ngăn ngừa các biểu hiện tham ô, lãng phí...

IV - COI TRỌNG VÀ LÀM TỐT CÔNG TÁC DÂN VẬN, BẢO ĐẢM ĐOÀN KẾT QUÂN DÂN:

Thường xuyên giáo dục bộ đội giữ nghiêm kỷ luật quần chúng, thực hiện đi dân nhớ, ở dân thương. Giữ tốt mối quan hệ với cấp ủy, chính quyền địa phương nơi đóng quân. Các đơn vị đã xây dựng thành nền nếp, khi đơn vị đến đâu đều chủ động đến báo cáo với cấp ủy và ủy ban địa phương nơi đóng quân và có kế hoạch hợp đồng chiến đấu và các mặt quan hệ khác giữa đơn vị và địa phương, tạo điều kiện trao đổi giúp đỡ nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ: Bộ đội giúp địa phương công tác tuyên truyền đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cho nhân dân, kết nghĩa với chi đoàn, giúp đỡ học tập quân sự cho dân quân tự vệ...

Do làm tốt công tác dân vận nên đã được nhân dân giữ bí mật trận địa cho bộ đội. Có lần bộ đội cơ động gặp khó khăn: Đẩy xe, kéo máy, lấy lá ngụy trang trận địa, giúp đơn vị xây đắp công sự... Đã có rất nhiều hình ảnh đẹp giữa bộ đội với dân, như hình ảnh anh chiến sĩ radar đã lấy thân mình che bom đạn địch cho em bé. Giúp đỡ dân khi gặp khó khăn.

Địch vừa hết đánh phá vào trận địa đại đội 11, đồng chí Bí thư Đảng khu

Vĩnh Linh đã đưa xe cứu thương vào giúp đơn vị giải quyết thương binh. Nhân dân địa phương và dân quân vào lo chôn cất liệt sĩ và giải quyết ăn, ở cho bộ đội. Đại đội 13 hành quân xe máy hỏng, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Hà Tĩnh đã giao cho xí nghiệp xe của tỉnh đưa thợ và phụ tùng vào giúp đơn vị có xe tốt để hành quân kịp thời.

Bộ đội radar ở đâu cũng được cấp ủy, chính quyền và nhân dân thương yêu đùm bọc, giúp đỡ hết lòng để đơn vị hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu. Đồng chí Bí thư Huyện ủy Quảng Xương - Thanh Hóa đã phát biểu rất đáng ghi nhớ: “Mỗi lần tôi qua cổng doanh trại Đại đội 19 mà không vào thăm đơn vị tôi thấy chưa yên tâm”. Điều đó nói lên sự quan tâm của Đảng bộ địa phương đối với bộ đội radar thật thăm thiết.

Trong chống Mỹ cứu nước, bộ đội radar là một binh chủng trẻ tuổi, công tác Đảng, công tác chính trị còn ít kinh nghiệm, nhưng nhờ có tinh thần học hỏi vươn lên, lại được sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên, cán bộ, đảng viên và toàn thể chiến sĩ bộ đội radar đã quán triệt vận dụng một cách sáng tạo công tác Đảng, công tác chính trị, làm được nhiều việc có kết quả, đóng góp vào sự trưởng thành và chiến thắng của Binh chủng, để lại những kinh nghiệm quý báu cho cán bộ và chiến sĩ của Binh chủng Radar anh hùng.

Hà Nội, tháng 10 năm 2003

QUÝT MIỀN ĐỒI

ĐÔ NGHỊ

Sau tết năm ấy, chúng tôi tổ chức đi tham quan công trình thủy điện Hòa Bình. Xe của đoàn ghé cửa chợ thị xã nghỉ, vui chân tôi dạo đến dãy hàng quýt, nâng một rọ đồ ăn rồi nói băng quơ:

- Quýt miền Đồi?

- Bác cũng ở miền Đồi à?

Câu hỏi lại niềm nở làm tôi sửng sốt. Tôi nhìn chủ hàng quýt. Một thiếu nữ Mường khuôn mặt đầy đặn, răng hơi to, đôi mắt sáng. Dáng vóc đó làm tôi bất giác nghĩ đến một người quen đã lâu:

- Ún là con mẹ Nhiên phải không?

- Vâng ạ! Đúng là bác Nghị bộ đội rađa rồi.

Nghe cô gái reo lên, lúc đầu tôi ngạc nhiên nhưng sau cuộc trò chuyện ngắn ngủi giữa hai bác cháu tôi hiểu ra: “Mấy chục năm qua bà con miền Đồi vẫn nhớ bộ đội rađa, và riêng tôi đã để lại một niềm thương nhớ đối với một cô gái Mường - cô Nhiên”.

Cuối năm 1969, tôi là trợ lý rađa Trung đoàn 292 được cử xuống Đại đội 34 để chỉ đạo tháo hai máy: 513K và II12 đưa lên đỉnh Hăng Le thuộc xã Miền Đồi, huyện Tân Lạc - Hòa Bình. Tôi ở cùng cán bộ đại đội đóng tại nhà cô Nhiên ngay dưới chân núi.

Việc của tôi hồi ấy là giúp đại đội thiết kế hai thùng đựng máy và hai bộ

giá đỡ ăngten và hướng dẫn thợ mộc đóng, nhưng việc chính là phải tổ chức hướng dẫn tháo hai bộ máy đưa lên núi cao và cùng thợ sửa chữa, điều chỉnh, hoàn thiện cho đúng với tính năng ban đầu.

Bình chủng Rađa chưa tháo rời máy đưa lên núi cao bao giờ nên chưa có kinh nghiệm. Về phần tôi, khi ở Học viện kỹ thuật Quân sự chỉ được học sơ qua rađa điều khiển pháo COH-9A nhưng về Trung đoàn 292 thì toàn rađa cảnh giới và dẫn đường. Tôi chưa kịp làm một công việc cụ thể nào về kỹ thuật, cũng chưa kịp tìm hiểu các loại máy thì đã được cử đi tháo máy cho Đại đội 34, công việc quá khó, tôi rất lo.

Thời kỳ đầu ở Đại đội 34, trong lúc anh em đi làm đường, làm trận địa cùng dân công, tôi phải tranh thủ nghiên cứu sơ đồ khối, sơ đồ lắp ráp và cấu tạo của hai bộ máy rađa và cả hai loại máy nổ AD-5, AD-10 nữa để lập kế hoạch tháo, lắp, vận chuyển. Ngoài ra còn phải nghiên cứu tính năng kỹ thuật, sơ đồ nguyên lý mạch điện từng hệ thống. Nói chung là phải gấp gáp học nhiều thứ để làm việc được. Do đặc điểm công việc như thế nên hàng ngày hầu như chỉ có mình tôi ở nhà cô Nhiên và cũng vì vậy tôi được gia đình quen biết hơn những anh em khác.

Một buổi sáng tôi đang ngồi mài mê làm việc ở gần bếp lửa nhà sàn thì cô Nhiên lại bên tôi, lần cạp vấy hoa Mường lấy ra hai quả quýt to, đưa cho tôi:

- Ăn đi!

Tôi chưa kịp cảm ơn thì Nhiên đặt trước mặt tôi một chai rượu trắng:

- Anh Nghị uống đi!

Lòng vui vui, tôi hỏi:

- Ún chiêu đãi anh à? Mà quýt em mua ở đâu ngon thế?

- Ở trên núi gần chỗ bộ đội đang làm nhà nhiều lắm, hôm nào em dẫn anh đi hái nhé, thích không! Thích chứ!

Mặt Nhiên đỏ bừng, đôi mắt to lúng liếng.

Sau hơn hai tháng làm đường, làm trận địa, doanh trại, công việc chuẩn bị tạm ổn, ngày 5 tháng 1 năm 1970 tiến hành tháo máy. Lực lượng kỹ thuật trung đoàn có tôi và ba đồng chí thợ, gồm anh Áp, anh Mừng - thợ radar, anh Bửu - thợ máy nổ. Phòng kỹ thuật binh chủng tăng cường cho anh Thêm - thợ radar, anh Bào - thợ lý máy nổ và anh Tư thợ II12. Từ chiều hôm trước tất cả xe máy đã tập kết sát chân dốc ngay cạnh Ủy ban nhân dân xã. Theo kế hoạch, tháo 513K đưa đi trước xong mới tháo II12 để khởi nhả lần giữa hai máy. Đối với máy nổ cũng vậy, tháo AD-5 trước, tháo AD-10 sau.

Đại đội 34 mới thành lập, cán bộ ít, lính biên chế chưa đủ nên phải huy động dân công ở xã Miền Đồi khiêng vác máy. Sáng hôm ấy không mưa nhưng trời đầy sương, đường lên núi dốc và trơn vô cùng. Để đảm bảo an toàn, ngoài công tác tư tưởng, động viên chính trị tôi và đồng chí Năng - đại đội trưởng lập một bảng danh sách giao cho những ai vác khối máy nào phải ký nhận, vì thế nâng cao được trách nhiệm của từng người. Ngoài ra còn phát cho mỗi người một chiếc gậy “Trường Sơn” để chống trơn.

Phương châm là tháo đến đâu đưa luôn đi đến đó. Những khối dễ tháo, nhẹ vừa một người vác tháo trước, các bộ phận nặng dỡ sau, phân công bộ đội và dân công khiêng kèm. Tôi phải ở lại để kiểm tra nên đi sau cùng. Nhìn đoàn người vác máy rong rã trên triền núi cao tôi cảm thấy rất yên tâm.

Vượt dốc, đến đại đội bộ nằm giữa đoạn đường từ chân núi đến đỉnh Hăng le thì nghỉ giải lao. Bộ đội mời anh chị em dân công ăn lương khô, thanh niên bản do Nhiên dẫn đầu tranh thủ xuống bìa rừng gần đó hái quýt về mời bộ đội. Bữa liên hoan đơn giản nhưng vui lắm. Trai gái ném cho nhau những quả quýt dỏ xanh, dỏ đỏ cười vang một vùng đồi.

Trước lúc đi tiếp, anh Quế chính trị viên phó nhắc bảo an toàn tuyệt đối, và nhấn mạnh: “Nếu ai làm rơi máy, bị hỏng coi như mắc tội phá hoại vũ khí”. Hội lính trẻ cười ồ, xem đó là câu nói hài hước, động viên.

Gần đến trận địa thì nhóm khiêng khối giảm tốc Π12 bị ngã, đồng chí xã đội trưởng nhào người lấy vai đỡ. Còn Nhiên trong nhóm đó bị lăn, váy vướng vào đỉnh ốc kéo lên gần hết đùi. Chân Nhiên bị rách, máu chảy ướt cả vỏ máy, trong khi y tá chưa đến kịp tôi dùng vải bảo quản sạch buộc chặt vết thương cho cô Nhiên rồi cùng mọi người nâng khối giảm tốc. Xã đội trưởng gượng đứng dậy, may không bị thương, còn Nhiên vẫn tiếp tục khiêng máy được. Vậy là khối máy bị rơi vẫn an toàn.

Khoảng quá trưa thì tất cả các bộ phận đưa đầy đủ những khối máy được phân công lên đến đỉnh Hăng le. Công việc tháo máy và vận chuyển coi như xong. Tôi thở phào, nói với anh Quế cảm ơn bà con khiêng máy.

Đội ngũ kỹ thuật tập trung bảo quản, lắp ráp xong gọn trong ngày, nhưng để máy chiến đấu được phải mất hơn một tuần sau, vì trong quá trình tháo, lắp, khiêng vác các vị trí bị sai lệch nên tham số không ổn định.

Sau đợt tháo máy đó, tôi còn trở lại Đại đội 34 nhiều lần nữa. Khi thì cùng thợ sửa chữa, khi thì chỉ đạo đơn vị chống ẩm. Đặc biệt là cái quạt gầm của 513K làm tốn công sức chúng tôi khá nhiều. Do trên đỉnh núi xung quanh là rừng, tiết trời sang xuân mưa phùn liên tục, độ ẩm cao làm quạt gầm của radar 513K cháy nhiều, khắc phục bằng mọi cách vẫn không được. Cuối cùng đành phải đóng một cái hộp gỗ hai lớp, giữa nệm chặt hạt chống ẩm, khi mở máy chiến đấu thì tháo ra để quạt mát cho các hệ thống phát và nguồn, khi máy nghỉ thì đóng kín. Sau này cái hộp gỗ ấy được đưa về triển lãm sáng kiến cải tiến kỹ thuật ở Quân chủng, các anh em trong phòng kỹ thuật vẫn nói đùa: “Cái hộp bẫy chuột”. Cách chống ẩm cho quạt gầm bằng “Cái bẫy chuột” chỉ là phương pháp tình thế, nhưng đã giúp cho quạt gầm không cháy nữa.

Lần cuối tôi đến Đại đội 34 là ba mươi tết năm đó. Sáng sớm, từ sở chỉ huy trung đoàn đóng ở Mai Lịch, Mai Châu trực ban kỹ thuật điện về, báo: “Cả hai máy của Đại đội 34 bị hỏng”. Đồng chí Trực - chủ nhiệm kỹ thuật cử ngay một đoàn gồm tôi, anh Lê Trọng Bích, trạm trưởng sửa chữa và hai thợ lên xe KPA3-1II đi ngay.

Chúng tôi dự định sẽ cùng ăn tết với Đại đội 34 nên khi cắt cơm đã mang theo bánh chưng và tiêu chuẩn hàng Tết mới được phân phối.

Xe khởi hành lúc 7 giờ kém, xuống đến Miền Đồi đúng trưa. Đến đoạn gần nhà cô Nhiên do mưa đường trơn, xe bị trôi tụt xuống vệ đường. Chúng tôi đang loay hoay tìm cách kéo xe lên thì bà con Miền Đồi ùa ra chật kín dốc. Đồng chí chủ tịch xã báo động triệu tập dân quân đến, mỗi người một tay xúm vào đưa được xe lên ngay.

Cô Nhiên sẵn đón mời chúng tôi vào nhà ăn Tết. Anh Bích chỉ lái xe Phú, nói vui:

- Nhờ bà con trông hộ lái xe bao giờ xong việc chúng tôi xuống vui xuân cùng bà con!

Thấy việc quân sự là “hỏa tốc” nên bà con đồng ý để chúng tôi lên núi. Hôm đó đại hàn rét lắm nhưng lên đến đỉnh núi áo mọi người cũng ướt đầm mồ hôi. Anh Bích và Hanh, thợ II10 vào chữa máy 513K, còn tôi và Bằng vào chữa II12. Do khi vận chuyển bị va chạm nên chân đèn trộn tần máy thu II12 bị long, lấy đèn mới thay, máy tốt hơn trước nhiều. 513K chữa lâu hơn, phải dò sơ đồ nguyên lý dùng đồng hồ ABO-5M đo mới phát hiện thấy thùng tụ lọc nguồn hiện sóng nhìn vòng. Sửa chữa xong, hiệu chỉnh toàn bộ máy cho các tham số thật tốt, chúng tôi chúc tết anh em ở hai trung đội 513K và II12, tặng anh em 5 chiếc bánh chưng và một số quà tết mang theo rồi chia tay.

Xuống núi, tôi thấy băng khuâng: “Thế là trên đỉnh Hằng le cao tít, quanh năm mây mù bao phủ ấy chỉ còn lại hơn chục lính radar ăn Tết”.

Về đến nhà Nhiên khoảng 4 giờ chiều, khắp nhà sàn thịt, lòng lợn luộc thái to bày la liệt trên các tàu lá chuối non. Bà con niềm nở rót rượu mời chúng tôi. Từ sáng chưa kịp ăn cơm, đoàn chúng tôi ai cũng đói lả nên bữa cỗ Mừng hôm đó thật ngon.

Khi ra về, bà con tặng bao nhiêu là thịt, rượu. Riêng Nhiên đưa cho tôi hai sọt quýt to, bịn rịn nói:

- Bao giờ các anh quay lại Miền Đồi?

Cầm tay Nhiên, tôi an ủi:

- Sẽ có ngày!

Phú cầm xong cành đào vào đầu xe, chúng tôi và bà con Miền Đồi vẫy tay tạm biệt trong tình thương yêu như những người thân trong gia đình.

Từ đó đến nay tôi không giữ được lời hứa với Nhiên, chẳng có dịp quay lại Miền Đồi.

Trên đường đi tiếp đến Nhà máy thủy điện Hòa Bình, tôi miên man nghĩ về những ngày tháo máy ở Đại đội 34, nghĩ về bà con Miền Đồi và những quả quệt chín mọng mà Nhiên tặng bộ đội radar. Chính những thứ đó đã góp một phần nhỏ vào thành tích của bộ đội radar, trong đó có chiến thắng điện Biên Phủ trên không lịch sử tháng Chạp 1972 và bao nhiêu chiến thắng khác.

Tháng 10 năm 2003

MẤY SUY NGHĨ VỀ BẢO ĐẢM HẬU CẦN,

KỸ THUẬT CỦA BỘ ĐỘI RAĐA

TRẦN LIÊN

Đội hình bố trí của bộ đội radar rất phân tán, rộng khắp trên mọi miền của đất nước, cả ở biên giới, hải đảo đồng bằng, trung du và rừng núi.

Trong cuộc chiến tranh vừa qua, đường sá giao thông chưa phát triển, nhất là ở vùng rừng núi biên giới, tiếp tế vận chuyển khó khăn, lại ở vùng khí hậu nhiệt đới, nóng nắng, mưa bão nhiều, độ ẩm cao trên 80% nên khí tài điện tử rất dễ hư hỏng.

Công tác bảo đảm kỹ thuật, hậu cần cho bộ đội radar, một binh chủng kỹ thuật điện tử phải phát sóng chiến đấu liên tục ngày đêm, cả bốn mùa, trong mọi điều kiện thời tiết rất khó khăn phức tạp.

Công tác bảo đảm không chỉ đơn thuần cung cấp lương thực, thực phẩm, quân trang quân dụng, nhà cửa, ăn ở mà còn phải bảo đảm một lượng dự trữ nhiên liệu, xăng dầu lớn cho hoạt động liên tục của khí tài.

Ở vùng rừng núi biên giới các trạm radar thường bố trí trên cao, xa dân, vùng hải đảo thường xuyên bị sóng gió nước mặn làm han rỉ khí tài. Ở các khu vực này nước ngọt và thức ăn tươi sống cho sinh hoạt càng khó khăn. Mùa mưa bão trên đất liền thì đường sá hư hỏng sạt lở ngoài biển thì gió to sóng lớn việc vận chuyển tiếp tế dễ bị đứt đoạn.

Thời kỳ đầu mới triển khai (1959) với một hai trung đoàn, với hơn mười trạm radar quanh Hà Nội và vùng phụ cận, việc bảo đảm hậu cần, kỹ thuật đều do Cục Hậu cần Quân chủng Phòng không đảm nhiệm. Lúc này Quân chủng

cũng chỉ mới có bộ đội pháo cao xạ và radar số lượng còn ít. Từ năm 1963 sau khi sát nhập Cục Không quân về thành Quân chủng Phòng không - Không quân, vừa phải gấp rút xây dựng thêm lực lượng, vừa triển khai chiến đấu như bộ đội tên lửa, không quân; số lượng trung đoàn của binh chủng trong Quân chủng ngày càng lớn, việc lãnh đạo, chỉ huy, xây dựng cũng như bảo đảm hậu cần, kỹ thuật trực tiếp từ Quân chủng đến từng trung đoàn lại càng khó bảo đảm.

Đầu năm 1967 Bộ Quốc phòng quyết định thành lập các Bộ tư lệnh các binh chủng Tên lửa, Không quân và Radar trực thuộc Bộ tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân để từng binh chủng chuyên sâu tổ chức xây dựng, chỉ huy, lãnh đạo bảo đảm mọi mặt của binh chủng mình cho phù hợp. Bộ đội radar được trang bị thêm khí tài cho các trạm (mỗi trạm có từ 2 đến 4 đài) đội hình được mở rộng trường cảnh giới cả miền Bắc, nhất là ở tuyến trước. Việc bảo đảm chỉ huy, lãnh đạo cũng như bảo đảm hậu cần, kỹ thuật trở nên rất khó khăn phức tạp.

Sau tháng 4 năm 1975 khi đất nước đã thống nhất, bộ đội radar có lúc đã lên tới 6 trung đoàn với 40 đến 50 trạm, với hàng trăm đài các loại bố trí khắp cả nước và cả trên đất bạn Lào và Campuchia. Việc bảo đảm hậu cần, kỹ thuật phải chuyển sang phương thức hậu cần tại chỗ dựa vào sự giúp đỡ của các quân khu, mặt trận đối với các trạm radar trong đất liền, và của các vùng hải quân đối với các trạm radar hải đảo. Công tác bảo đảm hậu cần tại chỗ này bao gồm cả cung cấp lương thực, thực phẩm, quân trang quân dụng, thuốc men y tế, xăng dầu nhiên liệu với lượng dự trữ 3 đến 6 tháng tại các trạm radar, tùy theo mùa và tình hình giao thông vận chuyển từng khu vực. Việc làm công sự, ngụy trang cơ động, cấp cứu thương bệnh binh, chôn cất tử sĩ phải liên hệ với các đơn vị dân quân địa phương, trạm cứu thương gần nhất giúp đỡ giải quyết mới kịp thời thực hiện được. Binh chủng Radar phải lập kế hoạch dự trù chi tiết, thông qua hậu cần Quân chủng đề nghị lên Tổng cục Hậu cần Bộ Quốc phòng phân cấp cho hậu cần các quân khu, mặt trận, vùng hải quân hàng năm bảo đảm.

Về bảo đảm kỹ thuật những sửa chữa đột xuất cơ khí nhỏ (động cơ, xe cộ...) nhờ vào các trạm xưởng cơ khí tại chỗ của các xí nghiệp trong và ngoài quân đội, nông trường, các đơn vị của quân khu còn phần điện khí thì bộ đội radar phải đảm nhiệm. Biên chế cho các trạm có thợ radar, trung đoàn và binh chủng có trạm sửa chữa và trang bị theo đài một số lớn phụ tùng dự trữ cần thiết để trạm có thể tự sửa chữa nhỏ. Trạm sửa chữa của trung đoàn và binh chủng có kế hoạch luân lưu để bảo dưỡng khí tài tại chỗ ở các trạm theo định kỳ và cử thợ đi sâu sửa chữa cấp tốc đối với khí tài hỏng đột xuất. Công tác trung đại tu radar theo định kỳ sẽ đưa về các xưởng sửa chữa của Quân chủng và của Bộ Quốc phòng (Z119 ở phía Bắc và A29 ở phía Nam). Phương thức bảo đảm hậu cần, kỹ thuật trên đã được thực hiện suốt cuộc chiến tranh ở miền Bắc cũng như sau này đất nước đã được giải phóng hoàn toàn trong hòa bình.

Ngày nay với đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, Tổ quốc đang ngày càng tiến lên công nghiệp hóa và hiện đại hóa, giao thông phát triển, nhiều khu vực công nghiệp mọc lên ở mọi miền thì việc bảo đảm hậu cần, kỹ thuật tại chỗ cho bộ đội radar có nhiều thuận lợi hơn.

Với những kinh nghiệm đã có việc bảo đảm hậu cần, kỹ thuật cho radar và các binh chủng kỹ thuật ngày nay sẽ được giải quyết tại chỗ do hậu cần, kỹ thuật các Bộ tư lệnh khu vực chiến lược trong đó có tổ chức các Bộ tư lệnh Phòng không - Không quân khu vực đảm nhiệm.

KỶ NIỆM THÁNG BA

ĐÔ NGHỊ

Tháng bay về với trung đoàn,

Nắng hong, ban nở đại ngàn trắng hoa.

Chập chờn đỉnh núi mờ xa
Lẩn trong mây cánh radar nép rừng.
Gặp nhau tay bắt mặt mừng
Dưới lòng hanh lạnh canh chừng tin đưa.
Ngắm về thửa ấy ngày xưa
Oĩ đoàn Tô Hiệu ta chưa quên mình.
Lát già, nửa rậm Chiềng Sinh
Chờ che ta đậm nghĩa tình rẻo cao.
Tháng ba: Bọ chó - gió Lào
Miền Tây Bắc nhớ nôn nao một thời.
Rừng sâu nắng rát, mưa rơi
Cùng radar giữ bầu trời bao la
Yêu người Hát Lót, Tà Sa
Mộc Châu, Phố Vãng nuôi ta đi về.
Hội xuân qua bản Chiềng Ve
Được em dắt lối đi nghe khèn chiều
Mắt cười trao tặng khăn piêu
Rượu cần uống ít ngắm nhiều mà say.
Nhịp xòe tay ấm trong tay
Vung văng ngây ngất men cay rượu nồng.

Tháng ba với lính phòng không

Là radar khuấy nổi lòng xa xăm.

Tháng 3 năm 2002

Ghi chú: Suốt thời kỳ chiến tranh chống Mỹ và bảo vệ biên giới, đoàn radar Tô Hiệu chiến đấu trên vùng trời Tây Bắc Tổ quốc. Những ngày gian khổ mà oanh liệt ấy đã để lại trong tôi bao kỷ niệm khó quên.

RAĐA TRONG 12 NGÀY ĐÊM ĐÁNH B-52

HỮU HÙNG

Hiệp định Pa-ri vừa dự thảo xong

Kit-xinh-giơ lại giờ lắm mưu gian

Miệng vừa nói hòa bình đang gần tới

Đã vội bay về Mỹ chuẩn bị bom

Quân chúng chỉ thị phải cảnh giác

Hiệp định Pa-ri không ký được

Chúng sẽ dùng đèn “át chủ bài”

Đánh vào Thủ đô gây áp lực

Nếu B-52 mò ra gây tội ác

Dù cho nhiều có nặng nề dày đặc

Phải bắn rơi trên cửa ngõ Thủ đô

Bắt giặc lái không cho chúng nó thoát
Rada phải phát hiện thông báo xa
Không để các đơn vị bị bất ngờ
Với Quân chúng đây là một thời cơ
Lập công lớn góp phần xoay cục diện
Tư lệnh rada sục sôi phấn chấn
Hối hả ngược xuôi tranh thủ thời gian
Những kinh nghiệm 290 phổ biến đầu tiên
Rồi tập huấn quy trình thao tác mới
Trường rada được đem ra xem lại
Bố trí sao cho phát hiện thật xa
Tận dụng các đài dẫn đường cho máy bay ta
Làm cánh sóng lướt sườn khi quân thù bay tới
Các trắc thủ đắm mình trong buồng tối
Một cuộc đấu tranh thử chí độ tài
Con mắt căng ra nhức nhối đêm ngày
Mùa đông rồi mà hai vai ướt đẫm
Cơn buồn ngủ không sao cưỡng được
Chớp một giây thôi khi đường quét vẫn xoay
Trong không gian đã có cái gì đây?

Ôi! rađa vẫn tội nhiều mà công ít.

VIẾNG BẠN

NGUYỄN ĐẮC TẤN

Nắm cái rét tháng giêng - gọi ta về cỗi nhớ
Trong giấc ngủ mơ màng nghe nhịp tàu đang thở
Đưa ta về đâu như bay khắp không gian
Đất nước - mùa xuân dệt cánh én rộn ràng
Đồng chiêm trũng đang còn vụ cấy
Yên Lợi đây rồi - nhớ thương biết mấy
Nơi bạn ta đang yên giấc ngàn thu
Cuộc đời người như áng phù du
Mới còn đó - bây giờ trở thành thiên cổ
Bao kỷ niệm khó quên những ngày bom rơi, đạn nổ
Sống chết bên nhau cùng chia nửa chiến hào
Tình cảm anh em lúc gọi mày tao
Khi cáu giận nâng lên tầm đồng chí
Ý hợp tâm đầu cùng chung dòng suy nghĩ
Cuộc sông tuy nghèo nhưng tình cảm bao la
Xe áo nhường cơm, giao cả cửa nhà

Để con bạn ở, những ngày xa quê đi học
Gợi kỷ niệm khó quên nói bằng nước mắt
Trước mặt ta rồi - giữa cánh đồng lộng gió quạnh hiu
Năm mộ cỏ xanh đắp nằng nhẹ trời chiều
Tấm bia đá khắc tên nguội đã khuất
Chú Hiếu, chú Sơn nhìn ta lau nước mắt.
Dưới tuổi vàng Thiêm, Kỷ có hay?
Nén hương trầm tỏa khói bay bay
Trời khép nắng ta xin chào vĩnh biệt
Ông bà cụ ôm ta - vuốt ve thân thiết
Nhắc chuyện xưa, cách mấy chục năm trước anh về
Làng Bình Điền nghèo lắm một vùng quê
Nay anh trở lại có phần đổi mới
Lá xanh rụng - lá vàng đang đợi.
Tuổi xấp xỉ chín mươi như trẻ lại một phần
Bữa cơm nghèo nhưng đượm hương vị ngày xuân
Cũng bò húc, rượu ngâm, thịt gà, thịt lợn
Anh thợ ảnh người nhà cuối xóm
Đem máy hình ghi cuộc hội ngộ hôm nay
Ngày hết rồi phải đến lúc chia tay

Hai cụ đứng bên hiên mắt nhìn theo bịn rịn
Chú Hiếu đánh xe dẫn đường đưa tiễn
Tôi ngoảnh nhìn về ngôi mộ phía trời xa
Tôi ra về trong nỗi thương nhớ thiết tha!

Yên Lợi 26 tháng giêng Ất Dậu 2005

NIỀM TỰ HÀO CỦA NGƯỜI LÍNH RAĐA TÂM TRINH

Là người lính phòng không của đất nước
Canh biển trời cho cuộc sông bình yên,
Không lơ là phải cảnh giác thường xuyên
Để sớm biết khi trên trời có giặc!
Anh có mặt trên Trường Sơn núi khuất
Tận Trường Sa, tận Phú Quốc xa xôi
Từ Đồng Văn đến đất mũi vẳng người
Giữa làng mạc ấm tình dân thân thuộc!
Anh đứng gác cả bốn mùa thời tiết
Không tính ngày chẳng giờ giấc tháng năm
Giữa gió sương, mặc bão táp mưa giông

Đông lạnh buốt với nắng hè khắc nghiệt!

Nơi anh ở là núi cao chót vót

Máy anh dùng, anh tháo gọn gửi lên

Từng giọt xăng, anh phải tính ngày đêm

Để bảo đảm cho từng giờ máy trực!

Cuộc chống Mỹ đã bao năm canh thức

Bao nhiêu ngày đấu trí lực ngày đêm

Đầy hy sinh, không giây lát sồn gan

Bom nổ cạnh, dây trời vẫn phát sóng!

Đã bao đợt, địch đánh vào máy hồng

Có lệnh trên cơ động phải dời ngay

Anh đặt luôn dây trời giả vào thay

Máy bay địch đã mắc lừa tưởng thật!

Càng thất bại, giặc Mỹ càng xảo quyệt

Tìm đủ trò làm tê liệt radar

Nào Sơ-rai, nào nhiễu chặn từ xa

Nào bay thấp nào bay cao hiểm hóc!

Vỏ quít dày đã có móng tay sắc

Có bay vào mà chẳng thấy chúng ra

Lửa phòng không kết hợp lưới radar

Tiêu diệt gọn không tên nào để thoát!
Giờ Tổ quốc đã hòa bình độc lập
Càng tự hào với sứ mệnh canh trời
Để con thơ ngon giấc ngủ trong nôi
Để đôi lứa xuân lại về hạnh phúc!
Và đất nước ngày dựng xây vững chắc
Hãy luôn luôn cảnh giác với kẻ thù
Cùng nhân dân nhạy cảm mọi mưu mô
Khi kẻ địch lại giở trò khiêu khích!
Binh chủng bốn lăm năm ngày thành lập
Tự hào thay một binh chủng anh hùng
Hãy vươn lên, trọn đời vì Tổ quốc
Giữ bầu trời nguyện mãi thức mãi canh!

HẾT